CHƯƠNG THÂU

Đông Kinh Nghĩa Thục

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG THÂU

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC
VÀ
PHONG TRÀO CẢI CÁCH VĂN HÓA ĐẦU THẾ KỶ XX

VN 023333

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
1982

https://tieulun.hopto.org

LƯƠNG VĂN CAN

https://tieulun.hopto.org

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC
VÀ
PHONG TRÀO CẢI CÁCH VĂN HÓA ĐẦU THẾ KỶ XX

https://tieulun.hopto.org

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Nghĩa Thục đứng đầu dậy dỗ,
Khắp ba mươi sáu phố Hà thành.
Gái trai nô nức học hành,
Giáo sư tám lớp, học sinh non ngàn.

(Ca dao)

Đông Kinh Nghĩa Thục xuất hiện ở Hà Nội từ tháng 3-1907 đến tháng 12-1907 dưới hình thức một trường học hợp pháp và mở rộng hoạt động ra các tỉnh xung quanh trên các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, xã hội, kinh tế,... như một phong trào cải cách tư tưởng văn hóa, góp phần quan trọng vào công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Tuy chỉ tồn tại được 9 tháng, Đông Kinh Nghĩa Thục đã xốc lên một phong trào yêu nước mạnh mẽ ở Bắc Kỳ mà trung tâm là Hà Nội. Hoạt động công khai và nổi bật nhất của Đông Kinh Nghĩa Thục là về mặt văn hóa và tiếng vang của nó lan rộng khắp cả nước. Do đó, Đông Kinh Nghĩa Thục cũng đi vào lịch sử dân tộc với tư cách là một trong những phong trào dân tộc dân chủ đầu tiên trong thời đại mới, hướng tới việc giải phóng dân tộc, trước hết bằng những hoạt động có tính chất cải cách dân chủ, đổi mới tư tưởng, kết hợp với những biện pháp thực hiện cụ thể về giáo dục, xã hội, kinh tế v.v..., đồng thời gắn liền với xu hướng bạo

https://tieulun.hopto.org

động cách mạng của Phan Bội Châu, ngọn cờ trung tâm tập hợp và chi phối các phong trào yêu nước lúc bấy giờ.

Do những đặc điểm, tính chất, những nét độc đáo riêng của phong trào, Đông Kinh Nghĩa Thục đã được nhiều nhà nghiên cứu khoa học trong các giới văn học, sử học, tư tưởng quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu và cũng đã có nhiều công trình được công bố.

Từ dưới thời thuộc Pháp, năm 1938 Đào Trinh Nhất đã cho xuất bản cuốn *Đông Kinh Nghĩa Thục* đầu tiên (1). Ở miền Nam, dưới thời tạm chiếm của Mỹ ngụy, năm 1956 Nguyễn Hiến Lê cũng đã biên soạn một cuốn *Đông Kinh Nghĩa Thục* và tính đến năm 1974 đã in lại đến lần thứ ba (2).

Nhìn chung dãy mới chỉ là những tập sách nhằm giới thiệu những sự kiện, sử liệu còn tản mạn và như chính Nguyễn Hiến Lê đã viết: «Cuốn sách nhỏ độc giả đang đọc dây không phải là một cuốn sử, nó chỉ chứa những tài liệu về sử thôi...» (3).

Vấn đề Đông Kinh Nghĩa Thục đặc biệt được các nhà nghiên cứu ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa quan tâm nhiều hơn. Từ năm 1954 trở đi, trên các báo chí, các sách giáo khoa, giáo trình trung học và đại học, trong các sách chuyên khảo, chuyên đề nghiên cứu về văn học, sử học, triết học, các tác giả đã đề cập nhiều vấn đề hết sức đa dạng xung quanh Đông Kinh Nghĩa Thục. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* của Viện Sử học đã mở

---

(1) Đào Trinh Nhất *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nhà xuất bản Mai Lĩnh Hà Nội. 1938.

(2) Nguyễn Hiến Lê: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Tác giả xuất bản tại Sài Gòn năm 1956. Nhà xuất bản Lá Bối. Sài Gòn xuất bản lần thứ hai năm 1968, lần thứ ba, 1974.

(3) Nguyễn Hiến Lê: Sđd. Tr 13.

https://tieulun.hopto.org

một cuộc thảo luận kéo dài hàng năm để giải quyết một số vấn đề quan trọng như: mục đích, tính chất, thực chất và xu hướng của Đông Kinh Nghĩa Thục. Qua thảo luận, giới nghiên cứu sử học đã đi đến thống nhất được với nhau mấy vấn đề cơ bản: tổ chức và lãnh đạo phong trào là do các sĩ phu phong kiến yêu nước tiến bộ hay cũng thường gọi là sĩ phu phong kiến tư sản hóa. Tính chất của phong trào là có tính tư sản (dân tộc dân chủ) nhưng chưa triệt để. Tuy vậy vẫn còn nhiều vấn đề chưa thể thống nhất, chẳng hạn: «Đông Kinh Nghĩa Thục là một cuộc cách mạng văn hóa đầu tiên ở nước ta» (1) hay chỉ là «một cuộc đấu tranh tư tưởng theo hướng tư sản» (2)? Hoặc nữa, phải chăng là nhìn đại thể qua chủ trương đường lối hoạt động, đối tượng và mức độ đấu tranh, chúng ta vẫn thấy toát ra từ đó một mầu sắc đậm nét hơn và bao trùm hơn, đó là mầu sắc của «Cải cách hòa bình» (3) như Nguyễn Anh nói ở trong luận văn nghiên cứu đăng ở Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 11-1961? Hơn nữa, tác giả đã kết luận: Hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục nằm trong phạm vi ảnh hưởng của xu hướng cải lương lưu hành trong cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX mà Phan Chu Trinh là người tiêu biểu» (4). Ngược lại với ý kiến của Nguyễn Anh ở trên, Nguyễn Văn Kiệm trong các luận văn nghiên cứu tham gia cuộc thảo luận và trong tập giáo trình *Lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX – 1918*. Quyển III tập II (5),

---

(1) Đặng Việt Thanh: Bài đăng trên *Nghiên cứu lịch sử* số 4-1961 tr 14–24

(2) T.M.T. Bài trên *Nghiên cứu lịch sử* số 8-1961. tr.53–55

(3.4). Nguyễn Anh. Bài đăng *Nghiên cứu lịch sử* số 11-1961 tr 38–46

(5). Nguyễn Văn Kiệm: *Lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX–1918. Q.III.T.II*. Nxb Giáo dục Hà Nội. 1979 tr. 92-110

https://tieulun.hopto.org

ở chương viết về Đông Kinh Nghĩa Thục, đã nói về xu hướng và thực chất của Đông Kinh Nghĩa Thục như sau: « Đông Kinh Nghĩa Thục là một bộ phận của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ do Phan Bội Châu dứng đầu, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phan Bội Châu ». và nhấn mạnh: « thực chất mặt chủ yếu của phong trào là hoạt động cách mạng, là một cuộc vận động quần chúng tiến tới bạo động » (1). Còn Trần Minh Thư, thì lại muốn « Cố gắng tiến tới thống nhất nhận định về Đông Kinh Nghĩa Thục » (2), bằng cách đưa ra luận điểm: « Việc giải phóng dân tộc về mặt văn hóa cũng là một nhiệm vụ cấp bách mà lịch sử đề ra, nhiệm vụ ấy đòi hỏi phải được giải quyết. Vì thế không thể xem cuộc vận động về mặt văn hóa của Đông Kinh Nghĩa Thục là bề ngoài, là nhất thời... » và Trần Minh Thư kết luận: « Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ là một cuộc vận động cải cách về văn hóa chứ chưa đạt tới một cuộc cách mạng », « Đông Kinh Nghĩa Thục là một bộ phận của phong trào đấu tranh có khuynh hướng tư sản ở nước ta vào đầu thế kỷ XX. Đó là một phong trào chủ yếu trên mặt trận văn hóa tư tưởng, chịu ảnh hưởng của hai xu hướng bạo động và cải lương, nhưng ảnh hưởng của xu hướng bạo động có phần đậm nét hơn ».

Như vậy là những nhận định đánh giá phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục về tính chất, vị trí, xu hướng tư tưởng... của nó còn có sự sai biệt giữa các nhà sử học. Để góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề này, cũng như để cung cấp cho bạn đọc thêm nhiều tài liệu lịch sử xác

(1) Nguyễn Văn Kiệm: Bài đăng *Nghiên cứu lịch sử* số 10-1964.

(2). Trần Minh Thư: Bài đăng *Nghiên cứu lịch sử* số 81 tháng 12-1965. Tr. 31–37.

https://tieulun.hopto.org

thực về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục dặng có thể có một kết luận đúng đắn về nó, chúng tôi mạnh dạn trình bày chuyên đề nghiên cứu này và lấy nhan đề là: *Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ XX*. Chuyên đề này cũng góp phần công sức nhỏ bé của mình vào dịp «kỷ niệm 75 năm của Đông Kinh Nghĩa Thục» (1907 – 1982), một phong trào yêu nước mà Thủ đô Hà Nội có vinh dự là trung tâm hoạt động sôi nổi nhất đã được lịch sử ghi nhận trên bảng vàng truyền thống.

Hà Nội tháng 5-1981

CHƯƠNG THÂU

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG MỘT

TÌNH HÌNH NƯỚC TA ĐẦU THẾ KỶ XX

I – XÃ HỘI THỰC DÂN – NỬA PHONG KIẾN

Từ cuối thế kỷ XIX, toàn bộ đất nước ta bị đặt dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Chúng bắt đầu thực hiện kế hoạch «khai thác lần thứ nhất» kéo dài từ năm 1897 đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Xã hội phong kiến Việt Nam vốn đình trệ lâu dài, vì trong lòng nó không có mầm mống đủ mạnh cho chủ nghĩa tư bản ra đời, giờ đây chuyển thành một xã hội thực dân nửa phong kiến.

1. Về chính trị — xã hội.

Nhà nước «bảo hộ» thi hành nhiều chính sách thực dân nhằm biến nước ta thành một thị trường tiêu thụ hàng hóa và bóc lột nhân công để thu lợi nhuận cao nhất cho tư bản Pháp, đồng thời vẫn kìm hãm xã hội Việt Nam trong tình trạng trì trệ của một nước nông nghiệp lạc hậu để dễ bề thống trị. Thực dân Pháp nắm quyền điều khiển bộ máy thống trị và câu kết với giai cấp phong kiến phản động đầu hàng làm tay sai cho chúng. Cả bộ máy quan lại Nam triều từ trên xuống dến tỉnh huyện xã cùng với bè lũ thực dân xâm lược ra sức đàn áp bóc lột nhân dân ta. Đứng đầu cai trị toàn

https://tieulun.hopto.org

Đông Dương có tên thực dân Pháp giữ chức toàn quyền. Về phía Việt Nam có triều đình Huế làm bù nhìn. Đứng đầu các xứ, kỳ có các tên thực dân Pháp giữ chức thống đốc, thống sứ hoặc khâm sứ. Bên cạnh có chức Kinh lược người Việt, nhưng chức này cũng khi có khi không, tùy theo sự cần thiết. Đứng đầu các tỉnh có các tên công sứ người Pháp. Bên cạnh, có các tên tuần phủ hoặc tổng đốc người Việt. Ở Nam Kỳ, có một thời kỳ, thực dân Pháp còn có người của chúng xuống đến cấp huyện. Từ cấp huyện trở xuống huyện có tri huyện, tổng có chánh tổng, xã có lý trưởng v.v... đều là người Việt. Những tên nắm quyền hành các cấp, một số thuộc giai cấp địa chủ, cường hào, trước đây đã từng áp bức bóc lột nhân dân, nay lại câu kết làm tay sai cho thực dân Pháp, tiếp tục áp bức bóc lột nhân dân hơn một mức.

Song song với việc củng cố bộ máy hành chính trên đây, thực dân Pháp còn tăng cường lực lượng quân đội và nắm hết quyền chỉ huy tất cả quân đội Pháp và Việt. Chúng còn ra sức củng cố các cơ quan cảnh sát, mật thám, nhà tù v. v... ở các địa phương để sẵn sàng đàn áp phong trào cách mạng và những người có hành động chống đối.

Thủ đoạn thâm độc nhất của chính quyền thực dân là chính sách « chia để trị », « dùng người Việt trị người Việt ». Chúng thực hiện ba chế độ chính trị cho ba kỳ, gây chia rẽ giữa người Nam với người Bắc, người Trung; gây thù hằn dân tộc giữa dân tộc đa số với dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, về mặt xã hội chúng còn duy trì và phát triển những phong tục hủ bại thời phong kiến; khuyến khích cờ bạc, uống rượu, hút thuốc phiện; phát triển mê tín dị đoan trong nhân dân, khuyến khích việc thành

https://tieulun.hopto.org

lập và tuyên truyền rộng rãi các thứ tôn giáo và « tà giáo » để ru ngủ nhân dân. Tất nhiên, đối với những người đi ngược lại và đả phá sự hủ bại, thối nát, mê tín ngu dân ấy, đều bị chúng ngăn cấm và trừng trị, như các phong trào dân tộc đầu chủ đầu thế kỷ, kể cả phong trào cải cách của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Tóm lại, trong những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, song song với việc đàn áp các phong trào yêu nước, bộ máy thống trị của thực dân Pháp cũng dần dần được kiến lập và kiện toàn. Đó cũng là những việc làm trước tiên để bọn chúng đi đến mục đích chính là nhằm khai thác thuộc địa qua sự bóc lột tàn nhẫn đối với nhân dân Việt nam.

2. Về kinh tế.

Trước khi Pháp xâm lược, kinh tế nước ta chỉ là một nền kinh tế nông nghiệp tự nhiên, tự cấp, tự túc. Thủ công nghiệp tuy có nhiều nghề, nhưng quy mô nhỏ bé phân tán khắp nơi, có nghề có kỹ thuật khá tinh xảo, nhưng do kinh tế hàng hóa chưa phát triển, nên còn ở mức phường bạn, chứ chưa thành công xưởng và chỉ đóng khung trong từng địa phương nhỏ hẹp. Thương nghiệp chỉ là buôn bán nhỏ, làm nhiệm vụ trao đổi từng vùng, do giao thông không thuận lợi và thuế khóa nặng nề, nên cũng kém phát triển. Việc buôn bán với nước ngoài bị chính sách bế quan tỏa cảng của triều đình ngăn chặn.

Thực dân Pháp đánh chiếm nước ta, giành lấy quyền thống trị về chính trị, sử dụng nó vào việc phát triển kinh tế theo lợi ích của chúng để thu lợi nhuận cao nhất bù vào chỗ thua thiệt và chậm chạp vì phải sa lầy vào chiến tranh trước đây. Chính sách kinh tế của Pháp ở Việt Nam có thể nói gọn lại là: bán hàng hóa, khai thác nguyên liệu bằng cách bóc lột nhân công rẻ

https://tieulun.hopto.org

mạt và cho vay lãi. Công nghiệp chỉ được phát triển « trong giới hạn không phương hại gì đến công nghiệp chính quốc » (1) và « đóng khung trong phạm vi cung cấp cho chính quốc những nguyên liệu hay những sản vật mà chúng ta thiếu » (2).

Trên cơ sở chính sách đó, thực dân Pháp đã thực hiện việc độc chiếm thị trường, độc quyền ngoại thương, mua rẻ hàng nông nghiệp và bán đắt hàng công nghiệp. Chúng cũng độc quyền thu mua, xuất khẩu nhiều mặt hàng quan trọng khác, từ than đá, quặng mỏ, nông lâm hải sản.., đến cả các sản phẩm thủ công. Đồng thời, chúng lại sử dụng bộ máy thống trị đề ra những luật lệ, tô thuế, dâm phụ hết sức nặng nề, nhằm bần cùng hóa nhân dân lao động, đặng tạo ra nguồn nhân công rẻ mạt, thừa thãi cung cấp cho các công trình xây dựng, khai thác thuộc địa.

Kết quả của chính sách đó là nền kinh tế tự nhiên cũ kỹ trước đây bị phá sản. Việc giao lưu hàng hóa thuận lợi hơn. Tỷ trọng kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa có tăng lên, nhưng không phải là phát triển theo hướng công nghiệp hóa, mà ngày càng phụ thuộc vào tư bản thương nghiệp Pháp. Đất nước ta, một cách không tự giác, bị kéo vào quỹ đạo tư bản chủ nghĩa, nhưng là một thứ tư bản chủ nghĩa thuộc địa, phụ thuộc đủ đường. Tuy vậy, do có sự mở rộng giao lưu hàng hóa và do nhu cầu của bè lũ thực dân muốn khai thác tài nguyên mà buộc chúng phải mở mang giao thông, xây

---

(1) Paul Doumer: *Báo cáo ngày 23-03-1897*. Tài liệu dẫn theo Trần Văn Giàu trong *Chống xâm lăng* Q. 3. Nxb. Xây dựng. Hà Nội. 1957. Tr. 296.

(2) Lời bộ trưởng Méline. 1906. Dẫn theo Nguyễn Công Bình: *Giai cấp tư sản Việt Nam*. Nxb Văn Sử Địa. Hà Nội 1961. Tr. 153.

https://tieulun.hopto.org

dựng đường sá cầu cống, tuy thực dân Pháp không muốn và không chịu mở mang kinh tế thuộc địa mà vẫn chủ trương chia rẽ Bắc Trung Nam bằng cách tạo ra ba chế độ chính trị khác nhau giữa ba kỳ. Nó cũng làm phá sản chính sách bế quan tỏa cảng của triều đình nhà Nguyễn, làm cho Việt Nam tiếp xúc được với thế giới, nhất là với châu Âu tư bản chủ nghĩa, mặc dầu thực dân Pháp đã chăng một hàng rào quan thuế khá chặt chẽ và bắt buộc Việt Nam chỉ được sống với thân phận kẻ phụ thuộc, làm cái đuôi của tư bản và chỉ được phép có quan hệ với Pháp mà thôi.

3. Về văn hóa giáo dục.

Để đào tạo những người giúp việc trực tiếp trong các tổ chức chính trị và kinh tế của chúng, bọn thực dân Pháp phải tổ chức nền giáo dục. Tùy theo yêu cầu chính trị của từng giai đoạn mà chúng đưa ra những chủ trương cụ thể. Nhưng quán xuyến tất cả trong mọi thời kỳ là xây dựng một nền giáo dục thực dân – nửa phong kiến với mục đích nhằm nô dịch và đồng hóa nhân dân Việt Nam. Phương châm của chúng là, một mặt ra sức duy trì để lợi dụng nền nho học với chế độ khoa cử lỗi thời, mặt khác, chỉ mở tại các đô thị lớn một số ít trường tiểu học Pháp Việt, trường thông ngôn trong phạm vi tối cần thiết mà thôi. Pôn Đu-me đã nói toạc ra ý đồ đó như sau: « Những nguyên tắc làm cho gia đình vững chắc, cha mẹ được tôn kính, chính quyền được tuân thủ, đều rút từ các sách Hán học. Bắt đầu tập đọc những chữ đầu tiên là họ học những nguyên tắc rường cột của luân lý đạo Khổng, họ khắc sâu vào lòng những nguyên tắc sẽ hướng dẫn họ suốt cả cuộc đời. Chính các trường làng đã cung

https://tieulun.hopto.org

cấp cho họ nền giáo dục đó » (1). Những tên toàn quyền tiếp theo Đu-me cũng vẫn thực hiện chính sách giáo dục « nhằm cổ súy cựu học », mua chuộc nho sĩ như vậy. Nhưng càng về sau, chủ trương này càng không được nho sĩ hưởng ứng, hoan nghênh, trái lại đã bị lực lượng nho sĩ yêu nước ra sức tẩy chay, phản đối. Đến giữa cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp buộc phải cải cách nền giáo dục quá ư cổ hủ này. Chúng bãi bỏ mọi chế độ thi cử theo hệ thống nho học cũ và thay vào đó một hệ thống giáo dục lai căng, quê quặt gọi là nền « giáo dục Pháp Việt » đóng khung trong bậc tiểu học, dạy bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp, nhằm tiếp tục đào tạo một số người giúp việc có « trình độ Tây học » (!) để tuyển chọn những nhân viên thừa hành rẻ tiền cho bộ máy chính quyền thuộc địa. Nền giáo dục cải cách này cũng là để phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa với quy mô lớn để tăng cường nô dịch nhân dân ta về mặt tư tưởng, ý thức, về văn hóa giáo dục. Đó là một nền giáo dục mà không bao giờ đi chệch tôn chỉ chúng đã quy định từ đầu rằng: « Trước tiên, giáo dục có kết quả tăng cường đời đào giá trị sản xuất của thuộc địa. Ngoài ra, nó phải chọn lọc và đào tạo những tay hợp tác, những công chức bản xứ, lương trả ít tốn hơn cho ngân sách thuộc địa. Phải huấn luyện quen việc các nhà « cầm quyền bản xứ » mà các hiệp ước bảo hộ và sự sáng suốt của một chính sách chính trị sơ đẳng bắt chúng ta có bổn phận duy trì làm trung gian giữa chúng ta và dân tộc bản xứ... » (2)

---

1. P. Doumer. Dẫn theo Trần Văn Giàu...: *Lịch sử cận đại Việt Nam*. T. III. Nxb Giáo dục. Hà Nội. 1961. Tr.41.

2. A. Sarraut. Dẫn theo Trần Văn Giàu...: *Lịch sử cận đại Việt Nam* T.III. Nxb Giáo dục. Hà Nội. 1961. Tr. 43.

https://tieulun.hopto.org

II — SỰ PHÂN HÓA GIAI CẤP TRONG XÃ HỘI

Những điều kiện chính trị – xã hội, kinh tế, văn hóa – giáo dục vừa kể trên đã gây một tác động mạnh mẽ trong xã hội làm cho sự phân hóa giai cấp trở nên sâu sắc hơn. Việt Nam trước khi Pháp xâm lược là một xã hội phong kiến phương đông đóng cửa, lạc hậu, nhưng lại là một chỉnh thể độc lập, thống nhất, từ nay trở thành bị chia cắt, đô hộ, thành một xã hội thực dân – nửa phong kiến, có đổi mới nhưng không phải thực sự tiến bộ và khai phóng, mà là phụ thuộc nặng nề chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Giai cấp địa chủ phong kiến, lực lượng thống trị cũ của xã hội, trước tình hình đất nước bị ngoại xâm, do quyền lợi cụ thể của từng bộ phận trong giai cấp này có chỗ khác nhau, nên thái độ của họ trước kẻ thù dân tộc cũng khác nhau. Nhìn chung cả giai cấp là thỏa hiệp, dầu hàng giặc. Bọn triều thần nhà Nguyễn, thế lực tiêu biểu nhất của giai cấp phong kiến đã cam chịu sống kiếp tay sai của bọn thực dân, đàn áp phong trào nhân dân chống Pháp. Bên cạnh bọn Việt gian này, một số khác tuy cũng ra làm quan, nhưng mang tâm lý tùy thời... để yên thân hưởng lạc. Một bộ phận khác, có nhân cách hơn, nhưng thiếu bản lĩnh, bi quan trước thời cuộc, cáo quan về nhà, cũng không tham gia tích cực gì cho kháng chiến, cho rằng «đại sự khứ hĩ!» (việc lớn đã qua rồi!). Ngoài ra, một số sĩ phu thức thời, «thấy rõ quyền lợi của phong kiến cũng chỉ là quyền lợi làm tay sai cho đế quốc» (1), họ tiếp thu truyền thống của dân tộc, sống gần gũi nhân dân, hăng hái cùng với nhân dân chống giặc, cứu nước. Họ chiến đấu dũng cảm,

---

1) Lê Duẩn: *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1965. Tr.6

https://tieulun.hopto.org

không sợ hy sinh, không tiếc xương máu. Nhưng vốn xuất thân từ một giai cấp suy tàn, kiên trì hệ tư tưởng lỗi thời, lại chiến đấu trong hoàn cảnh nhiều khó khăn gian khổ, cho nên cuối cùng không tránh khỏi thất bại. Về sau, tư tưởng yêu nước của sĩ phu này sẽ còn được thế hệ con em họ tiếp nối trong một hoàn cảnh khác có phần mới mẻ hơn, tức là thế hệ các nhà nho yêu nước ở đầu thế kỷ XX.

Nông dân chiếm đại đa số trong nhân dân, trước kia dưới chế độ phong kiến, họ đã từng bị áp bức bóc lột nặng nề, đến lúc này họ lại bị thêm một tầng áp bức mới nữa của đế quốc xâm lược, do đó sức phản kháng của họ càng mạnh, ý chí chiến đấu của họ càng cao. Họ là đội quân chủ lực của mọi cuộc khởi nghĩa chống Pháp và chống bè lũ phong kiến tay sai dâu hàng giặc suốt từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Và còn lâu về sau, nông dân vẫn là đại đa số nhân dân trong nước, là đối tượng bóc lột của phong kiến và thực dân, nhất là thực dân Pháp luôn luôn muốn duy trì tình trạng kinh tế thực dân nửa phong kiến của chúng trên đất nước ta, cho nên nông dân vẫn là đội quân hùng hậu của cách mạng giải phóng dân tộc.

Song song với kế hoạch khai thác thuộc địa và sự củng cố kiện toàn bộ máy hành chính sự nghiệp của bọn thống trị, một *giai cấp tiểu tư sản thành thị* cũng ra đời. Họ là những tiểu thương, tiểu chủ, thầu khoán, thầy thông, thầy ký trong các sở công, sở tư ở các đô thị lớn nhỏ lần lượt mọc khắp cả nước. Họ cũng chỉ là một giai cấp trung gian trong kết cấu xã hội mới.

Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân Pháp vào Việt Nam cũng đã sản sinh ra một số người tư sản đầu tiên, làm môi giới giữa thực dân Pháp và người bản xứ, trong đó một số nhỏ là tư sản mại bản, quyền lợi gắn

https://tieulun.hopto.org

chặt với thực dân Pháp. Trong lớp người tư sản đầu tiên ấy, có một số là tư sản dân tộc. Họ là những người vốn kinh doanh công thương nghiệp hoặc là một số địa chủ tư sản hóa. Việc kinh doanh của họ vì bị tư sản Pháp chèn ép, nên chậm phát triển, do đó mãi đến đầu thế kỷ XX mới có một số cửa hàng buôn và một vài công ty nhỏ của người Việt, lực lượng còn rất yếu, không đủ sức chen chân với tư bản Hoa kiều và tư bản Pháp. Cho nên nói rằng *giai cấp tư sản* Việt Nam sinh ra và hình thành chậm. Nó là một giai cấp «tiên thiên bất túc, hậu thiên bất nghi!».

Trái lại, *giai cấp vô sản* Việt Nam đã ra đời cùng với sự khai thác tài nguyên, xây dựng đường sá cầu cống của thực dân Pháp ở Việt Nam. Đồng thời, với chính sách áp bức bóc lột, chiếm đoạt đất đai của cải một cách tàn bạo của thực dân Pháp đối với nhân dân ta, đã phá hủy nền kinh tế tự cấp, tự túc và do đó làm cho một số khá đông nông dân, thợ thủ công... bị phá sản, đời sống vô cùng cực khổ. Cũng như vậy, song song với việc kinh doanh công thương nghiệp của tư bản Pháp, đã thu hút một số không ít người bị phá sản, thất nghiệp vào làm phu mỏ, phu đồn điền, phu khuân vác, phu cầu đường v.v... lớp người này ngày một đông và hình thành nên một giai cấp mới. Khác với những người thợ trong công trường thủ công thời phong kiến, họ bị bóc lột theo kiểu tư bản chủ nghĩa, đó là giai cấp những người vô sản, một lực lượng mới và rất quan trọng của cách mạng Việt Nam. Chính Lamốt thống đốc Nam Kỳ, trong một bản báo cáo gửi cho toàn quyền P.Đu-me năm 1902 cũng thú nhận: «Sự phát triển của những đô thị lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn làm cho ta thấy nảy sinh một thứ vô sản thành thị. Thái độ và hành động của đám vô sản này làm cho số người châu Âu và những tầng lớp giàu có người bản xứ đều lo sợ

https://tieulun.hopto.org

VN 023333

một cách nghiêm trọng và hữu lý » (1) Giai cấp vô sản Việt Nam trong giai đoạn này đang là giai cấp « tự nó ». Nó sẽ lớn lên nhanh chóng sau cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất và nhất là từ những năm 20 trở về sau. Nó sẽ trở thành giai cấp « vì nó » và phất cao ngọn cờ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đi đến toàn thắng sau này.

Tình hình phân hóa giai cấp trong xã hội ta hồi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như vừa trình bày trên đây sẽ là tiền đề quan trọng đối với việc tìm hiểu tính chất phong trào yêu nước đầu thế kỷ, trong đó có Đông Kinh Nghĩa Thục.

III – ẢNH HƯỞNG CỦA TÌNH HÌNH THẾ GIỚI ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Cuối thế kỷ XIX, các nước tư bản chính trên thế giới đã dần dần phát triển thành đế quốc chủ nghĩa đi xâm chiếm thị trường. Trong những nước này, mâu thuẫn giai cấp do chủ nghĩa đế quốc sản sinh ra, ngày càng trở nên sâu sắc, giai cấp công nhân đã chuyển mình mạnh mẽ hơn một bước trong việc đào mỏ chôn chủ nghĩa tư bản. Trong khi đó, ở các nước phương Đông chậm tiến hơn, những tư tưởng cách mạng – những tư tưởng đã sớm phát sinh ở các nước phương Tây từ thế kỷ trước – từ đây mới phát triển mạnh và tác động đến các nước phương Đông thuộc địa và nửa thuộc địa. Tư tưởng đó thể hiện rõ rệt ở cuộc duy tân của Minh Trị nước Nhật Bản năm 1868, tiếp theo là ở Trung Quốc với các trào lưu tư tưởng có tính chất cải lương tư sản

1) Dẫn theo Trần Văn Giàu... : *Lịch sử Việt Nam từ 1897 – 1914*. Nhà xuất bản Xây dựng – Hà Nội. 1957. Tr.68

https://tieulun.hopto.org

của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu sôi nổi một thời, rồi đến các cuộc vận động cách mạng của Tôn Trung Sơn mà đỉnh cao nhất của nó là cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 đã làm cho «Châu Á thức tỉnh». Đúng như Lê nin đã nhận định: «Hệ thống tư tưởng này xuất hiện, chứng minh rằng ở thời đại đế quốc chủ nghĩa, phương Đông hoàn toàn đi theo con đường của phương Tây, *hàng trăm và hàng trăm triệu con người mới* từ đây sẽ tham gia đấu tranh cho lý tưởng mà trước đây phương Tây đã ra sức phấn đấu để đạt tới»(1).

Hệ thống tư tưởng đó đã thông qua cuộc vận động Duy Tân của Trung Quốc, qua các tân thư, tân báo, đặc biệt là qua tiếng vang của cuộc chiến tranh Nga Nhật ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng và tình hình tư tưởng Việt Nam hồi đầu thế kỷ.

1. Cuộc vận động duy tân của Trung Quốc.

Từ cuối thế kỷ XIX, khi mà các nước đế quốc phương Tây đổ xô sang Viễn đông tìm thị trường, thì đối tượng chính của chúng là Trung Quốc, một nước đông dân, đất rộng, tài nguyên phong phú. Kể từ cuộc chiến tranh thuốc phiện (1840) Trung Quốc đã lâm vào tình trạng một nước nửa thuộc địa. Vương triều Mãn Thanh suy bại dần, giai cấp phong kiến Trung Quốc đã trở nên phản động, không đương nổi sứ mệnh lịch sử trọng đại nữa. Bấy giờ có một số sĩ phu tiến bộ hướng về phương Tây tìm chân lý để cứu nguy cho nước nhà. Họ chủ trương một chính sách «khai phóng», học tập khoa học kỹ thuật phương Tây tư bản chủ nghĩa, cải cách kinh tế, chính trị xã hội, học thuật để mau chóng đuổi kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Nhất là từ sau cuộc

---

1) Lê-nin. *Toàn tập*. Tập 18. Nhà xuất bản Sự thật – Hà Nội – tr. 141

https://tieulun.hopto.org

chiến tranh Trung Pháp (1885, các ông như Tiết Phúc Thành, Trịnh Quan Ưng... từng đề xướng khẩu hiệu: «lấy Trung học làm chủ, lấy Tây học giúp sức» để làm nội dung cho cuộc vận động duy tân cải cách. Nhưng phải đến sau cuộc chiến tranh Trung Nhật (1894) với điều ước Mã Quan, bọn đế quốc bắt đầu tranh «tô giới», vạch «phạm vi thế lực» hòng chia cắt Trung Quốc, nguy cơ dân tộc ngày càng trở nên nghiêm trọng, thì các sĩ phu có tên tuổi như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng, Nghiêm Phục mới nhảy lên vũ đài chính trị hô hào biến pháp. Do đó có cuộc chính biến năm Mậu tuất (1898) nổi tiếng, tồn tại được 100 ngày, từng làm chấn động dư luận thế giới. Cùng tiến hành song song với quá trình «vận động biến pháp», các nhà trí thức này còn cho xuất bản nhiều sách báo tiến bộ nhằm truyền bá tư tưởng duy tân do *Cường học hội, Cường học thư cục, Cường học báo* chủ trương. Cuộc vận động duy tân này đã trở thành một cuộc vận động rộng lớn khắp toàn quốc lấy Trường Sa, Quảng Châu, Thượng Hải làm trung tâm. Phong trào duy tân này cuối cùng bị đàn áp. Khang, Lương phải trốn sang Nhật, một số người chủ chốt khác bị kết án tử hình. Nhưng nó cũng góp phần thức tỉnh được tinh thần yêu nước của nhân dân, đề cao ý thức độc lập dân tộc chống ngoại xâm, ý thức dân chủ chống chuyên chế, mặc dầu nó chỉ hạn chế trong phạm vi dân chủ lập hiến. Trào lưu tư tưởng văn hóa tiến bộ của phương Tây đã xâm nhập Trung Quốc và bước đầu đã tấn công tư tưởng phong kiến quan liêu hủ bại, mở đường cho tư tưởng dân chủ tư sản phát triển ở xã hội Trung Quốc.

Đối với Việt Nam, chính cuộc vận động biến pháp Mậu tuất này đã góp phần khách quan thuận lợi cho phong trào duy tân của các sĩ phu yêu nước tiến bộ chủ trương dầu thế kỷ.

https://tieulun.hopto.org

2. Tân thư – Tân văn.

Tân thư là một danh từ khá bao quát để chỉ những cuốn sách chứa đựng kiến thức mới (tân học), khác với kiến thức cũ (cựu học) trong kinh điển nhà nho. Những kiến thức mới này bao gồm những tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, từ toán, lý, hóa... cho đến địa lý, lịch sử, kinh tế, chính trị, triết học... mà phần lớn dịch từ sách phương Tây. Có khi không phải dịch thẳng từ sách Tây mà dịch qua tiếng Nhật. Có khi chỉ tóm lược lấy cái ý cơ bản, mục đích là giới thiệu « văn minh phương Tây », nêu lên mà bắt chước, đổi mới. Như vậy, tân thư gắn liền với tư tưởng cải cách duy tân theo xu hướng tư sản phương Tây ở Trung Quốc cuối thế kỷ XIX.

Ngoài tân thư còn có tân văn là những tờ báo đăng tải những bài vở tin tức do các nhà trí thức duy tân sáng lập. Đó là tờ *Thời vụ báo* của Lương Khải Siêu xuất bản ở Thượng Hải trước ngày biến pháp Mậu tuất thất bại. Sau khi trốn sang Nhật, Lương lại chủ trương tờ *Thanh nghị báo*, rồi tờ *Tân dân tùng báo*.

Những quyển sách (tân thư) và những tờ báo (tân văn) này đã gây nên một tác động mạnh mẽ đối với nhiều nhà chí sĩ yêu nước thời bấy giờ như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Quyền, Lương Văn Can v.v... Có thể nói, hầu hết các chí sĩ yêu nước Việt Nam sau này trở thành hạt nhân tích cực trong các phong trào Duy tân, Đông du, Đông Kinh Nghĩa Thục, buổi đầu đã ít nhiều được « khai tâm » bằng những bài văn bài thơ chứa chan nhiệt huyết đó.

3. Nhật Bản duy tân và chiến thắng Nga hoàng.

Nhật Bản trước cuộc duy tân năm 1868 cũng là một nước phong kiến bế quan tỏa cảng như nước ta trước

https://tieulun.hopto.org

năm 1858. Nhưng sau khi bị đế quốc phương Tây lăm le xâm phạm, Nhật Bản đã có một lớp người thức thời đại diện cho giai cấp tư sản sớm ra đời ở trên đất Phù Tang, đứng ra làm cuộc cải cách duy tân đất nước, đủ sức chống lại liệt cường phương Tây, chống lại thế lực thủ cựu trong nước và tiến lên theo con đường tư bản chủ nghĩa với một tốc độ khá nhanh. Chẳng bao lâu, Nhật Bản trở thành một nước đế quốc da vàng. Các công ty độc quyền xuất hiện, tuy vẫn còn rất nhiều tàn tích của chế độ phong kiến. Đó là đặc trưng của con đường tư bản hóa nước Nhật dựa trên sự câu kết chặt chẽ giữa quý tộc phong kiến và giai cấp tư sản. Chế độ đại địa chủ tồn tại với hình thức bóc lột nặng nề. Tiểu thủ công gia đình còn rất phổ biến và phụ thuộc vào các xí nghiệp lớn. Sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn rất sâu sắc. Đời sống nhân dân lao động rất khổ cực, khiến thị trường trong nước bị co hẹp, làm cho bọn tư bản Nhật phải tăng cường chính sách xâm lược để tìm kiếm thị trường mới. Năm 1879, Nhật chiếm quần đảo Lưu Cầu. Năm 1882-1884 gây sự ở Triều Tiên. Năm 1895 chiếm Đài Loan của Trung Quốc... đầu năm 1904 bất thình lình nổ súng tấn công hạm đội Nga ở Lữ Thuận. Sau đó, lại đổ bộ lên Mãn Châu giao chiến với lục quân Nga. Bị tấn công bất ngờ, nhất là lại chưa chuẩn bị đầy đủ, tiếp tế khó khăn, tinh thần sút kém, nên quân đội của Nga thua liểng xiểng buộc phải ký hòa ước Pôxmao nhượng bộ Nhật, nhả những quyền lợi đã chiếm ở Mãn Châu, thừa nhận Nhật chiếm Triều Tiên và cắt cho Nhật miền Nam bán đảo Xakhalin.

Chiến thắng của Nhật có một tiếng vang lớn trên thế giới. Nó tỏ rõ lực lượng của một đế quốc trẻ đang buổi sung sức khiến bọn đế quốc phương Tây phải dè chừng. Nhất là đối với các dân tộc ở châu Á lâu nay

https://tieulun.hopto.org

bị đế quốc da trắng chà đạp và khinh rẻ. Người ta đã quên đi rằng Nhật Bản là một đế quốc có tham vọng đất đai lớn, mà coi nó là người anh cả, cứu tinh của các dân tộc da vàng, sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của đế quốc da trắng. Một khuynh hướng mong chờ Nhật Bản giúp đỡ đã nảy ra và phát triển ở Trung Quốc, Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Phi Líp Pin và cả ở Việt Nam nữa. Cho nên ở nước ta, hồi đầu thế kỷ đã có nhiều bài ca yêu nước tuyên truyền về một nước Nhật Bản văn minh tiến bộ. Nhật Bản, đất nước của mặt trời mọc, quả đã mở ra trong đầu óc các sĩ phu tiến bộ nước ta một thế giới mới lạ, đầy sức hấp dẫn. Đến nỗi trường Keio – Gijuku (Khánh Ưng Nghĩa Thục) của Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát 1835–1901) vốn ra đời từ 1858 ở Nhật Bản cũng sẽ trở thành một mẫu mực để các cụ nhà ta mô phỏng và lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục sau này.

VI – CÁC XU HƯỚNG CỨU NƯỚC TRƯỚC NHIỆM VỤ LỊCH SỬ

Tiếp sau sự «bình định» đất nước ta bằng quân sự thắng lợi, thực dân Pháp liền đẩy mạnh chính sách khai thác thuộc địa. Cùng với những chính sách chính trị – xã hội, văn hóa – giáo dục... như vừa trình bầy ở trên, đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc và nhân dân ta vốn đã sẵn sắc lại càng sâu sắc thêm. Đó là động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình cách mạng hóa nhân dân ta nhanh chóng hơn.

Mặt khác, bước vào đầu thế kỷ XX, cùng với chế độ thực dân – nửa phong kiến ra đời và thay thế chế độ phong kiến vốn đã tàn lụi, một trạng thái ý thức xã hội cũng chuyển biến theo và cũng là điều phù hợp với

https://tieulun.hopto.org

trào lưu chung của thế giới, tức là xu thế tư sản hóa. Sự có mặt của hệ tư tưởng tư sản là một nhân tố mới có vai trò khá quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam.

Lịch sử đặt ra trước thời đại hai nhiệm vụ cần phải giải quyết: đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập dân tộc và cách tân xã hội để đưa đất nước Việt Nam tiến kịp các nước văn minh tiên bộ trên thế giới. Hai nhiệm vụ này có quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau.

Thực ra thì từ giữa thế kỷ XIX phần nào hai nhiệm vụ đó đã được đặt ra nhưng còn thiếu sự kết hợp chặt chẽ. Những người Văn thân Cần vương chống Pháp như Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết thì hầu như chỉ biết tập trung ý chí và sức mạnh cho việc đánh giặc ngoại xâm. Ngược lại, những người muốn tiến hành cải cách duy tân đất nước như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ thì ý thức chống Pháp lại lu mờ. Đến khi phong trào Cần vương thất bại, bài học thực tế rút ra là, với một kẻ thù có trình độ văn minh, có khoa học kỹ thuật tiên tiến, nếu chỉ dùng vũ khí thô sơ và nhiệt tình không thôi để đối phó thì không thể được. Vì vậy, muốn đánh thắng thực dân xâm lược và củng cố xây dựng được đất nước, thì phải làm sao cho dân mạnh nước giàu, phải thực hành cải cách đổi mới xã hội theo hướng tư bản chủ nghĩa. Thời đại mới quy định những nhiệm vụ mới và phải có một giai cấp tiên tiến đảm nhận. Nhưng xã hội Việt Nam, như ta đã thấy, đang trong quá trình phân hóa sâu sắc. Nông dân là nạn nhân chính của chế độ thực dân, mang trong mình khả năng cách mạng lớn lao, nhưng nông dân lại không đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến, cho nên không thể xây dựng được một hệ tư tưởng độc lập. Giai cấp tiểu tư sản thành thị thì quá bé nhỏ, trước

https://tieulun.hopto.org

sau vẫn là một giai cấp trung gian, nó cũng như nông dân, chỉ có thể là bạn đồng minh của cách mạng, chứ không thể lãnh đạo cách mạng. Giai cấp tư sản đang trong quá trình hình thành, lại rất yếu ớt, phụ thuộc tư bản nước ngoài và mang tính chất thỏa hiệp với đế quốc để mưu sự sống còn. Còn giai cấp công nhân, bắt đầu hình thành từ kế hoạch khai thác thuộc địa lần thứ nhất, nhưng số lượng chưa nhiều, còn đang là một giai cấp «tự nó», chưa trở thành một giai cấp đấu tranh tự giác và có đảng tiền phong lãnh đạo.

Như vậy, một trong những đặc điểm chủ yếu của buổi giao thời ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là: Trong thời gian vài chục năm ấy, cách mạng Việt Nam không được bất kỳ một giai cấp nào lãnh đạo. Cách mạng Việt Nam ở vào tình trạng «khủng hoảng giai cấp lãnh đạo», trong khi đó, cả dân tộc đang phải đắm chìm vì cảnh mất nước mất quyền, chịu trăm đường áp bức, khổ cực, tối tăm.

Trước tình hình «nước sôi lửa bỏng» ấy, một tầng lớp sĩ phu yêu nước – bộ phận tiến bộ nhất được phân hoá từ giai cấp phong kiến có hấp thu ít nhiều «tân học» đứng ra đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Khác với tuyệt đại bộ phận người của giai cấp phong kiến đầu hàng, những sĩ phu này ý thức được trách nhiệm trước lịch sử. Họ lấy lại lòng tin, biết dựa vào đông đảo nhân dân yêu nước... và họ cố tiến lên cùng với thời đại tìm phương cứu nước.

Vừa lúc đó, họ tiếp nhận được nguồn ảnh hưởng «gió Mỹ mưa Âu đã tràn ồn ào vũ trụ» (1). Những «tân thư, tân văn» từ Trung Quốc, từ Nhật Bản len

(1) Phan Bội Châu – *Ngục Trung thư*. Đào Trinh Nhất dịch. Nxb Nippon–Bunka–Kaikan. Hà Nội. 1945. Tr. 25

https://tieulun.hopto.org

lối tràn vào Việt Nam. Nội dung tư tưởng của những sách báo này đem lại cho họ nhiều nhận thức mới mẻ: Nước Trung Hoa vốn từ ngàn xưa đã là nước đứng ở «trung tâm thiên hạ», quê hương của các «thánh nho» giờ đây hóa ra cũng vứt bỏ các «thánh kinh, hiền truyện» và bắt đầu nhận những người ở tận bên trời Tây làm những «tiên nho» của mình. Hàng loạt những «đạo» mới xuất hiện. Đó là tư tưởng triết học tiến hóa luận của chủ nghĩa Đác-uyn với những Xpenxơ, Hécxơlây, Đó là những lý luận về xã hội học với những Môngtexkiơ, Vôntơ, Rútxô... các bộc «tân nho» mới này đã được cổ suý đội ngũ trên đây nhiệt tình truyền bá nổi bật nhất ở Trung Quốc là Khạng Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đông, Nghiêm Phục, Tôn Trung Sơn, Ở Nhật Bản có Cát Điền Tăng Âm, Phúc Trạch Dụ Cát v.v...

Những học thuyết mới trên đã lôi cuốn trong đầu óc những nhà yêu nước Việt Nam đang đi tìm đường cứu nước, biến thành những gợi ý đầy sức hấp dẫn để giải đáp các vấn đề lịch sử đang đặt ra. Họ đã đón nhận những lý luận chính trị, tư tưởng triết học và quan điểm đạo đức đó, như là một thứ vũ khí mới để ứng dụng trong cuộc chiến đấu của mình. Nhưng vì hệ tư tưởng tư sản nói chung và khi vào nước ta, không phải được hình thành và hoạt động trong cuộc đấu tranh chống phong kiến của chính bản thân những người yêu nước tiến bộ này, nên không khỏi có nhiều điều phiến diện, hạn chế và tiêu cực. Đó là chưa kể chính hệ tư tưởng tư sản này đối với thế giới đã là thứ quả cuối mùa. Người sinh ra nó, chủ nghĩa tư bản, giờ đây đã biến thành chủ nghĩa đế quốc và nó đã trở nên vũ khí trong tay những tên đao phủ đối với các dân tộc. Tuy vậy, các nhà nho «tân học», cũng gọi là những sĩ phu phong kiến tư sản hóa của nước ta lúc này đã xốc lên

https://tieulun.hopto.org

được phong trào cứu nước mới mang màu sắc của thời đại mới. Họ trở thành thủ lĩnh của những phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, mang tên là cải cách duy tân (1905—1908), Duy tân hội – Đông du (1904 – 1909), Việt Nam quang phục hội (1912—1924), Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) v.v... Tựu trung, có thể chia làm hai xu hướng chính: cải cách ôn hòa và cách mạng bạo động. Cả hai xu hướng tư tưởng này phản ánh một cách trung thành phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX đã phát triển trong hoàn cảnh bên trong và bên ngoài, trong những điều kiện lịch sử phức tạp và mâu thuẫn sâu sắc đó. Hai xu hướng này không những song song tồn tại mà cũng không đối lập một cách tuyệt đối. Chúng xen kẽ nhau, hòa lẫn nhau.

Xu hướng thứ nhất lấy việc « khai hóa », « mở mang dân trí » làm phương châm căn bản. Về mặt chính trị, nó chủ trương những cuộc cải cách, trước hết là trong bộ máy cơ quan cũ đã mục nát đến tận gốc. Để tiến hành sự thay đổi đó, cần dựa vào sự giúp đỡ của đế quốc Pháp, coi chúng như kẻ trọng tài vô tư, nhờ chúng giúp cho để dần dần giành lại độc lập dân tộc. Đó là xu hướng cải cách ôn hòa mà Phan Chu Trinh là người đại diện tiêu biểu.

Xu hướng thứ hai, chủ trương dùng bạo lực cách mạng đánh đuổi đế quốc thực dân, giành lại độc lập cho nước nhà, nhưng lại cầu ngoại viện mà lúc đầu là từ Nhật Bản. Xu hướng này, người đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu.

Và điều đáng chú ý là, song song tồn tại với hai xu hướng ôn hòa và bạo động ấy, Đông Kinh Nghĩa Thục với những hoạt động tích cực, đa dạng và phong phú của nó trong năm 1907, ngày càng có cơ phát triển

https://tieulun.hopto.org

như là một phong trào yêu nước rộng lớn và có một vị trí đáng kể ở đầu thế kỷ. Nó đã kết hợp được ở mức độ nhất định cả hai xu hướng chính trị để mang tính chất hoạt động hợp pháp trong thời gian nó tồn tại, đồng thời cũng đóng vai trò như là một cơ sở quan trọng nhằm tiếp ứng cho phong trào Đông du của Phan Bội Châu trong việc lựa chọn thanh niên xuất dương và trong việc cung cấp tài chính cho số lưu học sinh du học đó. Mặt khác, nó cũng đóng vai trò thanh viện cho phong trào duy tân ở miền Trung và miền Nam lúc bấy giờ của Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Nguyễn An Khương, Trần Chánh Chiếu.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG HAI

SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

I - TỔ CHỨC CỦA NHÀ TRƯỜNG

Từ năm 1906 và đầu năm 1907, ở ngôi nhà số 1 phố Hàng Đào Hà Nội, nhà của cụ cử Lương Văn Can, thường là nơi lui tới của các nhà nho yêu nước tiến bộ bàn bạc với nhau về con đường cứu nước mới. Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh cũng đã từng gặp các nhà nho yêu nước xứ Bắc ở đây. Sau nhiều lần họp bàn, các cụ đã đi đến quyết định phải lập một trường học làm cơ sở giáo dục nhằm « hóa quốc cường dân » bằng con đường mở mang dân trí và chấn hưng kinh tế. Trường lấy tên là *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Đông Kinh là tên thành Thăng Long dưới nhà Hồ. Nghĩa Thục là trường dạy học vì nghĩa, không lấy tiền.

Cái tên gọi « Đông Kinh Nghĩa Thục » này cũng là mô phỏng theo « Khánh Ứng Nghĩa Thục » (Keio-Gijuku) của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa yukichi 1835 – 1901) được thành lập ở Nhật Bản từ năm 1858. Nhật Bản vừa thắng hai trận lẫy lừng những năm 1891 – 1895 và 1901 – 1905, trận đầu với Trung Quốc, người đàn anh « tiên đạo văn minh » da vàng, trận sau với Nga

https://tieulun.hopto.org

hoàng, một nước thuộc thế giới văn minh da trắng, làm cho tên tuổi của xứ sở Phù Tang, người học trò trẻ tuổi của phương Tây nổi lên như cồn. Không những Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh nối gót nhau qua Nhật (1905 – 1906) để được chứng kiến tận mắt bài học Âu hóa mà các chí sĩ khác của châu Á, đặc biệt là Trung Hoa, Ấn Độ và Phi Lip Pin, cũng « đông du » đông đảo để chiêm ngưỡng tại chỗ bài học duy tân của Nhật. Chính tại đây, các chí sĩ Việt Nam mới có dịp nhận thức Phi, Ấn cũng là xứ thuộc địa mà họ đã có những trường học kiểu mới giữa thế kỷ XX. Phan Bội Châu ghi nhận trong tập hồi ký : « Hồi tôi lên Đông Kinh, cụ Tây Hồ cùng đi với tôi, tham quan khắp các học đường và khảo sát khắp những công việc chính trị giáo dục của Nhật Bản » (1) Các học đường mà các cụ tham quan chắc chắn là có Khánh Ứng Nghĩa Thục. Vì sau này, Phan Bội Châu sẽ còn khá nhiều lần cụ nhắc lại việc « noi gương chí sĩ Nhật là Phúc Trạch Dụ Cát đã mở Khánh Ứng Nghĩa Thục ». Phúc Trạch Dụ Cát vừa là một chí sĩ, vừa là một võ sĩ đạo, đồng thời cũng là một học giả uyên bác không làm việc trong chính quyền, song lại được coi là nhân vật có ảnh hưởng nhất dưới thời vua Minh Trị. Trường Khánh Ứng do ông sáng lập, lúc đầu chỉ là mấy lớp dạy tiếng « mọi rợ » Hòa Lan, về sau nhờ có chút vốn liếng Anh ngữ tự học lấy, Phúc Trạch Dụ Cát mở thêm các lớp dạy tiếng Anh. Kể từ 1868, sau hai chuyến du hành qua Mỹ và châu Âu trở về, ông cải tổ lại toàn bộ ngôi trường để dạy các kiến thức mới. Phúc Trạch thấy cần phải nuôi dưỡng nơi mỗi công dân Nhật cấp sách đến trường tình yêu chính

1. *Phan Bội Châu niên biểu*. Bản dịch của chính tác giả. Tài liệu của Chương Thâu. Chưa xuất bản.

https://tieulun.hopto.org

thể đại nghị, bởi lẽ định chế này thể hiện rõ rệt nhất truyền thống tự do dân chủ của phương Tây. Do đó, cùng năm với Minh Trị lên ngôi (1868), Phúc Trạch đổi tên trường của ông thành Khánh Ưng Nghĩa Thục (Keio – Gijuku). Khánh Ưng là để ghi nhớ triều đại trước chính thể Minh Trị (1865), còn Nghĩa Thục là cốt lột tả tinh thần «vì nghĩa lớn». Tinh thần này theo Phúc Trạch, bao gồm bốn tính chất làm rạng danh cho người Nhật, đó là tính tự chế, ý chí độc lập, óc thảo vát và lòng tự nguyện đóng góp vào các việc công ích công thiện. Trường này, từ chỗ chỉ nhằm dạy các học viên lớn tuổi, nhưng rồi các học viên lớn tuổi này lại dạy lại cho các lớp học viên nhỏ tuổi hơn, cho đến năm 1874, trường đã có một số lớp «tiểu» và «trung học». Năm 1890, với sự cộng tác của một số giáo sư đại học Harvard (Mỹ), trường mở các lớp «đại học»! Năm 1891 lại mở thêm một số lớp ban đêm chuyên dạy các môn thương mại, và từ 1905 thêm một chuyên ban dạy về khoa học kinh doanh ngoài bốn chuyên ban có sẵn: kinh tế, chính trị, pháp luật, văn chương.

Như vậy là vào khoảng 1906, khi hai nhà chí sĩ Việt Nam là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh tham quan Khánh Ưng Nghĩa Thục tại Đông Kinh (Tokyo), chắc hẳn hai cụ đều nhận thấy nó đã là một cơ sở giáo dục vững chãi, độc đáo: Về hàng dọc bao gồm cả ba cấp tiểu, trung, đại; và về hàng ngang, phát triển theo một chiều hướng một học viện đa khoa.

Thế rồi, trên cơ sở những hiểu biết về một trường học đào tạo nhân tài dựng xây đất nước kiểu Khánh Ưng ấy, các vị sĩ phu nho học yêu nước Việt Nam đã quyết định thành lập ở Hà Nội một Nghĩa Thục và rồi từ cái «Nghĩa Thục» này đã phát triển thành

https://tieulun.hopto.org

một « phong trào » Nghĩa Thục hoạt động ở nhiều địa điểm của đất nước từ năm 1907 trở đi.

Về việc thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục, chúng ta đã ít nhiều hiểu biết về vị Thục trưởng Lương Văn Can, về vị Giám học Nguyễn Quyền..., nhưng về những nét cụ thể như ngày khai giảng, bế giảng, nội dung các sách giáo khoa, cũng như về thành phần ban giảng huấn và ngay cả con số chính xác học viên là bao nhiêu thì hiện còn trong vòng tranh luận. Tuy vậy, theo các tài liệu nghiên cứu từ trước đến nay đều ghi nhận là nhà trường chấp nhận nhiều loại học viên, chẳng hạn, tác giả Nguyễn Hiến Lê cho biết:

« Muốn mở cả ba ban: tiểu, trung và đại học, trường phải mượn thêm nhà ông Cống Sùng. Tuy chia ra ba ban như vậy, nhưng thực sự chương trình không được hoạch định rõ ràng. Đại loại tiểu học để dạy những người mới học chữ quốc ngữ, trung học và đại học dạy những người lớn đã thông chữ Hán hoặc muốn học chữ Pháp.... » (1).

Còn tác giả Đặng Thai Mai, cho biết rõ Đông Kinh Nghĩa Thục có: « Chương trình dựa theo lối tân học Trung Hoa và Nhật Bản, dạy thể thao, dạy cách tr.. toán pháp, địa dư, lịch sử, văn chương, công dân giáo dục. Đối với học sinh các lớp trên nhiều tuổi và đã thông chữ Hán, nhà trường dùng sách tân thư Trung Quốc làm tài liệu giáo khoa. (2).

Một tác giả khác, Vũ Đức Bằng trong luận văn nghiên cứu nhan đề *Đại học tư lập đầu tiên tại Việt Nam hiện*

---

1. Nguyễn Hiến Lê: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nxb Lá Bối. Sài Gòn. 1968 Tr. 52.

2. Đặng Thai Mai: *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX 1900 – 1925*. Nxb Văn học. Hà Nội. 1964. Tr. 57.

https://tieulun.hopto.org

đạt đăng trên tạp chí *Tư tưởng* (Sài Gòn) số tháng 1-1975 đã có lý hơn khi nói về mục tiêu và chương trình đào tạo của Đông Kinh Nghĩa Thục, với tư cách là một trường học hợp pháp được mở ra dưới thời thực dân Pháp thống trị: «Khi cho du nhập mô thức Khổng giáo vào Việt Nam các sĩ phu sáng lập thừa hiểu nó chỉ thích hợp phần nào, bởi lẽ có sự chênh lệch trong hiện tình dân trí quá rõ rệt giữa hai dân tộc Việt Nhật, thứ đến có sự cách biệt quan trọng giữa phương tiện sẵn có và chủ đích các ngài đang theo đuổi, và sau hết, không kém phần quan trọng hơn hai yếu tố trước, nó còn phụ thuộc đường lối thống trị của người Pháp tại Việt Nam».

Về việc ai là người «đảm nhiệm xin giấy phép mở trường» có ý kiến cho là Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Duy Tốn, những người có tên trong số «sáng lập viên» Đông Kinh Nghĩa Thục, đồng thời lại là những công chức của Pháp, nên việc đứng tên xin giấy phép mở trường sẽ được chính quyền bảo hộ chấp thuận dễ dàng. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng Nguyễn Quyền, một vị Huấn đạo hồi hưu và Trần Đình Đức cũng vốn là «một giáo học chữ Pháp», «một nhân viên Sở Địa lý» của Pháp đứng ra xin phép mở trường, chắc người Pháp cũng không đến nỗi e ngại khi duyệt y. Dù sao đi nữa, giấy phép đã thực sự đến trường vào khoảng tháng 5 năm 1907 cho phép ông Huấn Quyền mở một trường «theo phương châm khai hóa của Chính phủ bảo hộ» (1) mà trước đó hai tháng nó cũng đã được ra đời tại ngôi nhà số 4 phố Hàng Đào do sự khéo léo lãi bỏ của các cụ, đồng thời với việc chuyển tờ *Đại Nam Đăng cổ tùng báo*, tuy thoát thai là một «quan báo» (báo của Nhà nước) dưới danh xưng

1. Đặng Thái Mai. Sđd. tr. 59.

https://tieulun.hopto.org

Đại Nam Đồng văn nhật báo, kể từ số ra ngày 28-3-1907 tờ báo *trở thành* Cơ quan ngôn luận của tư nhân (1), và là của nhóm thân hữu với Đông Kinh Nghĩa Thục, đăng tải nhiều văn bài của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Trường chiêu sinh và giảng dạy từ tháng 3-1907 (mặc dù tháng 5-1907 mới chính thức được phép). Lúc đầu chỉ có khoảng 30 – 50 học sinh, phần lớn là con em của những nhà nho có tư tưởng mới, những nhà giàu có. Đến tháng 5-1907, số học sinh tăng lên nhanh chóng do tiếng tăm của trường đã lan rộng, con số đã đến 500, thậm chí sau này, theo lời cụ Huấn Quyền, có lúc đến 1000. Cụ Lương Văn Can 53 tuổi, người nhiều tuổi nhất trong đám sĩ phu sáng lập, được bầu làm Thục trưởng trường Đông Kinh. Cụ đỗ cử nhân, có lần được triều đình bổ làm Giáo thụ phủ Hoài Đức, lần khác lại được người Pháp đề cử vào nhiều chức vụ khác, lần nào cụ cũng nhất mực từ chối lấy cớ ở nhà dạy học. Nguyễn Quyền, 38 tuổi nguyên làm Huấn đạo Lạng Sơn, xin nghỉ việc về tham gia tổ chức trường, được bầu làm Giám học. Hội viên chính thức còn có Nghiêm Xuân Quảng, án sát Lạng Sơn về làm giáo viên trường sư phạm, một số nhà tân học Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Trần Đình Đức, Bùi Đình Tá, Phạm Đình Đới, Nguyễn Bá Học. Ngoài ra, còn có nhiều hội viên tán trợ cũng tham gia vào việc tổ chức và duy trì cho trường hoạt động được thường xuyên như: Đào Nguyên Phổ, Phạm Tuấn Phong, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Lê Dại, Vũ Hoành, Nguyễn Hữu Cầu, Phan Tất Tuân v.v...

Dự kiến của Hội (gồm các hội viên chính thức và hội viên tán trợ) là thành lập một « Nghĩa Thục » ở Hà Nội rồi mở rộng ảnh hưởng ra xung quanh, một khi phong

(1) Dẫn theo Vũ Đức Bằng, Tài liệu đã dẫn, tr. 13.

https://tieulun.hopto.org

trào lên mạnh và công việc thuận lợi thì lập chi nhánh ở khắp nơi và lấy Hà Nội làm trung tâm.

Trường được tổ chức thành bốn ban công tác có quan hệ mật thiết với nhau để duy trì sự hoạt động đều đặn và đạt kết quả tốt.

Ban giáo dục: Phụ trách việc mở lớp học, đón nhận học sinh, tổ chức việc giảng dạy. Giáo viên thường là các nhà nho tham gia hoặc có cảm tình với Nghĩa Thục đến dạy giúp. Cũng có một số nhà tân học tham gia dạy các môn Việt văn và Pháp văn như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Trần Đình Đức, Bùi Đình Tá v.v... Ban chia thành ba tổ bộ môn: Việt văn, Hán văn và Pháp văn. Ai thạo môn nào thì đảm nhận môn đó. Nguyễn Quyền, Vũ Trác (tức cụ kép làng Hương Canh), Hoàng Tích Phụng, Đương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Lương Trúc Đàm, Đào Nguyên Phổ làm giáo viên Hán văn. Ban Việt văn và Pháp văn do Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Bùi Đình Tá phụ trách. Đặc biệt có hai nữ giáo viên dạy chữ Pháp và quốc ngữ cho học sinh gái (1). Học sinh ở nhiều độ tuổi: già có, trẻ có, nam có, nữ có được tổ chức thành tám lớp. Có những lớp dành riêng cho học chuyên một thứ chữ: Việt, Hán hoặc Pháp. Những nhà Tây học muốn học thêm chữ nho; ông Cử, ông Tú muốn học thêm chữ Pháp hoặc chữ quốc ngữ đều có lớp riêng. Có lớp dành riêng cho học sinh nữ. Còn có một ban nữa là Sử Địa và Toán pháp do Trần Đình Đức và Phan Đình Đối phụ trách. Sách giảng dạy do Ban tu thư soạn, ấn loát xong đem dùng làm tài liệu giảng dạy cho học sinh.

---

(1) Theo Nguyễn Hiến Lê, sđd, thì một người là Cô Năm, con gái cụ Cử Can dạy Việt văn. Nhưng theo Trần Văn Giàu... trong *Lịch sử cận đại Việt Nam* tập III nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội 1961, thì một người ở làng Mọc, con ông Nguyễn Cơ, một người ở làng Hạ Thái, con ông Cử Võ Thạch.

https://tieulun.hopto.org

Ban tài chính: Phụ trách các khoản thu chi của nhà trường. Lúc mới lập, quĩ nhà trường hầu như không có, sau nhờ sự giúp đỡ của những người hảo tâm, có cảm tình với Đông Kinh Nghĩa Thục, nhờ tài tổ chức và tuyên truyền cổ động của các sáng lập viên, làm cho tài chính của nhà trường ngày một thêm dồi dào. Chỗ dựa tài chính chủ yếu vẫn là các hội viên, và sau này là gia đình các con em theo học thường ủng hộ mỗi tháng 5 đồng. Ngoài ra còn có các khoản lạc trợ của những người có tinh thần ủng hộ tùy theo khả năng. Theo lời cụ Lê Đại thì có lúc nhà trường đứng ra thu tiền ủng hộ không xuể, chắc đó là lúc ảnh hưởng của Nghĩa Thục lớn nhất, gây được thiện cảm của quần chúng nhiều nhất. Những người ủng hộ đều được ghi tên trên một tấm bảng treo ngay ở Hội quán, chẳng bao lâu tên người ghi kín cả một tấm bảng lớn. Lúc đầu, giáo viên dạy giúp không lấy tiền thù lao, về sau quĩ nhà trường dồi dào hơn, mỗi giáo viên được trả mỗi tháng 4 đồng (lúc ấy giá 1 tạ gạo khoảng 2đ50). Số còn lại, dùng mua giấy bút, sách báo, tài liệu để phát không cho học sinh và chi tiêu cho những công việc của nhà trường. Theo Nguyễn Hiến Lê thì tiền do Lương Văn Can cấp phát, còn sổ sách chi thu do Nguyễn Quyền giữ. Đông Kinh Nghĩa Thục tồn tại được và mở rộng hoạt động, trước hết là do ban tài chính. Ban này đã hoạt động tích cực và thu được kết quả tốt.

Ban cổ động: Có nhiệm vụ tuyên truyền ảnh hưởng của trường ra ngoài quần chúng. Hình thức hoạt động chủ yếu của Ban là các buổi diễn thuyết và bình văn được tổ chức nhiều lần trong tháng, thường là vào các buổi tối ngày mồng một và ngày rằm. Các buổi này rất được quần chúng ưa thích. Một bài văn lúc ấy đã tả:

Buổi diễn thuyết người đông như hội,
Kỳ bình văn khách đến như mưa.

https://tieulun.hopto.org

Trong các buổi diễn thuyết trước công chúng, diễn giả hoặc đọc và bình luận các bài đăng trên *Đăng cổ tùng báo* và *Đại Việt tân báo*, cơ quan ngôn luận của trường, hoặc nói chuyện về một đề tài lịch sử, thời sự, xã hội nhất định và hô hào nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ hủ tục, kêu gọi mọi người dùng hàng nội hóa vv..., những diễn giả nổi tiếng hồi đó là Đương Bá Trạc, Lương Trúc Đàm, Hoàng Tăng Bí, Trần Tán Bình vv... Phan Chu Trinh cũng thỉnh thoảng đến diễn thuyết ở Đông Kinh Nghĩa Thục.

Ban tu thư: Có nhiệm vụ biên soạn các tài liệu giảng dạy cho giáo viên, tài liệu học tập cho học sinh và tài liệu tuyên truyền cổ động cho nhà trường. Biên tập viên chính là Lương Văn Can, Lê Đại, Nguyễn Hữu Cầu. Phan Chu Trinh và Ngô Đức Kế cũng tham gia ban này. Ban chia làm hai ngành: ngành soạn và ngành dịch. Tài liệu phần lớn lấy từ các sách báo mới (tân thư, tân văn của Trung Quốc, hoặc trích trong các áng văn cổ thích hợp với mục đích của nhà trường. Chỉ trong một thời gian ngắn, Ban đã soạn được một số sách giáo khoa và tài liệu tuyên truyền gồm: *Quốc dân độc bản, Nam quốc giai sự, Nam quốc địa dư, Quốc văn giáo khoa thư, Luân lý giáo khoa thư, v.v...* Những sách này đều viết bằng chữ Hán in bản gỗ trên giấy Bưởi, đóng bìa dầy, thành hàng trăm bản (1) đem phát không cho học sinh, và cho các hội viên, cho cả các trường cùng tôn chỉ, cũng có khi bán lấy vốn cho các hiệu buôn. Ban Tu thư còn thông qua ban Giám học nhờ các nơi mua về những tác phẩm xuất bản ở Trung Quốc và Nhật Bản

---

(1) Theo Đào Trinh Nhất: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nhà xuất bản Mai Lĩnh Hà Nội 1938, thì trường có máy in để in sách và tài liệu. Đặc biệt cuốn *Quốc dân độc bản* được in lại nhiều lần có tới hàng vạn bản mà vẫn không đủ thỏa mãn người đọc

https://tieulun.hopto.org

như *Trung Quốc hồn*, *Vạn quốc sử ký*, *Doanh hoàn chí lược*, *Nhật Bản tam thập niên duy tân sử v.v...* để làm tài liệu tham khảo, biên soạn, nghiên cứu, giảng dạy. Thơ văn của các hội viên Đông Kinh Nghĩa Thục sáng tác, nhất là thơ văn yêu nước của Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền..., cũng là những tài liệu mà Ban Tu thư chọn làm tài liệu giảng dạy của nhà trường.

Trường còn lập một thư viện có nhiều sách báo các loại. Thủ tục cho mượn khá dễ dàng, cả đối với người ngoài, miễn là xem xong phải trả lại. Ngoài ra, để nhằm cải tiến công tác tổ chức và giảng dạy, trường có một hộp thư trưng cầu ý kiến phê bình xây dựng của công chúng đặt ở Hội quán của trường.

Với hình thức tổ chức như vậy, Đông Kinh Nghĩa Thục đã đẩy mạnh hoạt động của mình trên khắp các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, tư tưởng, kinh tế và gây ảnh hưởng lớn góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX.

II – NỘI DUNG NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC VÀ CỦA PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

Như trên đã nói, Đông Kinh Nghĩa Thục với những hoạt động và ảnh hưởng thực tế của nó, không bó hẹp trong ý nghĩa của một trường học, mà thực chất là một phong trào, một cuộc vận động chính trị công khai, nhằm mục đích «**hóa dân cường quốc**» để giành độc lập dân tộc và đổi mới đất nước. Đông Kinh Nghĩa Thục, trong mọi chủ trương và hoạt động của mình, không thấy đề cập đến vấn đề «**ngoại viện**» như phong trào Đông du của Phan Bội Châu và cũng không đề xướng «bất bạo động» như chủ trương của Phan Chu Trinh.

https://tieulun.hopto.org

Nhận định về thực trạng nước nhà, các nhà sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục cho rằng nguyên nhân sâu xa làm cho nước yếu dân hèn là do chế độ quân chủ, là ở hệ tư tưởng phong kiến – nền tảng của chế độ đó, cho nên việc đầu tiên là phải nhằm chống lại tư tưởng phong kiến thối nát, thực hiện một cuộc cải-cách tư tưởng văn hóa xã hội và đó chính là con đường dẫn tới chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc. Vấn đề chống và xây, chống những cái gì và xây những cái gì đã được các nhà sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục đặt ra và thực hiện trong chương trình hoạt động của nhà trường.

Trước hết, *về mặt văn hóa giáo dục*, Đông Kinh Nghĩa Thục qua các tài liệu giảng dạy và tuyên truyền của mình đã nhận định: chế độ phong kiến Việt Nam bị ảnh hưởng của chế độ phong kiến Trung Quốc khá nặng nề. Những học thuyết của Khổng, Mạnh, Chu, Trình, không những đè nặng trên xã hội Trung Quốc hàng nghìn năm, mà còn chi phối cả đối với xã hội Việt Nam Đến đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam vẫn lấy nho giáo làm tư tưởng chính thống, bắt con người vẫn cứ phải cúi rạp người xuống để tuân theo lễ nghĩa thi thư, cương thường đạo lý của Khổng Mạnh. Trong khi đó chủ nghĩa tư bản phương Tây đã bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa xâm chiếm thị trường thế giới và thống trị nhiều nước trên thế giới, trong đó có nước Việt Nam lạc hậu. Trước yêu cầu cấp bách của sự nghiệp giải phóng dân tộc, các nhà nho tiến bộ thấy cần phải duy tân đất nước, phải phát triển đất nước theo các nước phương Tây. Nhiệm vụ đó, nho học không thể đáp ứng được. Nó phải được thay thế bằng một nền giáo dục mới cả về hình thức lẫn nội dung đào tạo, để phù hợp với yêu cầu giải phóng dân tộc và đưa đất nước lên đường văn minh tiến bộ.

https://tieulun.hopto.org

1. Chống nền cựu học.

Vì nền giáo dục cũ với những tín lý của Hán nho, Tống nho hoàn toàn không còn thích hợp với hoàn cảnh mới của nước nhà. Đã thế, thực dân Pháp lại đang có âm mưu lợi dụng nó để tiếp tục ngu dân và bần cùng hóa nhân dân ta, làm cho vị trí « chủ nhân » của chúng thêm vững chãi. Sự thực đó đã được một giáo sư Đông Kinh Nghĩa Thục nói rõ trong bài báo đăng công khai trên tờ *Đăng cổ tùng báo* như sau :

« Nước Nam ta bây giờ dốt tệ lắm, mà cũng vì cái dốt nên phải làm như trâu, như bò, được đồng nào đem sắm đồ Tàu hết. Cũng vì cái dốt, nên nghề hay không làm, ai cũng muốn làm cái nghề ăn không. Cũng vì cái dốt, nên người đói meo ra không lo, lo Quan Âm đói. Nói tóm thì bao nhiêu cái khổ sở, nhục nhằn ở nước Nam ta cũng vì cái dốt mà ra cả » (1).

Chính vì cái « dốt » này là môi trường cho thực dân bành trướng thế lực. Do đó, các chí sĩ trong Đông Kinh Nghĩa Thục đã chủ trương phải chống cái « dốt » này bằng cách mở trường học khai hóa cho dân, mở chiến dịch chống nền cựu học chỉ rõ đó là « kẻ thù của sự tiến bộ, của nền văn minh ».

2. Chống bọn hủ nho.

Các nhà lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục thấy thái độ tự cao, tự đại của đám hủ nho là nguyên nhân gây nên cái « dốt » cho dân chúng. Nước đã mất, guồng máy thực dân thống trị đã đặt xong và chạy đều, thế mà phần đông các hủ nho vẫn không thừa nhận sự thất bại của mình. Để che giấu sự thất bại, các cụ tẩy chay sự hợp tác với Pháp và rút lui về giữ một thái độ phủ nhận tiêu cực để chứng tỏ rằng mình không đầu hàng. Sở dĩ

(1) Xem *Đăng cổ tùng báo* số ra ngày 27-6 1907.

https://tieulun.hopto.org

ác nhà nho này cố chấp như vậy là vì không thể thoát ra được hệ tư tưởng phong kiến: Họ vẫn tiếp tục tin tưởng chỉ luân lý nho giáo mới là văn minh, còn ngoài ra là man rợ, chỉ xưa là đúng, còn nay là sai. Nhưng chính sự tự cao, tự đại này mà nhà nho tưởng mình là chính đạo, thực ra là một thái độ phi đạo hơn hết: Khinh người và không nhìn nhận người khác. Chính sự hẹp hòi, cố chấp, khép kín này đã là nguyên nhân làm cho nước yếu, dân hèn. Hơn nữa lại là những vật chướng ngại gây khó khăn cho phong trào cách tân văn hóa xã hội. Do đó, trước hết phải chĩa mũi dùi đả kích vào thái độ cố chấp, bảo thủ của họ, những bài văn như « Điếu hủ nho », « Tế sống thầy đồ hủ »... được soạn ra nhằm đánh đổ quan niệm « duy ngã độc tôn » để cho đám nho sĩ này mở mắt ra, biết người, biết ta, tạo điều kiện cho một nhận thức nghiêm chỉnh, đúng đắn, mở đầu cho cuộc duy tân đất nước. Vì vậy, các cụ đã thẳng tay đả kích đám hủ nho này một cách kịch liệt:

« Ôi! Các bỡ, có óc thông minh, ở làng cao sang, đọc sách hiền triết, làm mẫu da vàng! Đương lúc này, nghe thấy mới lạ, cuộc đời mở mang, sao không ra tay cứu vớt người chìm đắm, đánh thức kẻ mơ màng!...

Tai hại thay hủ thư! Đục nát bét các bỡ!

Đau đớn thay hủ nho! Làm các bỡ lãm lỡ!

Tầm mắt không trông khỏi làng, đã chê cười Khang Lương!

Bước chân không ra khỏi ngõ, đã coi hẹp vũ trụ!

Ấy thế mà lại còn đem văn rởm rất độc, mượn học quèn làm vua, tò mò chuyện yêu quái. Hơi thoi thóp như khi chiều sắp tắt! Hồn lần quất biết gọi đâu ra! » (1).

(1) Trích dịch vài bài *Cáo hủ lâu văn*.

https://tieulun.hopto.org

3. Chống chữ Hán.

Chữ Hán như ta đã thấy là một thứ chữ hết sức phiền phức và rắc rối mà nên cựu học đã lấy nó làm phương tiện duy nhất để biểu đạt tư tưởng, cũng được các cụ trong Đông Kinh Nghĩa Thục bài bác luôn. Ta hãy nghe Vũ Bội Liêu nói: «Chữ Hán quả là một cái hàng rào hiểm chắn ngang đường văn minh, làm cho kẻ đi học mỏi lưng, tốn biết bao cơm gạo mới dùng được chữ. Khi dùng được chữ thì trán đã nhăn, lưng đã còng vì nỗi dùi mài một đời học các điều cao xa quá. Chữ thảm chữ hại làm cho ai mó đến cũng phải quên cả việc thường đời nay, để học việc đời xưa, đời xưa thực chết rồi, thực xa rồi» (1).

Đành rằng, Vũ Bội Liêu nói có hơi quá, tuy nhiên không hẳn là sai. Đã là một chiến sĩ cách mạng văn hóa mà không có thái độ từ bỏ dứt khoát cái cũ, sẽ không làm được gì. Ngay cả đến cụ Phan Chu Trinh cũng đã cực lực đả phá và kết án chữ nho qua bài «Bất phế Hán tự, bất túc dĩ cứu Nam quốc» (Không bỏ chữ Hán, không cứu được nước Nam!).

Không những chống nền cựu học, chống hủ nho, chống chữ Hán, các cụ còn hô hào chống cả chế độ khoa cử lúc bấy giờ.

4. Chống khoa cử.

Đúng vậy, muốn cải tạo tư tưởng, muốn tiêu diệt tính tự mãn, tự kiêu đã quá lỗi thời, thật không gì bằng chống lối học từ chương khoa cử. Ông Cử nhân nho học trẻ tuổi thời ấy là Dương Bá Trạc đã đánh giá mảnh bằng của mình chỉ đáng giá một xu: Cho nên gặp bạn nào còn ham tập văn khoa cử, ông cũng bảo:

---

1. Vũ Bội Liêu. *Bài phi lộ. Đăng cổ tùng báo* số ra ngày 28-3-1907.

https://tieulun.hopto.org

Anh còn muốn cái cử nhân ư? Này tôi bán cho anh một xu thôi!» (1). Khoa cử không những giết chết óc sáng tạo mà còn làm tê liệt tinh thần đối kháng, cho nên Đỗ Chân Thiết đã mỉa mai một cách chua cay: «Mấy bữa trước, chủ hiệu Vĩnh Long phố Hàng Bồ cho tôi coi một bài trong tờ *Tân Dân* của Tàu. Thằng cha nào viết bài đó thật có giọng chua cay. Nó chửi khoa cử hết điều, bảo khoa cử có «lục tự» (sáu điều giống nhau): Khi lại trường thi, phải đeo lều chõng, bầu tráp, có khác gì tù đeo gông đày, thế là «*nhất tự tù*» (thứ nhất giống tù); Lúc vào cửa bị lục xét, y như xét ăn trộm, thế là «*Nhị tự đạo*» (thứ hai giống ăn trộm); Suốt ngày ngồi trong lều, thỉnh thoảng ló đầu ra như con chuột trong hang: «*Tam tự thử*» (Thứ ba giống con chuột); Lều che kín, ngồi trong đó ăn uống, y như con mèo, thế là «*Tứ tự miêu*» (Thứ tư giống con mèo); Khi coi bảng, người nào thấy tên mình thì sướng quỳnh, nhảy choi choi như con tôm, vậy là «*Ngũ tự hà*» (Thứ năm giống con tôm); Còn kẻ nào không thấy tên mình thì buồn thiu, co ro như con giun, thế là «*Lục tự dận*» (Thứ sáu giống con giun) (2).

Rõ ràng là với một nền giáo dục phong kiến nhằm đào tạo những «kẻ sĩ», những nhà nho «trói gà không chặt» để rồi ra làm quan, chễm chện mũ cao áo dài thoát ly những hoạt động tạo ra của cải cho xã hội, đến đây đã không còn thích dụng nữa. Trong đà tiến chung của nhân loại, kẻ nào không chịu cải tiến tức là tự đào thải. Hiểu như vậy, cho nên các cụ chủ trương cần phải cải cách, và mục đích của việc dẹp phá là để xây dựng. Đã phá cái cũ, cái xấu, cái sai để xây dựng cái mới, cái tốt, cái đúng hơn. Tóm lại đánh đổ cựu

1. Nguyễn Hiến Lê, Sđd. Tr 54
(2). Nguyễn Hiến Lê Sđd. tr 92

https://tieulun.hopto.org

học là để xây dựng một nền tân học phù hợp với hoàn cảnh nước nhà, hay đúng hơn, phù hợp với con đường cứu nước và xây dựng đất nước trở thành nước văn minh tiến bộ kịp với trào lưu thế giới. Cho nên, song song với việc bài xích, các cụ đã cổ súy, hô hào xây dựng một nền văn hóa giáo dục mới mà những nguyên tắc cơ bản không xa rời những nguyên tắc nhân bản, dân tộc, tiến bộ hiện đại.

5. Học chữ Quốc ngữ.

Để chuẩn bị cho một nền giáo dục mới, trước hết là hình thức, các nhà sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục hô hào lấy chữ quốc ngữ thay chữ Hán, làm ngôn ngữ viết chính thức. Đây là thứ chữ mà các nhà nho ta trước đó đã cho là công cụ của thực dân đã dùng nó làm phương tiện truyền bá chính sách xâm lược. Các cụ đã tẩy chay thứ chữ viết bằng bút sắt «mọi rợ», «ngoằn ngoèo như con giun» này và vẫn tiếp tục dạy chữ nho cho con em. Nhưng nay, các cụ trong Đông Kinh Nghĩa Thục lại nghĩ khác. Họ nhận thấy tính chất đơn giản, dễ học, mau biết của chữ quốc ngữ, do đó dễ phổ cập đến mọi tầng lớp quần chúng hơn. Họ đã sáng suốt cho rằng việc hô hào học chữ quốc ngữ là một trong những điều kiện quan trọng trong lĩnh vực hoạt động của Hội. Về điểm này, có thể nói rằng so với các nhà cải lương chủ nghĩa của Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, các cụ đã tiến xa hơn một bước. Khang Lương chỉ hô hào bãi bỏ khoa cử, bỏ lối văn tám vế trong các kỳ thi mà thôi, nhưng vẫn giữ cổ văn và mãi đến năm 1917, bọn Hồ Thích, Trần Độc Tú mới đề nghị dùng bạch thoại. Các cụ trong Đông Kinh Nghĩa Thục ngay từ năm 1907 đã đề cao «quốc ngữ», dùng nó làm phương

https://tieulun.hopto.org

tiện khai hóa quốc dân, dịch sách các nước ra quốc ngữ, làm thơ cảnh tỉnh đồng bào bằng quốc ngữ:

« Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tỉnh trước dân ta.
Sách các nước, sách Chi na;
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra cho tường »

Trong tác phẩm « *Văn minh tân học sách* », được coi như « cương lĩnh hành động » của Đông Kinh Nghĩa Thục, có đoạn viết:

« Người trong nước đi học nên lấy chữ quốc ngữ làm phương tiện đầu tiên để trong một thời gian vài tháng, đàn bà, trẻ con đều biết chữ và người ta có thể dùng chữ quốc ngữ để ghi việc đời xưa và chép việc đời nay... Đó thực là bước đầu tiên để mở mang trí khôn vậy ».

Không những chủ trương dạy chữ quốc ngữ, học chữ quốc ngữ, các cụ còn dự thảo đặt nền tảng cho một nền học thuật hiện đại. Công việc này do Ban Tu thư của trường phụ trách. Trước tiên là xây dựng thể văn xuôi bằng cách dịch các sách phương Tây ra chữ quốc ngữ. Tiếp đến, một số danh từ mới được dịch từ tiếng nước ngoài như *cách mạng, kinh tế, trừu tượng, cụ thể*... nhằm làm giàu thêm vốn từ cho ngôn ngữ Việt Nam hiện đại. Ngoài ra, các cụ cũng chú trọng đến việc hiệu đính lại những sách vở cũ như các bộ sử: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện, Dư địa chí v.v...*, để cao việc học Nam sử, nghiên cứu vốn văn hóa cũ để từ đó mà biên soạn, sáng tác ra những sách mới.

Đến nay, chúng ta không còn nghi ngờ đối với khả năng ưu việt của chữ quốc ngữ nữa. Tiếng Việt đã có một vị trí hẳn hoi trên trường quốc tế. Chúng ta tỏ lòng biết ơn đối với công lao hô hào, phổ biến chữ quốc ngữ của các chí sĩ yêu nước trong Đông Kinh Nghĩa Thục.

https://tieulun.hopto.org

6. Học tập theo phương pháp mới.

Đông Kinh Nghĩa Thục không những mở rộng cửa đón nhận tư tưởng khai phóng của phương Tây, mà bất cứ cái gì «mới» có lợi cho canh tân đất nước đều được phổ biến ở đây. Lịch sử giáo dục Việt Nam sẽ mãi mãi ghi nhận chương trình canh tân vô cùng táo bạo của vị Giám học Nguyễn Quyền:

«Mở *tân* giới, xoay nghề *tân* học,
Đổn *tân* trào, dựng cuộc *tân* dân,
Tân thư, *tân* báo, *tân* văn...»

Người ta cạo đầu «mới» (bắt chước Giám Quyền), ăn mặc theo mốt «mới» (của Tây Hồ). Người ta mạnh dạn cả nam cả nữ ngồi lại với nhau nghe diễn thuyết, tranh luận, cười đùa với nhau. Song cười đùa là trường hợp đặc biệt, thời thường thái độ chung của học viên cũng như giáo chức khi bước chân vào khuôn viên nhà trường là một thái độ nghiêm trang cung kính. Cung kính như khi bước vào niệm đường, cung kính như khi dang cầu siêu cho quốc gia phú cường độc lập, đúng theo lời dạy của vị Giám học:

«Tụng kinh Độc lập, ở chùa Duy tân»

Trường Đông Kinh không khác cõi tu trì bao nhiêu! Thật vậy, các sĩ phu đã thực sự làm một cuộc cách mạng khó khăn: Cách mạng trên chính bản thân họ. Họ giật mình trước học chế lạc hậu mà than ôi, họ là sản phẩm tiêu biểu nhất:

«Khoa danh buổi đã qua rồi,
Giật mình tỉnh dậy, rằng thôi xin chừa!»

Nói đoạn, họ quẳng cây bút lông, ngượng nghịu tập cầm cây bút sắt. Họ không còn mặc cảm trốn vào buồng kín để học quốc ngữ. Họ học công khai, học cho bằng được thứ chữ «mọi rợ», «ngoằn nghèo như con giun» ấy!

https://tieulun.hopto.org

Ngoài chữ quốc ngữ, các sĩ phu còn dua nhau học chữ Pháp người đã biết tiếng Pháp lại học thêm chữ nho. Một vị khách ghé thăm trường vào hồi tháng 1-1907 đã nhận xét như sau:

« Trường học rộng lắm mà học trò cả ngày cả đêm ước đến 100 người, phân ra làm nhiều lớp: lớp thì để những ông Cử, ông Tú học chữ Pháp; lớp thì để những ông đã biết chữ Pháp học chữ nho; lớp người lớn, lớp trẻ con, trường con trai, trường con gái, thứ tự phân minh lắm » (1).

Các môn học « mới » đều được cổ súy: địa lý, sử ký, toán pháp, cách trí, vệ sinh, thể dục, giáo dục công dân... và ngay cả môn kinh tế chính trị! Và dĩ nhiên, tất cả những phương pháp sư phạm « tối tân » nhất mà họ được biết: giảng sách, đọc báo, bình văn, diễn thuyết, thảo luận, đóng kịch... Lại có một giáo viên hoàn thành được một bản đồ Việt Nam to tướng, thu hút cả khách hiếu kỳ ở ngoài trường cũng tới xem. Khách cũng như chủ, thầy giáo cũng như học trò chắc hẳn vô cùng cảm động, bởi có thể đây là lần đầu họ được cùng nhau chiêm ngưỡng một cách công khai dung nhan Tổ quốc trên một kích thước quy mô rộng lớn của một bản đồ treo ngay ở Hội quán của nhà trường.

Phương pháp học mới này được chú trọng đặc biệt. Cho nên trong *Văn minh tân học sách*, cũng nói rõ: « ... cho phép học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do, không phải nể hà. Không cần thể cách gì hết. Rồi thêm vào đó mấy bài về toán pháp, về chữ quốc ngữ. Để cho cái mà học sinh học và thi không trái ngược với việc thực tế họ phải làm, như thế thì cũng đã là tàm tạm đúng vậy. »

1) Xem *Đăng cổ tùng báo* số ra ngày 25-1-1907.

https://tieulun.hopto.org

7. **Đề cao nhân bản, phát huy óc sáng tạo.**

Xuất phát từ nhận định: mỗi người là một cứu cánh cho mình, các cụ ở Đông Kinh Nghĩa Thục cho rằng, ai cũng có một bản vị, một nhân cách cả. Giáo dục chỉ đóng vai trò một động cơ thúc đẩy, hay cụ thể hơn, như thanh bạch kim (vật xúc tác) trong bình điều chế nước. Như vậy, vai trò của ông thầy không thể là vị thẩm phán hay quan tòa ngồi trên bục cao để truyền phán, mà chỉ là một vị cố vấn hướng dẫn và nhiệt thành. Ông thầy phải biết tôn trọng tự do – không có nghĩa là buông thả – và phẩm cách của học trò. Có như vậy, người học sinh mới gột rửa được những thành kiến nô lệ cũ. Từ đây, họ nuôi dưỡng tinh thần tự trọng rồi đem đối chiếu với hoàn cảnh thực tại. Họ sẽ biết đâu là nhục, đâu là vinh và họ sẽ bắt đầu nghĩ họ sẽ làm gì cho Tổ quốc.

Theo đúng đường lối giáo dục đó, trường Đông Kinh không chỉ dành riêng cho học sinh trai mà cho cả học sinh gái nữa. « Ít bữa sau, trong nhà số 4 phố Hàng Đào đã có hai lớp học: một nam, một nữ. Học sinh cộng được sáu bảy chục, phần đông là con cháu hội viên. Thời đó, mở lớp cho nữ sinh như vậy quả là một cải cách lớn. Các cụ chẳng những muốn bài trừ tư tưởng « nam tôn nữ ti » của cổ nhân, mà còn muốn cho phụ nữ phải đóng một vai trò trong xã hội, tạo cho họ một nhân sinh quan mới, một lối sống mới » (1). Chúng ta có thể nói rằng Đông Kinh Nghĩa Thục là trường Trung Tiểu học tổng hợp đầu tiên trong lịch sử nước nhà.

Song song với việc đề cao nhân bản, các cụ còn chủ trương cần phải phát huy óc sáng tạo. Những sáng kiến của mọi người cần được khuyến khích: « Trường nên đón

1) Nguyễn Hiến Lê. Sđd. Tr. 48

https://tieulun.hopto.org

thầy giỏi, mua đồ mẫu, chọn người khéo tay, nhanh trí khôn để vào học, rồi triều đình thời thường săn sóc mà dạy dỗ họ. Lại hạ lệnh khắp nước, hễ ai học được kiểu mới thì cũng theo lối châu Âu cấp cho bằng khen làm lưu chiếu, thưởng cho phẩm hàm để ngợi khen họ, cấp lương bổng để khen thưởng họ, cho giữ quyền sáng tạo để hậu đãi họ. Những ai giỏi về khoa cách trí khi học, khi học thì làm cho họ được vẻ vang, sang trọng hơn những người đỗ đại khoa.» (1)

8. Đề cao tinh thần dân tộc và lòng yêu nước.

Tinh thần dân tộc và lòng yêu nước là mẫu số chung cho tất cả mọi phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Thiếu nó, xem như thiếu tất cả. Cho nên bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, mọi hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục đều nhằm vào đó mà nhấn mạnh, mà phát huy không chút ngần ngại.

Lịch sử đã chứng minh, dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc ươn hèn mà là một dân tộc kiên cường, bất khuất, biết oán ghét những kẻ bất lương, biết căm thù bọn xâm lược, một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục trước bất cứ một thế lực cường bạo nào. Một Lý Thường Kiệt phá Tống bình Chiêm còn đó, một Trần Hưng Đạo đại thắng quân Nguyên ở sông Bạch Đằng còn kia... Tinh thần kiên cường của cha ông đã bảo tồn được danh dự cho Tổ quốc. Chúng ta, con cháu về sau, không có quyền phản bội, tự trói tay mình làm nô lệ cho ngoại bang. Thể theo tinh thần đó, ông Phan Tử Trực, trong một bài dạy sử Việt Nam đã nói:

Giống ta chẳng giống mọi,
Dòng ta chẳng phải hèn.

1) *Văn minh tân học sách*. Xem toàn văn ở phần sau.

https://tieulun.hopto.org

Bạch Đằng phá quân Nguyên,
Chi Lăng đuổi tướng Minh.
Cũng rắn cắn gà nhà,—
Người xưa rất khinh bỉ! » (1)

Quyển *Nam quốc địa dư* được soạn ra nhằm cung cấp cho học sinh hiểu biết về địa lý của đất nước « ... để khích lệ phát động tư tưởng quốc gia » và trong lời *Tựa*, tác giả cuốn sách cũng nhấn mạnh:

« Than ôi! Thương thay! Dân nước ta còn ai cỗ tâm huyết nữa hay không? Còn ai có lòng yêu nước nữa hay không? Xin có một lời kính cáo đồng bào rằng: « Người nước ta không thể không yêu nước mình. Muốn yêu nước không thể không biết cương vực hình thể, phân khu, phong tục, chính trị, khí hậu, thổ nghi của nước mình... Và muốn thế trước hết xin hãy đọc địa dư của nước mình » (2).

Cũng có nhiều bài học được soạn bằng chữ quốc ngữ theo thể lục bát để học sinh dễ nhớ như *Bài ca địa dư và lịch sử nước nhà*. Nội dung của các tài liệu này rất chú trọng đề cao truyền thống dựng nước và giữ nước oanh liệt của dân tộc, qua đó bồi đường, nâng cao lòng yêu nước và tự hào dân tộc cho học sinh. Đây là đoạn kết bài *Tựa* cuốn *Nam quốc vĩ nhân truyện*: « ... Rồi đây khí thiêng non nước hun đúc nên người giữa thời buổi gió Âu mưa Mỹ này, biết đâu sẽ có kẻ vì Tổ quốc mà quét mù vén mây, khai thác hẳn cho nước nhà một bầu trời quang đãng lẫy lừng » (3).

Đồng thời, lòng yêu nước cũng được kích động bằng những bài ca vạch trần tội ác của thực dân Pháp, như các bài *Đề tỉnh quốc dân ca*, *Hát ngoại huyết thư*, bài *Thiết tiền ca*... những thiên hùng ca có tính chất đại

---

1—2. Xem toàn văn ở phần sau.

https://tieulun.hopto.org

chung, không những được học trong trường mà còn lưu truyền trong dân gian đến nay đã trải qua mấy thế hệ. Và một khi mọi người đã có một lòng yêu nước nồng nàn, biết đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên hết, thì việc đánh đuổi thực dân xâm lược không phải là không làm được.

9. Giáo dục sơ đẳng và giáo dục chuyên môn

Tiếp tục phân tích chương trình giảng dạy, chúng ta thấy Đông Kinh Nghĩa Thục chú tâm xây dựng hai bậc học: « kiến thức cơ sở » và « kiến thức chuyên môn », cũng giống như Khánh Ứng Nghĩa Thụ ở Nhật Bản đã thực hiện. Đó cũng là những nguyên lý cơ bản không thể vắng mặt trong bất cứ một chương trình giáo dục nào. Tiếc rằng trường hoạt động không được lâu, để cho phép chúng ta thấy rõ kết quả của nó là thế nào. Song chỉ căn cứ vào thời gian ngắn nhà trường hoạt động và dựa theo tài liệu được biết, chúng ta cũng hé thấy mối quan tâm đặc biệt của các vị sáng lập ra nền giáo dục đó.

Trước, hết trường Đông Kinh đã làm cho người Việt lần đầu tiên trong lịch sử chấp nhận ồ ạt một thứ chữ mới căn cứ vào mẫu tự Latinh làm văn tự quốc gia và đồng thời làm chuyển ngữ giáo dục. Sau đó, cũng lại lần đầu tiên trong lịch sử giáo dục Việt Nam, trường đã thành công tách rời thi cử ra khỏi giáo dục, hai ý niệm hầu như đồng nhất với nhau một cách tai hại trong học đường cũ. Quyển *Quốc dân độc bản* của Đông Kinh Nghĩa Thục có một bài « *Bàn về cái hại của khoa cử* », đã viết:

« ... Khoa cử và trường học không cùng một lý do trong khi thành lập, Khoa cử sớm muộn gì rồi cũng bãi bỏ. Phàm các bạn thiếu niên ta nên chuyên sức ở lối học thực dụng. Đừng lấy khoa cử làm loạn

https://tieulun.hopto.org

chí hướng của mình. Còn cái bậc thực thụ nông công thương, cũng nên bảo con em đi học các trường thực nghiệp của nước ngoài, để cho nghề gốc của mình thịnh vượng lên mà chiến thắng cái hư vinh của khoa cử vạn vạn lần vậy. Chứ nếu cứ đâm đuổi trong phong khí bỏ *sách, luận* ra thì lại làm *bát cổ*, bỏ *bát cổ* ra thì lại làm *sách, luận*... như thế thì làm sao mà quốc gia có ngày hưng thịnh được?» (1)

Theo quan niệm mới, học không phải chỉ để đạt mà là để làm người dân, làm người hữu dụng. Hãy nghe vị Giám học của trường nói rõ hơn mục tiêu căn bản đó của Đông Kinh Nghĩa Thục:

«Duy có lớp trung học, đại học thì học chữ Pháp, chữ Hán, còn từ trung tiểu học trở xuống, bất cứ nam nữ đều học quốc ngữ, nhưng lớp trên lớp dưới cũng vậy, chỉ cốt HỌC ĐỂ LÀM NGƯỜI DÂN, chứ không học lối từ chương khoa cử là cái di độc ngày xưa còn lại, lúc bấy giờ chúng tôi ghét lắm» (2).

Nhằm cung cấp cho học sinh những kiến thức căn bản của một công dân theo quan niệm tân học (như ở mục 6 đã phân tích trình bày), nhà trường đã sử dụng nhiều tài liệu giáo khoa, trong đó tài liệu có tầm quan trọng đáng kể nhất là cuốn *Quốc dân độc bản*. Đây là cuốn «vỡ lòng» cho học sinh tập đọc. Trong sách này, chúng ta thấy chủ trương của các sĩ phu Đông Kinh Nghĩa Thục có khuynh hướng rõ rệt chuyển một học chế phục vụ thiểu số «Công khanh, Đại phu» tới một nền giáo dục nhằm phổ cập trong đông đảo quần chúng nhân dân. «Quốc dân» là khái niệm cơ bản trong toàn

1. Xem toàn văn ở phần sau

2. Đào Trinh Nhất: *Đông Kinh Nghĩa Thục* Nxb Mai Lĩnh. Hà Nội, 1937. Tr.22.

https://tieulun.hopto.org

bộ tập sách. Lòng yêu nước không còn căn cứ vào hai chữ «Trung quân» như xưa. Tác giả lại giải thích cho người học một số khái niệm như thế nào là «xã hội», «quốc gia», «quốc dân», thế nào là hợp quần, ái quốc, cạnh tiến... và tôn trọng lợi ích công cộng, với chủ đích làm cho mọi người trong nước «hiểu qua loa những nguyên tắc cơ bản trong đời sống xã hội ngày nay». Cuốn «*Quốc dân độc bản*» bán rất chạy. Theo lời Giám Quyền, chỉ trong 9 tháng nhà trường hoạt động, sách được in đi in lại nhiều lần, có thể lên đến mấy vạn bản mà vẫn không đủ để cung cấp cho nhu cầu độc giả trong nước.

Trường Đông Kinh ngoài việc chú trọng giáo dục quốc dân có trình độ «phổ thông cơ sở», còn chú ý đào tạo «cán bộ chuyên môn» cho từng ngành nghề. Nhà trường từng rầm rộ cổ vũ việc dịch thuật các sách khoa học, cũng như khuyến khích việc học nghề. Nó không dừng lại ở việc «Dạy những khoa học thường thức, công nghệ thường thức cho người ta lấy đó mà mưu sinh tự tồn» (1) như cụ Nguyễn Quyền nói, mà còn có cái học «đề cao» của «bậc học cao đẳng với các tài liệu chuyên môn» nữa. Phan Chu Trinh đặc biệt đề cao chương trình này, đến độ hầu như không buổi diễn thuyết nào mà cụ không xen vào vài ý kiến theo đường hướng giáo dục đó. Chẳng hạn, cụ đã cảm động kết luận trong bài «Tỉnh quốc hồn ca» do chính cụ sáng tác:

«Hỡi những người chí cả thương quê,
Mau mau đi học lấy nghề.
Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau!»

1. Đào Trinh Nhất: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nxb Mai Linh. Hà Nội. 1937. Tr.22

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn Phan Lãng, trong bài giảng văn kinh tế chính trị nổi tiếng «Thiết tiền ca» một mặt công kích người Pháp chiếm độc quyền thương nghiệp và công nghiệp tại Việt Nam, mặt khác đề nghị một chương trình giáo dục gồm hai giai đoạn: *phổ thông* và *chuyên môn hóa*:

«... Các thứ học phổ thông đã suốt...
Học CHUYÊN MÔN cốt một nghề cao.
Trong một nước nghề hay đã đủ,
Từ đó mà tiến bộ văn minh.
Rồi mà cũng chế thủy tinh.
Cũng lò đúc sắt, cũng dinh đúc đồng.
Cũng tầu máy qua sông vượt bể,
Cũng điện cơ, điện khí, điện xa.
Cũng buôn, cũng bán gần xa,
Khi vào Tây Cống khi ra Hải Phòng.
Thế mới thực phụ công đi học,
Thế mới là cỗi gốc văn minh!...»

Tóm lại, với hai trọng tâm của chương trình giáo dục ấy, các nhà sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục nhằm chủ đích xây dựng một quốc gia Việt Nam độc lập và giàu mạnh như các nước Âu Mỹ hoặc như nước Nhật Bản. Đó cũng chính là nền tảng cho một đất nước văn minh tiến bộ mà các nhà yêu nước đã phác hoa khá chi tiết các bước đi để đạt tới đó ở trong tác phẩm cơ bản của nhà trường Đông Kinh: *Văn minh tân học sách*.

Văn minh là đổi mới con người, đổi mới xã hội. Giống như vị sáng lập ra Kháng Ứng Nghĩa Thục ở Nhật, tác giả *Văn minh tân học sách* đề cao chính thể dân chủ đại nghị như là định chế tinh túy của Thái Tây. Đối chiếu Đông với Tây, tác giả đi tới kết luận là sở dĩ phương Tây hiện nắm ưu thế trong mọi lĩnh vực là vì người ta luôn ở thế «động», còn mình ở thế «tĩnh». Trở về trường hợp Việt Nam, tác giả lập

https://tieulun.hopto.org

làm nỗi mà cứ qui tội ở trời. Trời chịu trách nhiệm về tội ấy chăng?» (1).

2. Lên án những phong tục tập quán hủ lậu.

Xuất phát từ quan điểm lý luận cho rằng:

«Xưa nay, trong ngoài không nơi nào vài mươi năm, vài trăm năm lại đây không có cuộc biến đổi về những tập tục cũ. Ngày nay, vạn quốc giao thông với nhau, học thức cũng trao đổi với nhau. Các sở trường của kẻ khác có thể dùng để cải biến cái sở đoản của mình. Những tập tục cũ ắt phải biến đổi không ngừng» (2). Cho nên, các nhà sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục kịch liệt đả phá tư tưởng bảo thủ của nhà nho, những hủ tục của xã hội, lên án mạnh mẽ những thói hư tật xấu tồn tại trong nhân dân, coi đó là một trong những trở ngại lớn cho sự nghiệp cứu nước. Bài *Cáo hủ lậu văn* đã kể ra những hiện tượng «hủ lậu» khá điển hình của đám nhà nho cổ lỗ. Tác giả bài văn đã cảnh cáo bọn người chỉ biết tin một cách mù quáng vào người xưa, vào sách cổ đã quá lỗi thời và chỉ ra cái dốt nát, kém cỏi của đám hủ nho nhưng lại tự cao tự đại, chỉ biết sống quanh quẩn sau lũy tre xanh, vùi đầu vào cuộc tranh giành xôi thịt ở chốn đình trung:

«...Ông khoa mục đến thầy tổng lý,
Máu tham ăn vô sỉ lạ đời.
Sao không mở mắt trông người
Năm châu rộng rãi, sáu loài đua tranh.
Còn giữ thói ham giành ăn uống,
Chỉ chầu dầu trong chốn hương thôn...»

Từ nếp suy nghĩ, việc làm đến cả lối ăn mặc, áo quần, đầu tóc... nếu không phải là hợp với khoa học,

1. Xem toàn văn ở phần sau.
2. Xem bài «*Bàn về sự khó khăn của việc biến đổi tập tục cũ*», ở phần sau.

https://tieulun.hopto.org

hợp với « văn minh tiến bộ », các cụ Đông Kinh Nghĩa Thục đều có ý kiến phải sửa đổi, phải phế bỏ, phải cải tạo. Chẳng hạn với cái « búi tóc củ hành », các cụ cũng lên án, coi đó là tàn tích tệ hại của một thời, là biểu hiện của sự câu nệ, cổ hủ, cho nên cần phải cắt bỏ. Hơn nữa, đó cũng chính là tàn tích của một thời nô lệ Trung Hoa. Cụ Phan Tây Hồ đã có lần thuyết trình trước công chúng tại Hà Nội về việc làm này như sau:

« Mấy ngàn năm trước, dân tộc ta « đoạn phát văn thân » (cắt tóc xăm mình). Từ khi Triệu Đà cướp nước mới nhiễm tục Trung Hoa, nhưng chỉ một số người ở thành thị theo họ mà thôi. Tới đời nhà Minh chia nước ta thành quận huyện, cưỡng bách toàn dân ăn mặc như họ, thì trai mới búi tóc, gái mới mặc quần hai ống, và người mình thành người Tàu. Ngày nay – chỗ này cụ lớn tiếng – may mà trời mở lòng người, một sớm thức tỉnh, cả nước duy tân, anh em cắt phăng cái búi tóc đi, khiến cho cái lũ « xuẩn xuẩn vi trùng » (ám chỉ thực dân Pháp) không có đất thực dân trên đầu ta mà hút máu ta, thì há chẳng phải là đại khoái ư ? Sao, anh em mình nghĩ sao ? » (1).

Và theo Nguyễn Hiến Lê thì sau cuộc nói chuyện của cụ chưa đầy nửa tháng, khắp Hà thành đi đâu người ta cũng nghe hát bài « Húi hè ! » mà không biết tác giả là ai. Bài hát đó có đoạn :

« Tay trái cầm lược,
Tay phải cầm kéo.
Húi hè ! Hút hè !
Thủng thẳng cho khéo.

1. Nguyễn Hiến Lê : Sđd, Tr. 58.

https://tieulun.hopto.org

Bỏ cái ngu này!
Bỏ cái dại này!
. . . . . .
Ngày nay ta cúp,
Ngày mai ta cạo!! »

Phải chăng « phong trào cắt tóc » mà thực dân Pháp gọi là « Les cheveux coupés » này vốn xuất phát từ phong trào Duy tân ở Trung Kỳ những năm 1905 – 1908 do Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp đề xướng đã lan rộng và ảnh hưởng xâm nhập cả vào phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục? Hồi ấy ở miền Trung, phong trào cắt tóc ngắn được hưởng ứng nhiệt liệt nhất. Đầu cắt tóc ngắn được coi như dấu hiệu của lòng yêu nước, chí tiến thủ. Phong trào lan rộng ra miền Bắc, và đến lượt Đông Kinh Nghĩa Thục cũng coi đó là một nội dung hoạt động có ý nghĩa nhằm cải cách tư tưởng văn hóa xã hội đương thời.

Từ việc cắt tóc ngắn, họ đã khởi hài hóa một cách có ý nghĩa đến việc cạo tóc đi tu. Nguyễn Quyền, Giám học Đông Kinh Nghĩa Thục đã làm bài thơ « ***Phen này cắt tóc đi tu*** » phổ biến trong công chúng:

« Phen này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh Độc lập, ở chùa Duy tân.
Đêm ngày khấn vái chuyên cần,
Cầu cho ích quốc lợi dân mới là.
Quyết tu sao cho mở trí dân nhà,
Tu sao độ được nước ta phú cường... »

Song song với những việc này, các nhà sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục đã gây một phong trào cải tạo đời sống văn hóa xã hội ở nông thôn. Nạn cường hào, ác bá, hương ẩm, xôi thịt, tranh chấp chỗ ngồi cao thấp, « một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp » cũng bị chỉ trích kịch liệt. Đồng thời, những

https://tieulun.hopto.org

thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè, mê tín quàng xiên cũng bị lên án gắt gao:

» Bỏ nghề cờ bạc tham dâm,
Bỏ nghề đại chợ khôn nhà bẩy lâu.
Bỏ ý thế, bỏ câu tiểu khí,
Bỏ tranh phi, bỏ lý sự cùn.

.....

Điều tục lệ, điều chi cũng đặt,
Đổi cho rồi cái thói bẩy lâu! » (1).

Những hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục về mặt xã hội trên đây, cộng với những hoạt động đa dạng khác về mặt văn hóa giáo dục như đã trình bày cho ta thấy rõ hơn tính chất của Đông Kinh Nghĩa Thục không bó hẹp trong phạm vi văn hóa – giáo dục, mà có ý nghĩa như là một cuộc vận động cải cách tư tưởng – văn hóa để đạt tới mục đích duy tân đất nước và tiến tới giành độc lập dân tộc.

Về kinh tế.

Đông Kinh Nghĩa Thục không chỉ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa – xã hội để nhằm « hóa dân » (mở mang trí dân), mà một vế khác, không kém phần quan trọng, còn phải làm cho « cường quốc » (làm cho nước mạnh). Dân và Nước vốn có quan hệ khăng khít với nhau. Dân khôn dân giàu thì nước mới có thể mạnh được. Trong những bài học nhằm giáo dục quốc dân và cả ở rất nhiều thơ văn khác của Đông Kinh Nghĩa Thục đã nói khá nhiều về vấn đề này. Mở đầu của bài học *« Dân mạnh thì nước mạnh »* của cuốn *Quốc dân độc bản*, tác giả nhấn mạnh ý nghĩa:

(1) Dẫn theo Thanh Lãng: *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*. Nxb Trình bày, Sài Gòn. 1967. Tr. 95.

https://tieulun.hopto.org

« Ôi! Nước sao có thể tự làm cho mạnh hay yếu được? Mạnh hay yếu là ở dân vậy. Nước có dân như thân người có bốn chi trăm thể. Chưa có chuyện bốn chi trăm thể không mạnh mà thân người có thể mạnh, cũng như chưa có chuyện dân không mạnh mà nước có thể mạnh được! » (1)

Vậy muốn nước mạnh thì dân phải mạnh, phải giàu, phải biết sản xuất, kinh doanh, trao đổi... để cho có nhiều sản phẩm vật chất làm cho đời sống kinh tế dồi dào. Nhưng nhìn vào thực tế nước nhà lúc này, thật đáng buồn: nông nghiệp lạc hậu, sản xuất trì trệ., công nghiệp, tiểu thủ công không phát triển được. Như thế thì làm sao mà nước có thể giàu mạnh được!

Các nhà lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục đã chỉ ra nguyên nhân của nền nông nghiệp nước ta sút kém là vì:

« Đất núi rừng hãy còn pha sỏi đá. Cày bừa vẫn còn nguyên nông cụ cổ xưa. Nạn úng thủy và hạn hán chưa phòng ngừa được trước, mương rãnh chưa thuận tiện cho việc giữ nước và tiêu nước. Xem ngạn ngữ có câu: « Mồng chín tháng chín có mưa, mẹ con đi sớm về trưa mặc lòng ». Lại có câu: « Mồng chín tháng chín không mưa, mẹ con bán cả cày bừa mà ăn ». Như vậy là nhà nông ta phó mặc vận mệnh cho trời xếp đặt. Gặp năm mất mùa mà thóc gạo lại cho người ngoại bang chuyển đem đi thì người dân không khỏi bị đói, mặt xanh như tàu lá. Như vậy khoa nông học há chẳng cần được giảng dạy gấp rút hay sao? » (1)

---

1. Xem toàn văn ở phần sau.

1. Bài « *Nông công thương nghệ* » trong cuốn *Quốc dân độc bản*. Xem toàn văn ở phần sau.

https://tieulun.hopto.org

Về công nghệ.

Sản xuất của nước ta cũng sa sút, vì:

«Duy vẫn khư khư lối cũ, «ôm cây đợi thỏ». Sản phẩm vẫn còn nhiều chỗ thô sơ không có kiểu cách mới, không tìm tòi được cái đẹp để vượt hơn người. Do đó mà việc tiêu thụ bị đình trệ. Nếu ta biết họp nhau lại thành đoàn thể, mở mang xưởng thợ, vận dụng trí não để chế tạo máy mới, máy càng tinh xảo thì đường tiêu thụ càng mở rộng, như vậy nền công nghệ của ta há lại không lừng danh trong giới kỹ xảo hay sao?» (1).

Về thương nghiệp, về các ngành tiểu thủ công.

Các cụ ở Đông Kinh Nghĩa Thục cũng như những «cộng tác viên» của Đông Kinh Nghĩa Thục, qua thơ văn tuyên truyền yêu nước của họ và được Đông Kinh Nghĩa Thục dùng làm tài liệu giảng dạy chính thức của nhà trường như *Đề tỉnh quốc dân hồn* của Phan Bội Châu, *Hợp quần doanh sinh thuyết* của Nguyễn Thượng Hiền, *Học công nghệ, học buôn bán* của Phan Chu Trinh... đều chỉ rõ nguyên nhân «dân chưa giàu, nước chưa mạnh» và chỉ ra «phương châm, phương pháp» bổ cứu tình trạng đó. Tóm lại, các cụ đã biết được sự cần thiết, sự cấp bách phải «chấn hưng kinh tế», phải trau dồi thực nghiệp để có thể đạt được mục đích «cường quốc», mà đường lối hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục đã xác định từ đầu.

Vấn đề là ở chỗ thực hiện. Và ai là người đứng ra thực sự làm cái việc «chấn hưng kinh tế» ấy? Cũng chính là các Cụ, những sĩ phu yêu nước đồng thời là

1. Bài «*Nông-công thương nghệ*» trong cuốn *Quốc dân độc bản*. Xem toàn văn ở phần sau.

https://tieulun.hopto.org

những yếu nhân của Đông Kinh Nghĩa Thục: Đỗ Chân Thiết, Phương Sơn, Hoàng Tăng Bí, Tùng Hương, Nguyễn Trác, Nghiêm Xuân Quảng, Ngô Quang Doan...

Đỗ Chân Thiết là con một nhà gia thế ở làng Thịnh Hào có một hiệu buôn kim hoàn ở phố Hàng Bạc. Cụ sớm tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục. Để duy tân đất nước, phát triển kinh tế, nhất là để có tiền ủng hộ phong trào Đông du của Phan Bội Châu, Đỗ Chân Thiết và Phương Sơn đã góp vốn lập hội buôn. Các cụ đến tận Hải Dương, Thái Bình mua gạo chở về Hà Nội bán. Nhưng vì chưa quen với công việc buôn bán, nên chẳng bao lâu lại phải bỏ vì thua lỗ!

Sau đó, Đỗ Chân Thiết lại cùng các đồng chí hùn vốn mở hiệu buôn « Đồng Lợi Tế » ở phố Mã Mây, chuyên buôn bán hàng nội hóa, không bán những hàng do Trung Quốc sản xuất. Được ít lâu, Đỗ Chân Thiết lại mở hiệu « Tụy Phương » ở gần ga Hàng Cỏ chuyên bán thuốc bắc.

Hoàng Tăng Bí và Nguyễn Quyền mở công ty « Đông Thành Xương » ở phố Hàng Gai vừa buôn bán hàng tạp hóa, vừa làm công nghệ như dệt xuyến hoa đại đóa, ướp trà sen không kém gì hàng nước ngoài.

Từ năm 1907 – 1908 trở đi, hàng loạt các công ty buôn bán xuất hiện ở Hà Nội do các hội viên của Đông Kinh Nghĩa Thục hoặc chịu ảnh hưởng của tư tưởng duy tân mà hùn vốn kinh doanh như: Đồng Lợi Tế buôn bán hàng nội hóa; Công ty Quảng Hưng Long, buôn nội hóa; Đồng Tân Hưng buôn bán và làm đồ sơn; Đông Thành Xương của Hoàng Tăng Bí và Nguyễn Quyền; Công ty Nghiêm Xuân Quảng buôn bán the lụa Thái Bình; Công ty Đồng Ích dệt và xuất khẩu lụa v.v...

Phong trào lập hội kinh doanh lan dần ra các tỉnh. Cụ Tùng Sơn, anh cụ Phương Sơn mở hiệu buôn Phúc Lợi Tế ở Phúc Yên và hiệu Hưng Lợi Tế ở Hưng Yên.

https://tieulun.hopto.org

Tiếp đến, cụ Nguyễn Trác mở hiệu buôn Sơn Thọ ở Việt Trì vào năm 1907 buôn bán các đồ nội hóa như quạt lông, hàng mây tre đan của làng Đại Đồng (Sơn Tây), khay trúc ở Nghệ An, giày Kinh, lãnh Bưởi, lãnh Sài Gòn v.v... Phong trào có ảnh hưởng mạnh, đến nỗi cụ Nghiêm Xuân Quảng đương làm An sát cũng xin cáo quan về hưu để ngồi buôn tơ.

Phong trào lập hội buôn lan cả vào Trung Kỳ và Nam Kỳ. Ở Thanh Hóa, công ty Phương Lâu lập từ trước, nay do ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục mà mở rộng kinh doanh, lập thêm chi nhánh ở Vinh, Hà Tĩnh và ở Huế! Nghệ An có Triêu Dương thương quán của Ngô Đức Kế và Đặng Nguyên Cẩn. Ở Nam Ngãi có Quảng Nam công ty vốn chừng 20 vạn đồng và Liên Thành công ty lập năm 1907.

Ở Nam Kỳ có Chiêu Nam Lầu của Nguyễn An Khương (thân sinh Nguyễn An Ninh), một thủ lĩnh của phong trào duy tân ở Nam Kỳ và một trong những người đầu tiên hưởng ứng phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, cũng là một nhà văn có tiếng đầu thế kỷ XX, trợ bút của tờ «Nông cổ mín đàm» ở Sài gòn. Ở Sài Gòn còn có Minh Tân khách sạn của Tri phủ Trần Chánh Chiếu. Ở Bến Tre có hiệu thuốc bắc Tư Bình Đường. Ở Long Xuyên có hiệu Tân Hợp Long của Hồ Nhật Tân và còn có một tiệm buôn khác của Nguyễn Đình Chung.

Ngoài việc lập các hội buôn, sản xuất thủ công, một số người còn đứng ra *dò tìm và khai mỏ*. Nhưng công việc này, các nhà nho không thể lấy nhiệt tình để thay kỹ thuật, nên không thể phát triển được. Một số người lên tận vùng rừng núi Tây Bắc dò hỏi và tìm đến những nơi nghi là có mỏ, lấy một ít đất đá quặng khoáng đem về Hà Nội thuê xét nghiệm, nếu đúng thì làm đơn xin Nhà nước cấm đất khai mỏ! Tiêu biểu nhất,

https://tieulun.hopto.org

trong hoạt động này là Bùi Xuân Phái giáo học ở Ninh Bình, bỏ vốn thuê người khai thác mỏ than ở Nho Quan. Mỏ này có than đá nhưng còn non, người Pháp trước đó đã thăm dò phát hiện ra nhưng không đạt quy cách, họ không khai thác. Bùi Xuân Phái vẫn đứng ra khai thác, nhưng công việc nghe chừng khó khăn, lời lãi không đáng kể, nên sau đó ông đã phải bán lại cho một nhà tư sản Hoa kiều.

Một mặt hoạt động khác của Đông Kinh Nghĩa Thục nhằm *khuyếch trương nông nghiệp*, chấn hưng kinh tế là lập đồn điền khai hoang, giạo trồng cây lương thực. Trực tiếp phụ trách phần việc này là Đốc tướng quân (1) và Bùi Đình Tá. Đốc tướng quân cho mở đồn điền trồng lúa ở châu Yên Lập (Hưng Hóa), khai phá được khoảng 50 mẫu đất, sau đó đón một số người quê ở tỉnh Thái Bình cùng lên làm ở đồn điền này như cụ Hai Tiềm, cụ Quán... Họ cho đốn cây đốt lấy than và chở lên Phú Thọ, Yên Bái bán. Nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn, không hợp khí hậu, thường bị sốt rét ngã nước, lại chưa có kinh nghiệm tổ chức, quản lý... nên cuối cùng công việc phải bỏ, đồn điền trở nên hoang hóa!

Bùi Đình Tá cùng với Phan Tứ hùn vốn khai phá một đồn điền ở huyện Mỹ Đức (Hà Đông cũ) gần chùa Hương Tích. Bùi Đình Tá là một nhà tân học có lòng yêu nước, ông tham gia dạy ở Đông Kinh Nghĩa Thục,

---

1. Theo Nguyễn Hiến Lê, Sđd, Tr.105, thì người ta quên mất tên thật của ông và cũng không rõ ông quê ở Hưng Yên hay Phủ Lý. Nhưng theo tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình thì Đốc tướng quân có thể chính là Ngô Quảng Đoan (Ấm Đoan) con nhà thủ lĩnh văn thân Ngô Quang Bích người ở Trình Phố, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Ngô Quảng Đoan cũng sớm tham gia hoạt động trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

https://tieulun.hopto.org

đồng thời mở luôn một «cô nhi viện» bên cạnh đồn điền để nuôi dạy trẻ mồ côi. Việc mở đồn điền này cũng để lấy tiền nuôi trại trẻ của ông và ủng hộ tài chính cho Đông Kinh Nghĩa Thục. Ông vừa tổ chức dạy chữ quốc ngữ cho trẻ, vừa cho trẻ tập làm các công việc đồng áng tùy theo độ tuổi. Đó là sáng kiến rất mới và là việc làm táo bạo. Nhưng do không đủ vốn để hoạt động, lại bị mất mùa liền hai vụ, đến nỗi phải bán cả những vật dụng trong đồn điền để chi phí cho «cô nhi viện», nên cuối cùng công việc đành bỏ dở!

Từ khi đồn điền ở Yên lập và ở Mỹ Đức phải dẹp bỏ vì lỗ vốn, chương trình phát triển nông nghiệp của Đông Kinh Nghĩa Thục không thể tiến hành được nữa!

III – PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC Ở CÁC TỈNH (1)

Nghiên cứu Đông Kinh Nghĩa Thục với tư cách là một phong trào cải cách tư tưởng văn hóa xã hội, chúng ta không thể không chú ý đến những hoạt động khác của nó và của «những chi nhánh» của nó ở trên một địa bàn rộng lớn.

Đông Kinh Nghĩa Thục đã từng cử những hội viên của mình đi diễn thuyết tại nhiều địa điểm ở Hà Nội và xung quanh Hà Nội với nhiều đề tài khác nhau có tính chất thời sự hoặc lịch sử. Qua các đề tài lịch sử, diễn giả gợi lại quá khứ oanh liệt của dân tộc, ca ngợi các nhân vật lịch sử có công với nước. Cũng có

1. Viết phần này, chúng tôi được bạn Hồ Nhường cung cấp cho một số tài liệu mới. Nhân đây, xin tỏ lời cảm ơn bạn Nhường. C.T.

https://tieulun.hopto.org

khi nói về lịch sử thế giới như về cuộc cách mạng 1789 của Pháp, về cuộc đấu tranh giành độc lập của Mỹ, sự nghiệp của Hoa Thịnh Đốn. Khi nói về cách mạng Pháp, diễn giả thường liên hệ so sánh tình hình xã hội Việt Nam lúc bấy giờ với xã hội Pháp trước cách mạng. Trong nhiều buổi diễn thuyết, Nguyễn Quyền hay động viên thính giả bằng câu: «Người An Nam mình đang chìm đắm trong cảnh nô lệ. Nông dân, binh lính, kỹ lục, cu ly, tất cả đều phải hợp quần, chung sức để giành lại độc lập bằng con đường tự do, bình đẳng, theo gương Nhật Bản để trở nên ngang hàng với các dân tộc phú cường» (1). Các diễn giả cũng thường xuyên nói về đề tài xây đựng nếp sống văn minh, hô hào nhân dân bài trừ hủ tục (mê tín dị đoan, cắt tóc ngắn, bỏ rượu chè, ma chay, khao vọng, v.v...), dùng hàng nội hóa, mặc quần áo ngắn.

Đông Kinh Nghĩa Thục còn tổ chức các buổi bình văn, đọc báo ở các địa phương quanh Hà Nội, nhiều nhất là ở Hà Đông, quê hương của nhiều sáng lập viên có tên tuổi. Vũ Trác, Hoàng Tăng Bí nhiều lần về diễn thuyết bình văn ở đây. Phan Chu Trinh cũng có lần về Hà Đông diễn thuyết. Sư ông Như Tùng ở chùa Cao (Sài Sơn, Sơn Tây) là một cổ động viên rất đắc lực của Nghĩa Thục, vì giọng bình văn lên bổng xuống trầm của ông rất có khả năng thuyết phục người nghe. Nơi diễn thuyết đầu tiên là làng Phương Canh (Hoài Đức) sau đó là các xã Tây Tựu, Hạ Hồi, Thượng Cát, Yên Lộ, Tây Mỗ (thuộc Hoài Đức), Đan Hội (Đan Phượng), Phúc Diễn (Ứng Hòa), Nhị Khê (Thường Tín).

1. *Agitation anti-francaise dans les pays annamites de 1905 và 1918*. Gouvement général. Sureté générale. p—72.

https://tieulun.hopto.org

Trong các buổi bình văn, các cổ động viên giới thiệu với người nghe những tác phẩm thơ văn yêu nước và hô hào duy tân do nhà trường sáng tác hoặc của Phan Bội Châu gửi về, hoặc của Nguyễn Thượng Hiền nhằm hưởng ứng Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhiều bài được nhân dân ưa thích và truyền đi rộng rãi. Uy tín của Đông Kinh Nghĩa Thục trước ngày bị giải tán quả là vượt xa các trường học của chính quyền thực dân Pháp. Tại Hà Nội và những vùng phụ cận, chỉ nghe tên «Thục» là người dân hiểu ngay Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhiều nơi đang rộn rịp mô phỏng để thành lập nhiều «phân hiệu» hoặc nhiều «Thục» quy mô nhỏ hơn. Chính vị Giám học của Đông Kinh Nghĩa Thục đã kể lại dự án đó:

«Chúng tôi lập Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội là cốt thử nghiệm. Nếu thấy thành hiệu thì trong ít lâu mỗi kỳ Trung, Nam, Bắc sẽ có một đại học đường như thế, rồi tính lần lần về sau mỗi tỉnh, mỗi phủ cũng có một Đông Kinh Nghĩa Thục nữa» (1).

Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đang trên đà phát triển. Ở Hà Đông đã thành lập được ba phân hiệu nghĩa thục:

Phân hiệu ở Thôn Canh (Hoài Đức) là cơ sở đầu tiên của Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Đông do ông Đỗ Thuật và Nguyễn Xuân Vũ, Nguyễn Đình Tuyên đứng ra tổ chức, vận động nhân dân quyên góp tiền mua báo và đóng bàn ghế học tập. Hàng tháng giảng bài hai lần vào ngày mồng một và ngày rằm âm lịch. Dựa theo các

1. Đào Trinh Nhất. Sđd. Tr.22.

https://tieulun.hopto.org

tờ *Đại việt tân báo* và *Đăng cổ tùng báo*. Giảng bài thường kết hợp với việc tuyên truyền bài trừ ngôi thứ, tệ xôi thịt «hương ẩm», tệ mê tín dị đoan, hô hào phát triển công kỹ nghệ v.v...

Phân hiệu ở Tây Mỗ (Hoài Đức) do Nguyễn Hữu Toán, Tú Kinh, Đỗ Đam, Đỗ Lợi, Bá Quỳnh, Nguyễn Hữu Đạm, Nguyễn Văn Khuyên đứng ra tổ chức. Bên cạnh việc giảng bài một tháng hai lần, còn tổ chức các hội hiếu và các tổ đọc báo. Các hội hiếu chủ trương cải cách ma chay như: ai có cha mẹ chết thì giúp nhau chôn cất, không dùng xôi thịt, vàng mã, khi chôn không tế mà chỉ đọc điếu văn. Ở phân hiệu này đã vận động mọi người bỏ tết «mồng ba tháng ba» (tết trôi chạy, tưởng niệm Giới Tử Thôi là tục lệ của người Trung Quốc) mà ăn tết ngày 10 tháng 3 là ngày giỗ tổ Hùng vương.

Phân hiệu ở Tân Hội (Đan Phượng) do Nguyễn Văn Hoán tổ chức. Những ngày giảng bài hàng tháng nhân dân vùng lân cận đến nghe rất đông. Nhiều người nhiệt tình đã góp mỗi người 5 đồng để chi phí cho việc cử người xuất dương du học theo phong trào Đông du của Phan Bội Châu. Nhờ có tiền, trường đã cử hai người là Nguyễn Văn Phú ở Hạ Hội và Nguyễn Khắc Niệm ở Phú Diễn đi Trung Quốc du học (1).

Ở làng Chèm (Từ Liêm) nhân dân tham gia phong trào khá đông. Họ tổ chức những buổi bình thơ văn, kích động lòng yêu nước. Ở đây họ đã lập một tổ chức

1. Hai người này sau đều bị Pháp bắt. Nguyễn Văn Niệm bị mất tích, Nguyễn Văn Phú bị xử tử ở Nam Định ngày 11-10-1916. (Theo tài liệu do Ty Văn hóa Hà Đông sưu tầm, do các cụ Vũ Xuân Thụy, Vũ Xuân Nhạm ở Hòe Thị (Hoài Đức) và cụ Nguyễn Văn Hoán người trực tiếp tham gia phong trào cung cấp).

https://tieulun.hopto.org

yêu nước hoạt động bí mật đặt trụ sở ở hiệu thuốc bắc ngay bờ đê làm nơi tụ họp. Phan Chu Trinh, Hoàng Tăng Bí cũng thường về đây diễn thuyết, bình văn.

Phong trào lan rộng đến cả Hải Dương, Thái Bình.

Ở Hải Dương, do tiếp thu được tư tưởng duy tân của Đông Kinh Nghĩa Thục, nhiều nhà nho yêu nước đã đứng lên tuyên truyền cổ động cho chủ trương đường lối duy tân cải cách của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Tại làng Tạ Xá (nay thuộc xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách) đã hình thành được một «hội» đọc báo, bình văn thơ yêu nước của Đông Kinh Nghĩa Thục tiến hành hoạt động khá đều đặn, đứng đầu là các cụ Trần Văn Thân, Mạc Văn Diệm, Lê Bích Đào, Trần văn Truy và qua các cụ, những tư tưởng yêu nước thâm nhập vào quần chúng nhân dân. Cho đến nay, sau hơn 70 năm rồi mà ở đây các cụ còn nhớ được khá nhiều thơ ca Đông Kinh Nghĩa Thục, đặc biệt có bài hình như chỉ được phổ biến ở nơi đây mà thôi, như:

«... Trông cố quốc lòng đau khôn xiết,
Bốn mươi năm nước Việt làm than.
Thương ôi! nước mất nhà tan.
Dưới sông máu chảy, trên ngàn xương phơi.
Thân nô lệ làm tôi tớ Pháp,
Thương ôi! một cõi giang sơn,
Người nhiều đất rộng kho tàng sạch không
Đồng bào hỡi! liệu thời đứng dậy!...» [1])

Ở Thái bình, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục vùng phát triển khá mạnh. Một tài liệu của thực dân Pháp có ghi lại thực tế ấy như sau:

---

1) Tài liệu ghi được tại phòng truyền thống xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng.

https://tieulun.hopto.org

« ... Có một số nhà nho đầy tham vọng... đã lao vào hành động một cách nham hiểm chống lại chính phủ bảo hộ, nhiều hội kín được thành lập khắp nơi tại Bắc Kỳ. Cuộc chiến tranh Nga Nhật đem lại chiến thắng cho người Nhật năm 1905 đã gây ảnh hưởng sâu rộng trong thế giới da vàng và thúc đẩy nhiều nhà nho Thái Bình xuất dương theo gương Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, chủ yếu họ qua Tàu và Nhật để tìm (theo lời họ) sự giúp đỡ và các phương tiện để giải phóng nước An Nam khỏi ách của người Pháp. Hội Đông Kinh Nghĩa Thục... cũng có rất nhiều hội viên trong tỉnh » (1)

Thái Bình vốn là nơi có phong trào văn thân chống Pháp mạnh mẽ cuối thế kỷ XIX. Khi phong trào đấu tranh vũ trang ở đây bị Pháp đàn áp, tinh thần nhân dân, nhất là các nho sĩ yêu nước không vì thế mà tàn lụi hẳn. Họ sẵn sàng chờ cơ hội mới đứng lên đánh lại thực dân, giành độc lập dân tộc. Đầu thế kỷ XX, các phong trào yêu nước xuất hiện, nhiều người tham gia phong trào Phan Bội Châu hăng hái hoạt động trong tổ chức Duy tân hội và tích cực hưởng ứng Đông du. Ngay phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội cũng có một số người ở Thái Bình tham gia như Đào Nguyên Phổ, Ngô Quang Doan, Phạm Tư Trực nên Thái Bình nhờ đó cũng được ảnh hưởng và sớm có cơ sở để hoạt động và phát triển trên địa bàn tương đối rộng. Ở các huyện Kiến Xương, Tiền Hải, Đông Hưng, Hưng Hà, Quỳnh Phụ đều có phong trào. Các nhà nho yêu nước tiến bộ như Nguyễn Hữu Cương (cả Cương) con cụ Án Kiến (Nguyễn Mậu Kiến), Ngô Quang Doan (Ấm Doan)

1). Tài liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình, dịch từ cuốn *Notice sur la province de Thái Bình*. Tr.15.

https://tieulun.hopto.org

con Ngô Quang Bích, cụ Lý Thoa (Bát Hoa) ở huyện Kiến Xương và Tiền Hải cũng như ở Đông Hưng có các cụ Tú Phạm, cụ Lý Bội, cụ Đặng Xuân Ngạt... đã tổ chức được nhiều nhóm thân sĩ đứng ra mở các trường dạy chữ quốc ngữ cho thanh thiếu niên ở các độ tuổi khác nhau. Nội dung giảng dạy, học tập cũng giống như của trường Đông Kinh ở Hà Nội. Đồng thời cũng hô hào bài trừ hủ tục, tệ nạn hương ẩm v.v... Các nhà nho này cũng tổ chức ra các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp, lấy tiền xây dựng phong trào và ủng hộ cho những người xuất dương, Đông du.

Ở xã An Dục huyện Quỳnh Phụ, phong trào phát triển đến mức những người đứng đầu đã lập ra được một bản « hương ước » mới gồm 24 điều cải lương hương tục đem khắc vào bia đá để ở đình làng, đến nay vẫn còn. Vào giai đoạn phát triển nhất của phong trào, họ đã cử người đi liên hệ với phong trào nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám, cam kết ứng viện cho nghĩa quân Yên Thế. Mặt khác, họ cũng lập ra các hội ái hữu tương trợ lẫn nhau dưới hình thức hội dệt vải, hội hiếu, hội hỉ vv... Một số cửa hàng buôn bán vì công lợi đã ra đời như cửa hàng Đông Động ở thị trấn Đông Hưng do các ông Cử Gia và Chánh Phong phụ trách. Cửa hàng chợ Mới ở xã Quảng Lịch huyện Kiến Xương do ông Lý Thoa chủ trì kinh doanh để lấy tiền ủng hộ phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào Đông du.

Như vậy, Đông Kinh Nghĩa Thục là một phong trào yêu nước xuất hiện ở Bắc Kỳ vào đầu thế kỷ XX, lấy trường học hợp pháp ở Hà Nội làm trung tâm để mở rộng hoạt động của mình trên phạm vi nhiều tỉnh. Hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục, xét về những hoạt động hợp pháp, không chỉ tập trung vào văn hóa giáo

https://tieulun.hopto.org

dục, mà còn mở rộng trên địa hạt kinh tế vừa là cơ sở sản xuất, vừa là cơ sở kinh doanh. Tuy vậy, mặt nổi bật nhất của phong trào là hoạt động văn hóa, giáo dục, xã hội. Trên các lĩnh vực này đã diễn ra cuộc đấu tranh khá quyết liệt về học thuật, về tư tưởng nhằm chống lại những cái lạc hậu của xã hội phong kiến, những cái đó đang là những trở lực ngăn cản sự tiến bộ của dân tộc Việt Nam phát triển hướng theo tư bản chủ nghĩa. Hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục đã có tác dụng lớn trong việc truyền bá tư tưởng duy tân ở nước ta đầu thế kỷ XX.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG BA

VỊ TRÍ CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Như ở phần trên đã trình bày nhiệm vụ lịch sử đặt ra trước thời đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là phải giải quyết hai mâu thuẫn lớn: đánh đổ đế quốc phong kiến và cách tân xã hội, xây dựng một nước Việt Nam độc lập dân chủ, tiến kịp các nước văn minh trên thế giới. Bất cứ phong trào yêu nước nào đầu thế kỷ cũng nhằm hai nhiệm vụ đó. Từ phong trào mang tính chất bạo lực cách mạng của Phan Bội Châu hay phong trào cải lương ôn hòa của Phan Chu Trinh đều đã đạt được những kết quả nhất định. Còn phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, với tính chất và đặc điểm của mình, cũng đã góp phần giải quyết hai nhiệm vụ lịch sử ấy.

Đông Kinh Nghĩa Thục, dưới hình thức hoạt động của một nhà trường « vì nghĩa », hoạt động công khai hợp pháp, đề trước hết giáo dục cho nhân dân *lòng yêu nước*, thương nòi và trách nhiệm của mỗi người dân trước nạn nước. Trong tài liệu giáo khoa, nhà trường đã hết sức nhấn mạnh dạy cho học sinh những bài đầu tiên: « quyền lợi và trách nhiệm », « lòng yêu

https://tieulun.hopto.org

nước », « lòng ái quần », « lòng trung nghĩa », « chí tiến thủ », « óc cạnh tranh » v.v...

« Lòng yêu nước của quốc dân mà sâu nặng thì nước sẽ mạnh giàu. Nước là cha mẹ chung của hơn hai mươi triệu người chúng ta. Không yêu cha mẹ mình và không yêu nước mình đều là trái với thiên tính của loài người!!». (1)

Yêu nước thì phải giữ nước, phải có *lòng trung nghĩa*:

« Nước có nhiều quốc dân trung nghĩa thì nước đó mạnh. Người làm tôi chịu sự ủy thác của vua, của nước, làm việc bảo vệ, giữ gìn cương thổ. Vì như *người nước ngoài làm nhục đến nước*, thì người nghĩa khí là phải *liều chết*. Còn như chỉ biết tiếc thân mình, chỉ lo bảo vệ vợ con mình, nghe đến việc khó thì chuồn, vào cuộc chiến thì bất lực, kẻ đó là loại bề tôi bất trung bất nghĩa, nhục lớn trong thiên hạ vậy.

Làm người dân là có chức phận của mình, dẫu có phải ăn dói đi chân đất mà để nước mình không thể tự lập, thì còn mặt mũi nào mà đứng trên trái đất nữa! Cho nên đã là quốc dân phải có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Không ai là không phải luyện tập việc binh việc võ, làm kế ngăn ngừa hoạn nạn và thù địch. Kẻ nào quên nước thờ thù, cam tâm làm nô lệ, kẻ đó là người dân bất trung bất nghĩa và cũng là điều nhục lớn trong thiên hạ... » (2)

Muốn yêu nước, giữ được nước, làm cho nước giàu mạnh, mỗi người dân phải ý thức được trách nhiệm của mình, đó cũng là « thiên chức » đối với Tổ quốc, và phải có nhiều biện pháp để thực hiện « thiên chức » đó như phải có óc cạnh tranh, phải có lòng tự trọng,

---

1. Bài « *Lòng yêu nước* » Xem toàn văn ở phần sau.
2. *Lòng trung nghĩa*. Xem toàn văn ở phần sau

https://tieulun.hopto.org

phải có chí tiến thủ, phải biết hợp quần, cũng tức là phải biết đoàn kết, đồng lòng, đồng sức... để bảo vệ và xây dựng đất nước. Bài học «vô lòng» của Đông Kinh Nghĩa Thục nhấn mạnh:

«Có được sự cùng sinh cùng dưỡng từ mấy ngàn năm nay là nhờ có sự *hợp quần* vậy. Bẻ gẫy một mũi tên thì dễ, bẻ mười mũi tên thì khó. Có mười người mà mỗi người chèo một thuyền thì chậm, nhưng mười người cùng chèo một thuyền thì nhanh. Bầy càng lớn thì sức một người càng dày. Cho nên, người ta trên thế giới chưa ai lìa bỏ xã hội mà lại có thể sống được. Đã cùng chung một xã hội mà sự đoàn kết có độ dày mỏng là do lòng ái quần của người ta có độ dày mỏng, rộng hẹp...» (1)

«Quốc dân nước ta mà còn muốn tồn tại trên đời, thì ắt là phải đem sức lực, sắt máu để cùng *cạnh tranh*. Nếu cứ chịu để *mất chủ quyền, một ngày chưa lấy lại, thì là một ngày* không còn mặt mũi nào để đứng trên trái đất này...» (2)

Và Đông Kinh Nghĩa Thục, hướng người ta đến mục tiêu:

«Sống trong thời buổi cạnh tranh lớn ngày nay, kẻ kia tiến một thước, ta cũng phải tiến một thước. Cần phải *biết tự cường* vậy. Bọn thiếu niên chúng ta nếu ai ai cũng cố gắng làm quốc dân biết tiến thủ thì ở thế kỷ này, biết đâu cái thế giới của người da trắng kia lại không là thế giới của người da vàng vậy...» (3)

Đông Kinh Nghĩa Thục còn tổ chức nhiều buổi diễn thuyết bình văn, đọc thơ ca để phổ biến trong

---

1. *Lòng ái quần*. Xem toàn văn ở phần sau.
2. *Óc cạnh tranh*. Xem toàn văn ở phần sau
3. *Chí tiến thủ*. Xem toàn văn ở phần sau

https://tieulun.hopto.org

các giới nhân dân những thơ văn yêu nước và cách mạng của các nhà Đông du như thơ của Phan Bội Châu, của Nguyễn Thượng Hiền và của các nhà duy tân cải lương như thơ của Phan Chu Trinh, của Trần Quý Cáp. Qua nội dung thơ văn đó, những tác phẩm đã khá quen thuộc với chúng ta ngày nay như *Hải ngoại huyết thư*, *Đề tỉnh quốc dân ca*, *Đề tỉnh quốc dân hồn*, *Tỉnh quốc hồn ca* v.v... đều nói lên tinh thần chống đế quốc, chống phong kiến rất rõ. Đông Kinh Nghĩa Thục không những chỉ chống về mặt chính trị mà còn cả về tư tưởng xã hội, phong tục tập quán... của cả cái chế độ « thực dân nửa phong kiến » tồn tại đầu thế kỷ.

Như vậy, ta thấy bao trùm nhất trong mọi hoạt động hợp pháp của Đông Kinh Nghĩa Thục là tinh thần dân tộc. Họ hướng tới mục đích giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ áp bức của thực dân phong kiến và nhằm cải tạo cả một nền tư tưởng văn hóa xã hội phản động lạc hậu. Chính bọn thực dân Pháp cũng khẳng định tính chất chính trị của những hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục là nguy hiểm cho chúng và chẳng bao lâu sau chúng đã tìm cách đối phó:

« Trong những buổi nói chuyện hay diễn thuyết, bọn họ xúi giục nhân dân thôn quê chống lại chính phủ Pháp và bọn quan lại lâu nay cộng tác với sự nghiệp của chúng ta » (1).

Và toàn quyền Klobukowsky nói rõ hơn ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục rằng:

« Hàng loạt thơ ca truyền miệng đã đưa vào tới vùng thôn quê hẻo lánh. Có những áng văn, những bài thơ đả kích từ ngoài nước bí mật chuyển về, đem rải khắp trong đô thị... Các cuộc thẩm vấn ở tòa đại hình cho

1. *Báo cáo của Toàn quyền Klobukowsky*. Tài liệu đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

chúng ta biết phương pháp hành động của bọn phát ngôn cho phong trào chống đối ấy. Họ đọc thuộc lòng những đoạn thơ ca dượm một tinh thần yêu nước rất kích động.

Họ đi khắp Đông Dương, tổ chức những buổi họp bí mật và đọc những điều răn mà khẩu khí hùng hồn làm cho thêm phần linh hoạt, và một mặt nữa, vẻ bí mật bao phủ xung quanh họ cũng làm cho câu chuyện họ nói có một sức quyến rũ hơn nữa » (2).

Quả thật những hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục đã có một tác dụng tích cực đáng kể đối với phong trào yêu nước đầu thế kỷ. Những thành công của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, từ chỗ giảng dạy ở trong nhà trường đến những hoạt động ở các lĩnh vực khác đã làm cho chính quyền bảo hộ khó mà ngồi yên. Trước khi có thể dẹp bỏ toàn bộ hoạt động đa dạng của Đông Kinh Nghĩa Thục, chúng thấy cần phải mở ngay một « cửa hàng giáo dục » ăn khách hơn để cạnh tranh với Đông Kinh Nghĩa Thục. Chúng đặt cho cửa hàng này một cái tên thật hấp dẫn « Học Quy Tân Trường », gọi tắt là « Trường Tân Quy ». Trường được khai trương tại Hà Nội, vào cuối năm 1907. Đại khái, trường này mô phỏng một số sinh hoạt của trường Đông Kinh Chẳng hạn, cũng có lớp dành cho trẻ em sơ học dưới 13 tuổi: tuy nhiên, trọng tâm vẫn là những lớp « trung học » thu nhận học viên suýt soát 24, 25 tuổi, và những lớp « đại học » thu nhận các « cụ » sinh viên xấp xỉ ngũ tuần! Bọn Pháp cũng không quên chọn một vị khoa bảng thật rỡ ràng làm đốc học cho cái « học hiệu » hào nhoáng này. Vị đó là Nguyễn Tái Tích, anh ruột nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

---

2. *Báo cáo của Toàn quyền Klobukowsky* Tài liệu đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

Tiếp theo, thực dân Pháp còn quyết định lập thêm một Viện Đại học gồm nhiều phân khoa, không những để thu hút các sinh viên Đông Dương mà còn nhằm lôi cuốn sinh viên toàn cõi Viễn Đông tới học với người Pháp tại Hà Nội bài học văn minh Thái Tây. Ngày 24 tháng chín năm 1907 Toàn quyền Bô đã ra một nghị định chọn hôm 1-11-1907 làm lễ khai giảng cho Trường Đại học này. Nhưng con số sinh viên ghi tên tuyển chọn vào các khoa không quá 50 người. Còn các giáo sư thì gồm 14 vị toàn là những « Tiến sĩ cao đẳng chuyên môn » người Pháp. Nhưng rồi cả hai trường do chính phủ bảo hộ đứng ra thành lập này chỉ là những « đại võ sư chết yểu » ngay sau khi *Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, vào cuối năm 1907 ra quyết định rút giấy phép của Nghĩa Thục, lấy cớ trường này đã làm cho lòng dân nao động.* Đồng thời tờ *Đăng cổ tùng báo* bị đóng cửa, các cuộc diễn thuyết bình văn bị cấm đoán, các tài liệu của Đông Kinh Nghĩa Thục bị tịch thu và coi là những tài liệu bất hợp pháp, nếu ai tàng trữ sẽ bị truy tố. Hai trường của chính quyền mở ra nhằm « dấu » lại Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ hoạt động èo ẹt được mấy tháng rồi cũng được lệnh đóng cửa luôn. Bản thân hai trường ấy không được mấy ai hưởng ứng và việc buộc phải đóng cửa âu cũng là rất phù hợp với chính sách « ngu dân, kìm hãm trí tuệ dân tộc Việt Nam » của thực dân Pháp.

Về tính chất và tác dụng của Đông Kinh Nghĩa Thục đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX, chẳng những phía chúng ta những người Việt Nam, đánh giá cao, mà ngay một nhà sử học người Mỹ, gần đây viết trong tác phẩm « *Phong trào chống thực dân của người Việt Nam từ 1885 – 1925* », cũng khẳng định:

https://tieulun.hopto.org

« Đông Kinh Nghĩa Thục với tư cách một phong trào tồn tại ngắn ngủi nhưng mãnh liệt, thực sự là một hiện tượng chống thực dân, chống cổ truyền. Những chuyện liên quan chính trị lúc ấy, chẳng bao lâu sau, được làm sáng tỏ hơn, bằng những cuộc chống thuế và những âm mưu chống Pháp tương tự trong năm 1908. Vậy ai là người nhiệt tâm bố trí những vụ lộn xộn ấy? Ở đây, tôi tin rằng, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đã đóng vai trò quan trọng, có lẽ là cơ bản, giúp cho những người thanh niên, từ đây sẽ hình thành một thế hệ nối tiếp gồm những người chống thực dân... » (1)

Vậy Đông Kinh Nghĩa Thục đã có mối quan hệ như thế nào với hai xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và của Phan Chu Trinh?

Qua những điều miêu tả, phân tích ở các phần trên, chúng ta dễ dàng thấy rằng, Đông Kinh Nghĩa Thục với phương thức hoạt động công khai hợp pháp và với những nét đặc thù, độc lập của mình, đã có những đóng góp tích cực cho phong trào chung trong cả nước, nhưng đồng thời cũng thấy được nó liên quan chặt chẽ với *Duy tân hội* với *phong trào Đông du* do Phan Bội Châu lãnh đạo. Nó không phải do người của phong trào Đông du trực tiếp sáng lập ra, nhưng Phan Bội Châu cũng như một vài yếu nhân của Đông du có góp phần tham gia ý kiến để những sáng lập viên chính thức của Đông Kinh Nghĩa Thục như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền sớm hình thành nên tổ chức và thúc đẩy nó hoạt động. Càng ngày phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục càng có quan hệ chặt chẽ với phong trào Đông du. Nó đã có những hoạt động cụ thể để ủng hộ Đông du cả về vật chất lẫn tinh thần và tiến tới sự

1 David G. Marr: *Vietnam's Anticolonial movements — 1885 — 1925* Berkeley — California 1969 — P. 209.

https://tieulun.hopto.org

phối hợp hoạt động theo xu hướng cách mạng bạo động của Đông du.

Trước khi Đông Kinh Nghĩa Thục thành lập, năm 1905 cụ Lương Văn Can về sau là Thục trưởng, đã cho hai con trai của mình là Lương Ngọc Quyến và Lương Nghị Khanh tham gia Đông du. Phan Bội Châu thường qua lại nhà cụ cử Can, nhất là sau khi ở Nhật trở về nước lần thứ hai (1906) để chủ trì một cuộc họp ở Nội Duệ (gần Bắc Ninh) bàn việc tổ chức các nhóm « Minh xã », « Ám xã », và lập các hội nông, công thương, học. Trong cuộc họp đó có cả Đỗ Chân Thiết, người mà sau đó không lâu, đã đóng một vai trò quan trọng trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Đỗ Chân Thiết và nhiều đồng chí của ông ở trường Đông Kinh đã tàng trữ và bán thuốc phiện lậu để thu tiền gửi cho những người Đông du của Phan Bội Châu. Hơn nữa, họ còn cố gắng xây dựng một xưởng chế tạo vũ khí nhỏ gần Hà Đông, tổ chức thanh niên vùng quanh Hà Nội luyện tập quân sự (1) Mặt khác, họ đã bí mật liên hệ với phong trào đấu tranh võ trang của nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Tài liệu lịch sử cho biết, vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội xảy ra năm 1908 đã có sự liên hệ chặt chẽ giữa Đề Thám, Phan Bội Châu và Đông Kinh Nghĩa Thục. Cũng vì vậy mà bọn thực dân đã la ó lên rằng: « Không còn là một câu chuyện hoang đường khi khẳng định rằng, Đông Kinh Nghĩa Thục là một cái lò phiến loạn của Bắc Kỳ » (2).

Một phần tài liệu giảng dạy quan trọng ở trường Đông Kinh đã từ nước ngoài gửi về, trong đó có

1. Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự: *Lịch sử cận đại Việt Nam Tập III*. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 161.

2 *Hồ sơ Phủ Thống sứ Bắc Kỳ*. Dẫn theo Trần Văn Giàu. Sđd. tr. 161.

https://tieulun.hopto.org

những tác phẩm của Phan Bội Châu như *Hải ngoại huyết thư*.., được nhà trường dịch và in ba thứ tiếng: Hán, Nôm, Quốc ngữ để phổ biến rộng rãi. Theo dõi hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục, bọn mật thám Pháp đã phát hiện thấy:

«Cứ ba bốn ngày một lần, Vũ Hoành bí mật tập hợp một số người tại nhà riêng để đọc tài liệu từ hải ngoại gửi về và mưu toan hưởng ứng cuộc bạo động của Phan Bội Châu đang tổ chức» (1).

Đồng Lợi Tế và Đông Thành Xương là hai công ty buôn của Đông Kinh Nghĩa Thục, đồng thời là cơ quan bí mật của Duy Tân hội để đưa đón những người tham gia phong trào Đông du từ Việt Nam sang Nhật Bản và từ Nhật Bản về nước hoạt động. Đó cũng là những cơ sở tài chính của Đông du, của những hoạt động bạo động do Duy Tân hội và do phong trào nông dân Yên Thế tiến hành. Cho nên tuy Đông Kinh Nghĩa Thục đã bị đóng cửa từ cuối năm 1907, nhưng sau khi xảy ra vụ đầu độc lính Pháp (5-1908) một số nhân vật chủ chốt của trường Đông Kinh vẫn bị đem ra xét xử trước tòa đề hình. Lê Đại bị tố cáo là có liên quan đến những người lính bị can. Đồng Lợi Tế bị khám xét và Pháp bắt các công ty buôn của Đông Kinh Nghĩa Thục phải đóng cửa.

Từ những sự kiện về mối quan hệ giữa Đông Kinh Nghĩa Thục với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và với phong trào nông dân của Đề Thám cho ta thấy Đông Kinh Nghĩa Thục ngày càng tiến gần đến xu hướng bạo động là xu hướng tiến bộ nhất của thời đại.

---

1. *Agitation anti – française dans le pays annamites*... Tài liệu đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

Trái lại, càng đi gần đến bạo động, thì mối quan hệ giữa Đông Kinh Nghĩa Thục với xu hướng cải lương ôn hòa của Phan Chu Trinh càng trở nên mờ nhạt. Trong khi ở Trung Kỳ, Phan Chu Trinh cùng với Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... ra sức tuyên truyền tư tưởng duy tân đất nước, cổ động phát triển kinh tế, chấn hưng thực nghiệp, lập hội buôn, cải cách xã hội, năm 1906 Phan Chu Trinh cũng tìm đường sang Nhật tranh luận với Phan Bội Châu về đường lối cứu nước, khi trở về đã gửi thư cho toàn quyền Bô tố cáo chính sách thống trị của Pháp và lột trần tệ lậu của quan lại Nam triều, đồng thời có liên hệ với một số sĩ phu Bắc Hà... thì cũng chính lúc đó, một số nhà nho tiến bộ đứng đầu là Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục (3-1907). Đông Kinh Nghĩa Thục cũng theo chủ trương «hóa dân cường quốc», cổ động lối học mới, hô hào chú trọng thực nghiệp, mở mang kinh tế, công, nông, thương nghiệp để xây dựng đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa. Như vậy, giữa Đông Kinh Nghĩa Thục và Phan Chu Trinh cũng giống nhau về chủ trương duy tân và cũng xuất phát từ lòng yêu nước chân thành mong muốn cho đất nước giàu mạnh. Trong thời gian Đông Kinh Nghĩa Thục hoạt động Phan Chu Trinh cũng từng là diễn giả của nhiều cuộc diễn thuyết ở một số địa điểm xung quanh Hà Nội và được các giới đồng bào hoan nghênh nhiệt liệt. Một số thơ văn do Phan Chu Trinh sáng tác cũng được dùng làm tài liệu giảng dạy của trường Đông Kinh như *Tỉnh quốc hồn ca*, v.v... Tuy vậy, xét kỹ trong các biện pháp tiến hành duy tân cứu nước của Phan Chu Trinh, có những điểm khác Đông Kinh Nghĩa Thục một cách khá cơ bản. Trước hết là chủ trương *«Y Pháp cầu tiến bộ»* (dựa vào Pháp để mưu cầu

https://tieulun.hopto.org

sự tiến bộ) của Phan Chu Trinh là khá xa lạ đối với các nhà sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục. Phan Chu Trinh tuy đả kích chế độ quan lại, đả kích hủ tục xã hội rất mãnh liệt, nhưng lại tỏ ra bi quan, không tin tưởng ở quần chúng nhân dân. Do vậy, để thực hiện chủ trương chống phong kiến, Phan Chu Trinh đã phải đến cửa Toàn quyền mà « phơi gan rỏ máu »:

« Nước Nam ta lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức, trong một làng, một ấp cũng xâu xé lẫn nhau, cùng nòi cùng giống vẫn coi nhau như thù hằn, cho dẫu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền mà tiêu, giả phỏng chính phủ cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở... chỉ độ dăm năm, thật là báo thù lẫn nhau, đến chết hết mới thôi, quyết không thể sống nổi trong cái thế giới này, lại còn chống cự ai được nữa!!..(1) ».

Hơn nữa, để duy tân đất nước, để giành độc lập dân tộc mà trên thực tế là phải đánh đuổi thực dân Pháp trước đã, phải một sống một chết với kẻ thù số một ấy, thế mà Phan Chu Trinh lại lớn tiếng hô hào *« bãi bạo động, bạo động tắc tử »* (chớ bạo động, bạo động là chết). Ở cái chủ trương này nữa, Phan Chu Trinh càng không thể dung hòa được với « ý đồ » của Đông Kinh Nghĩa Thục. Thậm chí, ngay cả với phong trào duy tân, phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 quần chúng nhân dân dùng hành động « bạo động chính trị » của mình, xuống đường đấu tranh quyết liệt với chính

---

1). Phan Chu Trinh: *Thư gửi toàn quyền Bô*. In trong *Hợp tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX 1900 - 1930* do Chương Thâu, Triều Dương, Nguyễn Đình Chú biên soạn. Nhà xuất bản Văn học — Hà Nội 1976 — tr. 194.

https://tieulun.hopto.org

quyền thực dân phong kiến, chứng tỏ tư tưởng của họ đã vượt qua chủ trương «bất bạo động» của những người lãnh đạo phong trào duy tân này, có nhiều nơi phong trào này đã đấu tranh trực diện với các nhà đương cục ở các phủ huyện để giành chính quyền về tay nhân dân. Khi một phong trào dù lúc đầu là «hòa bình» đến đâu, nhưng đã là một phong trào của quần chúng, thì nó biến thành một sức mạnh vật chất, một thứ «bạo lực cách mạng». Điều này, phái cải lương ôn hòa Phan Chu Trinh lúc đó rõ ràng chưa ý thức được nhưng đối với những người lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục thì đã thành một hiện thực khách quan.

Căn cứ vào sự tổ chức và các mặt hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục rồi đối chiếu với những chủ trương do Đông Kinh Nghĩa Thục đề ra và những kết quả mà nó đạt được, cho phép ta có một nhận thức khá đầy đủ về nó. Đông Kinh Nghĩa Thục không phải là một trường học thuần túy, cũng không đơn thuần là một phong trào cải cách văn hóa xã hội, mà thực chất, nó là một cuộc vận động chính trị tư sản xuất hiện ở nước ta vào đầu thế kỷ XX, nó chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và dân chủ, giải quyết hai nhiệm vụ cơ bản của lịch sử đã đề ra.

Đông Kinh Nghĩa Thục xuất hiện ở Bắc Kỳ, nơi có truyền thống đấu tranh vũ trang chống Pháp nổ ra rất rầm rộ ở cuối thế kỷ XIX và đến đầu thế kỷ XX vẫn còn những hoạt động vũ trang của phong trào nông dân Yên Thế. Tình hình đó tác động trực tiếp đến Đông Kinh Nghĩa Thục, làm cho phong trào không chỉ mang tính chất duy tân cải cách mà có xu hướng là đi đến kết hợp với phong trào đấu tranh vũ trang của Phan Bội Châu và Đề Thám. Đó cũng là đặc điểm nổi

https://tieulun.hopto.org

bật của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục so với các phong trào duy tân nói chung trên cả nước hồi đầu thế kỷ.

Xuất hiện do yêu cầu của lịch sử, khi sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế, xã hội đã tạo ra những tiền đề cho phong trào dân tộc mang tính thời đại, Đông Kinh Nghĩa Thục đã đáp ứng một phần của yêu cầu đó: đã kết hợp giữa duy tân và bạo động. Do đó, cũng như phong trào Đông du của Phan Bội Châu, ở chừng mực nhất định, Đông Kinh Nghĩa Thục là một phong trào «tổng hợp các khuynh hướng cách mạng, đại biểu cho ý chí tiến bộ nhất đương thời» (1)

Tuy vậy, Đông Kinh Nghĩa Thục vẫn không tránh khỏi những hạn chế, cũng là những hạn chế chung của những phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù cách mạng tư sản kiểu cũ.

Đông Kinh Nghĩa Thục đã nhìn thấy kẻ thù là thực dân Pháp và phong kiến đầu hàng, nhưng chưa nhìn rõ mối quan hệ khăng khít giữa đế quốc Pháp và phong kiến, trong đó kẻ thù chủ yếu nhất cần phải tập trung đánh đổ là đế quốc Pháp. Đồng thời, cũng chưa nhìn thấy vấn đề căn bản của cuộc cách mạng mà phong trào đang hướng tới là vấn đề nông dân, đề đề ra những yêu cầu cấp thiết nhất của họ là vấn đề ruộng đất. Vì vậy, lẽ ra phải tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc là trước hết, thì những người lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục lại triển khai mặt hoạt động chủ yếu của mình trên bình diện công khai hợp pháp... Những hạn chế đó có nguyên nhân khách quan của nó. Sự biến đổi của cơ cấu kinh tế, xã hội tạo ra những tiền đề

1) Hoàng Ngọc Phách - Huỳnh Lý. *Sơ thảo thơ văn yêu nước và cách mạng Tập II*. Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội. 1959 — Tr.3!

https://tieulun.hopto.org

cho phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX mang tính chất mới, nhưng đó là sự biến đổi chưa thuần thục. Giai cấp tư sản dân tộc chưa hình thành, nó đang trong quá trình phát sinh và tập hợp lực lượng, giai cấp công nhân tuy đã ra đời nhưng chưa đạt tới trình độ giai cấp tự giác. Vai trò lãnh đạo cách mạng lại đặt vào các sĩ phu phong kiến tiến bộ nhờ tiếp thu được tư tưởng mới từ bên ngoài tràn vào. Ngay cả những tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây lúc này tuy vẫn còn có tác dụng tích cực với các nước phương Đông nhưng nó cũng không còn nguyên cái sinh khí, sức mạnh lúc đương còn tiến bộ, nghĩa là trước khi chủ nghĩa tư bản bước sang chủ nghĩa đế quốc, mà đã trở nên lỗi thời. Hơn nữa, tư tưởng đó vào Việt Nam lại thông qua các nhà dân chủ tư sản không triệt để của Trung Quốc, nên nó cũng bị « rơi vãi » mất ít nhiều cái tinh túy của nó. Do vậy mà việc nhận thức yêu cầu của lịch sử và biện pháp giải quyết những yêu cầu đó cũng tùy theo mỗi người. Thất bại của phong trào đấu tranh vũ trang cuối thế kỷ trước, phần nào cũng tác động đến phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Họ phải đề ra « duy tân » trước, nhưng duy tân cải cách tư tưởng văn hóa xã hội... không có nghĩa là từ bỏ con đường cách mạng. Cái mà họ từ bỏ là con đường đấu tranh vũ trang kiểu Cần vương theo hệ tư tưởng phong kiến. Họ chủ trương vừa cải cách duy tân, vừa liên hệ với phong trào « cách mạng bạo động » của Phan Bội Châu, của Đề Thám và họ vẫn thể hiện ý muốn giải phóng dân tộc qua các mặt hoạt động của phong trào.

Nếu chỉ xét Đông Kinh Nghĩa Thục trên bình diện văn hóa – xã hội thì không thể đánh giá đúng thực chất của phong trào. Vì đó chỉ là một mặt hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục và mặt đó không phải là mục đích cuối cùng mà nó muốn đạt đến. Hoạt động

https://tieulun.hopto.org

về văn hóa của Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ là một mặt biểu hiện mà thôi. Các nhà nho yêu nước đã mang hết tinh thần và ý chí ra phục vụ Tổ quốc. Họ hoạt động theo sở trường của mình, do đó họ đã tạo cho phong trào một bộ mặt rất « văn hóa ». Song không vì thế mà ta chỉ đánh giá nó trên phương diện một phong trào văn hóa, hay chỉ là một phong trào cải cách tư tưởng văn hóa xã hội, vì đó chỉ là hình thức của phong trào. Hình thức và bản chất của một phong trào có thể không thống nhất, đặc biệt trong trường hợp Đông Kinh Nghĩa Thục lại xuất hiện dưới hình thức hoạt động hợp pháp của một trường học, khi mà mọi hành động biểu hiện sự chống đối lại chế độ thống trị đều bị đàn áp triệt để, thì sự không thống nhất đó cũng dễ hiểu. Do vậy, muốn xét bản chất của phong trào, ta phải căn cứ vào mục đích và những kết quả mà phong trào đạt được, cũng như phải căn cứ vào mối quan hệ của phong trào này với các phong trào yêu nước khác hoạt động cùng thời. Như vậy, Đông Kinh Nghĩa Thục về bản chất là một cuộc vận động chính trị có tính chất dân tộc dân chủ, và về kết quả tuy chưa đạt tới mức là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, mà vẫn dừng lại ở mức một phong trào duy tân cải cách có xu hướng thiên về phong trào cách mạng của Phan Bội Châu, một phong trào tiến bộ nhất ở nước ta đầu thế kỷ XX.

Trong điều kiện cụ thể của nước ta cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những cuộc đấu tranh chống Pháp liên tiếp nổ ra đều thất bại, tinh thần đấu tranh không phải là không có, mà vấn đề là đấu tranh bằng cách nào và theo hướng nào? Phải tiếp tục tìm tòi để có thể giải đáp tốt những vấn đề do lịch sử đặt ra. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục cũng biểu hiện một sự tìm tòi và giải đáp câu hỏi hắc búa đó của thời đại. Trước cái thực tế là thực dân Pháp đã tiến hành cuộc khai thác

https://tieulun.hopto.org

thuộc địa trên phạm vi cả nước, trước những quy mô của các công trình xây dựng của tư bản Pháp với đầy đủ những phương tiện vật chất kỹ thuật hiện đại cùng với bộ máy hành chính thống trị đã được củng cố vững chắc, không phải không tác động quan trọng đến con đường cứu nước mới của các nhà nho yêu nước và tiến bộ. Đấu tranh cách mạng bao giờ cũng là một quá trình quanh co phức tạp. Cùng xuất phát từ một hoàn cảnh lịch sử nhất định, cùng nhằm một mục đích như nhau, nhưng không phải chỉ có một con đường duy nhất để tiến hành đấu tranh. Hơn nữa, ở đây còn tùy thuộc mức độ «giác ngộ» của các sĩ phu lúc bấy giờ trước sự nghiệp giải phóng dân tộc, còn tùy thuộc ở sự nhận thức của các sĩ phu trước nhiệm vụ lịch sử và cũng còn tùy thuộc ở vị trí giai cấp trong xã hội cùng là sự giác ngộ chính trị của bản thân các giai cấp nữa. Điều này thực không đơn giản. Ngay cả sau này, khi giai cấp tư sản dân tộc đã hình thành (sau đại chiến thế giới thứ nhất), nhưng thực tế nó cũng không giương lên được ngọn cờ lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ, mà lại phải thông qua giai cấp tiểu tư sản và Việt Nam Quốc Dân Đảng để mong giải quyết những vấn đề của cuộc cách mạng tư sản. Nhưng rồi nó cũng đã thất bại và nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ tư sản đến lượt giai cấp vô sản mới hoàn thành được. Cho nên, đầu thế kỷ XX, cách mạng vừa mới bắt đầu chuyển từ phạm trù cũ (phong kiến) sang phạm trù mới (tư sản) thì tránh sao khỏi những nhận thức lệch lạc, nhất là những người đứng ra «lãnh đạo giúp» cuộc cách mạng này lại là tầng lớp sĩ phu nho học chưa phải một sớm một chiều mà dứt bỏ được những ràng buộc của hệ tư tưởng phong kiến. Họ giác ngộ lý luận cách mạng tư sản qua sách vở, báo chí, chứ chưa phải giác ngộ về tư tưởng tư sản do thực sự rèn luyện trong đấu

https://tieulun.hopto.org

tranh giai cấp, vì quyền lợi giai cấp tư sản như ở bất cứ một nước nào ở phương Tây tư bản chủ nghĩa. Do đó Đông Kinh Nghĩa Thục mang tính chất một phong trào giải phóng dân tộc, nhưng lại diễn ra dưới hình thức một phong trào cải cách duy tân, trong đó nổi bật lên những hoạt động về văn hóa, giáo dục, xã hội... tưởng cũng là điều dễ hiểu.

Mặc dầu Đông Kinh Nghĩa Thục hoạt động khá nổi trên địa hạt văn hóa, nhưng nó không nhằm giải phóng dân tộc về mặt văn hóa, mà trước hết và bao trùm là yêu cầu giải phóng về mặt chính trị. Quá trình hoạt động của nó đã nói lên đầy đủ mặt bản chất đó. Thái độ của đế quốc Pháp đối với phong trào là một bằng chứng nói lên sự đe dọa của phong trào này đối với nền thống trị của chúng. Bọn thực dân Pháp khi cho phép nhà trường hoạt động thật không thể ngờ rằng, một nhóm nhà nho lại có thể gây nên một phong trào chính trị mạnh mẽ đến thế và chúng cũng không ngờ nhân dân Việt Nam lại có một tinh thần đoàn kết và một lực lượng đấu tranh có thể đe dọa địa vị thống trị của chúng một cách nghiêm trọng đến như thế, cho nên chúng đã vội vàng buộc phải đóng cửa nhà trường sau hơn 9 tháng tồn tại ngắn ngủi.

Mở rộng phạm vi phân tích tính chất và vị trí của Đông Kinh Nghĩa Thục so với phong trào duy tân của Nam Kỳ và Trung Kỳ, chúng ta cũng thấy tùy theo đặc điểm của từng địa phương mà phong trào có những nét riêng biệt. Nếu như ở Nam Kỳ, do ách thực dân sớm được áp đặt, những cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân sớm bị đàn áp ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, đến đầu thế kỷ này, phong trào đấu tranh vũ trang chỉ còn tồn tại dưới dạng các « hội kín » của nông dân tự phát. Xã hội miền Nam do sớm

https://tieulun.hopto.org

có sự thâm nhập của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, nên đã có sự phát triển nhất định theo kiểu phương Tây. Nền giáo dục « thuộc địa » sớm được tổ chức, nên vai trò của các sĩ phu nho học cũng đã sớm bị xóa mờ. Đầu thế kỷ XX, ở Nam Kỳ cũng có phong trào duy tân theo hướng tư bản chủ nghĩa nhưng lại do các nhà nghiệp chủ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, do những nhà tuy có ít nhiều tri thức nho học nhưng đã « tân học hóa », đó là các ông Nguyễn An Khương, Trần Chánh Chiếu, các ông Hội đồng, các ông Đốc phủ sử... có lòng yêu nước đứng ra lập các hội buôn, hội sản xuất công nghệ v. v... Những hội duy tân này đều hướng về Phan Bội Châu, ủng hộ tích cực cho phong trào Đông du của Phan Bội Châu về nguồn trợ cấp tài chính và về việc chọn con em mình gửi đi du học ở Nhật Bản.

Phong trào duy tân ở Trung Kỳ vốn có mầm mống từ năm 1903 với sự hoạt động tích cực của các yếu nhân Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng. Nó cũng hô hào cải cách xã hội, lên án các phong tục tập quán lạc hậu, hô hào « nền học mới », đồng thời lập các hội nông, công, thương nghiệp nhằm chấn hưng kinh tế, đưa nước nhà tiến lên theo hướng tư bản chủ nghĩa. Ở đây, những người chủ chốt của phong trào không hề chủ trương bạo động cách mạng, mà chỉ Liên trì thuần túy cải lương ôn hòa để đạt mục đích duy tân đất nước.

Còn như phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục xuất hiện ở Bắc Kỳ, nơi mà quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa vừa mới thâm nhập chưa đủ sức chi phối mạnh mẽ xã hội. Các sĩ phu tiến bộ vừa nhìn thấy con đường tất yếu để canh tân xã hội là theo hướng tư bản chủ nghĩa. Muốn vậy phải đấu tranh mạnh mẽ trên lĩnh

https://tieulun.hopto.org

vực văn hóa xã hội. Đó là một cuộc đấu tranh khá gay go phức tạp. Vị Giám học của Nhà trường, cụ Nguyễn Quyền sau này có dịp nhắc lại nỗi khó khăn của nhà trường khi bàn bạc với một số phụ huynh học sinh về việc dạy chữ quốc ngữ rằng: « Ban đầu, tôi và mấy anh em đồng chí đã hao phí khổ tâm lắm mới ra quyết định được các cụ hủ nho phải tin quốc văn có hiệu lực phổ thông giáo dục và phải tán thành sự lấy quốc văn làm thứ chữ căn bản cho khóa học nhà trường » (1). Thế có nghĩa là lần đầu tiên quan hệ sản xuất mới, tư tưởng mới thâm nhập vào một xã hội vốn mang nặng tư tưởng cũ đã khiến các nhà nho « tư sản hóa » của chúng ta mở ngay cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa giáo dục là lĩnh vực mà các cụ có ít nhiều sở trường, chứ không phải các cụ dùng con đường cải cách văn hóa giáo dục để đạt tới giải phong dân tộc. Văn hóa giáo dục chẳng qua là một mặt hoạt động, hoạt động nổi bật của Đông Kinh Nghĩa Thục mà thôi.

Điểm chung nhất của phong trào duy tân ở cả ba kỳ là hoạt động công khai, hợp pháp. Nhưng mối liên hệ của chúng với xu hướng bạo động hay cải lương thì có khác nhau. Điều cần nói thêm về Đông Kinh Nghĩa Thục là, dù có nhiều biểu hiện sự liên hệ với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, của Đề Thám nhưng nó vẫn tồn tại với tư cách là một phong trào tương đối độc lập, thuộc xu hướng duy tân cải cách, chứ không phải là một bộ phận của phong trào cách mạng do Phan Bội Châu lãnh đạo. Tuy vậy, nó vẫn thể hiện đầy đủ tính chất tích cực, tiến bộ của nó trong điều kiện của nước ta đầu thế kỷ XX. Đông Kinh Nghĩa Thục tuy chỉ tồn tại trong một thời gian

1. Đào Trinh Nhất. Sđd. Tr. 24 — 25.

https://tieulun.hopto.org

ngăn ngủi, nhưng những cống hiến của nó đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX là một thực tế hiển nhiên không thể coi nhẹ, Đông Kinh Nghĩa Thục đã kết hợp được cả hai xu hướng cứu nước đầu thế kỷ XX : cải cách và bạo động. « Có thể nói mà không sợ sai lạc rằng, bạo động và cải cách chỉ là hai mặt của một nội dung duy nhất là lòng yêu nước cam thù giặc, cả hai xu hướng đó đều nhằm mục đích giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của ngoại xâm về kinh tế cũng như về chính trị » (1). Câu kết luận này của Giáo sư Trần Văn Giàu thật xứng đáng để ghi công cho Đông Kinh Nghĩa Thục.

1. Trần Văn Giàu. Sđd. Tr. 150.

https://tieulun.hopto.org

KẾT LUẬN

Từ sau khi phong trào Cần vương thất bại cho đến những năm đầu thế kỷ XX, nhìn chung, những hoạt động vũ trang chống Pháp tạm thời có lắng xuống. Một phong trào yêu nước chống Pháp với những biểu hiện về hình thức khác nhau được phát động rầm rộ vào những năm đầu thế kỷ, nhưng về tính chất, về xu hướng tư tưởng gần như thống nhất với nhau: hướng theo hệ tư tưởng tư sản, làm cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn lịch sử có «tính chất quá độ» này, các phong trào yêu nước tuy mang nhiều màu, nhiều vẻ khác nhau, nhưng đều thống nhất với nhau trong mục đích chung «giành độc lập dân tộc» và «hạnh phúc tiến bộ» cho nhân dân, dù là xu hướng bạo động cách mạng của Phan Bội Châu hay cải lương ôn hòa của Phan Chu Trinh và cả của Đông Kinh Nghĩa Thục nữa cũng không ra ngoài mục đích tối thượng đó.

Đông Kinh Nghĩa Thục với thời gian hoạt động tuy ngắn ngủi vẫn cho ta thấy rõ tính chất phong phú, đa dạng của cuộc vận động chính trị của buổi giao thời, chuyển tiếp giữa hai phạm trù cách mạng cũ và mới. Tuy mang tính chất ấu trĩ, ngờ ngàng trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, Đông Kinh Nghĩa Thục cũng đã chứa đựng những sinh khí của thời đại mới.

https://tieulun.hopto.org

Những hoạt động mở đầu cho phong trào dân chủ tư sản của Đông Kinh Nghĩa Thục sau này, sẽ được phát triển mạnh mẽ trong các cuộc vận động chính trị của thập kỷ tiếp theo. Những tư tưởng dân chủ tư sản này về sau đã được giai cấp tiểu tư sản cách mạng và giai cấp vô sản Việt Nam kế thừa, phê phán khi nó phải làm nhiệm vụ lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền thay cho giai cấp tư sản dân tộc vốn rất yếu ớt và bất lực ở nước ta, và từng bước đưa cuộc cách mạng Việt Nam vào đúng quỹ đạo của cách mạng thế giới hiện đại.

Đông Kinh Nghĩa Thục đã cho ta thấy tác dụng của hệ tư tưởng tư sản, những tư tưởng tiến bộ đối với việc hình thành và phát triển của phong trào cách mạng đầu thế kỷ, đối với việc hướng dẫn phong trào cách mạng đấu tranh chống lại các thế lực phản động lạc hậu ngăn cản sự phát triển của lịch sử. Những tư tưởng mới này tuy chưa phải là một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, nó cũng đã đáp ứng được phần nào những nhu cầu của thời đại, đáp ứng được phần nào tâm tư, nguyện vọng của quần chúng bị áp bức bóc lột đang phải sống cuộc sống tối tăm dưới ách thống trị nặng nề của đế quốc và phong kiến.

Trong khi giương lên chiêu bài « khai hóa văn minh », thực dân Pháp cố tình áp dụng chính sách ngu dân, kìm hãm dân tộc ta trong vòng lạc hậu về kinh tế, chính trị, văn hóa... Đông Kinh Nghĩa Thục đã thể hiện tinh thần ý chí tự lập, tự cường, kiên quyết đứng lên chống lại mọi sự nô dịch của kẻ thù xâm lược, xây dựng một đất nước độc lập, giàu mạnh. Việc tấn công vào sự « ngu dốt », « yếu hèn » do chế độ thực dân phong kiến để lại, việc đã phá chế độ khoa cử tứ chương, bài trừ hủ tục mê tín, đề cao chữ quốc ngữ và lối học mới...

https://tieulun.hopto.org

đã là những hành động tích cực tiến bộ, huống nữa lại thông qua những hành động cụ thể, biến nó thành những phong trào đấu tranh của quần chúng như diễn thuyết, bình giảng thơ văn yêu nước, tổ chức ra các nhóm, các hội hoạt động công khai và bí mật ở nhiều địa phương..., đều là những việc làm « cách mạng » hết sức mới mẻ mà ở các phong trào yêu nước trước đó chưa từng có. Những kinh nghiệm hoạt động phong phú và đa dạng này của Đông Kinh Nghĩa Thục sẽ được các phong trào yêu nước ở giai đoạn sau kế thừa và phát huy, làm phong phú thêm trong nội dung và phương pháp đấu tranh của mình, nhất là ở giai đoạn cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Tuy chỉ tồn tại trên dưới 9 tháng, Đông Kinh Nghĩa Thục đã đi vào lịch sử dân tộc như là một cuộc vận động chính trị, một quá trình chuẩn bị về tinh thần, về tư tưởng cho cuộc đấu tranh cách mạng nhằm giải phóng dân tộc. Đông Kinh Nghĩa Thục là một trong những phong trào yêu nước đầu tiên của thời đại mới, nó đã chứng minh tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam ta.

Dù trong hoàn cảnh rất khó khăn, khi thực dân Pháp câu kết với giai cấp phong kiến, đặt nền thống trị tương đối vững chắc trên cả nước, khi giai cấp phong kiến đã phản động và đầu hàng giặc ngoại xâm, mà giai cấp tiên tiến lúc đó là giai cấp tư sản thì chưa hình thành, một bộ phận nho sĩ yêu nước đã phải đứng ra lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục giương cao ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước, thức tỉnh nhân dân làm nhiệm vụ vinh quang của mình trước lịch sử. Từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, các nhà lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục đã tiếp cận tư tưởng tư sản và đưa phong trào hướng theo tư tưởng dân tộc – dân chủ tư sản.

https://tieulun.hopto.org

Về sau, cũng từ chủ nghĩa yêu nước mà vào những năm 20 của thế kỷ này, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi đến chủ nghĩa Mác – Lê nin và đã lãnh đạo dân tộc ta theo đúng con đường của Người cũng là con đường của giai cấp vô sản Việt Nam lãnh đạo toàn dân tộc làm nên những thắng lợi vẻ vang của cuộc cách mạng tháng 8-1945, của chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng 5-1954 và của Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng 30-4-1975, kết thúc hơn một thế kỷ đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhìn vào lịch sử dân tộc, chúng ta càng tin ở sức mạnh vô địch của nhân dân, sức mạnh của bốn nghìn năm lịch sử kết hợp với sức mạnh của thời đại, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính cùng với sức mạnh của chủ nghĩa Mác – Lê nin bách chiến bách thắng. Đó là sức mạnh tổng hợp mà Đảng ta đã biết cách kế thừa và phát huy một cách sáng tạo trong khi lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đã giành được từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong mỗi thắng lợi của cách mạng đã giành được, chúng ta không bao giờ quên ghi công cho các nhà yêu nước tiền bối, cho các phong trào yêu nước trước thời kỳ có Đảng, trong đó có phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, vì Đông Kinh Nghĩa Thục đã góp phần quan trọng xây dựng nên truyền thống yêu nước vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

PHẦN THỨ HAI

TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HỌC TẬP VÀ TUYÊN TRUYỀN CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

https://tieulun.hopto.org

VĂN MINH TÂN HỌC SÁCH (1904)

TIỂU DẪN: Trường Bác cổ của Pháp trước đây có giữ lại một số tác phẩm của Đông Kinh Nghĩa Thục. Hiện nay trong Thư viện Khoa học xã hội, còn một cuốn sách chữ Hán (ký hiệu A. 567) in mộc bản, do Đông Kinh Nghĩa Thục phát hành trong thời kỳ nhà trường hoạt động (1907 – 1908). Đây là một tập sách mộc bản in chữ hàng tám tất cả hai mươi tờ, gồm có ba bài:

Bài đầu: *Văn minh tân học sách* nêu rõ tinh thần nền học mới mà nhà trường định thực hiện. Đây là bài chính.

Bài thứ hai, dưới đầu đề: *Cáo hủ lậu văn*. – (Bài văn nói với các nhà nho hủ lậu) nhằm mục đích đả kích lối học cũ, và tinh thần lạc hậu của các nhà nho bảo thủ.

Bài thứ ba: *Thỉnh khán Cao-ly vong quốc chi thảm trạng* (Hãng nhìn xem tình trạng đau đớn của người Cao-Ly mất nước).

Có thể nói chắc chắn rằng: tập *Văn minh tân học sách* này in vào khoảng 1907 – 1909. Vì bài «*Cao Ly vong quốc chi thảm trạng*» chỉ có thể viết sau ngày dễ quốc Nhật lấy Triều Tiên (1907). Nhưng bài đầu (và cũng là bài chính – thì đã viết trước 1904. Chứng cớ là trong bài đó, khi nói đến báo chí thì than phiền là ở ta mới chỉ có tờ *Đại Nam Đồng văn nhật báo*. Nghĩa là tác giả viết bài này trước khi tờ *Đại Việt tân báo* ra đời (1905). Một câu trong bài này còn nói rõ: « Trường Quốc học lập nên đã tám chín năm nay...». Theo

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn Bá Trác trong *Hoàng Việt Giáp tí niên biểu*, thì trường Quốc học mở cửa từ năm 1896.

Chúng tôi xin dịch in dưới đây hai bài đầu (1)

VĂN MINH TÂN HỌC SÁCH

Thiết nghĩ! Văn minh là một danh từ đẹp đẽ không phải do sự hào nháng màu mỡ mà làm nên; các môn học văn minh là những phúc tốt lành, không phải chuyện một sớm, một chiều có thể lấy được. Muốn làm nên và lấy được là nhờ có một chủ nghĩa lớn. Chủ nghĩa gì thế? Ấy là chủ nghĩa mở trí khôn cho nhân dân.

Kể các nước trên mặt địa cầu này, nước này còn là dã man, nước kia đã bán khai, nước nọ thì văn minh. Ấy là tùy theo chỗ dân trí từng nước thông hay tắc, nhiều hay ít, chóng hay chậm mà khác nhau.

Câu nói của nhà học giả phương Tây: « Văn minh không phải là có thể mua bằng giá tị mà thôi, mà còn phải mua bằng đau khổ nữa ». Giá tị là gì? Tức là tư tưởng. Đau khổ là gì? Là cạnh tranh. Càng tư tưởng thì càng cạnh tranh, càng cạnh tranh thì càng tư tưởng. Rồi do đấy, hết thảy các khoa thanh học, quang học, trọng học, điện học, khoáng học, thủy học, khí học, hóa học, địa dư, thiên văn, toán pháp và cơ khí, không môn học nào là không phồn phực nảy ra. Lý do để đi tới chỗ cực điểm của văn minh là bởi thế đó.

Văn minh với dân trí, hai đàng cùng làm nhân quả lẫn nhau. Nhưng muốn mở dân trí trước hết phải tìm cho thấy bế tắc là ở chỗ nào và sự phát đạt bắt đầu từ đâu. bây giờ mới có thể bắt tay vào việc được. Bằng

(1) Bài *Cáo hủ lậu văn* xếp vào bộ phận văn văn ở phần dưới.

https://tieulun.hopto.org

không, thì chỉ có thể nhìn biển cả mênh mông rồi than thở mà thôi.

Từng xét thánh nhân đời thượng cổ đã chế được đủ đồ vật để dùng, lập thành khí cụ để cho thiên hạ tiện lợi. Khoa học cách trí đã thấy tản mát ở bộ *Chu quan* (1), các sách *Quản tử* (2), *Mặc tử* (3); Á châu vẫn là ngọn nguồn văn minh đấy. Nước Đại Nam ta vốn là một nước lớn văn minh. Nói về vị trí thì ở vào giữa khoảng nhiệt đới và ôn đới. Đất tốt khí hậu điều hòa, thóc lắm, tằm nhiều, các nguồn lợi miền núi, miền biển hơn cả thiên hạ. Dân trong nước làm ăn dễ dàng. Trải các triều đại, vua thánh, tôi hiền, cùng nhau làm cho thịnh vượng lên, rực rỡ thêm, to tát ra. Trong Bài tựa của Lao Sùng Quang để đầu tập *Phong nhã thống biên* (4) có nói ta được các nước trong ngoài đều khen là nước thánh dẫnh, văn vật. Cái đó đã đành rồi.

Nhưng nay thì sao? Của báu núi rừng, nguồn lợi đó ta không được hưởng. Trăm thứ hàng hóa, quyền lợi đó ta không được nắm. Cho đến các hàng vóc nhiễu, nhung, len, vải, lụa, giầy, dép, khăn tay, mục kỉnh, dù che, đầu hỏa, đồ sứ, đồ pha lê, đồng hồ, phong vũ biểu, hàn thử chàm, ống nói, kính hiển vi, kính ảnh, bút giấy,

---

(1) *Chu quan* — Tên một tập sách Trung Quốc nói về quan chế nhà Chu (1134 (?) — 771 trước Công nguyên) cũng gọi là *Chu lễ*.

(2) *Quản tử* — Tên một tập sách Trung Quốc, tương truyền là của Quản Trọng, một nhà chính trị có tiếng đời Xuân Thu viết.

(3) *Mặc tử* — Một bộ sách triết lý của Mặc Địch, nhà học giả nước Lỗ đời Chiến Quốc.

(4) *Phong nhã thống biên* là một tuyển tập thơ Việt Nam làm dưới thời Tự Đức. Có một bài tựa do sứ Trung Quốc là Lao Sùng Quang viết. Hiện còn chép lại trong phần II tập *Sứ trình yếu thoại khúc* của Bùi Ngọc Quỹ... TVKH: A. 1312.

https://tieulun.hopto.org

sơn tàu, mực tàu, kim chỉ, khuy, các phẩm nhuộm, xà phòng, nước hoa, diêm, bánh sữa, kẹo mứt, dược phẩm, thuốc lá, chè, rượu v.v.. không mua của Tàu thì mua của Tây cả. Thử lấy cái bảng kê số xuất khẩu, nhập khẩu trong một năm mà tính, thì sẽ thấy rằng một khi gánh vàng đi đổ... ra ngoài rồi, thì không sao mong chàu về Hợp Phố nữa! Của nước như thế thật đáng tiếc!

Nông học có hội: người ta đương cạnh tranh về nghề nông đấy! Còn ta thì vẫn như cũ! Hỏi ta có cày máy để giúp việc cày, điện khí để làm cho lúa tốt, các phương pháp mới để cứu hạn hán, trị sâu keo không?

Thương chính có sở: người ta đương cạnh tranh về nghề buôn đấy! Còn ta thì vẫn như cũ! Hỏi có hạm đội để hộ thương, thị trường để thông thương, công ty lớn do Chính phủ và nhân dân góp cổ phần lại để lập nên không?

Công nghiệp có xưởng: người ta đương cạnh tranh về công nghệ đấy! Còn ta thì vẫn như cũ! Hỏi trong công nghệ có ai trổ khéo, phô tài ngày một mới, tháng một lạ, như Oát (Watt), như E-đi-xơn (Edison) không? Tài của nhân dân như thế, thật đáng hãi hùng!

Kia những kẻ ham mê dàn sáo, đầu hồ, bài lá, cờ tướng, đố thơ, đánh chữ, số, tướng, địa lý, phù thủy, ngày ngày đốc cả trí khôn vào những thứ vô dụng, sống say chết mộng, thì chả kể làm gì. Những hạng cao hơn, đỗ đạt lên một tý, được cái tiếng quèn, dã vội khinh khỉnh ta đây là kẻ cả, tự xưng là bậc giữ gìn thế đạo, ngày ngày khoe câu văn hay, khư khư ngồi giữ những thuyết hủ lậu, khinh bỉ hết thảy học mới văn mình! Hạng kém thua nữa thì nghe có văn dễ thăng quan lên mấy bậc, cất nhắc mấy người, chứ không hề biết đến vấn đề nào khác! Có một ông nào đã nói với

https://tieulun.hopto.org

các bạn hậu tiến: «Các thầy muốn ra làm quan, thì phải cẩn thận; chớ có đọc sách mới, xem báo mới». Ôi, nếu không biết đến sách báo mới thì thôi; chứ đã biết đến mà lại bưng bít che lấp đi, làm như không nghe, không thấy chuyện gì, để tự mình lại củng cố trong mình một cẩn tính nô lệ, nhân cách như thế, thật nên lấy làm đau đớn!

Nghĩ lại văn minh nước ta là có cái đặc tính luôn luôn tĩnh như vậy; văn minh Âu châu thì có tính luôn luôn động như kia. Cái đó ai cũng biết. Nhưng vì sao lại như thế? Ấy là bởi có ảnh hưởng tương phản và nguyên nhân khởi điểm đấy. Nay xin lần lượt kể ra.

Thế nào là ảnh hưởng tương phản? Xét ra các nước châu Âu: trên có nghị viện duy trì quốc thị (1), dưới có báo quán, để đạo đạt hạ tình (2). Đại trước tác thì có *Dân ước luận* của Lư-thoa (3). *Tiến hóa luận* của Tư-tân-tắc (4). *Dân quyền thiên* của Mạnh-đức-tư-cưu (5). Suy rộng ra, nào diễn thuyết, nào thi ca, đều cốt để

---

(1) *Quốc thị*: Ý chung mà cả nước thừa nhận là phải.

(2) *Hạ tình*: Những điều mong muốn của nhân dân.

(3) *Lư-thoa*: J. J. Rousseau (1712 – 1778) – Nhà Đại văn hào và đồng thời cũng là một nhà triết học Pháp. J. J. Rousseau là nhà lý luận của chủ nghĩa dân chủ thế kỷ XVIII nước Pháp.

(4) *Tư-tân-tắc*: Herbert Spencer (1820 – 1903) – Nhà xã hội học và đồng thời cũng là một nhà triết học duy tâm nước Anh, theo xu hướng thực chứng chủ nghĩa (positivisme). H. Spencer không viết «*Tiến hóa luận*» nhưng cũng là một nhà tiến hóa luận đã chủ trương rằng xã hội tư bản là tất nhiên, hài hòa (harmonie) và cân xứng; với học thuyết đó, Spencer là một tiền bối của xã hội học phản động bên Mỹ gần đây.

(5) *Mạnh-đức-tư-cưu*: Montesquieu (1689 – 1755) – Nhà văn thế kỷ XVIII của nước Pháp. Đại biểu cho ý thức hệ dân chủ tư sản Pháp hồi đó. *Dân quyền thiên* đúng tên là: *L'Esprit des lois* cũng dịch là *Vạn pháp tinh lý* hay *Hiến pháp tinh lý*.

https://tieulun.hopto.org

phát huy cái chủ nghĩa yêu nước, yêu nòi giống. Nước ta có thế không? Làm văn sách thì chỉ sợ phạm húy, dâng thư cho người trên thì chỉ e phạm tội vượt phận nói leo, chỉ chứng đó là đã khác hẳn với (các nước) không cấm (nhân dân) bàn bạc. Huống chi nào chuyện chích quái, nào chuyện truyền kỳ, thơ bao nhiêu quyển, văn bao nhiêu tập, văn hoa lòe loẹt thì có, còn nói về mở mang trí khôn cho dân thì không hề có gì! Đó là điều ta trái với người về giới tư tưởng.

Người châu Âu đặt giáo dục chia làm ba bậc: tiểu học, trung học và đại học, cứ bốn năm là một kỳ (3). Khi vào học, lấy những môn văn tự nước nhà ngày nay, cổ văn La Mã, văn tự, tiếng nói ngoại quốc, toán học, địa dư làm những môn học đầu tiên. Khi học đã mãn khóa, lần bậc tiến lên, thì cứ tùy theo năng khiếu của học sinh, hợp với môn học nào thì dạy cho môn học ấy: chia ra luật học, thiên văn học, võ bị học, y học, cách trí học v.v.. Học thành tài rồi sau mới dùng, dùng làm có được việc thì sau mới thăng chức. Nước ta có thế không? Những môn ta học và nhớ ấy chỉ là sách Tàu; những bài ta chú thích ấy chỉ là lời của cổ nhân: những thứ ta thi ấy chỉ là kinh nghĩa, thơ ngũ ngôn, biền ngẫu tứ lục! Đó là điều ta trái với người về giới giáo dục.

Người châu Âu, họ tổ chức chính quyền trong nước có chính thể lập hiến, có chính thể quân dân cộng hòa. Cứ số bao nhiêu người đấy thì cử một người làm nghị viên. Hễ bàn đến một việc gì, thì trước phải khai hội: kẻ bàn, người nói, sớm sửa đi, chiều sửa lại, cốt làm cho đúng chân lý, hợp với tình hình. Nước ta có thế không? Hành chính thì cẩm thay đổi, sửa sang; dùng

(3) Ngày nay, ta nói là một cấp.

https://tieulun.hopto.org

người thì quý im lìm lặng lẽ; chiếu theo lệ cũ, nhưng lệ không nhất định; luật cũng có ban bố đấy, nhưng dân gian không được đọc luật! Đó là điều trái nhau về giới kinh tế (1).

Người Âu cho nước và dân là có quan hệ mật thiết với nhau. Cho nên có chính thể cộng hòa, mà quốc thể tức là gia thể (2); có tục thượng võ, mà quốc hồn tức là gia hồn; có lệ hỗ trái (3), mà quốc mạch tức là gia mạch; có lối kiêm biện (4), mà quốc sự tức là gia sự; có phái tự do, mà quốc quyền tức là gia quyền. Nước ta có thế không? Ngoài văn chương, không có gì là quý; ngoài áp chế, không có gì là tôn chỉ; ngoài phục tòng, không có gì là nghĩ xá! Đó là sự trái nhau về giới tinh tinh.

Người Âu trọng du lịch, xem thường hiểm trở gian nan. Ma-tây (1) đời đi Già-nam (2) có 40 năm; Kha-luân-bố (3) bàng hoàng ở Đại Tây Dương cũng có đến vài mươi năm; Lợi-mã-đậu (4) lặn lội ở Tàu cũng đến 19 năm. Ngoài ra như đi thám hiểm Băng dương, đi vòng

---

(1) « Kinh tế » đây tức là chính trị của một nước, khác với nghĩa của danh từ ta dùng ngày nay.

(2) Ý nói: Nước cũng là của chung của mọi người.

(3) Cho vay.

(4) Phụ trách một số công việc nhà nước trong một lúc.

(1) *Ma-tây*: Moise, một nhân vật vĩ đại trong *Kinh thánh*, (phần Cựu ước) đã hướng dẫn nhân dân Do Thái (hồi đó bị vua Ai Cập chinh phục bắt về làm nô lệ) trong cuộc di chuyển bốn mươi năm để thoát khỏi ách kẻ thống trị, về tới xứ Ca-na-ăng.

(2) *Già-nam*: Chanaan, tức Palestine. – Đất thánh địa của dân Do Thái.

(3) *Kha-luân-bố*: Christophe Colomb (1451 – 1506) – nhà thám hiểm người Gênes đã tìm ra châu Mỹ.

(4) *Lợi-mã-đậu*: Matteo Ricci (1552 – 1610) – một nhà truyền giáo Ý đã ở Trung Quốc đến mấy chục năm.

https://tieulun.hopto.org

quanh địa cầu, đều là những việc thường thấy. Nước ta có thế không? Môn học thực dân, ta chưa hề nghĩ đến; thị trường tiêu thụ hàng hóa, ta chưa hề đi tìm. Lìa nhà mươi dặm đã bùi ngùi những mưa gió hoa vàng? Ở lữ thứ vài năm đã than thở quan hà đầu bạc! Nói gì đến đất Tiêm La, Miến Điện, Nam Chưởng, Cao Man là đất nước hẻo lánh quê kệch, không ai chịu đặt chân tới; nhưng đến ngay Trung Hoa, đối với ta, vẫn là chỗ cùng tộc loại, cùng đạo giáo, cùng lễ giáo, văn học, cho đến phương diện giao tế cái gì cũng giống nhau, thế mà người Tàu thì ở nhan nhản khắp nơi kinh kỳ, đô hội bên ta, còn người nước ta thì chưa từng một ai đến thành Ngũ Dương (1) cả! Đó là sự trái nhau về giới phong tục.

Thế nào gọi là nguyên nhân *khởi điểm*?

Một là khởi ở cái điểm nội hạ ngoại di (2), không thèm hỏi đến chính thuật và kỹ năng của nước khác. Hai là khởi ở cái điểm quý đạo vương, khinh đạo bá (3), không thèm giảng đến cái học phú cường cơ xảo của nước ngoài. Ba là khởi ở cái điểm cho xưa là phải, nay là quấy, không chịu xem xét kiến thức và những sự suy nghĩ bàn luận của người sau. Bốn là khởi ở cái điểm trọng quan và khinh dân, nên không thèm kể đến tình hình hay dở ở chốn hương thôn.

---

(1) Tức là tỉnh Quảng Đông.

(2) *Nội hạ ngoại di*: gần gũi với người trong nước, khinh bỉ người ngoài mà mình chê là mọi rợ.

(3) Các nhà nho vẫn cho đạo Nghiêu, Thuấn, Khổng, Mạnh là đạo làm vua. *Vương đạo*: là giáo chỉ của các thánh vương, sẽ vĩnh viễn ngự trị trong thiên hạ; còn lối làm cho nước nhà giàu mạnh của Ân Mỹ, chỉ là thủ đoạn khéo léo như cách các Bá chủ đời Xuân Thu ngày trước. *Bá đạo* dẫu có thắng lợi trong một thời gian thì rút cục cũng nhất định sẽ thất bại.

https://tieulun.hopto.org

Bốn điểm này chính là mở đầu cho *năm giới* (1), và năm giới ấy cũng tức là kết quả của bốn điểm. Thành thử mấy nghìn năm nay, văn minh tiến hóa của ta mới có cái tính tĩnh mãi mà không có cái tính động mãi. Thật cũng là đáng ngậm ngùi buồn bã vậy.

Vậy thì sống ở đời nay mà muốn cầu cho văn minh không thể không lo mở mang dân trí. Này dân có trí, là cái công lệ thiên diễn. Người da vàng chúng ta có kém gì người da trắng đâu. Có điều là tai mắt chưa thấy qua, thì chưa thể phát triển; hình thức có cái còn thiếu, thì không biết bắt chước vào đâu; vốn liếng chưa dồi dào thì không thể làm nên được. Vậy không nhờ người đại biểu để mở mang cho thì quyết là không thể được.

Nay đã từng ngửng đầu trông lên, cúi đầu nhìn xuống, trầm ngâm suy nghĩ cho cùng, để tìm kế mở mang dân trí giữa nghìn muôn khó khăn, thì thấy chỉ có *sáu đường*:

Một là dùng văn tự nước nhà — Văn tự trong thiên hạ bắt đầu từ ba nhà Khư Lữ, Thư Tụng và Thương Hiệt (2). Những văn tự mà các nước đông văn với ta

(1) Tức là lý tưởng, giáo dục, kinh tế, tình hình và phong tục nói trên kia.

(2) Về vấn đề nguồn gốc chữ viết, tác giả bài này đã lầm lẫn. Trong *Tam Tạng ký* nói: "Ngày xưa có ba người đã tìm ra cách viết chữ đầu tiên: Người thứ nhất là Phán đặt ra lối chữ viết từ trái sang phải; người thứ hai là Khư Lư, tức Khư Lâu đặt ra lối chữ viết từ phải qua trái; người nhỏ tuổi hơn hết là Thương Hiệt đặt ra lối viết từ trên xuống dưới. Phán và Khư Lư người ở Thiên Trúc (Ấn Độ). Thương Hiệt làm quan đời Hoàng đế, người Trung Hoa."

Còn Thư Tụng, không phải là một trong ba người đặt ra chữ mà chỉ là một sử quan thời Hoàng Đế cũng như Thương Hiệt, và đã cùng với Thương Hiệt đặt ra lối chữ viết của Trung Quốc.

https://tieulun.hopto.org

vẫn dùng lối viết từ trên xuống dưới. Văn tự đặt ra là cốt để ghi tiếng nói. Cho nên trong *Ân bàn* (1) *Chu cáo* (2) đều là văn bạch thoại; mười lăm thiên *Quốc phong* đều là những tiếng địa phương người Trung Quốc cũng đã nói rồi. Các nước trên địa cầu, nước nào chẳng vậy. Như nước Xiêm, nước Lào, họ còn có thứ văn tự của họ là lối « hài thanh, hữu hành » (3). Nước Nhật gần đây cũng đặt ra thứ chữ riêng của họ. Còn nước ta thì vẫn chưa có. Ấy là một điều rất kỳ! Thiết nghĩ nước ta đời xưa hẳn là cũng có văn tự, chẳng qua lâu ngày thất truyền đi đó thôi.

Gần đây mục sư người Bồ Đào Nha chế ra chữ quốc ngữ, lấy 26 chữ cái châu Âu phối hợp với 6 âm, 11 vần, đánh vần theo lối hài thanh mà đọc ra tiếng ta, rất là giản dị nhanh chóng. Tưởng nên một loạt học theo. Phàm người trong nước đi học nên lấy chữ quốc ngữ làm phương tiện đầu tiên, để cho trong thời gian vài tháng dàn bà trẻ con cũng đều biết chữ; và người ta có thể dùng quốc ngữ để ghi việc đời xưa, chép việc đời này, và thư từ thì có thể chuốt lời và đạt ý. Đó thực là bước đầu tiên trong việc mở mang trí khôn vậy.

Hai là hiệu đính sách vở—Nước ta từ xưa tới giờ, các nhà viết văn kể cũng khá nhiều, như *Khâm định Việt sử cương mục*, như *Thực lục*, *Liệt truyện*, *Nhất thống chí*, *Lịch triều chí*, *Vân đài loại ngữ*, *Công hạ kiến văn*, *Địa dư chí*, *Gia Định chí*, *Nghệ An phong thổ thoại*, *Đồ Bàn thành ký*, *Hưng Hóa thập lục châu ký*, *Phủ Man lạp lục* v.v... đều đủ để cung cấp tài liệu về

---

(1) Thiên *Bàn canh* trong *Kinh thư*, Văn đời nhà Ân.

(2) Các thiên *Cáo* như *Tiểu cáo*, *Đại cáo*, *Thiệu cáo* v.v... trong *Kinh thư*, sách đời nhà Chu — *Bàn* cũng như *Cáo* đều là viết theo lối bạch thoại ngày xưa.

(3) Chữ đọc theo lối đánh vần, và viết theo lối từ trái sang phải.

https://tieulun.hopto.org

sơn xuyên, phong tục, văn vật, điển chương và để cho người sau mượn đó làm gương nữa. Vậy mà người mình, một khi đi học là đọc ngay sách Tàu, bỏ sách nước ta không nhìn đến! «Tịch Đàm (1) vong tổ», thật đáng thương thay!

Nghĩ lại, sách Tàu chép chuyện Tàu, dã không quan hệ gì với ta cho lắm, rồi đến những thứ mà các tiên nho đời Tống, đời Minh vẫn gọi là vây cánh cho kinh điển thánh hiền, đại loại như các tập *Tiểu thuyết*, *Tồn nghi*, *Đính nghi*, *Sáng tâm*, *Mông dẫn*, *Kinh án*, cho đến *Thí thiếp* và *Sách lược* đầy rẫy những lời bàn luận của các nhà đại gia, thì cũng chẳng khác gì bọn mũa giáo trong buồng, lục dục bác bẻ lẫn nhau, bịa ra câu hỏi, rồi lại bịa đặt lời đáp, chỉ tổ làm rối tai mắt người ta và nhọc nhằn cho kẻ học phải ghi nhớ mà thôi.

Xin thử nghĩ: «Xuân vương, chính nguyệt» chỉ là một lời chép trong kinh Xuân Thu, thế mà người thì bảo là theo tháng giêng lịch nhà Hạ, kẻ thì cho là theo tháng giêng lịch nhà Chu, chấu mó vào mà cãi vã rút cục hàng trăm, hàng nghìn năm nay, bàn luận vẫn không ngã ngũ ra sao cả! Cột đồng Mã Viện chỉ là một vết tích của người xưa, thế mà hoặc cho là ở Châu Khâm, hoặc cho là ở Châu Liêm, hoặc cho là ở phía Nam nước Lâm Ấp, phung phí có đến hàng mấy vạn chữ mà chung quy vẫn không tìm ra mối manh gì, rồi phải đặt ra lời đoán, phỏng chừng: có lẽ lâu năm đã sụp đổ xuống bể. Ôi! Giá thử có gọi thánh hiền từ âm phủ về được để chỉ rõ cho ta, cũng chẳng có ích

(1) *Tịch Đàm vong tổ* – Sách *Tả truyện* chép: Tịch Đàm làm tôi nhà Tấn, khi vào yết kiến vua nhà Chu, vua hỏi về điển lệ cũ của nhà Tấn, Tịch Đàm không trả lời được, vua bảo rằng Tịch Đàm kể điển lệ cũ mà quên cả tổ tiên.

https://tieulun.hopto.org

gì, huống hồ chỉ uổng công tìm tòi mà chẳng được nào! *Kinh, sử* còn thế, dữ biết sách khác thì thế nào!

Người đời mấy khi sống được trăm năm, thế mà dốc hết tinh thần hữu dụng đem giam vào đống sách đầy xe, ngất nóc! Đời người còn có những nghĩa vụ phải làm, thế mà nửa phần cái tài trí vô cùng lại bị hao mòn vào chồng giấy loại mọt đục, mối ăn! Vậy thì sách vở há lẽ không nên đem ra hiệu đính lại sao? Tưởng nên đặt ra một tòa soạn sách: pho nào nên đọc, pho nào không nên, đặt thành cái chương trình học để theo từng cấp mà học cho hết. Tựu trung như *Hiếu kinh, Trung kinh, Tiểu học toản chú, Tạc phi ấn* và những lời hay nết tốt của các hiền triết Đông, Tây xưa, phàm những điều có bổ ích cho nhân tâm thế đạo, đều nên trích lấy đại yếu, viết thành một tập, rồi lại dịch ra quốc ngữ để làm độc bản cho lớp sơ học. *Kinh truyện* thì chỉ chọn lấy chính văn (1). *Sử* thì chỉ chép lấy thế thứ hưng vong, những lý do các việc lớn thành hay bại và khuôn phép chế tác, sáng lập. Đại khái lấy Nam sử làm phần chính, rồi dịch nghĩa ra. Lại thêm vào đấy những bản đồ vẽ làng nước, đường xá, đinh điền để bổ sung vào. Sử Tàu thì chỉ đọc qua cho biết đại lược. Sử Tây thì có các tập *Ngũ đại châu địa đồ, Vạn quốc cương giám, Cận chính sử yếu, Tây học khảo* v.v... cần phải bỏ bớt những chỗ rườm rà để cho người học dễ hiểu là được rồi.

Ba là sửa đổi phép thi – Nghĩa lý kinh điển rất là tinh thâm, thế mà muốn mượn văn chương nông cạn để dò xem thực học thì có đúng lý không? Bách gia rộng rãi mông mênh, không biết đâu là cùng, thế mà

(1) *Chính văn* những lời chính thánh hiền nói ra, chép theo nguyên văn. Ngày xưa gọi là bài cái. Các bài bàn của các nhà nho sau đó gọi là bài *bai*, bài ba.

https://tieulun.hopto.org

muốn do sự ghi nhớ của một người để xét nghiệm chân tài, phỏng có hợp tình không? Vậy nên sách vở đều có hiệu đính rồi, mà phép thi còn chưa sửa đổi, thì cũng chưa phải là tận thiện đâu.

Này nhé: nào là *kinh nghĩa* là *phú*, là *thơ*, là *chiếu*, là *biểu*, là *luận*, là *văn sách*, đều là phép thi của ta cả đấy. Nhưng không biết những lối phá, thừa, khởi, thúc, thanh, luật, biền ngẫu, có gì ích cho thực dụng không? Lại không biết trong bọn các cụ đồ già, các thầy thạo văn cử nghiệp, có ai là người biết được đến năm châu là những châu gì, thế kỷ ngày nay là thế kỷ thứ mấy? Thế rồi trong lối văn thi, cấm liên thượng phạm hạ, cấm lạc vận, thất niêm, cấm viết sai, viết sót chữ trong đầu đề, cấm thiệp tích ở trên hay bốn bề xung quanh dấu giáp phùng (1) hoặc dấu nhật trung (2) đã đóng, cấm những chỗ đỗ (3), di (4), câu (5), cải (6), không được sai suyễn. Mực thước đến thế kể cũng đã hết chỗ nói. Nhưng chẳng qua chỉ làm cho người ta bó buộc cái tính tự do, suy sút tinh thần hăng hái, để chăm vào cái học vấn rất vô dụng mà thôi! Chúng tôi đọc tờ *Thế giới nhật báo* (7) có bài « *Khoa cử quái* » (8) nói « Khoa cử nọc độc, khoa cử thối nát » tưởng không phải là quá khích.

---

(1) và (2) — Theo phép thi ngày xưa, muốn ngăn ngừa việc gian lận, quyển thi của thí sinh, nơi hai tờ giấy giáp nhau, bao giờ cũng có dấu son của quan trường: dấu này là dấu *giáp phùng*. Lúc đúng trưa, thí sinh lại phải xin đóng một dấu vào giữa đoạn văn bài mình đang viết gọi là dấu *nhật trung* rồi mới về lều viết tiếp.

(1) *Đỗ*: xóa.

(2) *Di*: viết sót.

(3) *Câu*: chữ dưới móc lên trên.

(4) *Cải*: đổi, viết lại chữ khác.

(5) Chuồi cười thế giới.

(6) Giống tà ma khoa cử.

https://tieulun.hopto.org

Than ôi! cái trường « Thất tự »(1), cái vi « mại tính »(2), nên có vì nhân tư đó mà ra nữa kể cũng là một cái may thôi. Giờ đây, dẫu chưa thể theo lối Thái Tây mà đặt ra khoa chuyên môn, thì trong khi căn cứ vào văn chương để kén người, có thể tạm dùng *luận* và *văn sách* cũng vẫn có lý đôi chút. Ngay như nước Tàu, từ khoa Canh tí đến nay cũng đã bỏ lối bát cổ mà thi *sách, luận* rồi. Có lẽ ta cũng nên chỉ dùng hai lối văn ấy để mà khảo sát học sinh. Lấy *Kinh, Truyện* và ba *sử* (sử Nam, sử Tàu, sử Thái Tây) đặt đề mà hỏi, cho phép học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do, không phải nề hà, không cần thể cách gì hết. Rồi thêm vào đó, mấy bài về toán pháp, về chữ quốc ngữ, để cho cái mà học sinh học và thi không trái ngược với công việc thực tế họ phải làm, như thế thì cũng đã làm tàm tạm đúng vậy.

---

(1) *Trường thất tự* – Nguyên văn là thất tự chi trường (người vào trường thi có phần giống bảy thứ): Lúc mới ra đi, tay xách cái giỏ như người ăn mày; lúc được xướng tên vào trường bị quan và lính la mắng như một tên tù; lúc vào trong lều thi, xo ro như con ong bị lạnh; lúc ra khỏi trường, choáng váng như con chim mới ra khỏi lồng; lúc đang chờ tin, đứng ngồi không yên, như con khỉ bị trói; lúc nghe tin không đậu, tinh thần sờ sững như người chết, giống con ruồi bị chắt độc; sau ít lâu dần dần nguôi giận, lại ngứa nghề muốn sinh tài, như con chim bị vỡ tổ, lo thả cành cây để làm lại. (Xuất xứ ở chuyện Vương Tử Yên, sách *Liêu trai chí dị*, Bồ Tùng Linh đời Thanh).

(2) *Vi mại tính* – Nguyên văn là mại tính chi vi – Trường thi ngày xưa chia làm nhiều vi. Mỗi vi tập hợp một số học sinh vào ngồi, cả ngày để làm bài. Mấy chữ này chế giễu cái « vi » là nơi để bán tên họ mình, nghĩa là cách thi cử gian lận.

https://tieulun.hopto.org

Bốn là cộ võ nhân tài – Trong bài tựa *Cường học hội* (1) có nói: « Dục khai dân trí, tiên khai thân trí », nghĩa là muốn mở trí dân, trước phải mở trí phái thân sĩ. Đó là một lời nói rất phải, khám phá được tận gốc. Vì rằng dân chúng thì bắt chước bọn nhà nho, hậu sinh thì trông gương bậc tiền bối, tai mắt vẫn có quan hệ với nhau. Bây giờ sách vở đã hiệu đính, phép thi đã sửa đổi, thì chỉ có thể chờ đợi ở số vài trăm nghìn vạn người, tức là các viên thừa biện, hành tẩu, hậu bổ, huấn đạo, giáo thụ, các ông tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài và các cậu tôn sinh, ấm sinh, học sinh; nếu các người đó còn chưa phát huy được những điều mới nghe, mở rộng được tri thức mới, để cho cả một loạt đều mới, thì chẳng hóa ra cựu giới và tân giới hai đàng sẽ xung đột cùng nhau sao? Nhà Giám tiếng là chỗ bồi dưỡng nhân tài, nhưng những điều dạy dỗ và học tập đều là văn chương của thời đại, có quan hệ gì với thực tế đâu. Trường Quốc học lập nên đã 8, 9 năm nay, không phải không đào tạo ra được những tay giao thiệp giỏi, nhưng cũng chưa hề nghe thấy có ai hỏi han đến họ. Có học mà không dùng được thì ai theo đuổi làm gì? Vậy tưởng nên sức cho các viên học quan xét xem người nào đã tốt nghiệp rồi thì bổ vào làm việc trong bộ, trong viện, hễ có tờ thông tư thì bảo họ dịch ra, hễ có cuộc thương nghị thì đem họ đi theo, để người đi học không lo rằng một người Tề dạy bảo, mà bao nhiêu người Sở lại la ó (2); và người

---

1) *Cường học hội*: Một hội học do nhóm Khang Hữu Vị tổ chức ở Bắc Kinh dưới thời Quang Tự, cuối thế kỷ trước, để tuyên truyền cho tư tưởng duy tân hồi đó.

1) Nhắc lại một câu của Mạnh Tử đại ý nói rằng: khi học tiếng nước ngoài mà chung quanh mình người ta chỉ nói tiếng nước mình thì học cũng vô ích.

https://tieulun.hopto.org

sẽ thành-tài thì không ngại rằng tài nước Sở dùng sang nước Tần. Còn những ai không học được chữ Tây thì lập một sĩ học viện để thâu nạp lấy họ, rồi đem các sách *Công pháp*, *Tây sử*, *Luật lệ*, *Hợp điển*, *Địa dư*, *Toán học* v.v... chứa đầy vào trong viện ấy, đặt rõ chương trình, kỳ hạn, bắt họ phải giảng giải, bồi bổ lẫn cho nhau. Hàng năm sát hạch, ai trúng thì được bổ dụng vào chỗ khuyết. Như vậy thì chẳng đến vài năm, người trong cả nước sẽ quay sang tân giới cả.

Nam là chân hưng công nghệ — Thường đọc *Lễ nghi chí* [1] về triều Lê, thấy có một mục chép rằng: « Phàm những đồ sử Tàu, chỉ hạng ấn quan [2] trở lên mới được dùng », mà không thể không than thở cho những kẻ mưu tính việc nước bấy giờ sao mà hủ lậu đến thế! Ngay như (đến Trung Quốc) chỉ một mình Tạ An mặc chiếc áo lụa mịn (hoàn y), mà rồi các quan trong triều mọi người đều thích, thế là của dùng trong nước được đổi dào. Phong hóa lướt mau là thế. Bên Thái Tây, hễ có một thứ đồ mới thì kẻ này sáng chế, người kia làm theo, đâu phải nhọc nhằn, tốn kém bao nhiêu trong khi học hỏi, cũng không hề tiếc! Học thấy ích lợi là thế. Nghĩ lại ta ở địa vị người trên, lại tự chọn lấy tốt mà dùng, thì làm sao mà mệnh lệnh cho người dưới được? Biết rằng có kẻ hơn mình mà không gắng sức cho hơn họ, làm thế nào ích lợi cho nước nhà được? Thế thì dễ đặt sự tiêu phí, chi bằng mở rộng nguồn lợi cho nó lưu thông?

Công nghệ nước ta ngoài một thứ đồ khảm xà cừ là có tiếng với thiên hạ ra, còn như nón lòng, nón dừa, ghế mây, chiếu hoa, đồ sơn, đồ vàng, đồ gỗ, đồ đá,

---

1) Một *loại chí* trong bộ *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú.

2) Hàng quan có ấn để đóng dấu trên các văn kiện.

https://tieulun.hopto.org

đồ gốm, đồ sứ, dệt, nhiều vải, lụa v.v... phàm thứ gì người Tàu làm được thì mình cũng làm được; nhưng hàng ta sánh với hàng Tàu: tăng tinh, dang thô, khác nhau rõ rệt. Ấy là bởi không biết chấn hưng công nghệ vậy. Nghe nói ở Bắc Kỳ (1) gần đây, đã biết được cách trồng dâu, nuôi tằm theo phương pháp mới. Việc ấy đã đăng cả trên mặt báo. Ở kinh đô vừa rồi có đại ra Sở Canh nông, trường Bách công. Phương pháp đó rất hay, ý thì rất tốt. Phàm người nước ta đều nên cổ lệ thế nào, bắt chước thế nào để mong cho có công hiệu. Nhưng triều đình đã lãng đi mà không hỏi đến, sĩ phu cũng khinh rẻ mà không chịu làm. Thành thử những người vào học trường Công nghệ chỉ là hạng cu ly; mà học sinh nông trường cũng chỉ là bọn người trồng cây mà thôi. Thế là không biết gì về cách chấn hưng công nghệ.

Công nghệ rất quan hệ với quốc gia. Ta không hơn người thì người sẽ bỏ rơi ta. Tiền của phung phí ra ngoài nước không còn gì tệ hại hơn thế nữa! Tưởng nên đón thầy giỏi, mua đồ mẫu, chọn người khéo tay nhanh trí khôn để cho vào học, rồi triều đình thời thường săn sóc mà dạy dỗ họ. Lại hạ lệnh khắp nước hễ ai học được kiểu mới, chế được đồ mới, thì theo lối Âu châu cấp cho bằng khen làm lưu chiểu, thưởng cho phẩm hàm để ngợi khen họ, cấp cho lương bổng để khen thưởng họ, cho giữ quyền sáng tạo để bảo vệ quyền lợi của họ. Những ai giỏi về các khoa cách trí, khí học, hóa học, thì làm cho họ được vẻ vang sang trọng hơn cả những người đỗ đại khoa. Như thế mà không có người chịu trổ tài, đua khéo để cho hơn người, thì có lẽ nào!

1) Tác giả bài này là một người miền Trung?

https://tieulun.hopto.org

Sau là mở tòa báo — Các nước đặt ra báo chí có những danh mục như nhật báo, nguyệt báo, tuần báo, bán nguyệt báo. Thể tài thì chia ra : chính trị, tin tức, thời sự, quảng cáo v.v... Phàm việc trong, việc ngoài, sáng chế mới, tình hình thương mại, cho đến nhà pháp luật, nhà y học, nhà nông, thợ thuyền, thương gia, chẳng giới nào là không có báo. Pháp có hơn 1.230 báo quán, Đức có hơn 2.350 báo quán, Anh có hơn 2.180 báo quán, Nga có hơn 130 báo quán, Mỹ có hơn 14.150 báo quán, Nhật Bản không quận nào không có báo quán. Trung Quốc gần đây cũng mở báo rất nhiều. Dân trí sở dĩ được mở mang là chính nhờ đó. Còn nước ta thì chỉ ở Sài Gòn và Hải Phòng có báo viết bằng chữ Tây, người đọc được không mấy! Báo viết bằng chữ Hán chỉ có một tờ *Đông Văn* (1) thôi.

Xét thấy viên chủ bút tờ báo *Them-xơ* (2) là một vị tể tướng về hưu, nên những lời bình luận của báo ấy rất là công bằng và xác đáng. Thiết tưởng ở kinh đô ta cũng nên đặt một tòa báo, lựa lấy một vị đại thần làm chủ, lựa một số thân sĩ sung vào : nửa viết bằng chữ nước ta (tức chữ quốc ngữ), nửa viết bằng chữ Hán. Bao nhiêu phép tốt, ý hay, nghề lạ, ngón khéo ở Âu Mỹ, cũng là những việc xưa nay ở nước ta, hoặc những lời và việc tìm được trong sách và đáng nêu làm kiểu mẫu, hoặc những bài thiết thực về thời sự góp nhặt được trong *sách luận* bài thi, hoặc có người đặc biệt trong đám nhân tài, hoặc có kỹ thuật mới có ích lợi cho nước nhà và do giới công nghệ mới tìm ra, thì đều đăng hết lên báo để cho mọi người cùng biết.. Giá báo thì tính rẻ và cứ theo ngày đã định, gửi cho các quan lại lớn nhỏ trong, ngoài; và

1) Tức tờ *Đại Nam Đông văn Nhật báo*.
2) Them-xơ, tức tờ *Times* ở Luân đôn, thủ đô nước Anh.

https://tieulun.hopto.org

các thôn, các xã mỗi nơi một tờ. Trong dân gian nếu có ai bỏ tiền ra mua riêng thì có thưởng. Những kẻ thừa hành phát báo nếu để chậm không đúng kỳ, đúng lệ thì có phạt. Cái lợi thu được đã đủ để chi tiêu về việc nhà báo, và nhờ báo chương rồi sẽ phá tan được cái giới cấu nệ, tối tăm.

Một đằng thì mất mấy năm trời để đi học một thứ chữ khác hẳn tiếng mình mà vẫn không có công hiệu: một đằng thì mất không tới sáu tháng là học ngay được văn tự của tiếng mình. Vậy thì không thể không theo chữ nước ta, điều ấy rõ ràng hết sức rồi. Một đằng thì theo đuổi lối học đầu ngọn, ghi nhớ từ chương, rồi chung quy chỉ được có cái hư văn. Một đằng thì, để tâm vào những điều giản dị, rõ ràng và thiết yếu, mà lại thâu được thực học. Thế thì sách vở không thể không hiệu chính, phép thi không thể không sửa đổi, nhân tài không thể không cổ võ, cũng là một việc hết sức dễ hiểu vậy.

Cái thuyết khinh rẻ công nghệ đã nổi lên, thì vàng, bạc, gỗ, đá chỉ là nguyên liệu để cho người nước ngoài dùng; cái đạo khuyến khích công nghệ được thịnh hành, thì nước, lửa, gió, điện đều giúp ích cho sự cần dùng hàng ngày của dân ta cả. Vậy thì không thể không chấn hưng công nghệ, là điều tất nhiên.

Khư khư ngồi giữ lấy xóm cùng làng hẻm, sao bằng thả lỏng cho tinh thần bay nhảy ra cõi ngoài để cho tất cả vũ trụ đều có thể là nơi mình nằm chơi: dùi mài mấy tập giấy cũ, sao bằng xem báo mới mà trên giấy mực đều là thần trí. Thế thì không thể không mở báo quán là rõ ràng lắm.

Có người nói rằng: Non sông nước Nam đã vạch sẵn trong tập Thiên thư, văn hiến có từ lâu rồi: phép lục

https://tieulun.hopto.org

thư (1) đã thông hành rồi, cần gì phải dùng đến chữ mới? Muốn quyền, đã giàu rồi, cần gì phải dùng đến tân thư? Khoa cử đã đủ để kén chọn người rồi, cần gì phải theo lối mới? Điển lệ hiến chương đủ để trị nước rồi, cần gì phải dùng đến phép mới? Nếu làm như vậy thì chẳng hóa ra biến đổi hết nền nếp văn hiến ngàn xưa để bắt chước cái mới, mới được ư?

Than ôi! nếu quả như lời ấy, thì dân trí nước ta đến chìm lỉm tít mù, không có bao giờ phát triển được nữa. Giả sử thời cục « tỏa quốc » (2) không biến thành thời cục « đầy điện, cơ khí » thì những cái gọi là « bốn điểm, năm giới » trên kia sẽ còn lảng vảng mãi trong đầu óc nhà triết lý, nhà chính trị; gặp việc hư hỏng thì vá cho lành, chữa cho thẳng, tô điểm, phò trương, không phải không đủ gọi là văn minh: nhưng ngặt vì không thể thế được. Ví như dây đàn cầm không hòa hài thì phải tháo ra mà sửa lại: nhà ở đã cũ hàng nghìn năm thì phải dỡ đi mà làm lại, rồi mới có thể lại ở được (lời Lương Khải Siêu). Thời cục cũng vậy, tất phải đến thế. Không nghe câu chuyện nước Nhật Bản ư? Trong thời gian hơn 30 năm gần đây, nước Nhật thâu thái văn minh Âu châu, nay đã đạt được mục đích rồi. Không nghe câu chuyện nước Tiêm La ư? Trước đây vài mươi năm, nước Tiêm đã giao thông với Âu châu, phái con em đi du học, nay chính sự có phần mới mẻ, khả quan rồi! Lại không nghe nói chuyện nước Tàu ư? Tàu vẫn là cổ quốc, thế mà từ khi bị ngoại giới và nội giới kích thích, người Tàu đã tỉnh dậy, người trên dần dần hiểu rằng phương pháp Âu Tây là đáng theo; dưới

1) *Lục thư*: Sáu lối đặt chữ trong hệ thống chữ Hán: tượng hình, chỉ sự, hài thanh, hội ý, chuyên chú và giả tá.

2) *Tỏa quốc*: Khóa kín cửa của nước nhà, không giao thiệp, học hỏi với nước ngoài.

https://tieulun.hopto.org

cũng biết rằng học lượt Âu Tây ta đáng chuộng. Nay nước Tàu đã có sở phỏng tạo (1), ta hãy quảng tạo rồi. Họ đang thay cái lối cũ kỹ của họ để nhiễm vào cái đầu óc duy tân: sự tiến hóa của họ, thật chưa thể lường biết được.

Than ôi! Người ta đã tính gấp rồi, ta còn mơ ngủ! Người đã qua đò, ta còn cam sao! Thì làm sao đứng nổi trên đài mưa văn minh tiến bộ lớn này? Hướng chi, phong trào vô cùng, cuộc tiến hóa do đó mà cũng vô cùng. (Cái xã hội) mà trước đây gọi là văn minh, ngày nay xem ra chỉ là bán khai thôi. (Cái xã hội) mà trước đây gọi là bán khai ngày nay xem ra chỉ là dã man thôi. Cho nên nói rằng: « Cùng thì biến, biến thì thông, thông thì lâu dài ». Lại nói « Họa mà sửa sang, gọi là biến, suy ra mà làm, gọi là thống ». Chí lý thay lời nói của ông Thánh!

Thời buổi ngày nay không phải là thời buổi nên biến thông ư? Người Âu súc tích tâm tư, tài lực có mấy nghìn, mấy trăm năm nay, làm nẫy ra được cuộc văn minh, bành trướng không ngừng, lần lượt tràn lan vào các nước châu Á. Ấy thật là một ánh sáng rực rỡ giữa đám tối tăm. Thật là trời mở cho ta mà mình lấp lại sao? Ngày ngày ngồi giữ cái thú ca múa hồ sơn (2) mà không lo, rồi nhịp núi sông đổi đời mà không thương tiếc! Chả biết hai mươi lăm triệu đồng bào ta rồi sẽ kết cục ra sao đây? Chả biết rồi đây người đời sau xem người đời nay, người đời nay xem người đời xưa sẽ đặt ta vào địa vị nào đây!

Nay không muốn mở trí dân thì thôi, ví bằng muốn mở trí dân thì không thể không tìm ra ảnh hưởng để

---

(1). *Phỏng tạo*: Bắt chước người ta mà chế tạo.

(2). *Hồ sơn*: hò và núi — Cảnh ca hát vua quan ngày trước.

https://tieulun.hopto.org

xem cho biết cái cớ bởi đâu mà cuộc văn minh thành ra *tĩnh* mãi. Anh hưởng thế nào? Tức là năm giới như đã nói trên đây. Không thể không xét đến nguyên nhân để biết cái sức ngăn trở văn minh bởi đâu mà ra. Nguyên nhân đó là gì? Tức là bốn điểm kể trên đây. Không thể không giữ vững chủ nghĩa để đi đến bước văn minh tấn tới. Chủ nghĩa gì thế? Tức là sáu đường như vừa nói trên đây vậy.

Ôi, đã tìm rồi, đã xét rồi, đã nắm vững rồi, (thì phải đem) búa to dao lớn để phá lũy xưa, xi đổ, cờ bỏng, để lên đài mới, phải ném thân vào chỗ thế giới nước xoáy để mài xát nhiệt thành của mình, rồi đưa ra thời đại bay nhảy để cổ lệ cái nguyên động lực, làm sao cho người một nước nhân tư tưởng mà sinh cạnh tranh, nhân cạnh tranh mà sinh tư tưởng. Bấy giờ các môn học văn minh ngõ hầu mới có được. Công hiệu được thành, sẽ như cái đồng hồ báo thức, chỉ vặn dây cót mà cả bộ máy đều chạy. Hiệu quả thu được sẽ như ống hàn thử biểu lên xuống theo không khí mà không sai suyển mảy may. Là vì trình độ dân trí được đề cao dân thì sức bành trướng của văn minh cũng sẽ lớn lên, và nền tảng văn hiến sẽ bền vững lâu dài vậy.

Đặng Thai Mai dịch theo nguyên văn chữ Hán – Thư viện khoa học xã hội – Bản in gỗ – Ký hiệu A.587.

https://tieulun.hopto.org

QUỐC DÂN ĐỘC BẢN

TIỂU DẪN. Hiện chưa biết rõ tác giả của cuốn sách quan trọng này. Tại Thư viện Khoa học xã hội Việt Nam, còn lưu giữ được một cuốn duy nhất mang ký hiệu A.174. Sách này 185 trang chữ in bản khắc gỗ có một mục lục, một lời tựa nói đại ý việc biên soạn sách này. Kèm theo bản in có 2 trang chữ Pháp viết tay nói về ý nghĩa mục đích của sách và dịch lại «mục lục» của bản chữ Hán.

Trong lời tựa của sách ghi rõ: «Sách này biên soạn ra để chuyên dạy cho thiếu niên. Nó bao quát trong đây những định nghĩa về xã hội, quốc gia, quốc dân, công đức của quốc dân, những định nghĩa của chính thể, quan chế, trường học, quân chính, thuế khóa, pháp luật, giao thông, cảnh sát, dân chính, hộ luật, tôn giáo; những định nghĩa về các chế độ... cho đến việc học về tính toán đều đủ cả. Văn lý nông cạn nhưng trong sáng, ngữ khí hòa dịu, mục đích cốt ở chỗ khai thông dân trí để gây cơ sở cho nền học mới. Phàm những em bé từ 12 – 13 tuổi trở lên đều có thể mua sách này để đọc. Những người tuổi tác đã già không có thì giờ để đọc các sách khác, cứ xem qua sách này cũng có thể biết sơ lược về những lý lẽ nông cạn của việc đời phải trải qua vậy».

https://tieulun.hopto.org

Quốc dân độc bản là một tài liệu giáo khoa cơ bản của Đông Kinh Nghĩa Thục, một cuốn sách « vỡ lòng » cho học viên tập đọc. Chỉ trong 9 tháng hoạt động của nhà trường, sách đã được in đi in lại nhiều lần, có thể lên đến mấy vạn cuốn mà vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu cho người đọc trong cả nước.

Dưới đây chúng tôi xin trích in một số trong 79 bài học cơ bản ấy, do Nguyễn Đình Chú dịch. Thứ tự bài học, chúng tôi giữ nguyên như sách tuy sự sắp xếp của tác giả nguyên bản chữ Hán không thật hợp lý lắm.

GIẢI NGHĨA HAI CHỮ QUỐC DÂN

Gọi là nhân dân chưa phải là quốc dân. Có nhân dân thời có nhà nước. Nhà nước quản trị nhân dân. Nhân dân chịu sự quản trị của Nhà nước. Nước là nước. Dân là dân. Còn Quốc dân thì khác thế. Quốc dân và Nhà nước có mối liên quan chặt chẽ không thể tách rời nhau. Đã xem sự vui buồn vinh nhục của Nhà nước như là sự vui buồn vinh nhục của thân ta thì ắt là sẽ bỏ tiền của của ta ra giúp cho Nhà nước chấn hưng xã hội. Đưa hết sức của mình ra giúp cho Nhà nước bảo vệ lãnh thổ; bỏ lòng tư tư, tư lợi để tuân theo pháp luật công minh chính trực như thế thì sau mới không thẹn với chức năng là một người quốc dân. Cho nên, nhân dân là gọi chung người của nước. Còn quốc dân là gọi loại người đặc biệt của nước.

Các nước Thái Tây, nhân dân có quyền bàn nghị chính trị. Gọi quốc dân tức là người có quyền bàn nghị chính trị đó. Kẻ nào phản nước làm gian thì bị tước quyền chính trị và không được gọi là quốc dân. Dân nước ta không có quyền bàn nghị chính trị, so với

https://tieulun.hopto.org

Thái Tây thật là khác lạ. Như thế thì phải chăng là không có quốc dân? Không! Phàm dã có thể giữ được pháp luật của nước, yêu mến đồng loại của nước mình, xem việc nước như việc nhà, thì đều có thể gọi là quốc dân. Nếu không có tư tưởng quốc gia, quốc gia trị hay loạn, mạnh hay yếu đều mặc kệ, không thèm hỏi, thậm chí quên nước thờ kẻ thù, cam tâm làm nô lệ cho giống khác, thì không được gọi là quốc dân. Cho nên mới nói quốc dân mà không phải là quốc dân, là do chính dân ta tự gây ra mà thôi vậy. Lẽ nào lại có thứ chính pháp cắt hết quan hệ giữa nước và nhà hay sao?

LÒNG YÊU NƯỚC

Lòng yêu nước của quốc dân mà sâu nặng thì nước mạnh. Nước ta là cha mẹ chung của hơn hai mươi triệu người chúng ta. Không yêu cha mẹ mình và không yêu nước mình đều là trái với thiên tính của loài người, và ấy là quái vật vậy. Ôi! nước đối với ta, ân nghĩa rất sâu. Từ vị tổ đầu tiên đến thân ta hay đều sinh ở đây, ăn ở đây, già ở đây. Cho dù người ta ở đất mới khai thác ở châu Phi, trong một bộ lạc nào đó, chịu sự nóng bức đến vàng dầu cháy da, mà còn yêu và bảo vệ nó, huống hồ nước ta lại ở phía Nam châu Á giữa khoảng ôn đới và nhiệt đới, khí hậu ôn hòa như thế, bãi sông, đất dai màu mỡ như thế... ở Bắc Kỳ ba mươi cửa biển; ở Nam Kỳ mấy chục cửa biển đều có thể làm cảng cho tàu thuyền đến trú, đông đúc như thế; lúa gạo, rau qua dầy dủ, tơ bông, chè hoa lắm lợi; than sắt, khoáng vật giàu có,... các nước trên địa cầu, ít có nước sánh được cùng ta. Và điều ấy đều làm cho nhiều nước bên ngoài thèm nhỏ dãi.

https://tieulun.hopto.org

Bọn chúng ta may mắn được sinh ra trên đất nước này, lại còn không dủ để nảy sinh tình yêu ở mỗi chúng ta hay sao?

Dân nước ta vốn không có tư tưởng quốc gia, Chủ quyền của nước mình đã mất sạch, thế mà quốc dân vẫn cứ ngủ say! Nước ta vốn xưng là một nước văn hiến, có sao lại chịu tình cảnh này? Lời xưng tụng ấy hóa ra chỉ dáng nói ở nơi xóm nhỏ hay sao?!

LÒNG ÁI QUẦN

Chỉ là đứa trẻ con như thế mà người to lớn không dám khinh nhờn. Chẳng phải vì sợ đứa trẻ, mà chính là sợ cha mẹ, kẻ thân thích và những người quen biết nó vậy. Cho nên, nếu chúng ta mà lại làm người sống riêng lẻ hẳn, thì từ kẻ thất phu có sức mạnh cho đến loài côn trùng có độc hại, loài thú dữ có nanh vuốt đều làm hại được mình cả. Mà loài người cũng sẽ bị tuyệt diệt. Có được sự cùng sinh cùng dưỡng từ mấy ngàn năm nay là nhờ có sự *hợp quần* vậy. Bẻ gãy một mũi tên thì dễ; bẻ mười mũi tên thì khó, có mười người mà mỗi người chèo một thuyền thì chậm; nhưng mười người cùng chèo một thuyền thì nhanh. Bầy càng lớn thì sức một người càng dầy, cho nên, người ta trên thế giới chưa ai lìa bỏ xã hội mà lại có thể sống được. Đã cùng chung một xã hội mà sự đoàn kết có độ dày mỏng là do lòng ái quần của người ta có độ dầy mỏng, rộng hẹp khác nhau.

Nước ta từ xưa tới nay, chẳng qua là mới biết hội họp thành bầy nhỏ (tiểu quần) để sùng tu chùa viện, cầu cúng linh tinh, chứ chưa hội họp được bầy lớn (đại quần) là một nước để đoàn tụ, liên kết thành một

https://tieulun.hopto.org

thể đặng giúp ta chế ngự sự khinh rẻ. Thậm chí có kẻ còn ỷ thế người khác mà khinh thường quốc dân đồng chủng của mình. Than ôi! Nước ta có một bầy lớn (đại quần) hơn hai mươi triệu quốc dân mà không tránh khỏi thân phận nô lệ là không vì lẽ ấy hay sao?

NỀN VĂN HIẾN RẤT LÂU ĐỜI CỦA NƯỚC TA

Nước ta dựng nước ở phía Nam châu Á. Đất đai rộng hơn hai mươi vạn cây số vuông. Dân số hơn hai mươi triệu người. Mấy ngàn năm trước đã biết sáng chế văn tự, lịch toán, cung thất, thuyền xe. Có nghĩa cha con vua tôi; có tục lễ tang cưới hỏi. Vẻ đẹp của văn học chính trị, rực rỡ đáng mừng.

« Đất nước Nam thì vua Nam ở,
Sách trời đã định thật rành rành... »

Dẫu Tống, Nguyên, Minh, Thanh cũng không thể lấy cường quyền mà ức hiếp ta, trói buộc ta lâu dài được. La Mã là nước có tiếng nhưng dần dần bị sụp đổ là không làm lại được. Các tiểu quốc ở Lưu Cầu thuộc Châu Á cũng đều bị tiêu diệt. Riêng nước ta là nước cũ hơn bốn ngàn năm mà vẫn tồn tại, thì chẳng phải là nhờ lập quốc lâu đời, mà lại còn sớm biết khai hóa đó sao?

Các nước Âu Mỹ khai hóa rất muộn, nhưng tiến hóa lại rất nhanh. Một trăm năm trở lại đây, bước tiến của họ lại càng đột khởi. Học thuật, chính trị, giáo dục phong tục không một thứ nào là không đến sau nhưng lại ngồi trên. Họ thì làm chủ nhân ông trong toàn thế giới, còn nước ta từ trong triều đình cho đến ngoài dân dã, chính trị, phong tục không thể biến cải. Các đồ dùng, các khí cụ, phần lớn đều còn rất thô sơ. Khắp nơi đói kém... Thói ngang ngạnh chưa đổi. Tinh

https://tieulun.hopto.org

nô lệ chưa từ. Than ôi! sự khai hóa thì sớm như kia, mà sự tiến hóa lại chậm như vậy. Không đáng tiếc hay sao?

Phàm là người dân nước ta, chớ lấy sự khai hóa sớm làm vinh, mà chỉ nên lấy sự tiến hóa chậm làm nhục. Ở trên cái thế giới ngày nay, cuộc cạnh tranh cùng quyết liệt, cùng tiến thì có thể sinh tồn, không tiến thì không tự lập nổi một ngày. Không như trăm năm về trước, dùng chính sách đóng cửa để cai trị, dẫu không phải là tiến tiến cũng còn là khả thủ vậy.

VĂN MINH

Các bậc thiếu niên của ta thấy thế giới ngày nay thì cho rằng mấy ngàn năm về trước đã là như thế. Không phải thế đâu. Thế giới ngày nay của chúng ta là thế giới văn minh. Người thượng cổ chưa kịp thấy vậy. Văn minh là gồm các sự kiện thiết yếu như văn tự, pháp luật, giáo dục, luân lý, trồng trọt, chế tạo... gộp chung lại mà thành.

Người đời thượng cổ không biết trồng trọt, chỉ biết săn thú và bắt cá mà thôi. Không biết chế tạo, cho nên không có nhà cửa, đồ dùng, cái ăn, cái mặc. Không có luân lý, cho nên không có nghĩa vợ chồng, tình cha con. Không có văn tự, cho nên phải kết dây thắt nút để ghi việc. Không có pháp luật giáo dục, cho nên tính tình hung hãn, cướp giật nhau mà ăn. Không có thủy lục giao thông, cho nên không qua lại với nhau. Thế giới đã man là vậy.

Về sau biết nghề trồng trọt; biết làm nhà cửa, thuyền xe, nung đúc các khí cụ; biết tục lễ hôn nhân, tình nghĩa cha con vua tôi; biết mua bán; biết sáng tạo văn tự; biết giáo dục; biết đặt ra hình pháp. Khi có sự trừng phạt những kẻ không tuân theo việc giáo dục là lúc sự

https://tieulun.hopto.org

khai hóa văn minh bắt đầu, mặc dù còn là thô sơ đơn giản chưa hoàn mỹ như ngày nay.

Người nước ta thích xưa bạc nay. Thậm chí, có người tiếc là không được làm người thời đại Hy Hoàng thuở xa xưa, mà không biết thời Hy Hoàng xa xưa ấy là thời đại dã man, sao đủ để hâm mộ! Ngày nay từ dã man mà tiến lên văn minh là cầu cho thân thể được khỏe mạnh, tinh thần được sảng khoái. Chúng ta may mắn sinh vào thời nay, muốn gạo có gạo, muốn chè có chè, có nhà cửa để che gió che mưa, có khí cụ để cung ứng các thứ nhật dụng, có cha mẹ để yêu ta, có các sư trưởng để dạy ta. Giao thông thủy lục, thuyền xe tiện lợi, muốn đông thời đông, muốn tây thời tây. Cảnh khoái lạc văn minh như thế, thời thượng cổ chưa từng được hưởng. Thử nghĩ: để cho con người ăn lúa gạo, mặc đồ tơ lụa ngày nay bỗng chốc mà biến thành những người ăn lông ở lỗ thì có thể yên được một ngày hay không?

THUYẾT VĂN MINH KHÔNG CÓ GIỚI HẠN

Các nước trên địa cầu đều từ dã man mà khai hóa mà văn minh. Đó là điều nhất định. Còn dã văn minh rồi, thì sự tiến bộ nhanh hay chậm, trình độ thấp hay cao, lại là điều không định được.

Văn minh là không có giới hạn. Càng tiến thì càng lên cao. Bảo rằng nước này văn minh hơn nước kia thì được. Chứ bảo nước này đã văn minh đến cực điểm rồi thì không thể được. Có thể nói rằng, nước này là nửa khai hóa, nửa dã man; nước kia là toàn bộ được khai hóa. Cái gọi là toàn bộ được khai hóa đó, há lại đã xem là đạt đến cực điểm của văn minh rồi hay sao? Tôi chưa dám tin điều đó.

https://tieulun.hopto.org

Đời nay văn minh như các nước Âu Mỹ, có sự chế tạo tinh vi, pháp luật hoàn bị, giáo dục phổ cập, giao thông đầy đủ. Thế mà nhà tù vẫn chưa hết, nạn hút xách rượu chè vẫn chưa hết. Người ốm đau khổ sở, kẻ hung hãn, dân không biết chữ, đâu đã xóa hết. Sự văn minh vốn đã hoàn toàn chăng? Không! Nếu bàn về nước ta thì khuyết điểm trong sự văn minh vốn có nhiều. Đại để, muốn tiến tới sự văn minh cần có hai điều: *Một là không biết đủ.* Thiên tính của con người là không biết sự đầy đủ. Đã đẹp lại còn mong đẹp hơn. Đã khéo còn mong khéo hơn. Đã yên vui còn mong yên vui hơn. Hôm qua cho là đúng. Hôm nay lại cho là sai. Biết sai mà sửa lại cho tốt là tiến bộ vậy. Sách viết trên thẻ tre đã đủ, còn chế tạo ra giấy bút. Tơ gai đã đẹp, còn chế tạo ra vải bông. Muốn ngăn cấm không cho chế tạo cũng không được. *Một nữa là, năng lực bắt chước.* Các bậc thiên tài của nhân loại đều có năng lực bắt chước. Vạn quốc cùng giao thông, kiến thức càng mở rộng. Tự cho đã đẹp đã khéo, nhưng thấy có kẻ đẹp hơn, khéo hơn mình thì tất nhiên vẫn bắt chước để toại cái tâm lý bất tri túc (không biết đủ) của mình. Xưa dùng đá để lấy lửa, nay dùng củi lấy lửa. Xưa dùng thuyền buồm, nay dùng thuyền khí (thuyền chạy bằng máy nổ hơi nước). Muốn ngăn cấm không dùng cũng không được. Như thế thì sự cầu tiến văn minh cũng là do cái tính không biết đủ (bất tri túc) và cái tài có thể bắt chước mà thôi, há có điều gì khác đâu.

QUAN HỆ GIỮA NƯỚC VÀ DÂN

Họp cây thì thành rừng. Không cây thì không rừng. Họp lính thì thành quân. Không lính thì không quân. Nước đối với dân như rừng đối với cây, quân với lính

https://tieulun.hopto.org

vậy. Giả sử nói: quân bại mà lính thắng, rừng tàn mà cây tốt, thì ắt là phải cười cái điều bất thông ấy. Thế mà bảo rằng nước mất nhưng dân còn, lẽ nào đó lại là điều có thể thông suốt?

Dân của nước văn minh, không ai không xem việc nước như việc mình. Nước mạnh thì mừng, nước yếu thì lo. Dân nước ta không biết quốc gia là vật gì. Nghe người ta đàm luận quốc sự thì bịt tai mà chạy và nói rằng: Việc quốc gia ấy có gì dính với ta. Ôi! nói vậy sao được!

Thử nghĩ: ngày trước tắm gội ơn dày của Tổ quốc, đồng chủng, đồng tộc, cùng nhau kính yêu, an cư lạc nghiệp, ca vịnh thái bình, vui gì bằng thế. Từ khi phải chịu dưới sự cai trị của những chính lịnh ép buộc, bị ngược đãi tồi tệ, đã xót về nỗi không có lẽ người, lại thêm chuyện đời sống ngày một khó khăn, nguy cơ càng bức bách. Bọn ngoại nhân lắm kẻ xem ta như thứ trong chuồng, nhìn ta như mọi da đen, cả dân tộc cùng ăn thịt nhau, sỉ nhục lạ lùng hết chỗ nói. Như thế mà nói rằng không có gì xấu hổ, thì ắt là chờ lúc bị cứa dao vào cổ, bị nhổ nước bọt vào mặt, rồi mới cho là xấu hổ hay sao?

Than ôi! Sự lo không gì lo bằng nước bị mất. Sự buồn không gì buồn bằng thân bị nhục. Ta đã sinh ra trên đất nước Nam làm người dân nước Nam, trong óc chỉ có nước Nam, trong mắt chỉ có nước Nam, hãy làm cho nước ta ngày một văn minh hơn. Vì quốc gia mà mưu kế, tức cũng vì riêng mình mà mưu kế vậy.

DÂN MẠNH THÌ NƯỚC MẠNH

Bàn về thế nước mà nói rằng: nước này mạnh nước kia yếu. Ôi! Nước sao có thể tự làm cho mạnh yếu

https://tieulun.hopto.org

được. Mạnh hay yếu là ở dân vậy. Nước có dân như thân người có bốn chi trăm thể. Chưa có chuyện bốn chi trăm thể không mạnh mà thân người có thể mạnh, cũng như chưa có chuyện dân không mạnh mà nước có thể mạnh được. Hoặc giả nói rằng: Nước ta theo chế độ quân chủ, có được vua thánh tướng hiền thì nước trị. Còn dân thì sao? Xin thưa rằng: Vô luận nước nào trị hay loạn đều phải xem ở tâm tư đạo đức của quốc dân đối với chính phủ của nước đó ra sao.

Nước ta là nước quân chủ. Trải qua các đời, dân chỉ biết chịu sự cai trị của các bậc vua tướng mà không thể dụng tâm để mưu lấy đường tự tồn. Trên có vua hiền tướng giỏi, thì nước được bình trị phần nào, và dân cũng được yên ổn. Không may mà không có vua hiền tướng giỏi, thì cả nước như vạc sôi, nhân dân lầm than khổ cực. Từ xưa tới nay sở dĩ ngày bình trị thì ít mà ngày loạn lạc thì nhiều, đều là do thế cả. Cho nên, cầu sự bình trị mà lại trông chờ ở các bậc vua thánh tướng hiền, thì không bằng trông mong cho dân giầu và nước giầu. Dân đã mạnh thì nước yếu cũng có thể chuyển thành mạnh, mà lại mạnh lâu dài.

« Ưu điểm » trong tính chất người dân nước ta là an phận, là già dặn kinh nghiệm, là nhẫn nại. Nếu dùng nó không thích đáng thì có ba điều tệ: Biết bảo thủ mà không biết tiến thủ là một; Biết theo người mà không biết độc lập là hai; Biết yêu mình, yêu nhà mà không biết yêu bầy, yêu nước là ba. Ba điều tệ đó, không trừ bỏ được thì dẫu có vua thánh tướng hiền cũng chỉ bình trị nhất thời mà thôi. Sao có thể cùng các nước lớn mà chống chọi được. Cho nên, ngày nay ắt là con người phải lo tự cường để sau được cường.

https://tieulun.hopto.org

Nước có nhiều quốc dân trung nghĩa thì nước đó mạnh. Người làm tôi chịu sự ủy thác của vua, của nước, làm việc bảo vệ, giữ gìn cương thổ. Ví như có người nước ngoài làm nhục đến nước, thì người nghĩa khí là phải liều chết. Còn như chỉ biết tiếc thân mình, chỉ lo bảo vệ vợ con mình, nghe đến việc khó thì chuồn, vào cuộc chiến thì bất lực, kẻ đó là loại bề tôi bất trung bất nghĩa, nhục lớn trong thiên hạ vậy.

Làm người dân là có chức phận của mình, dẫu có phải ăn đói, đi chân đất mà để nước mình không thể tự lập, thì còn mặt mũi nào mà đứng trên trái đất nữa! Cho nên, đã là quốc dân thì phải có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Không ai là không phải luyện tập việc binh việc võ, làm kế ngăn ngừa hoạn nạn và thù địch. Kẻ nào quên nước thờ thù, cam tâm làm nô lệ, kẻ đó là người dân bất trung bất nghĩa, và cũng là điều nhục lớn trong thiên hạ.

Làm người không gì nhục bằng kiếp sống trộm vụng, không gì vinh hơn là chết dũng cảm. Cho nên, những người khẳng khái quyên sinh, chưa ai là không được tôn thờ ngàn thu, là không để tiếng thơm cho trăm đời. Bọn chúng ta lúc nhỏ, nghe người ta đàm luận về trung nghĩa thì lòng khẳng khái bột phấn như là muốn vùng lên mà hành động ngay. Đủ biết lòng trung nghĩa là ở tính trời mà ra vậy. Các nước trên địa cầu đều có nhiều kẻ trung nghĩa. Nước ta là nước có lễ nghĩa, có văn hiến, như bọn các ông Trần Bình Trọng, Trần Khát Chân... và những người vì nước hiến thân khác, không biết đến mấy ngàn mấy vạn người. Than ôi! Người chí sĩ không chịu bị quên nơi ngòi rãnh. Kẻ dũng sĩ không để mất cái điều lớn lao. Người ta ai cũng một

https://tieulun.hopto.org

lăn chết. Nhưng chết trong cửa sổ lặng lẽ không ai biết, thì sao bằng chết vì việc nước, tên tuổi lẫy lừng?

Phàm quốc dân ta, một sớm dã hiến thân vì tiết lớn, không có hai kiểu chết. Bậc làm cha làm mẹ, chớ lấy cái chết của con làm điều lo, mà hãy lấy cái vô dũng nơi chiến trận của con mình làm điều nhục. Trung nghĩa đủ thành thiên cổ vậy.

CHÍ TIẾN THỦ

Một nước có nhiều quốc dân có chí tiến thủ thì nước ấy mạnh. Giống trắng mạnh, người ta đã biết và còn biết có nguồn gốc của sức mạnh ấy. Đất đai đã được mở mang, lại càng mở mang bờ cõi bằng cách đi xâm chiếm đất đai, bòn kiếm các đảo. Cơ khí được chế tạo; Sức hơi nước không đủ lại dùng điện lực. Điện lực không đủ, lại dụng tâm chiếm lĩnh sức hút của quả đất. Lòng ham tiến thủ không biết chán sẽ khiến cho nhân dân, chủng tộc mạnh, sẽ coi trọng sự phát triển thế lực của trăm họ rộng khắp trên toàn cầu. Đó chẳng phải là điều ngẫu nhiên vậy.

Dân nước ta nói chung chỉ biết bảo thủ mà không biết tiến thủ. Tâm lý bảo thủ sinh ra một mặt là do quan niệm tri túc, một mặt nữa là do tư tưởng nệ cổ. Sự ham muốn của dân là theo đà văn minh cùng tiến. Các bộ lạc dã man thì ngoài sự ăn lông ở lỗ, không còn mong cái gì nữa. Người dân có văn minh thì không như thế. Đã ăn gạo lại muốn ăn mì; đã ăn mì lại muốn ăn thịt. Không thế thì trí lực không phấn chấn xã hội không tiến lên.

Dân nước ta trước đây thường lấy sự thuần phác, quê mùa làm đẹp, cho sự điềm đạm, khiêm nhường

https://tieulun.hopto.org

là cao thượng. Không biết là đã quen thói chơi bời, lười biếng thì không tự giác ngộ. Tâm lý tri túc ấy đủ để cản trở sự tiến thủ. Sự tiến hóa của văn minh, càng tiến thì càng lên cao. Nay thắng xưa là lẽ tự nhiên. Người đời nay mà không có tâm lý thắng xưa, thì nền văn minh không tiến lên được, mà nước sẽ yếu. Các nước văn minh đã tiến kia, thì đang náo nức mở mang. Trong khi đó, người nước ta thì lại còn lo bàn rộng đến thời hoàng cổ, hâm mộ hoàng nông. Ai không nói đến thế đạo thì cho là sai, cho là không biết khôi phục phong tục cổ. Nói cái gì cũng không ra ngoài lời người xưa. Làm việc gì cũng không ngoài việc người xưa đã làm. Trái lại thế thì cho là làm rối loạn thế tục. Cái tâm lý hâm xưa như thế đủ để cản trở chí tiến thủ.

Sống trong thời buổi cạnh tranh lớn ngày nay, kẻ kia tiến một bước, ta cũng phải tiến một bước. Cần phải biết tự cường vậy. Bọn thiếu niên chúng ta nếu ai ai cũng cố gắng làm quốc dân biết tiến thủ, thì ở thế kỷ XX này biết đâu cái thế giới của người da trắng kia lại không là thế giới của người da vàng vậy.

ÓC CẠNH TRANH

Cạnh tranh là thuật để cầu tự tồn. Nhân loại trên thế giới, chưa có ai là không có dầu óc cạnh tranh. Mọi người đều cạnh tranh. Riêng ta thì nhường nhịn. Để cho người mạnh ăn thịt người yếu thì lấy gì mà tự tồn ? Người ta sinh ra, trong gia đình thì lòng thân ái giữa cha con là từ tính trời mà ra, như thế tất là không có cái lý cạnh tranh! Chứ một khi đã vào trong xã hội, thì không có cái chuyện nhường nhịn. Không thế thì không bảo vệ được sản nghiệp của nhà mình.

https://tieulun.hopto.org

May mà được sinh ra ở nước văn minh, có phép nước bảo hộ, có đồng loại giúp đỡ, bọn hung bạo còn không dám tự ý mưu hại. Còn giữa nước này với nước khác, thì không như vậy. Vì nay, có nước nào đó đem binh thuyền đến phá hủy pháo đài của ta, cướp đoạt thành trì của ta, thì ta sẽ kêu ở ai? Kêu cứu dân chăng? Tuy là có công pháp về hòa ước cũng không đủ để giữ. Vậy để có thể duy trì được quốc dân ta, chỉ có cạnh tranh mà thôi vậy.

Các nước Thái Tây, làm ăn cật lực, như say như điên, cho nên binh thuyền, hỏa khí... mới lạ từng ngày, từng tháng. Họ biết công pháp hòa ước không đủ giữ nước. Và phi cạnh tranh thì không có cách gì tự tồn. Dân nước ta vốn là không có đầu óc cạnh tranh. Mấy chục năm trước, nhiều lần đánh là nhiều lần bại. Gần đây lại có gương tai họa của nghĩa đoàn, càng sợ đến thế lực bất khả xâm phạm của dân tộc kia. Lòng thù ghét ngoại nhân chuyển thành sự nịnh hót ngoại nhân. Lúc thì ẩn nhẫn, lúc thì thoái nhường. Tôi sợ nhân tâm của hơn hai mươi triệu người, sẽ từ đó mà không chấn hưng lên được.

Than ôi! Quốc dân ta mà còn muốn tồn tại trên đời thì ắt là phải đem sức lực, sắt máu để cùng cạnh tranh. Nếu cứ chịu để mất chủ quyền, một ngày chưa lấy lại thì là một ngày không còn mặt mũi nào để đứng trên trái đất vậy.

BÀN VỀ QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM

Những cái mình được nhận lấy gọi là quyền lợi. Những cái mình phải làm hết sức gọi là trách nhiệm. Đây có quyền lợi thì kia có trách nhiệm. Giáp có của,

https://tieulun.hopto.org

Ất có tiền, Ất mong có quyền lợi, Giáp có trách nhiệm đáp ứng. Đầy tớ vì ông chủ mà phục dịch thì sẽ được nhận tiền công. Đầy tớ có đòi hỏi quyền lợi thì ông chủ có trách nhiệm phải đáp ứng. Đây là vấn đề quyền lợi trách nhiệm giữa một người với một người. Còn công ty và các chủ cổ phần cùng định ước lập hợp đồng cùng chia nhau lợi ích. Chủ cổ phần đòi hỏi quyền lợi thì công ty có trách nhiệm đáp ứng. Trường học đinh ước lập ra quy chế để bắt học sinh phải tuân thủ. Trường học có quyền lợi đòi hỏi học sinh phải giữ quy chế. Học sinh có trách nhiệm đáp ứng. Đó là vấn đề quyền lợi và tráth nhiệm giữa một người và xã hội. Không có thuế khóa thì không thể lo chuyện quốc gia. Nhà nước có quyền lợi thu thuế. Quốc dân có trách nhiệm nộp thuế. Gặp chuyện oan ức, quốc dân có quyền lợi khiếu nại. Nhà nước có trách nhiệm ủng hộ. Đó là vấn đề quyền lợi và trách nhiệm giữa Nhà nước và Quốc dân.

Văn minh càng tiến lên, Dân trí càng mở mang, thì giới hạn của vấn đề quyền lợi và trách nhiệm càng rộng thêm. Ở nước chuyên chế, vấn đề quyền lợi và trách nhiệm của quốc dân trên phương diện quốc chính là có rất nhiều khuyết điểm. Có những việc không thể phân chia ranh giới giữa quyền lợi và trách nhiệm. Ví như việc thi ân cho người. Người chịu ơn dầu có nghĩa vụ lo đền ơn, thì người ra ơn cũng không có quyền lợi hỏi phải trả ơn. Đã không có vấn đề quyền lợi thì vấn đề báo đền thuộc về việc nghĩa mà không thuộc trách nhiệm. Việc nghĩa là thuộc vào khoa học luân lý chứ không thuộc pháp luật. Những cái gì nằm trong phạm vi quyền lợi và trách nhiệm thì Nhà nước phải quy định trong pháp luật. Những thứ không thuộc phạm vi quyền lợi và trách nhiệm thì pháp luật không cần đề cập đến.

https://tieulun.hopto.org

QUỐC DÂN NÊN BIẾT ĐẾN CHÍNH SỰ

Các lý thuyết về chính trị, thứ tinh vi vốn không dễ gì mà biết. Thứ thô sơ thì phàm là quốc dân đều thường đã biết. Đừng hy vọng làm bậc công khanh đại phu. Nhưng hãy ham muốn làm người biết nóng lòng về việc chung, phụng thờ phép tắc, làm tròn trách nhiệm quốc dân.

Ở các nước văn minh cực thịnh, tâm lý tư tưởng của dân họ phát đạt, có nhiều người có tư tưởng chính trị, biết nóng lòng về việc công, phụng thờ phép tắc. Không dợi phải nói, cũng có thể vào Nghị viện để bàn nghị công việc của cả nước. Lại còn có thể lập ra chính thể tự trị của địa phương để giải quyết công việc chính trị trong địa phương mình. Trách phận chính trị của quốc dân có như thế thì sau đó mới hoàn toàn không có thiếu sót.

Tuy thế, chưa dễ gì mà nói vậy. Ở các nước chuyên chế, vua tướng nắm chính sự ở trên, bách quan làm ở dưới. Việc của quốc gia, trăm họ hoàn toàn không được nghe đến. Một chính lệnh ban ra, trăm họ chỉ một lòng vâng chịu, như học trò nghe lời giáo huấn của ông thầy, dạ dạ vâng vâng không biết cái chủ ý sai khiến đối với mình là nói cái gì. Như đến kỳ nộp thuế thì chỉ an phận giữ pháp luật, còn tô thuế là cái gì, pháp luật là cái gì, đều không nghĩ đến. Trên danh nghĩa thì làm quốc dân. Nhưng thực chất thì làm bù nhìn của chính phủ. Đã làm « loại người gỗ » của chính phủ mà lại giao cho bàn nghị chính trị của cả nước, chính sự của địa phương, thì há không khó khăn sao ?

Phàm là quốc dân, dẫu không có trách nhiệm bàn nghị của chính phủ, cũng không thể không sáng tỏ các lý thuyết chính trị để xứng đáng với sự đóng góp của

https://tieulun.hopto.org

quốc dân. Huống chi nước ta đang lúc biến đổi cái cũ. Việc ấy càng là việc cấp thiết. Biến đổi cái cũ, tất là muốn biến đổi con người nhiều hơn là không biến đổi con người, có thể sau đó mới dễ hành động. Mà muốn có sự biến đổi con người tất là phải thông đạt về các lý thuyết chính trị. Nước Nga có tiếng trong thiên hạ là, những người chấp chính của họ tài năng hiểu biết vượt trên mọi người, thế mà quốc dân tính vẫn có nhiều cái phiến toái, yếu hèn. Người phương Tây cho rằng nền tảng quốc gia của họ không bền, tất rồi sẽ tan nát. Dẫu đó là lời nói đố kỵ, nhưng há lại cho là vô lý sao?.

THUYẾT THIÊN MỆNH CHÍNH LÀ SAI LẦM

Cái tâm lý hiện nay đủ cản trở quốc dân ta cạnh tranh chính là do thuyết thiên mệnh. Không có cái gì mà các bậc trí giả không gọi là mệnh. Người quân tử biết mệnh là biết cái hại không thể tránh, cái lợi không thể theo, rốt cuộc chỉ còn cái phải làm mà thôi vậy. Cho nên người biết mệnh chỉ cốt lo khuyến khích sự lập chí; còn biết đâu đến bọn người không có chí. Làm một việc gì cũng chờ theo cái may của trời cho. Việc không thành thì lại ghen với trời. Bàn về sự nước yếu thì không quy tội cho chính sự không sửa đổi, quốc dân không có tài, mà lại cho rằng: ấy tại khí số, chẳng phải việc của người. Gặp thủy hạn, không đổ tội cho việc không nắm được thời cơ bịt chỗ rò của đê, cho việc không có kế hoạch khai hoang dự phòng, mà cứ nói: ấy là thiên tai, chẳng phải việc của người vậy. Xảy ra đau ốm cũng nói là sống chết là có số, phòng vệ cũng vô ích. Học làm một nghề, người ta thành công, mình thất bại, thì cho rằng: mệnh của họ hanh thông,

https://tieulun.hopto.org

mệnh của mình khó khăn. Than ôi! sao cứ nói những lời tự hại, tự bỏ như vậy. Những cái sức người không làm nổi, mà cứ quy tội ở trời, trời chịu trách nhiệm về tội ấy chăng?

Cuộc đời ngày nay cái gì cũng cạnh tranh. Cạnh tranh học thuật, cạnh tranh công nghệ. Không một cái gì không cạnh tranh, và cũng không chỉ cạnh tranh đất đai. Một nước đa cạnh tranh, lắt vạn quốc cũng cạnh tranh. Người đã cạnh tranh thì tuổi cũng phải cạnh tranh. Kẻ mạnh sẽ thắng. Kẻ yếu sẽ thua, chỉ thoái nhường một chút là không có đất để trợ lập ngay. Nguy ôi! Nguy thay! Những kẻ có chí đã lấy chuyện không thắng được người làm xấu hổ, tức là phải lấy chuyện không thắng được trời làm xấu hổ. Cứ giảng khoa học vệ sinh, thì tuổi thọ của người xưa ngắn mà ngày nay dài. Cứ giảng kế sách khai hoang để dự phòng, thì tai nạn thủy hạn xưa nhiều nay sẽ ít. Sao cứ cho là tại trời mà không thể thắng? Vả lại, cái mệnh sao dễ được?...!

BÀN VỀ CÁI HẠI CỦA KHOA CỬ

Nước ta có khoa cử mà không có trường học, nhưng cũng chưa từng mang tiếng là không có trường học. Riêng về việc lập trường học so với nước Pháp thì khác hẳn. Trường học của nước Pháp lấy việc giáo dục làm chủ nghĩa. Không người nào là không đáng được giáo dục, cho nên không ai là không từng vào học. Cái học gọi là phổ thông thì sĩ, nông, công, thương, ai ai cũng cần học. Tiến lên trên nữa thì có học chuyên môn, chia làm nhiều kiểu học tập, không bó buộc trong một cách. Cả nước không ai không học. Không học nào là không tinh. Học sĩ quan chỉ huy, không hẳn là kết quả phải trội hơn học về nông công thương. Trường học ở nước

https://tieulun.hopto.org

ta lấy khoa cử làm chủ nghĩa, vốn là không có chí hướng ở công khanh đại phu. Nhưng rồi dù một chữ « đinh » (J) không biết mà cũng có chí hướng muốn làm công khanh đại phu. Như vậy tất là phải nhận lấy cái hư không mà không có cái thực chất. Lại có một loại « mọt sách » bám riết lấy mớ sách vở cũ kỹ, năm gục trước án sách mà học đến phèo bọt miếng ra... chỉ lo ra công ở văn tự, cứ giữ nghề « tiểu tập » (1) không may mà thi hỏng thì lui về làm kẻ sĩ làm thầy đồ để dợi thi lại. Có người suốt đời mong làm công khanh đại phu mà không được. Khi may mà vớ được miếng béo, tốt ra thì vào quan trường; thứ ra cũng không mất chức ấp trưởng. Đời người cho thế là rất vẻ vang. Cho nên, trẻ con mới lớn ba tấc, hơi biết một ít văn bút đã tự phụ ra vẻ là công khanh đại phu, khinh rẻ không muốn đứng cùng hàng ngũ với công nông thương. Mà cả những người thực sự là nông công thương cũng sai con em bỏ nghề gốc của mình chạy theo cái học khoa cử lấy việc đỗ đạt làm quan là điều vinh hạnh. Từ ngày có sự thông thương đến nay, lại có kẻ sai con em học qua loa văn chương Tây Âu để làm cái thượng sách kiếm ăn.

Than ôi! Trăm thứ học do đó mà cùng trở nên hoang dại. Lòng người ngày một cẩu thả. Không có độc hại khoa cử thì không đến nỗi thế. Tôi vốn căm ghét sâu sắc đến đau xót về tình trạng đó, thật không muốn thiếu niên nước ta lại phải chịu một lần nữa cái độc hại đó. Khoa cử và trường học không cùng một lý do trong khi thành lập. Khoa cử sớm muộn gì rồi cũng bãi bỏ. Phàm các bạn thiếu niên nước ta, nên chuyên sức ở lối học hữu dụng, đừng lấy khoa cử làm loạn chí

1). *Tiểu tập*: chép văn người khác nhận làm của mình, ý nói bắt chước, mó phỏng văn người khác.

https://tieulun.hopto.org

hướng của mình. Còn các bậc thực thụ nông công thương, cũng nên bảo con em đi học các trường thực nghiệp của nước ngoài, để cho nghề gốc của mình thịnh vượng lên mà chiến thắng cái hư vinh của khoa cử vạn vạn lần vậy. Chứ nếu cứ đắm đuối trong phong khí bỏ *sách luận* ra thì lại làm *bát cổ*; bỏ *bát cổ* ra thì lại làm *sách luận* (2)... Như thế thì làm sao mà quốc gia có ngày hưng thịnh được?

BÀN VỀ SỰ VÔ HẠI CỦA VIỆC KHÔNG CÓ KHOA CỬ

Người khó tính cho rằng: theo cách nói, khi Nhà nước chưa bỏ khoa cử thì làm sao bảo được là khoa cử không có ích lợi đối với thực học? Tôi biết điều đó. Nhưng giả sử bỏ thực học để chạy theo khoa cử, thì thử hỏi, đi thi mà vớ bở có được mấy người? Vớ bở mà được làm quan chỗ tốt có được mấy người? Được chức quan tốt mà suốt đời giữ được điều thiện có mấy người? Kỹ thuật thì rất vụng về, đạo đức thì rất suy đồi, không bằng dùng cái học của giáo dục phổ thông cho đủ những điều thực dụng.

Còn như nói bỏ khoa cử là xa lìa con đường mưu sinh, thì tôi chưa từng thấy. Đã có người nào đi thi hỏng mà phải chết đói đâu! Theo tôi, điều may mắn là bỏ được khoa cử đi. Thậm chí, không may mà khoa cử vẫn như cũ, thì người làm thầy cần phải lấy phép tắc mới mà dạy con em mình, bồi dưỡng cho họ thành quốc dân hữu dụng.

---

2). *Sách*, văn sách; *luận*, bình luận; *bát cổ*: lối văn tám vế của văn chương cử tử chữ Hán cũ.

https://tieulun.hopto.org

Người làm kẻ sĩ cần phải sáng tạo phép tắc mới, viết ra sách mới để có ích cho người trong nước. Người thông hiểu văn chương đông tây cần phải dịch các sách hữu dụng để mở mang phong khí. Người làm nghề nông công thương cần phải cải cách tiến thủ để mở mang quốc dân ta. Trong thực nghiệp chưa có điều gì là không ích lợi cho thế giới, xã hội, là không có phúc cho nước nhà.

Còn như nói rằng: lòng người lấy việc làm quan là vinh thì cứ nhiễm mãi những tư tưởng hủ lậu của thói cũ mà thôi. Như thế thì quốc dân làm sao có thể tự lập được?

BÀN VỀ SỰ KHÓ KHĂN CỦA VIỆC BIẾN ĐỔI TẬP TỤC CŨ

Xưa nay, trong ngoài (nước) không nơi nào vài mươi năm, vài trăm năm lại không có cuộc biến đổi về những tập tục cũ. Ngày, nay, vạn quốc giao thông với nhau, học thức cùng trao đổi với nhau. Cái sở trường của kẻ khác có thể dùng để cải biến cái sở đoản của mình. Những tập tục cũ ắt phải biến đổi không ngừng. Tuy vậy có cái khó khăn ở đây. Phép cũ cùng truyền mãi, theo cũ lâu ngày thì đến miệng, tai, tay chân cũng quen với sự yên ổn, ít có sự biến đổi, thì việc lấy bên phải, đặt bên trái, chắc không phải là điều mong ước của lòng người. Đó là một điều khó.

Biến đổi một việc thì toàn cục cũng lay động theo, cái nghề công thương trong nước ắt là có sự lo lắng đến bàng hoàng và do dự. Việc làm tưởng là tiện lợi cho dân, trái lại thành làm hại dân. Đó là điều khó thứ hai.

https://tieulun.hopto.org

Cái gọi là tiện lợi cho dân, thì đối với quốc dân lại có kẻ tiện nhiều, có kẻ tiện ít, làm gì có cái chuyện mọi người đều tiện như nhau cả. Những người không được hưởng cái tiện lợi, tất sẽ xúi giục ép buộc để cho việc không thể thi hành được. Đó là điều khó thứ ba.

Giữa lúc cũ mới giao nhau, ý kiến trái nhau, nọ kia cũng khác, trên dưới rối loạn, gây thành họa lớn. Đó là điều khó thứ tư.

Việc biến đổi tập tục cũ đúng là rất khó và nguy hiểm, cho nên các nước châu Âu, đại khái là khi biến nền chuyên chế thành lập hiến, rồi lập hiến thành chế độ cộng hòa, tất phải trải qua cuộc biến loạn lớn. Đó là điều khó thứ năm.

Cái khó của việc biến đổi cái cũ, ở các nước đều như thế, có riêng gì nước ta đâu? Nay nước ta, vì thử đưa ra một nghị định rằng: khắp cả nước ai cũng phải theo chế độ làm lính, ngày nọ sẽ phải đến tụ họp. Tôi biết dân ta sẽ có cảnh mẹ giữ con khóc suốt đêm không an giấc. Lại ban tiếp một nghị định rằng: nay xin mời các địa phương mở hội nghị để lo liệu lấy công việc chính trị trong địa phương mình. Tôi biết dân ta ắt sẽ nhìn nhau kinh ngạc hoang mang, không biết thi thố gì. Như thế thì tập tục cũ sẽ mãi mãi không thể biến đổi được chăng? Không! Tập tục cũ đã đổ nát hết mức rồi. Còn an tâm nỗi gì mà không biến đổi! Ở trên có nói đến sự khó khăn, chỉ là muốn dân ta tự mình biến đổi tinh tinh phong tục để tạo cơ sở cho sự biến đổi về chính trị mà thôi. Mà muốn biến đổi tinh tinh, phong tục của dân ta, tất lại phải bắt đầu bằng sự tự giáo dục.

https://tieulun.hopto.org

NÓI RÕ MỤC ĐÍCH VIỆC HỌC

Cái gọi là giáo dục hợp với phép tắc là hợp với tôn chỉ của học thuật. Nay nói rằng: người có học là nói đến những kẻ sĩ học làm văn chương để cầu sự làm quan mà thôi. Còn lớp hạ dẳng học là để kiếm nghề sinh sống. Đó đều là lý lẽ thiên lệch cả. Nói theo công lý thì học là có ích cho mình và cho xã hội. Việc học ở một nước, nhằm ba điều:

– Một là học vệ sinh để có cách tránh bệnh tật, làm cho thân thể khỏe mạnh.

– Một nữa là học trị sinh, tức là để có cơm ăn, áo mặc, có sản nghiệp.

– Một nữa là học làm người và làm quốc dân, tức là để kiểm thúc lòng mình và biết cách xử lý chuyện gia đình, xã hội, quốc gia.

Hợp ba cái đó lại thì thành cái học hữu dụng. Xa lìa ba cái đó thành cái học vô dụng. Nội dung chi tiết của việc học là rất phong phú. Như ở nước ta hay ở nhiều nước, thì có các thứ phương ngôn, lịch sử, địa lý và cả thiên văn, toán học, toàn thể các môn học về vệ sinh, động vật, thực vật, khoáng học, địa học, cách trí, hóa học, tâm lý, luân lý, chính trị, kế học (kế học còn gọi là phú quốc học)(1)... gọi chung lại là khoa học. Tất cả các khoa học đó đều cùng cần cho nhau. Không phải là môn học này thì chỉ chuyên thuộc vào việc sử dụng này. Như trong lịch sử cùng truyền 4000 năm, thì lòng yêu nước ngay từ lúc mới nảy sinh đã trở thành cái đạo của quốc dân. Nhưng xét đến sự tiến thoái của công nghệ, sự đầy vơi của tài sản, cùng sự thêm bớt về hộ khẩu, sự ngắn dài về tuổi thọ con người, thì các lẽ mưu sinh, vệ sinh đều đủ cả. Nhưng

1. Như môn kinh tế học ngày nay.

https://tieulun.hopto.org

tác dụng của các khoa học cũng có cái riêng biệt. Ví như học vệ sinh thì chú trọng nhiều đến con đường bảo vệ sự sống. Các loại học về cách trí thì chú trọng nhiều đến con đường mưu sinh. Luân lý chính trị học thì lo nhiều đến đạo làm người dân của nước. Khoa học lại chia làm hai loại: phổ thông và chuyên môn. Học phổ thông là học những điều cần thiết về sĩ nông công thương. Còn học chuyên môn là học để thành chuyên gia về sĩ nông công thương. Mà muốn rèn luyện để thành các học giả chuyên môn, thì trước tiên phải rèn luyện kể từ cái học phổ thông. Học phổ thông lại chia thành hai loại: nông và sâu. Trước nông sau sâu. Đấy, chế độ học tập là như vậy đấy!

GIÁO DỤC

Bàn về văn minh của quốc dân là phải căn cứ vào nhân dân cả nước mà nói, chứ không chỉ căn cứ vào một hai người mà nói. Nhưng muốn đưa cả nước lên văn minh thì chỉ có cách là phổ cập giáo dục (phổ cập giáo dục ở mức tiểu học). Phổ cập giáo dục tức là làm cho cả nước không một người nào là không được giáo dục. Cuộc sống của con người sở dĩ khác với động vật là nhờ có giáo dục. Nếu không phải là bộ lạc dã man thì chưa có nơi nào là không có giáo dục. Còn sự giáo dục mà tinh, thô, rộng, hẹp thời rất không giống nhau. Những nước mà không có giáo dục phổ cập thì quốc dân sẽ có nhiều đẳng cấp. Người hiền và người ngu cùng từ bỏ nhau thì không thể lấy đạo lý làm kế sách được. Thi hành một chính sự mà người biết đạo lý chỉ một hai, người không biết gì lại trăm ngàn. Dựng lên một pháp chế mà người xứng đáng chỉ một hai, người không xứng đáng đến trăm ngàn. Như thế thì dẫu là chính pháp tốt đẹp cũng bị cản trở không thể thực hành được.

https://tieulun.hopto.org

há lại không đáng tiếc sao? Giáo dục là cốt để biến hóa các đẳng cấp không bình đẳng với nhau trong quốc dân dần dần trở thành bình đẳng để làm cho trình độ văn minh được tăng tiến.

Ngày nay, các nước văn minh đều lấy việc phổ cập giáo dục làm nhiệm vụ khẩn cấp: các trường học công và tư mở khắp trong nước. Trường tiểu học phần nhiều do Nhà nước xây dựng. Thịnh nhất là ở các nước Anh, Đức, Mỹ. Nước Nhật Bản, cả nước chỉ có 43 huyện, mà cấp tiểu học có đến 2 vạn 6 ngàn 8 trăm 24 trường.. Nước ta hơn 30 tỉnh có hơn 500 huyện, thế mà trường học là bao nhiêu thì chưa nghe nói! Than ôi! Há lại không có sự đáng giận lớn về giáo dục sao? Phàm quốc dân ta dầu có chức phận về giáo dục (1) không thể để con cái phải chịu nền giáo dục không hợp với phép tắc như hiện nay...

PHÁP LUẬT

Phàm đã có nhiều người quy tụ với nhau là phải lập ra các điều ước riêng để làm chuẩn cho việc giao tiếp giữa người này với người kia. Ai không làm như điều ước thì phải phạt. Nếu mọi người không giữ điều ước thì điều ước sẽ bị hủy mà bầy cũng tan. Những người

1) Nước Nhật có tiếng về chức phận trường Tiểu học là thuộc giáo dục có tính chất nghĩa vụ. Nói nghĩa vụ là nói công việc trong phạm vi chức phận. Nước ta không có giáo dục phổ cập cho nên quốc dân không có chức phận giáo dục. Chú thích của nguyên tác.

https://tieulun.hopto.org

lang thang ăn mày, lọa trộm cướp nhân đó có thể tự tập và chung cùng sẽ có « điều ước » riêng của chúng.

Ở các nước chưa có văn minh, pháp luật chưa được quy định thì xã hội trong dân gian nước đó cũng đã phải định ra chương trình làm chuẩn để giải quyết các việc chung. Nước đã văn minh thì lấy chương trình đó của dân gian và xét theo tình tình, phong tục của thời đại, châm chước, thẩm định để làm luật pháp thông hành trong cả nước.

Phàm là pháp luật của một nước tất là phải hợp với tình tình, phong tục và trình độ văn minh của nước đó. Cho nên, luật pháp các nước mặt này mặt khác đều khác nhau mà hình pháp đối nội đối ngoại rộng rãi hoặc nghiêm ngặt cũng khác xa nhau. Bất luận là loại pháp luật nào, sau khi đã định ra thì phải được tuân thủ. Không thế mà để cho mọi người tự làm theo cách riêng thì nước sẽ loạn ngay. Ví như Giáp và Ất trao đổi tiền của với nhau, đến hạn mà không trả cho nhau, thì dẫu Giáp yếu đuối mà không thể cạnh tranh, nhưng có thể đến quan Tư pháp mà khiếu nại. Quan sẽ thi hành quyền chấp pháp mà quyết định giải quyết để dứt điểm vấn đề. Quốc gia nếu không có pháp luật thì như Giáp chỉ thìn thịt nuốt nước mắt mà thôi. Cho nên pháp luật là cốt để bảo vệ quyền lợi của quốc dân và định ra trách nhiệm cho quốc dân vậy.

Nhưng người làm pháp luật mà kiến thức ít ỏi, phiến diện thì pháp luật được chế định sẽ chưa tận thiện. Vả chăng tình tình phong tục của một nước cùng với trình độ văn minh của nước đó cũng có sự biến đổi. Cho nên, quốc gia không có thứ pháp luật định ra rồi

https://tieulun.hopto.org

không thay đổi gì nữa. Mà có biến đổi thì cũng phải có lý do, còn lúc chưa biến đổi thì vẫn phải tuân theo pháp luật cũ. Chớ có vì pháp luật chưa hoàn thiện mà dã sớm vội làm trái với nó. Một người làm trái, nhiều người cùng họa theo, nước sẽ loạn to. Pháp luật có yêu cầu nghĩa vụ, khiến cho cả nước không một người nào không phải chịu sự chi phối của nó. Không như thế thì người yếu bị trói buộc trong pháp luật, còn kẻ mạnh lại được thảnh thơi ở ngoài pháp luật. Ý nghĩa của việc lập pháp lẽ nào lại như thế?!

(Trích theo bản dịch của Nguyễn Đình Chú -- chưa xuất bản)

https://tieulun.hopto.org

NAM QUỐC ĐỊA DƯ

TIỂU DẪN: Lương Trúc Đàm biên soạn cuốn sách này đầu năm 1907. Sách được in ra để vừa làm sách giáo khoa cho trường Đông Kinh Nghĩa Thục, vừa làm tài liệu cổ động tinh thần yêu nước, gây tinh thần tự cường dân tộc trong quần chúng rộng rãi. Sách dày 170 trang in bản mộc, có thêm lời Tựa và Phàm lệ. Nội dung chính, bao gồm nhiều mục về *địa lý thiên nhiên*: địa thế, sơn cương (gò núi), giang hà (sông ngòi), hải ngạn (bờ bể), khí hậu; về *địa lý nhân văn*: nhân dân, nhân vật; về *địa lý chính trị kinh tế*: chính thể, binh chính (chế độ quân dội), tài chính, giáo dục, vật sản, nông công thương nghệ, thiết lộ (đường sắt), dịch lộ (đường trạm dịch), hàng lộ (đường tàu bè trên sông), bưu điện...

Sách *Nam quốc địa dư* cung cấp cho học sinh những hiểu biết về địa lý đất nước đầu thế kỷ này. Tỉ như ghi lại toàn bộ các tỉnh ở ba kỳ, cùng số phủ huyện, số tổng xã. Qua những bài học ngắn gọn này, nhằm mục đích chính là giáo dục lòng yêu nước cho mọi người. Ngay trong lời dẫn của mục *Phàm lệ* đã nói rõ:

« Học sinh học tập địa dư, mục đích chính là hiểu biết những nét lớn về hình thể, đời sống trong nước để khích lệ phát động tư tưởng quốc gia »...

https://tieulun.hopto.org

Trong bài *Tựa* cũng nhấn mạnh ý:

« Than ôi! Thương thay! Dân nước ta còn ai có tâm huyết nữa hay không? Còn ai có lòng yêu nước nữa hay không? Tôi có một lời kính cáo đồng bào:

« Người nước ta không thể không yêu nước mình. Muốn yêu nước không thể không biết cương vực, hình thế, phân khu, phong tục, chính trị, khí hậu, thổ nghi của nước mình... và muốn thế, trước hết xin hãy đọc địa dư của nước mình ».

Cùng với *Văn minh tân học sinh, Quốc dân đọc bản, Nam quốc địa dư* này là một trong số sách in của Đông Kinh Nghĩa Thục còn được bảo tồn đến ngày nay dưới dạng nguyên bản. Dưới đây, chúng tôi xin trích dịch vài đoạn ngắn của *Nam quốc địa dư*, sách của Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu VHv. 1946.

NHÂN VẬT

Nước ta ở phía Nam dải nhiệt đới châu Á, sông bể nuôi dưỡng vẻ đẹp, núi non hun đúc tinh anh. Giống nòi Hồng Lạc vẫn nảy sinh bậc anh kiệt: nam cũng như nữ, mọi đời đều có. Hãy thử kể sơ qua như sau: Ngô Quyền vốn quê ở Đường Lâm (thuộc Sơn Tây) phá quân Nam Hán, khiến sông Bạch Đằng lặng sóng. Hưng Đạo quê ở Sơn Nam (Nam Định) giết Thát Đát mà đất Vạn Kiếp tên tuổi lưu truyền. Đinh Tiên Hoàng, cậu bé kỳ tài ở Hoa Lư cờ lau một vẫy liền dẹp yên loạn 12 sứ quân. Lê Thái Tổ, một dân thường ở Lam Sơn, gươm thần vung lên khiến mấy vạn quân Minh phải rút về nước. Giúp Lê Lợi hoàn thành công bình Ngô là Nguyễn Trãi người đất Nhị Khê. Làm quan đời Trần và khiến nịnh thần mất vía, Lê Chu An người

https://tieulun.hopto.org

huyện Thanh Trì. Trương Định, Nguyễn Hữu Huân người Nam Kỳ, Phan Đình Phùng, Cao Thắng người Nghệ An đều là những bậc kỳ vĩ trong giới mình. Hai Bà Trưng gốc từ Phong Châu (tức phủ Vĩnh Tường) đuổi Tô Định mà bình trị cõi ngoài Ngũ Lĩnh. Bà Triệu gốc từ Thanh Hóa, trừ giặc Bắc mà khôi phục gần hết non sông... Nguyễn Thị Hai (1) ở Đông Ngạc không chịu nhục, tiếng chửi giặc còn đầy sóng cảm hờn. Đoàn Thị Điểm, người Bắc Ninh có tài văn chương, lời ngâm vịnh còn mãi được phẩm bình truyền tụng... đều là những bậc trác tuyệt trong giới nữ lưu.

VẬT SẢN

Nước ta, về sản vật nổi tiếng nhất thì có quế Thanh Hóa, kỳ nam Khánh Hòa, đồi mồi, trân châu Quảng Yên cùng rươi, cà cuống, gỗ lim, quả vải đều là đặc sản đất Viêm bang. Đá hoa, xà cừ nước khác cũng có, nhưng không đẹp bằng của nước ta. Đến như gạo thơm An Cựu ở Thừa Thiên, nếp cẩm Gia Định, gạo tám thơm Bắc Ninh, đều là loại qui trong thóc gạo. Còn sâm cầm Hồ Tây, cá chép Sơn Vi, cá anh vũ Hạc Trì, cá rô Linh Đàm (Hà Nội), cua Khánh Hiệp (Sơn Tây), dơi Núi Thầy đều là động vật quí.

---

(1) Nguyễn Thị Hai sống vào nửa cuối thế kỷ XIX, bị giặc bắt, bà mắng giặc và nhảy xuống sông tự tử. Có đền thờ ở Đông Ngạc. Khi viết đoạn văn này, Lương Trúc Đàm đã dựa vào đôi câu đối ở đền thờ:

Biệt lang, lệ tẫn hòa lưu thủy;
Mạ tặc thanh do phí nộ đào.

(Từ biệt chàng, lệ vẫn hòa dòng sông chảy xiết.
Chửi mắng giặc, tiếng còn dậy sóng nước căm hờn).

https://tieulun.hopto.org

Về thực vật thì sâm núi Chuông (thuộc Yên Thế), quít Hương Cần, cam Hải Dương, mía Tống Sơn (Thanh Hóa), rau muống Linh Chiểu (Sơn Tây), củ mài Đình Bảng, cải bẹ Xuân Trường (Nam Định), hồng đỏ Bạch Hạc, đậu khấu trắng Bình Thuận, thuốc lá Tích Lộ Quảng Nam, thuốc lào Tiên Minh, Thụy Anh, Bách Tinh, cau Nghệ An, sơn Thanh Hóa, cánh kiến trắng Phương Lâm đều là những sản phẩm rất quí...

Dân nước ta nếu gia công nghiên cứu, quyết chí chấn hưng kinh tế, khiến cho vật sản có ích trong nước ngày càng nhiều, ắt những sản phẩm tốt đẹp nở rộ, tài sản đất nước dồi dào, lợi ích không phải là nhỏ.

NÔNG CÔNG THƯƠNG NGHỆ

... (Nguyên nhân của nền công nghiệp nước ta sút kém:) Duy đất núi rừng hãy còn pha sỏi đá, cày bừa vẫn còn nguyên nông cụ cổ xưa. Nạn úng thủy và hạn hán chưa phòng ngừa được trước, mương rãnh chưa thuận tiện cho việc giữ nước hay tiêu nước. Xem ngạn ngữ có câu: « Mồng chín tháng chín có mưa, mẹ con đi sớm về trưa mặc lòng ». Lại có câu: « Mồng chín tháng chín không mưa, mẹ con bán cả cày bừa mà ăn ». Như vậy là nhà nông ta phó mặc vận mệnh cho trời xếp đặt. Gặp năm mất mùa mà thóc gạo lại do người ngoại bang chuyển đem đi, thì người dân không khỏi bị đói, mặt xanh như tàu lá. Như vậy khoa nông học há chẳng cần được giảng dạy gấp rút hay sao?

https://tieulun.hopto.org

... Đến thời kỳ *Tân sử* thì tinh thần sáng như nắng buổi sớm, khí thế cuộn như nước triều mùa xuân, oai động Nguyên Minh, cõi gồm Chiêm Lạp, đất hẹp trở nên rộng, dân ít trở thành nhiều, non sông gấm vóc, cây cỏ thái bình, thật rực rỡ thay! Nhớ đến tổ tông ta là để lo cho con cháu, phong tục nhiều điều hay đáng giữ, pháp độ nhiều điều tốt nên theo, việc đẹp lời hay đủ để truyền dạy đời, khí hùng công lớn đủ để trị loạn, lẽ thịnh suy làm gương làm răn, đâu phải đâu trái, trên giấy có thấy, trước mắt là kính, vốn không phải đi tìm ở nơi khác vậy. (1).

Đó là điểm làm lớn nghìn trăm năm của học giới. Cái hại đó lên đến tột điểm sẽ khiến cho tư tưởng yêu nước của nhân dân chìm đắm. Phương chăm giúp nước của thân sĩ lờ mờ, bàn việc nước thì trong gang tấc mà như sánh biển khơi, xem người nước thì tuy Nam Bắc mà như là xứ khác. Như vậy, không đọc quốc sử, há phải chỉ chịu dốt nát hủ lậu thôi đâu! Nếu nói rằng sự nghèo nàn của nước bắt rễ từ đó cũng không là quá vậy... (2).

... Bỏ chỗ gần mà chuyên rong ruổi nơi xa, ấy là sở học mất gốc, khinh nhà mình mà trọng người khác, thì chung quy là nô lệ. Cho nên, có kiến thức mênh mông, có tài năng uyên bác, mà không biết sử Nam, không hay việc Nam, thì tất không thể có ích lợi gì cho nước

---

1) Sau đoạn này, tác giả nghiêm khắc vạch rõ cái hại của lối học cổ hủ, đến bây giờ hãy còn, lấy kinh truyện và *Bắc sử* làm trọng, xem thường *Quốc sử Việt Nam* và tác giả viết tiếp như sau:

2) Tác giả sau khi phê bình cái học Nhồi giảng, đánh đổ cái tư tưởng khinh mình trọng người, coi xưa hơn nay và đi đến đề cao việc học quốc sử như phương thuốc hay chữa bệnh nô lệ đó.

https://tieulun.hopto.org

Nam, mà cũng không thể gọi là dân nước Nam. Như vậy thì việc đọc sử Nam là nghĩa vụ thứ nhất hiện nay... (3).

ĐỀ TỈNH QUỐC DÂN CA (*)

(Bài ca Á-lê-á)

Khuyết Danh

Á-lê-á (1) năm châu là bậc nhất,
Người nhiều hơn, đất cũng rộng hơn.
Cuộc đời mở hội doanh hoàn (2)
Anh hùng bốn bể, giang sơn một nhà.

---

3) Trích theo Trần Văn Giáu, Sđd. tr. 80 – 82.

(*) *Bài Đề tỉnh quốc dân ca* từ trước đến nay được phổ biến khá rộng rãi, trường Đông Kinh Nghĩa Thục cũng dùng làm tài liệu giảng dạy, cũng thường được gọi là *Á-lê-á-ca* nhưng chưa biết tác giả là ai cả. Có người cho là của Nguyễn Thiện Thuật, có người cho là Tăng Bạt Hổ, nhưng cũng có người cho là của chính Sào Nam Phan Bội Châu. Điều đáng chú ý là theo trí nhớ của nhiều người sống gần đồng thời với Phan Bội Châu thì đều nói là của Cụ Nhu. Hồ Chủ Tịch trong bài *Thật là vẻ vang* ký tên là Chiến sĩ đăng trên báo *Nhân dân* số 4183 ngày 17-9-1965; Tôn Quang Phiệt trong bài *Hồi ký về Phan Bội Châu* đăng trên *Tạp chí Văn Học* số 12-1967 Cụ Lệ Thước trong nhiều *Hồi ký* viết 1967 (chưa in) cũng nhớ là của Cụ Giải San. Và trong một số sách báo xuất bản ở Sài Gòn dưới thời Mỹ Ngụy cũng thường ghi tác giả bài này là Phan Bội Châu. Đặc biệt trong tập " *Di cảo* " của Phan Bội Châu do người con dâu của Cụ Phan là bà Nguyễn Thị Phúc, vợ ông Phan Nghị Huynh ở Nam Đàn Nghệ Tĩnh) giao cho chúng tôi năm 1961, cũng có chép bài « *Đề tỉnh quốc dân ca* » (chữ nôm) bên cạnh bài « *Đề tỉnh quốc dân hồn* » (vừa bản Nôm, vừa bản chữ Hán) Tuy vậy, cho đến nay, chúng tôi cũng chưa đủ cứ liệu để khẳng định dứt khoát tên tác giả « Bài ca » này, tạm để khuyết danh.

Chú thích: 1 – *Á-lê-á*: Phiên âm chữ Pháp « Asie »: châu Á. 2. *Doanh hoàn*: địa cầu, chung quanh trời bể.

https://tieulun.hopto.org

Kể từ thuở Âu-la ([3]) tìm đất,
Vượt Chi-na ([4]) qua Nhật đến Triều Tiên,
Xiêm La, Miến Điện gần liền,
Cao Miên, Đại Việt thông liền Ai Lao,
Thịt một miếng trăm dao xâu xé,
Chiếc kim âu ([5]) chẳng mẻ cũng khôn lành.
Tôi con Pháp, tớ thầy ([6]), Anh,
Nín hơi đại Đức, nép mình cường Nga,
Gương Ấn Độ có xa đâu đó,
Chẳng mau dao, cũng họ da vàng ([7]),
Mênh mông một dải Đông Dương,
Nước non quanh quất trông càng thêm đau.

∴

Cờ độc lập đứng đầu phất trước
Nhật Bản kia vốn nước đồng văn, ([8])
Á đông nổi hiệu duy tân,
Nhật hoàng Minh Trị anh quân ai bì?
Dòng Thần Võ ([9]) riêng về một họ,
Vùng Phù Tang ([10]) chói đỏ góc trời.
Kể đời trăm hai mươi hai,
Năm hai ngàn rưỡi năm mươi có thừa, ([11])

---

3 — *Âu-la*-ba, phiên âm của tiếng Europe tức là Âu châu. 4 — Phiên âm của tiếng Chine, tức là Trung Quốc. 5 — Âu vàng, cái hộp bằng vàng tiêu biểu nền tự chủ của một nước. 6 — Có bản viết: *đầy tớ Anh*. 7 — Ý nói có tính đồng chủng, nhưng thực ra người Ấn Độ không thuộc da vàng. 8 — Cùng học một thứ chữ, tức là chữ Hán. 9 — Anh quân: ông vua sáng suốt tài giỏi. 10 — *Thần Võ*: dòng dõi các vua nước Nhật. 11 — *Phù Tang*: nước Nhật Bản. Phù Tang nguyên nghĩa là một thứ cây thần, sản xuất ở phía mặt trời mọc. Nước có nhiều thứ cây ấy mọc gọi là nước Phù Tang, tức là nước Nhật Bản (mặt trời mọc) bây giờ.

https://tieulun.hopto.org

Sẵn cơ hội trời đưa lại đó,
Chốn kinh thành Thần Hộ (12) dời sang.
Dẹp Mạc phủ, bỏ phiên bang (13),
Đổi dòng chánh sóc, (15) thay làng y quan, (14)
Khắp trong nước lập đoàn, kết hợi,
Nhà học đường đã ngoại ba mươi,
Việc kỹ nghệ, việc bán buôn,
Nơi lò nấu sắt, nơi khuôn đúc đồng,
Chè, tơ lụa, gai, bông, nhung, vỏ, (16)
Mọi đồ sơn, vân mẫn, pha lê,
Gươm và quất, tán và xe,
Đủ mùi hải lục, thiệp nghề công thương
Bốn mốt triệu cõi lương dân số,
Các sắc quân phòng độ triệu người,
Chu vi tám tỉnh chạy dài
Tính vuông pháp lý (17) bốn hai dặm thừa
Bốn mốt huyện năm xưa đã đổi,
Đầu Nại Xuyên mà cuối Học Nghi (18)
Đông Kinh ba phủ mười kỳ,
Trong thì đại bản, ngoài thì kinh đô.

---

12 — Kể từ khi lập quốc đến nay, có 2550 năm lịch sử và trải qua 122 đời vua (cùng một họ). 13 — Thần Hộ: Cô-bê một thành phố lớn của Nhật Bản. 14 — *Mạc phủ*, thủ lĩnh của chư hầu thường lấn át quyền vua, hoành hành cũng như chúa Trịnh đời Lê, *Phiên bang* là những chư hầu nhỏ 15 — Đổi niên lịch (dùng dương lịch) thay bọn mũ áo (triều phục) tức là thay ngạch quan lại cũ, dùng người mới 16 — Vỏ: chúng tôi chưa hiểu là thứ hàng gì, có lẽ là vũ, đồ dùng làm bằng lông chim hoặc một chữ chép sai. 17 — Tính theo hệ thống đo lường của nước Pháp được hơn 42 dặm vuông. 18 — Những địa danh không quan trọng trong bài này, chúng tôi không chú thích vì không cần thiết và tiếng phiên âm Trung Quốc đã lâu năm, bây giờ có tiếng không tìm ra địa danh Nhật Bản.

https://tieulun.hopto.org

Sảnh Bắc Hải dư đồ thuộc bể,
Huyện Xung Thắng chưa kể đất Lưu Cầu (19)
Gò Đối Mã bốn bề sâu
Nghiêm Nguyên đặt súng, Chúc Khàu đỗ tàu,
Nhà dây thép đâu đâu cũng dặt,
Thuyền thương luân (20) khắp mặt đại dương.
Kia thiết lộ, nọ ngân hàng,
Đăng đài, báo quán, ngổn ngang phụ đầu (21).
Cuộc biến pháp năm đầu Minh Trị,
Ba mươi năm dân khí quật cường,
Chữ Hán tự, chữ Tây đương,
Mọi bài diễn thuyết, các trường chuyên môn.
Đất Đại Bản mở đồn đúc súng,
Xưởng Đông Kinh riêng cũng một tòa,
Trường Kỹ thuyền cục, mấy nhà,
Giả Tân, Tu Hạ ấy là hải quân.
Thuyền với pháo trăm phần chẳn chỉnh,
Lại ngư lôi bạc đĩnh (22) ai tày
Quan quân luyện tập đêm ngày,
Mọi nghề so với Thái Tây kém gì!
Sảnh Bắc Hải Lục Xì các trấn,
Từ Hà Ri đến tận Bồ Ma,
Tám đạo rộng, bốn gò xa,
Phú Sơn cao ngất, Tỳ Bà trong veo (23)

---

19 — *Lưu Cầu*: quần đảo Ri-u ki-u ở phía Nam Nhật Bản, nơi có trận hải chiến, quân Nhật đánh quân Nga hoàng tan tành. 20 — *Thương luân*: thuyền buôn, tàu chở hàng. 21 — Cột đèn bể, nhà báo, dây rấy ở bến tàu (phụ đầu). 22 — *Ngư lôi*: tạc đạn bắn ngầm dưới nước, giống hình con cá nên gọi là ngư lôi. *Bạc đĩnh*: pháo thuyền nhỏ, có đặt súng đại bác. 23 — *Phú Sơn*: Phú — Sĩ Sơn, ngọn núi cao nhất và đẹp nhất của Nhật Bản gần Đông Kinh (Tô-ki-ô). Đây là những hòn núi lửa Phú Sơn phía tây. Hồ Tỳ Bà, cảnh đẹp có tiếng của Nhật Bản.

https://tieulun.hopto.org

Tướng, tá, úy cũng theo Tây lệ,
Đủ công binh, cận vệ chỉnh tề,
Đồng bào nghĩa khí gớm ghê,
Thân trai nợ nước ắt thề trả xong.
Năm Giáp Ngọ đùng đùng sóng gió, ([24])
Vượt quân sang thẳng trợ Tam Hàn.
Quản Lục Áo, tướng Đại Sơn ([24b])
Ra tay cho biết cái gan anh hùng.
Đông tam tỉnh ([25]) thu trong tay áo,
Bọn trắng da ngơ ngáo giật mình,
Cuộc hòa đàu khéo thình lình,
Chủ trương này bởi Nga đình vẽ khôn,
Bụng ái quốc ghê hồn Nhật Bản,
Giận xung quan khôn cản nghĩa đồng cừu ([26]),
Đã toan trở súng quay tàu,
Y Đằng ([27]) khen khéo mưu sâu văn hồi,

---

24 — Năm 1894, vì một việc nội biến, Triều Tiên cầu cứu Trung Quốc. Nhật Bản thấy Trung Quốc đưa quân sang Triều Tiên cũng kéo đến sinh sự, rồi hai nước đánh nhau. Nhật Bản chiếm được Lữ Thuận, bán đảo Liêu Đông, đảo Bành Hồ v.v.. Trung Quốc phải ký hòa ước, nhường cho Nhật Bản nam phần Phụng Thiên, bán đảo Liêu Đông, đảo Bành Hồ và đảo Đài Loan.

Nga thấy Nhật chiếm được bán đảo Liêu Đông bất lợi cho mình, nên cùng với Anh, Pháp ép Nhật phải trả lại nhượng địa và chỉ được nhận một khoản bồi thường binh phí mà thôi. Cả đoạn thơ gần hai mươi câu này nói về việc tranh chấp Trung Nhật.

24b — Tên một đội quân và một tướng có tiếng. 25 — Ba tỉnh miền Đông Trung Quốc : Phụng Thiên, Cát Lâm, Hắc Long Giang. 26 — Lòng tức giận « bật mũ, dựng tóc » không để cho Quân đội Nhật Bản nén lòng chịu nhịn đã chờ đợi một dịp báo thù sau. 27 — Y Đằng Bác Văn, người Tây Kinh, thông minh, biết rộng, được vua Minh Trị cho đi học các nước Âu Mỹ. Lúc

...

https://tieulun.hopto.org

Nhận bồi khoản Bành, Đài nhượng địa,
Trong mươi năm rồi sẽ xem nhau.
Nga kia nước lớn lại giàu,
Bên giường giấc ngáy dễ hầu chịu yên.
Hàn với Mãn lợi quyền thu sạch ([28]).
Xe Nhĩ Tân, tàu lạch Sâm Uy ([29])
Cõi Đông trong cuộc yên nguy
Có ta, ta phải phù trì giống ta.
Cuộc khai hấn chắc là quyết liệt,
Đất Á đông đây huyết phen này,
Giáp thìn trong tháng hai tây (1904).
Chiến thư hai nước đợi ngày giao tuy
Trận thứ nhất Cao Ly lừng tiếng,
Khắp hoàn cầu muôn miệng đều khen
Sa trường xung đột mấy phen,
Ngọn cờ Áp lục, tiếng kèn Liêu Dương ([30]).
Cửa Lữ Thuận mơ màng khói bạc,
Thành Phụng Thiên ngơ ngác non xanh.
Hãy quân một trận tan tành
Thái Hoa cắt núi, Đông Thanh xẻ đường.
Sức Thần Võ, ai đương lại được,
May điều đình có nước Hoa Kỳ,
Khéo đem hòa cục giải vi,
Nếu không, Bỉ-đắc ([31]) còn chi là đời.

... vẻ được cử làm thủ tướng, Y Đằng đã chủ trương đánh Nga, chiếm Mãn, xâm lược Triều Tiên. Chính sách đế quốc tham tàn của Y Đằng đã kết liễu đời chính trị của y bằng mấy viên đạn súng lục của An Trọng Căn một thanh niên cách mạng Triều Tiên, ở Cáp Nhĩ Tân. 27b – Ý nói chiến tranh Nhật Nga năm 1904 (đúng 10 năm sau). 28 – Triều Tiên và Mãn Châu bị xâm chiếm. 29 – Đường xe lửa Cáp Nhĩ Tân và bến tàu thủy Hải Sâm Uy. 30 – Thị trấn của tỉnh Liêu Đông ở quãng giữa Lữ Thuận và Phụng Thiên. 31 – *Bỉ đắc*: phiên ...

https://tieulun.hopto.org

Hội Vạn quốc diễn lời thương nghị,
Chẳng với voi sự ấy nực cười,
Xem trong hòa khoản mười hai,
Điều nào Nga cũng chịu lui trăm phần.
Cuộc tang hải khuất thân từng lúc,
Đám liệt cường nay được chen vai,
Khen thay Nhật Bản nhân tài,
Từ đây danh dự còn dài về sau.

* *

Ngồi mà nghĩ thêm sâu lại tủi,
Nước Nam ta gặp buổi truân chiên,
Dã man quen thói ngu hèn,
Cũng như Minh Trị dĩ tiên khác đâu (32)
Từ di tộc (33) mưu cầu bảo hộ,
Mở trí khôn chỉ độ một và,
Non sông thẹn với nước nhà,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
Việc dây thép, việc tàu việc pháo,
Việc luyện binh, việc giáo học đường,
Việc kỹ nghệ, việc thông thương.
Việc khai mỏi khoáng, (34) việc đường hỏa xa.
Dự các việc chẳng qua người nước,
Kẻ chức bồi, người tước cu li,
Thông ngôn, ký lục chi chi,
Mãn đời lính tập, cũng vì quan sang.

. . .

âm tiếng *Pétrograd* tức Bi-đắc-bảo thủ đô nước Nga lúc bấy giờ, do vua Bi-đắc đệ nhất (Pierre le Grand) ngày trước xây dựng. Ý câu này nói Nga có thể mất cả kinh đô. 32 – Từ đời vua Minh Trị trở về trước, nghĩa là trước khi nước Nhật duy tân. 33 – *Di tộc*: người giống khác, ở đây định nói người Pháp. 34 – *Mỏi khoáng*: mỏ than đá.

https://tieulun.hopto.org

Các hạng thuế, các làng tăng mãi,
Hết dinh điền, rồi lại trâu bò.
Thuế chó cũi, thuế lợn lò,
Thuế diêm, thuế rượu, thuế đò, thuế xe,
Thuế sản vật, thuế chè, thuế thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn,
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,
Thuế bè tre gỗ, thuế thuyền bán buôn.
Thuế hết cả phăn son đường phố,
Thuế những anh thuốc lọ gầy mòn (35)
Thuế gò, thuế bãi, thuế cồn,
Thuế người chức sắc, thuế con hát đàn.
Thuế dầu mật, thuế sơn mọi lối,
Thuế gạo rau, thuế muối, thuế bông.
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá khắp trong ba kỳ.
Các hạng thuế kể chi cho xiết,
Thuế xỉa kia mới thực lạ lùng,
Làm cho thập thất cửu không (36),
Làm cho đau đớn khốn cùng không thôi.
Lại nghe nói Lào Cai, Yên Bái,
Mấy muôn người xẻ núi khơi sông. (37)
Độc thay lam chướng nghìn trùng,
Nước sâu quắng xác, hang cùng chất xương.
Nỗi diệt chủng bỏ thương bỏ sợ,
Nòi giống ta biết có còn không?
Nói ra ai cũng đau lòng,
Cha con tủi nhục, vợ chồng thở than.

---

35 – Người nghiện thuốc phiện. 36 – Mười gia đình thì đến chín gia đình nghèo đói, không còn gì nữa. 37 – Việc làm đường xe lửa Yên Bái, Lào Cai.

https://tieulun.hopto.org

Nghĩ lắm lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra,
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc Long,
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
Bốn mươi năm nhơ nhuốc làm than.
Than ôi! Bách Việt giang san,
Văn minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa
Hồn mê mẩn tỉnh chưa, chưa tỉnh?
Anh em ta phải tính làm sao?
Nhật là họ, Pháp là cừu,
Họ khôn phải học, cừu sâu phải đền.
Việc tân học kíp đem dựng trước,
Họp doanh đoàn cả nước với nhau.
Việc buôn ta lấy làm đầu ([38]),
Mọi nghề cũng ghé địa cầu một vai.
Bây giờ kể còn dài chưa hết,
Chữ tự do xin quyết một lòng.
Gương Nhật Bản dắt Á đông,
Đông ta, ta phải soi chung kẻo lầm.
Mấy mươi triệu đồng tâm nhất đức ([39]),
Mãnh hổ kia nan địch quần dương,
Dựng cờ độc lập tự cường,
Đem đoàn nô lệ làm phường văn minh.
Kìa thuở trước như Anh, Pháp, Đức
Cũng chẳng qua cùng cực tắc thông.
Họa may trời có chiều lòng,
Việt Nam dựng lại, phương đông có mình.

---

38 – Thể hiện hướng cách mạng tư sản, dã phú quốc, cường binh. Hướng này đã được thực hiện tích cực trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

39 – Có bản viết nhất lực cũng có nghĩa.

https://tieulun.hopto.org

Thân phiêu bạt ([40]) đã đành vô lại,
Bấy nhiêu năm Thượng Hải, Hoành Tân,
Chinh Nga nhân lúc hoàn quân,
Tủi mình bỏ bá ([41]) theo chàn khải hoàn.
Nâng chén rượu, ân ban hạ tiệp ([42]),
Gạt hàng châu khép nép quỳ tàu
Trời Nam mù mịt ngàn dâu,
Gió thu như thổi dạ sầu năm canh.
Biết bao nỗi bất bình khôn giãi,
Mượn bút hoa mà gửi quốc âm.
Thân già bao quản cát lầm,
Khuyên ai đúc chữ đồng lâm sau này.

(*Theo bản của Hoàng Ngọc Phách – Huỳnh Lý trong* **Sơ thảo văn thơ yêu nước và cách mạng.** *Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội. 1959. tr. 138 – 150.*)

ĐỀ TỈNH QUỐC DÂN HỒN *

Phan Bội Châu

Hồn cố quốc biết đâu mà gọi,
Thôi khóc than rồi lại xót xa!
Trời Nam xanh ngắt bao la,
Ngàn năm cơ nghiệp ông cha còn gì!

---

40 – Phiêu lưu nay đây mai đó, xa rời quê hương.
41 : trốn tránh. 42 – Tiệc rượu vui mừng chiến thắng.

* *Bài Đề tỉnh quốc dân hồn*, được phổ biến rộng rãi ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Trong sách của Hoàng Ngọc Phách và Huỳnh Lý biên soạn: *Sơ thảo văn thơ*... Hà Nội 1959 lấy nhan đề là *Lời kêu cứu cấp* (tr.155 – 157), không đủ toàn văn và không có tác giả; Trong sách của Nguyễn Hiến Lê:

...

https://tieulun.hopto.org

Thôi đừng trách kẻ kia rằng tệ,
Ngẫm mà xem thời thế không oan,
Dân ta là chủ nước non,
Ta không biết giữ thôi còn trách ai?
Kìa nước Phổ cùng là nước Ý,
Cũng có phen truân bĩ từ xưa
Bởi làm sao có bây giờ?
Nước non rửa mặt cũng nhờ về dân.
Hướng ta cũng tay, chân, tai, mắt,
Cũng đứng trong trời đất với người.
Cớ sao lại chẳng bằng ai
Mười câu chịu kém cả mười lẽ dâu?
Chim còn biết dẫn hầu, giương mỏ,
Thú còn hay cất vó, nhe nanh;
Người sao chịu ép cho đành?
So loài cầm thú, thẹn mình lắm thay!
Người dâu thế đã ngậy lại dại!
Lời mỉa mai chua xót khó nghe?
Ai ôi! tỉnh dậy đừng mê,
Xin đem thù sỉ mà thề non sông.

...

Đông Kinh Nghĩa Thục... Sài Gòn 1968, lại đề là *Kính gửi đồng bào toàn quốc*, tác giả là vô danh (tr. 43) và Trong sách của Đặng Thai Mai *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20*. Hà Nội 1974, cũng đề là *Kính gửi đồng bào toàn quốc*, nhưng không khẳng định tác giả là Phan Bội Châu (tr. 322–328). Nhưng trong sách của Chương Thâu biên soạn *Văn thơ Phan Bội Châu chọn lọc*. Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1967, thì đã khẳng định đây là của Phan Bội Châu, và lúc đó tạm lấy tên gọi là: *Gọi tỉnh hồn nước*. Nhân đây, một lần nữa, chúng tôi khẳng định lại tên gọi của bài thơ này có cả bản chữ Hán (cùng một nhan đề) bằng văn xuôi. Bài này được chép trong tập «đi cảo» của Phan Bội Châu, do người con dâu của cụ (bà Nguyễn Thị Phúc) cung cấp cho chúng tôi năm 1961.

https://tieulun.hopto.org

Khi buồn bực xem trong sử giản,
Cuộc duy tân Nhật Bản làm xong:
Dân doàn cả nước bằng lòng,
Nổi danh năm bể, xưng hùng bốn phương,
Chợt nghĩ đến vội vàng tỉnh ngộ,
Làm thì nên, chẳng khó gì đâu.
Lời rằng: « Hợp của nên giàu,
Hợp người nên mạnh nước nào dám trêu?
Hợp khối cát chất cao non Thái,
Hợp nghìn dòng nên cái biển Đông »
Vì rằng ta biết hợp lòng,
May ra nòi giống Lạc Long hãy còn.
Người một nước là con một họ,
Tính làm sao mà giữ non sông?
Bốn phương nào sĩ, nào nông,
Não công, nào cổ (1) đều cùng anh em.
Thủ giương mắt mà xem thế cục:
Gớm tay người thâm độc nhường bao!
Cá trên thớt, thịt dầu dao,
Trăm chiều bác tước, sống sao được giờ!
Quyết vùng dậy tay giơ tả dẫn (2)
Đứng dầu tên có bạn nhà nho.
Người trong thì trợ công phu,
Thừa cơ diễn thuyết nói cho rõ ràng;
Nhà với nước đôi đường quan hệ,
Người cùng loài một thể tương thân.
Tình đường họa phúc xa gần,
Công tư đôi lẽ khuyên răn mấy lời.

(1). *Cổ*: người đi buôn.
(2). *Tả dẫn*: Giơ tay trái lên để tỏ ý ủng hộ.

https://tieulun.hopto.org

Người du học nước ngoài lịch lãm,
Xông hiểm nguy chi dám tiếc thân,
Văn minh hấp lấy tinh thần,
Thừa cơ rồi sẽ liệu dần về sau.
Người ở lại liệu chiều vận động,
Người đi thì biết rộng cơ mưu.
Trong ngoài giao hợp với nhau.
Đem tài lương đống (1) làm đầu cho dân,
Còn cơ sở dần dần bền vững,
Công, nông, thương xây dựng mới hay,
Hội nông Nhật Bản ai tày,
Năm xưa sơn đảo, ngày rày bình nguyên.
Huống ta ở bốn bên ốc dã (2)
Xin nông dân mở rộng hoang vu.
Sơn khê làm trại quần cư,
Cày bừa sum họp, nắng mưa giảng bàn.
Một người đứng đầu dân chiêu tập,
Trăm nghìn người đem chắc (3) cùng theo.
Người nhiều thì đất cũng nhiều,
Há còn lo yếu, lo nghèo nữa đâu?
Lại có kẻ hồ đồ sợ hãi,
Sợ làm nên nữa phải người tranh!
Lo sao lo khéo lo quanh.
Ta khôn ai dám tranh hành với ta?
Việc làm ruộng, ấy là thượng sách,
Còn việc thương, phải trách thương nhân.
Người đông, đất rộng, dân bần,
Một đường buôn bán muôn phần phú nhiêu.

---

(1). *Lương đống*: Rường cột bằng gỗ to trong các lâu đài nghĩa bóng: người tài giỏi.

(2). *Ốc dã*: Cánh đồng phì nhiêu.

3). Đem *chắc*: đem nhau.

https://tieulun.hopto.org

Việc buôn bán (1) xiết bao phi lớn,
Quan cũng dân hợp bản mà nên,
Mỗi người ta cấp một nguyên (2),
Mười năm được tám trăm muôn có thừa,
Xem châu thức hợp tư (3) hội ấy,
Ấy tài nguyên thịnh lợi nhượng bao.
Nước ta dẫu gọi rằng nghèo,
Hằng tâm cũng được ít nhiều bổ ra.
Trong mười người, dăm ba người có,
Rủ nhau mà hợp cổ cùng nhau.
Khắp miền Nam Bắc đâu đâu.
Đô môn (4) đặt điếm, phụ dầu (5) mở ty.
Nhận của công, phải dốc bề cần thận,
Cũng việc công, cần mẫn mới nên,
Chọn người đức vọng danh hiền,
Đặt làm quản lý một viên giữ quyền.
Đặt thêm tá lý hai viên,
Còn bên tiểu điếm mỗi bên một người.
Phó Đại lý một vài viên nữa,
Chọn người tài, giao của phân minh,
Một năm lỡ lãi dần sinh,
Năm năm may cũng tiểu thành (6) khá mong.
Khi đại thành dùng dùng phát đạt,
Trong mười năm thấm thoắt cũng nhanh.
Hội thương nay xét đã thành,
Việc gì là chẳng thênh thênh đường đời?

---

1). Bản của Đặng Thai Mai chép là : *Buộc biển*

2). *Nguyên* : Đồng bạc.

3). *Châu thức hợp tư* : Hình thức công ty góp cổ phần thông dụng ở Nhật Bản.

4) *Đô môn* : Cửa kinh đô, các cửa ô.

5) *Phụ dầu* : Trên các bến đầu.

6). *Tiểu thành* : Kết quả lúc đầu.

https://tieulun.hopto.org

Có kẻ sợ người ngoài ức chế,
Hỏi rằng sao dũng, trí để đâu?
Biển đông vùng vẫy tự do,
Việc gì ngăn cấm được nhau đó mà?
Đủ lông cánh đợi chờ mây gió,
Vỗ cánh bay thẳng trở trời xanh.
Của công nhường để phong doanh (1)
Việc thương lại tuyển cho tinh một người.
Ai là kẻ có tài công cán,
Làm tá viên, làm quản công ty,
Ngoại dương tải vận ra đi,
Hải Phòng, Hương Cảng rồi thì Hoành Tân.
Từ Đà Nẵng vào gần Tây Cống (2)
Tới Tiêm La, Man Cốc (3) bao xa.
Tìm người thương khách Chi Na.
Rủ nhau hợp bản (4) ắt là có nên.
Ay cách thức hãy làm như thế.
Còn khôn ngoan thì sẽ ở người.
Tùy nghi, tùy sự, tùy thời,
Bây giờ đã dám một lời quyết đâu.
Nông thương đã nên giàu, nên có.
Của học tư (5) lấy đó mà nuôi.
Có nuôi sĩ mới nên tài,
Công tài (6) cũng chẳng ở ngoài sĩ lâm (7).

---

1) *Phong doanh*: Thu nhập được nhiều.

2) *Tây Cống*: Sài Gòn, phiên âm ra tiếng Trung Quốc, rồi lại đọc theo lối ta!

3) *Man Cốc*: Bangkok, kinh đô nước Thái Lan bây giờ.

4) *Hợp bản*: Hùn vốn.

5) *Học tư*: Tiền vốn để giúp vào việc học.

6) *Công tài*: Tài năng trong nghề thợ.

7) *Sĩ lâm*: Đám học sinh.

https://tieulun.hopto.org

Học nông cổ, học làm cơ khí,
Đủ trăm đường công kỹ tinh thông.
Ví đem giống tốt quăng giồng,
Gặp thời ta lại tranh công thợ trời,
Than ôi! nỗi sự đời gian khổ;
Khổ gì hơn không có của dùng.
Của không là bởi người không,
Người không là bởi cái lòng nó không!
Hai nhau triện xem trong sổ bộ,
Mà năm mươi toan số có thừa.
Kể gì phụ nhũ, si sơ (1),
Tư mi mà cũng tệ hư cái lòng!
Bội đạo lớn, chen vòng tôi tớ,
Lòng thị phi đem đổ xuống sông!
Nhục nhằn xem cũng như không,
Cái lòng tu ô (2) thôi xong còn gì!
Tham lợi nhỏ so bề bôn cạnh,
Lòng nhân tư đà lạnh như tro?
Cùng lòng mà chẳng thương nhau,
Cái lòng trắc ẩn còn đâu nữa nào!
Lòng dã tệ, dân sao hay hợp?
Đành bỏ tay chịu ép một bề.
Lo xa chẳng chở nhờn tiền,
Lợi tư để hại đến quyền công dân.
Nghìn muôn kẻ nhọc nhằn xây dựng,
Một hai người phá mọng thì xong!
Nòng, công, thương cũng hoài công,
Sĩ kia dẫu nói cũng không đắt lời!

---

1) *Phụ nhũ, si sơ*: Đàn bà, trẻ con thơ ngây.

2) *Lòng tu ô*: Lòng biết thẹn, biết ghét,

https://tieulun.hopto.org

Mồi miệng lưỡi, nào ai có chuyện,
Quần gối người đoán chuyện dâu dâu!
Ai ơi! Sao chẳng nghĩ sâu:
Ví như có kẻ bệnh đau nặng nề,
Ngày mong mới mọi bề thang thuốc,
Tới « đông lân » (1) mà rước thầy sang...
Rước thầy dành phải lễ thường,
Còn nhân, vật, liệu sẵn sàng hay chăng?
Gì cũng chắc trông lưng thầy cả,
Từ thuốc thang đến hóa lò, siêu.
Đến cùng giường, chiếu người đau,
Hành trình đưa đón cũng cầu thầy cho.
Người đau đã vạn vô sinh lý (2).
Mà người nhà không tỉ lo xa.
Nếu không tốn đến của nhà.
Thiệt thầy, thầy cũng ắt là chẳng sang.
Cầu thầy thế lại càng thêm nhục.
Thà nhờ tay giặc giết cho xong!
Than ôi! cái vạ chết lòng,
Xác kia chất đó còn mong nỗi gì!
Anh em chữa thuốc chi cho sống?
Xin đem ngay mậu nóng đổ vào.
Kẻ tai gọi giặt cho mau,
Thị phi, họa phúc, cùng nhau giãi bày.
Mõ, chuông là cái lưỡi này,
Lôi đình trên ngọn bút này nổi lên.
Dù muôn một hay nên cơn cớ,
Quyết cứu cho máu mủ ruột rà.
Đem thân đổi lấy nước nhà,
Gươm kia kể cổ thì ta cũng liều.

---

1) *Đông lân*: Nhà làng giềng bên phía Đông (chỉ nước Nhật Bản).

2) *Vạn vô sinh lý*: Không còn lý do để hy vọng sống nữa.

https://tieulun.hopto.org

Lời thề ấy so cùng vàng đá,
Dẫu sông khô đá lở không phai.
Anh em ta có trợ tài,
Tôi xin kính chúc lâu dài muôn năm.

(Dựa theo *Đặng Thai Mai* : **Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX**. Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1974 tr. 322 — 328

HẢI NGOẠI HUYẾT THƯ*

(Tiến biên)

Phan Bội Châu

Người nước ta lạ là rất lạ,
Nông nỗi này nghĩ đã biết chưa?
Hay còn mê mẩn mơ hồ,
Hay còn hớn hở như trò chuyện chơi.
Này những kẻ hạnh tai lạc họa (1)
Rặt là người tuấn nhã thông minh,
Ai ơi, xin chớ cậy mình,
Ngu mà ngu thế thật rành là ngu!

---

*Bài *Hải ngoại huyết thư* này, Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán ở Nhật Bản, gửi về nước năm 1906. (Nguyên văn cũng có đăng trên tờ *Văn Nam tạp chí* của lưu học sinh người Vân Nam (Trung Quốc) năm 1906. Ông Lê Đại đã dịch ra Việt văn gồm 748 câu. Bản dịch này rất đạt. Lời văn rất lâm ly thống thiết, do đó nó được phổ biến rất rộng rãi và là một trong những văn kiện chính được giảng dạy tuyên truyền ở Đông Kinh Nghĩa Thục. Ban Tu thư của trường đã cho in thành ba thứ chữ: nguyên văn chữ Hán kèm theo bản chữ Nôm và Quốc ngữ (la tinh) để phát hành khắp cả nước. Về sau, chính Phan Bội Châu cũng thường trích dẫn theo bản chữ Nôm do Lê Đại dịch và khen là một bản dịch rất hay.

(1). Nước gặp tai họa mà mình vui thích!

https://tieulun.hopto.org

Này những kẻ vong thù nhẫn sĩ (1)
Rặt là người phú quý vinh hoa,
Ai ơi xin chớ khoe ta.
Nhục mà nhục thế thật là nhục thay!
Bởi trong nước người hay muốn lạ,
Đạo dung thường có giữ được đâu.
Sợ rồi ra chẳng bao lâu,
Tôi xin kể hết như sau mấy điều.:
Một là nó trăm chiều toan bác (2)
Nghĩ thế nào giết được giống ta,
Hai là ta cứ lần là,
Giống vàng ta hẳn rồi ra còn gì!
Suy các thức thổ nghi vật sản (3)
Trong nước mình vạn vạn thức hay,
Đến như trăm thứ đồ Tây,
Xem không một thức nào tay thợ mình.
Thợ đã vụng đồ rành xấu xí,
Nỡ có tham, tham vị hóa tài (4)
Hưởng hai lăm triệu con người,
Của đâu nó để cho người ăn không?
Âu là nó phải dùng chước nó,
Mượn dao găm giết bỏ giống ta,
Cứ trong lẽ ấy suy ra
Một là « đương bác » hai là « âm toan » (5)
Nghĩa « âm toan » trước bàn cho tỏ,
Vốn nó tham vì của nước mình,
Vì ngay vét sạch sành sanh,
Kẻ cùng ta phải liều mình không thôi,

---

(1). Quên thù, nhịn thẹn.
(2). *Toan*: làm cho khô héo, *Bác*: bóc lột tận xương
(3). Sản vật đặc biệt trong đất đai khí hậu ở một địa phương.
(4). Tham vì của cải
(5). Hai từ này, được giải thích kỹ ở dưới.

https://tieulun.hopto.org

Hàm lãm triệu hà ngồi chịu chết,
Cũng có phen kịch liệt một lần.
Sao bằng nó lấy dần dần,
Mỗi năm mỗi thuế mỗi phần mỗi tăng.
Người chịu thuế nai lưng cố đóng,
Của làu ngày hết rỗng trơ trơ.
Kia như thuế chợ, thuế đò,
Thế đinh thuế thổ thuế chồ mà đi.
Trăm thứ thuế thuế gì cũng ngặt,
Rút chặt dần như thắt chỉ xe.
Miễn kể chợ, phía nhà quê,
Cửa đi có lối, của về thì không.
Ví như giống hổ trùng cổ hoặc (1)
Làm cho người mặt quắt thịt rơi,
Ví như giống rắn nuốt voi,
Máu kia đã hết, thịt rồi cũng tan.
Ấy cái nghĩa « âm toan » là thế,
Người giống mình hỡ để còn đâu!
Sợ rồi chẳng được bao lâu,
Của ăn cũng hết, còn đâu giống người.
Nay lại kể đến bài « dương bác ».
Nó thấy mình xơ xác khó khăn,
Trong một nước tám chín phần.
Người làm đã ít, người ăn rất nhiều.
Nó lại nghĩ bày mưu hiểm quyệt,
Mượn người làm dành mất của thuê,
Đường đi lính, lối làm xe.
Xô vào một dám sơn khê nghìn trùng,
Việc đồng bắc nay công mai dịch,
Khi lấp sông, xẻ lạch, đào hào.
Người ta chẳng biết khuyên nhau,
Tham tiền nên phải đem đầu chết oan.

(1). Con ma làm mê hoặc để bóc lột.

https://tieulun.hopto.org

Vừa dạo nọ Thái Nguyên, Yên Bái,
Xương chất đường, máu chảy đầy sông,
Mình bao nhiêu nỗi khốn cùng,
Nó càng mất ruột cam lòng bấy nhiêu.
Kể như thế trăm chiều thảm thiết.
Còn gì là giống Việt Nam ta,
Làm cho tàn hại nước nhà,
Điều « dương bác » ấy lại là hiểm sâu.
Nó nuôi mình như trâu, như chó,
Nó coi mình như cỏ, như rơm,
Trâu nuôi béo, cỏ coi rờm
Cỏ moi rễ cỏ, trâu làm thịt trâu...

Pháp kia nó vốn khác loài,
Này xem nó đãi những người nước ta:
Xe đi lẫn một toa uế xú, (1)
Tàu ngồi riêng một xó ti-ô (2)
Dãi dầu ngày nắng đêm mưa,
Ốm đau nó cũng thờ ơ mặc mình.
Đã như thế trăm vành khinh rẻ,
Lại ra uy cậy thế cường quyền.
Quên trình vé, chậm đưa tiền,
Chân đá đá gót, tay liền phất roi.
Suy một việc đãi người như thế,
Nhục nhằn này có lẽ sao quên.
Vì ta một nỗi ngu hèn,
Gặp tay hung ác có tuyên được không?
Lại bảo nó có lòng tin dụng.
Có lẽ nào giết giống nước ta.
Ấy là ta chẳng nghĩ ra,
Người ta khác giống sao mà nó tin.

---

(1). Bẩn thỉu, hôi thối
(2). Thấp và bẩn.

https://tieulun.hopto.org

Suy các thức thương quyền kỹ xảo (1)
Khắp mọi bề dương pháo hải quân,
Có tin nó đã dạy dần,
Dạy thì chẳng dạy, có phần nào tin?
Trường quốc học đặt tên Pháp Việt.
Dạy người Nam đủ biết tiếng Tây.
Đến như trăm thứ nghề hay,
Bình cơ điện hóa, không thầy dạy khôn.
Lối nông học vẫn còn ngơ ngẩn.
Việc công trường thợ thần biết chi.
Trăm nghề Pháp học tinh vi,
Người mình mình cứ ngu si mặc mình.
Mình như thế dại đành là dại.
Nó mong cho ngu lại càng ngu,
Cứ trong bụng nó mà đồ,
Bảo rằng tín dụng thực cho là nhầm.
Chừng trong khoảng mười năm trở lại,
Rồi đến câu « khất cái vô môn » (2)
Người càng yếu của càng mòn,
Bây giờ mới biết là ơn tin dùng!
Còn một lũ trong vòng quan lại,
Mượn người làm nghĩa phải chi công.
Ấy là nó vẫn cam lòng,
Đường chưa thuộc, nói chưa thông lẽ nào
Một năm kể xiết bao lương phí,
Lấy Nam nhân trị lại Nam nhân,
Seo (3), mạch nước, róc xương dân,
Quăng cho một lũ chó săn chim mồi.

---

(1). Khéo léo.

(2). Không biết đi ăn mày cửa nhà ai.

(3) Bào nao.

https://tieulun.hopto.org

Khi nó đã thuộc nơi phong thổ,
Mỏ nó khai, người nó, nó dùng.
Thương ôi! cái lũ làm công,
Cơm thừa canh cặn, thôi xong còn gì!...
Sự « toan bác » một mai đến nỗi
Thôi bây giờ biết hối được sao?
Từ nhà thế tộc quan cao,
Từ người thân sĩ, phú hào bình dân.
Khắp đến kẻ hành nhân tầu tốt (1)
Cả giáo đồ khắp suốt mọi nơi,
Đội giời đạp đất ở đời
Sinh ra Nam quốc là người trượng phu.
Ai cũng bụng phục thù báo quốc
Thấy giống người nước khác ai ưa.
Cớ sao ngày tháng lần lừa,
Rụt rè như thể đợi chờ ngóng mong.
Nước đến chân sâu nông cũng lội,
Việc dương đầu bể núi cũng qua...
Còn ra thì cũng may rằng,
Vì như hết cả cũng dừng trách ai,
Qua bao dặm ngàn khơi bể rộng,
Hại bao phen tàu súng binh lương,
Công trình từ lúc mới sang,
Được hăm bảy vạn dặm trường nước ta.
Năm mươi triệu ngôi trơ ăn hại,
Nó lẻ đâu để mãi giống mình?
Vườn kia để cỏ sao dành?
Lợn kia nuôi béo thịt dành để chi?
Nó đầu đại quyết thì không thế,
Mình có khôn phải nghĩ mà suy.

1. Những người làm việc sai phải chạy nơi nọ nơi kia.

https://tieulun.hopto.org

Trời sinh ta có tội gì.
Sao cho gọi được hồn về nước ta!

HẢI NGOẠI HUYẾT THƯ

(tục biên)

Lời huyết lệ gửi về trong nước,
Kể tháng ngày chưa được bao lâu.
Nhác trông phong cảnh Thần châu (1)
Gió mây phẳng lặng, dạ sầu ngẩn ngơ.
Hồn cố quốc vẩn vơ vơ vẩn,
Khôn tìm đường dò nhắn hỏi han.
Bâng khuâng đỉnh núi chân ngàn,
Khói tuôn khi nất, sóng cồn trận đau.
Nghĩ nông nỗi đồng bào thêm ngán,
Tưởng thân mình, dám quản một hai.
Tiện đây cật dạ mấy lời,
Lại xin tỏ giải cùng người quốc nhân:
May người nước lâu dần hối ngộ,
Đem lời này khuyên nhủ cùng nhau:
Nước ta mất bởi vì đâu?
Tôi xin kể hết mấy điều tệ nhân:
Một là vua, sự dân chẳng biết, (2)
Hai là quan, chẳng thiết gì dân,
Ba là dân chỉ biết dân.
Mặc quần với quốc, mặc thân với ai!
Nghìn muôn ức triệu người chung góp,
Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà.
Người dân ta, của dân ta,
Dân là dân nước, nước là nước dân.

---

(1). Đất nước thiêng liêng.
(2). Nguyên nhân các việc tệ hại.

https://tieulun.hopto.org

Trên chín bệ ngôi thần tự chủ,
May thừa cơ giấc ngủ li long (1)
Giang sơn mặc sức vẫy vùng.
Muôn người luống cúi trong vòng phúc. uy.
Đem lịch sử suy đi xét lại:
Ai vì dân hưng lợi trừ tai?
Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Mùa hè mưa tuyết, ban ngày mọc sao!
Tòa y viện, thuốc nào chẳng có!
Dân ốm đau chẳng nỡ hỏi han,
Cơm ngự thiện, bữa nghìn quan,
Ngoài ra dân đói, dân hàn mặc dân.
Hỏi đến kẻ phùng quân du mị (2)
Hỏi đến người kiều mỹ cung phi.
Còn dân khốn khổ trăm bề,
Cầm như tai mắt chẳng nghe thấy nào!
Chắc lũ dại đen đâu không biết,
Cậy quyền trên lấy thịt đè người.
Thuế dân, dân nộp xác rồi,
Trên kho thóc dụn, sẵn ngồi ăn không.
Suốt một lũ trong vòng cung khuyết (3)
Của ăn chơi cao huyệt muôn người,
Tội oan có thấu đến (4) trời.
Trời sa nước mắt, bể trôi ngược dòng!
Khi giặc đến người trong phần trước,
Đem của dân vạch chước hòa thân,
Dân lâu các tỉnh mất dần.
Mười phần thổ địa nhân dân còn gì?

---

(1) Giấc ngủ yên tĩnh, say mê của vua chúa.
(2) Hùa theo ý người trên để nịnh hót.
(3). Trong vòng khung cửa không ra đến ngoài.
(4) Mỡ và máu.

https://tieulun.hopto.org

Nào có nghĩ « dân duy bang bản » (1)
Của muôn dân là vốn nước nhà...

Nghĩ như nỗi nước ta,
Đến giờ mới mất cũng là trời thương,
Vua như thế nói càng thêm bực,
Họa (2) nhân thần có chắc một hai,
Nhờ tay xoay núi vá trời,
Dòng dây, xây đá, tính bài vị nguy,
Chẳng may lại gặp khi truân bĩ:
Rặt những đồ xu mị phùng nghinh,
Hại dân để lợi lấy mình,
Coi dân hờ hững như hình chẳng can.
Ngày mong mỏi vài con ấm tử
Tối vui chơi mấy đứa hầu non,
Trang hoàng gác tía lầu son,
Đã hao mạch nước lại mòn xương dân.
Sực đến lúc phong trần biến cố,
Thôi bây giờ mộ Á triêu Âu (3)
trời nghiêng dất lở mặc dầu,
Cốt thân phú quý là đầu sự lo.
Bài thiện sách sao cho khéo lạy, (5)
Cửa cường quyền nhờ cậy kêu van.
Nay đắc tội, mai cảm ơn,
Cái thân thôi thế là toàn một thân.
Dân mặc dân, chẳng dân thì chớ,
Cứ của mình mình giữ khư khư,
Nỗi niềm tưởng đến bao giờ.
Mây tuôn tẻ ngắt, mù sa tối dầm.

---

(1). Dân là gốc của nước.
(2). Họa chăng họa là
(3). Tối Á sớm Âu, chỉ ý thay đổi chủ nhanh chóng.
(5). Sự khéo lạy là thượng sách hơn cả.

https://tieulun.hopto.org

Lũ sống sót còn năm mươi triệu,
Thịt đâu dao chắc liệu toàn không?
Vì đâu nước khốn dân cùng,
Hỏi ai sướng miệng cam lòng hay chưa?...

Thử ngồi suy nghĩ trước sau,
Cốt rằng người nước cùng nhau một lòng.
Bởi lúc trước của chung chẳng giữ,
Đến bây giờ sức chửa làm xong,
Sao cho cái sức cho cùng,
Sức cùng là bởi cái lòng cùng nhau,
Năm mươi triệu đồng bào đua sức,
Năm mươi nghìn giống khác được bao!
Cùng nhau bên ít bên nhiều,
Lọ là gươm sắc súng kêu mới là.
Cốt trong nước người ta một bụng,
Nghìn muôn người cùng giống một người,
Phòng khi sưu thuế đến nơi,
Bảo nhau không đóng, nó dòi được chăng?
Gọi đến lính không thằng nào chịu,
Bắt một người, ta kéo muôn người,
Bấy giờ có lẽ giết ai,
Hẳn thôi nó cũng chịu lui nước mình.
Việc gì phải bài binh dụng kế,
Cứ thi gan kiện lý cho già,
Của nhà ta phải trả ta,
Dầu tham muốn nuốt ắt là chẳng trôi...

Thương ôi trăm sự tại người.
Chữ « đồng » ai dám ngăn rời chữ « tâm ».
Thôi chẳng kể sự trăm năm trước,
Xin từ đây cả nước một niềm:
Người kiếm củi, kẻ đun cơm,
Này em xẻ gỗ, này anh đắp đường.

https://tieulun.hopto.org

Việc dầu nặng chia mang cũng nỗi,
Xúm lay vào kéo lại non sông,
Làm cho sáng rõ tổ tông,
Tôi xin kể hết cách dùng như sau:
Nào là kẻ phú hào trong nước,
Nào là người quan tước thế gia,
Nào là sĩ tịch bây giờ,
Nào là tinh tập, nào là Da-tô,
Nào những kẻ còn đồ nghịch tử,
Nào những người nhi nữ anh si,
Bếp bồi thông ký chi chi,
Cứu gia độ tử nào thì những ai?
Ấy kể bậc số người trong nước,
Còn người đi du học mọi nơi,
Người trong cho đến người ngoài,
Chữ tâm cốt phải ai ai cũng đồng... (1)

Anh em ta phải tính đường,
Này xem sự thế Tây dương với mình.
Đã phu dịch trăm vành ức chế,
Lại thuế sưu lắm vẻ lấy tiền.
Vậy thì giết nó cũng nên,
Còn thằng vị nó mà quên quốc thù.
Rước voi đến giày mồ ông vải,
Công rắn về làm hại người nhà.
Thế thời quyết hẳn không tha,
Gián dỗ mật thất là ta tính liền.
May sự được vẹn tuyền cũng thỏa,
Chẳng may ra trở ngã cũng đành,
Trước làm cho nó thất kinh,
Sau là để tiếng cao danh muôn đời,
Lẽ vinh sỉ có hai đường ấy,
Anh em ta đã nghĩ cho chưa?

(1). Lược bỏ 116 dòng

https://tieulun.hopto.org

Gió tanh xông mũi khó ra,
Gươm sao cắp nách mà ngờ cho đành.
Hồn máu uất chất quanh dây ruột,
Anh em ơi xin tuốt gươm ra,
Có trời, có đất, có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm...

Ngồi nghĩ đến càng đau cả ruột,
Ai ngăn dòng chống cột là ai [1]?
Ấy ai đua sức gắng tài,
Rẽ mây phẩy gió quét trời cho quang.
Ngoài nghìn dặm mơ màng chiếc bóng,
Khách bồ đào giấc mộng tha hương,
Trông về một giải Nam bang,
Nghìn năm nước cũ tìm phương hồn về.
Nào là kẻ khôi kỳ danh sĩ [2]
Nào là người tuấn vĩ cao nhân,
Ấy ai nhẹ miệng nhanh chân,
Cùng tôi giúp một vài phần là ai?
Trách thế đạo, hai vai nặng gánh,
Sức văn hồi, bút mạnh hơn binh,
Kia xem luật nước văn minh,
Báo thư ai có cấm mình tự do,
Xin những bậc sĩ phu trong nước,
Có chữ rằng: « đạo giác tư dân » [3]
Đem lòng nghĩ đến quốc dân
Lựa dân khuyên nhủ nhau dần từ đây.
Miệng diễn thuyết dao này chém quỷ,
Lưỡi hùng đàm gương ấy soi yêu [4]

(1). Đảm đương những việc khó khăn, nguy biến.
(2). Những người tài giỏi xuất chúng.
(3). Câu nói của Y Doãn lúc ra giúp nhà Thương lập quốc: « lấy đạo lý mà dạy dân ấy ».
(4). Tấm gương chiếu vào yêu quái khiến nó hiện rõ nguyên hình.

https://tieulun.hopto.org

Mình không cấp súng đeo dao,
Nhưng không có nó làm sao được mình.
Đem những chuyện nhiệt thành ái quốc,
Bảo một người tỉnh được một người,
Dần lâu từ một đến mười,
Trăm nghìn vạn ức ai ai tỉnh dần.
Ai cũng biết hợp quần là thế.
Khắp bọn này bọn ấy hợp nhau
Gió nhanh thì sấm cũng mau,
Chứ lâu một phút dâu dâu cũng dòng.
Cờ độc lập xa trông phất phới,
Kéo nhau ra đòi lại nước nhà,
Của nhà ta trả chủ ta,
Muôn toan cỗ chấp ắt là chẳng xong
Cơ sự ấy nói không kể xiết,
Bút truyền thần khôn vẽ cảnh vui.
Hạ đăng sáng khắp mọi nơi (1)
Bóng sao thấp thoáng vẻ trời long lanh.
Đài kỷ niệm tranh vanh trong nước,
Đền hoàn nghênh kể rước người đưa,
Nào người Dụ-cát, Lư-thoa (2)
Nay vừa gặp hội xin ta gắng lòng (3).

(*Theo bản của Hoàng Ngọc Phách—Huỳnh Lý trong* **Sơ thảo Văn thơ yêu nước và cách mạng**. *Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1959. tr (39—50).*

---

(1). Những ngọn đèn ăn mừng thắp sáng khắp mọi nơi.

(2). Fukugawa Yukichi, một chính khách tiến bộ của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX.

J. J. Roussau một chính khách tiến bộ Pháp ở thế kỷ thứ XVII.

(3). Toàn bộ bài này chúng tôi có cắt lược một số đoạn.

https://tieulun.hopto.org

KÍNH QUỐC NHÂN*

Phan Bội Châu

I

Ngồi ngẫm lại năm châu trong trái đất,
Biển văn minh dồn dập giữa phong trào:
Kia như ai người thì khôn, sức thì mạnh, đất thì rộng, của thì nhiều.
Trời há lẽ riêng yêu chi một cõi!
Sao ta cứ dã man quen thói,
Đem thân nô mà lòn cúi dưới cường quyền?
Hú ba hồn các chú thiếu niên!
Vì áp lực, phải gây nên động lực.
Tuệ não lận tùng tân học đức:
Phương châm tu tự nhiệt thành lai! (1)
Dắt tay nhau lên chốn vũ đài,
Cho rõ mặt anh tài trong Á hải.

(*) Bài *Kính quốc nhân* này gồm 3 đoạn (I, II và III), từ trước đến nay, người ta chỉ nói chung chung là văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, đoạn I lấy nhan đề là *Hú hồn thiếu niên*, đoạn II đề là *Bài hát khuyến nhà nho* và không ghi rõ tác giả. Thực ra đây là bài của Phan Bội Châu sáng tác từ Nhật Bản gửi về nước năm 1907, chúng tôi có được toàn văn bài này do tác giả chép trong một tập "di cảo" tìm được ở quê hương Nam Đàn và do chính bà vợ hai của ông Phan Nghi Huynh là Nguyễn Thị Phúc giao cho năm 1961. Trong tập "Di cảo" rất quý này, có cả một số bài thơ khác như *Đề tỉnh quốc dân ca*, *Đề tỉnh quốc nhân hồn*, *Phổ cáo Nam Kỳ lục tỉnh văn văn*... Bài *Kính quốc nhân* này (đoạn I, II) được phổ biến rộng rãi ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục cùng với một số bài thơ khác nữa của Phan Bội Châu.

(1) Trí khôn phải đào luyện từ trong nền học mới;
Phương châm hành động đều do nhiệt, thành chỉ dẫn cho.

https://tieulun.hopto.org

Người thắng ưu, ta dừng liệt bại.
Đem nhân quyền mà kéo lại giữa Phương Đông
Tạo thời mới gọi anh hùng!-(1).

II

Nhất sự bất tri nho sở sỉ (2)
Nông, công hay mà thương, sĩ cũng hay.
Trên cõi đời nào ai dở ai hay.
Vẫn biết có kẻ gầy người béo.
Nhà nho hủ vẫn cậy mình khôn khéo.
Đem văn chương mà vênh váo với đời.
Năm ba câu bát cổ dông dài.
Trứ cử nghiệp, chuyện ngoài chi nỡ biết!
Ai cạnh tranh! Ai sinh tồn? Ai ưu thắng mà ai bại liệt?

Trên địa cầu nào biết những ai ai?
Chữ duy tân đem gác để ngoài tai,
Những tấp tểnh đua tài nộ lệ,
Đãn ngôn vũ trụ giai ngô sự:
Khẳng hứa sơn hà phó bỉ cường! (3)
Khuyên ai mà có chí cải lương,
Nên phải biết tự cường mới được.
Sá kể chi vài trăm năm trước,
Nghĩa đồng bào xin hãy hợp quần chơi.
Khí nên trời cũng chiều người!

---

(1) Anh hùng thì phải gây nên thời thế, tạo ra cơ hội để mà hành động.

(2) Không biết làm một việc gì là điều mà nhà nho lấy làm xấu hổ.

(3) *Phải nói việc trên đời đều là trách nhiệm của ta.*
Khi nào lại chịu đem sống mình giao phó cho bọn cường bạo kia?

https://tieulun.hopto.org

Trong thế giới biết ai là họa phúc.
Ới ai ơi! Nghĩ lại đó mà coi!
Trời sinh ta là đấng làm trai
Phải như điếc, như đui, như câm, như cùi thì cũng phải?
Bởi vì: mắt có thấy, tai có nghe, miệng có ăn, chân có bước,
Biếu phôi pha sao cho được với đời,
Giận căm gan nghĩ cũng nực cười,
Sự vô ích làm chi mãi mãi.
So sánh những thi, phú văn, kinh ngãi,
Hỏi mấy thầy viết ấy để cho ai?
Dù gặp thời, mão cho cao, áo cho rộng, xiêm cho dài;
Ngồi vắt nóc cũng như hình con nộm gỗ.
Những rứa đó, xấu thân là khái khổ.
Mới cầm viết đề tên vô quyển,
Thì phải lo chắp tay cúi mẹp dưới thềm.
Dù đuổi xua cho khỏi lưới cá lồng chim.
Cũng trối chết nhảy vô làm vinh diệu.
Tính nô lệ tập rèn đà thuộc lãu,
Miễn ra cúi vào lòn cho tận mặt,
Lạy dạ nhiều thì bổng lộc mới xênh xang.
Ngồi nghĩ lại: « Dân tắc ngô chi dân, Quốc tắc ngô chi quốc » (1).
Đất nước ta thì sưu thuế của ta.
Bạc đôi trăm, năm bảy chục, bấy nhiêu mà!
Lấy tiền tháng mà bán nước đi cho đành hử!
Sự thế, thôi thôi không xiết kể!
Ớ này anh! Ớ này chú! Ớ này ông! Ớ này bác! xem cùng nhau lo lấy việc nhà.

(1) « Dân là dân của ta, nước là nước của ta ».

https://tieulun.hopto.org

Dưới bóng trời cùng một hòn máu sinh ra,
Đâu lại người có huyết mà ta đày xương mục.
Hồn mê mẩn tỉnh say đà có lúc,
Vận tuần hoàn rồi cũng có nơi.
Đường đường đạp đất đội trời,
Anh hùng há nhượng cho người thế gian.
Cũng xương, cũng thịt, cũng gan!

CÁO HỦ LẬU VĂN (+)

Yên Sĩ Phi Lý Thuần (?!)

Muôn năm Ất Tỵ (1) vua ta,
Trước ba ngày Giáp (2) ấy là ngày Tân (3)
Nhiệt thành có một chủ nhân,
Làm văn « cáo hủ » để răn những người:
Ao kia sông Tứ (4) đã tôi,
Nho thời nho vậy, mang cười y quan (!) (5)

(+) *Cáo hủ lậu văn* (bài văn nói với các người hủ lậu) nhằm mục đích đả kích lối học cũ, tinh thần lạc hậu của các nhà nho bảo thủ, một trở ngại cho phong trào duy tân hồi đó. Bài này, trong nguyên bản chữ Hán, đề tên tác giả là Yên-sĩ-phi-lý-thuần (phiên âm tiếng Anh *Inspiration*).

(1) 1905.

(2) Mồng một tháng Giêng năm Ất tỵ là ngày Giáp tuất.

(3) Hai mươi tháng Chạp năm Giáp thìn là ngày Tân mùi.

(4) Con sông ở quê hương Khổng tử (nay thuộc tỉnh Sơn Đông — Trung Quốc).

(5) Mũ áo.

https://tieulun.hopto.org

Chiếc kia dàn hạnh (1) đã tàn,
Cổ thời cổ vậy, dám bàn báo hoa! (2)
Một lời nhắn bảo gần xa,
Xin ai đừng giận để ta hết lời!
Các người quân tử kia ôi!
Quê thời thanh thục (3) óc thời thông minh.
Vốn ta học Tộ vương Kinh (4),
Cái thân là giống dân anh da vàng.
Bây giờ mới lạ mở mang,
Hội Duy tân những rõ ràng mắt tai.
Sao không đập mạnh thét dài,
Cho người mê ngủ ai ai tỉnh dần.
Sao không chấn mảng mê tân (5)
Cho người chìm đắm dần dần vớt lên?
Tiếc thay thói hủ giữ bền,
Khác nào như một nghiến bên mình người?
Đau thay thói hủ giữ hoài,
Những là lầm lỡ cả đời người ta!
Khỏi làng mắt chửa thấy xa,
Lại toan mại mỉa hai nhà Khang, Lương (6)
Ở nhà chân chửa ra đường,
Lại toan ngang dọc bốn phương giang hồ?

---

(1) Tức Hạnh đàn, chỗ Khổng tử dạy học trò ngày xưa.

(2) Nguyên văn chữ Hán là «bảo lâu»: lầu để chưng bày đồ quí.

(3) Sinh thanh thục hương: đẻ ra trong làng trong sạch (nghĩa là thuộc thành phần nhà nho).

(4) Sách Kinh điển của Khổng tử. Người ta gọi Khổng tử là Tố vương (vua không ngôi, không quyền).

(5) Bến mê.

(6) Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu hai nhà chính khách có tư tưởng cải lương, duy tân của Trung Quốc hồi cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

https://tieulun.hopto.org

Hỏi: « Ông tu những đường mô? »
Ông rằng: « Tu những làng Nho đã thừa ».
Hỏi: « Ông mộ những gì ư?
Ông rằng: « Mộ những người xưa là thầy ».
Điềm trời không dở không hay,
Ông rằng: « Sự rủi sự may tại thời »
Đường đi tính nhật hai ngôi.
Hấp ly (1) sao thế, ông thời u ti!
Trái đất tròn, vẫn chuyển đi.
Ông rằng: « Vuông đấy, đứng kia thường thường »
Phiên thành (2), Thượng Hải một phương.
Bụng, lưng (3) đâu tá? ông giương mắt châu!
Hỏi rằng: Đấy thép sao mau? »
Hỏi rằng: « Khí học cũng mầu mà thôi ».
Kìa như dây sắt, roi lôi (4),
Nào ai bày đặt mọi ngôi cho đành?
Hỏi rằng: « Xe khí sao nhanh? »
Ông rằng: « Nghề máy cũng lành mà thôi ».
Kìa như lửa ống, nước nồi,
Nào ai bày xét đến nơi nhiệm mầu?
Năm châu tên gọi hay đâu,
Lại chê người rợ, mà gào ta hoa (5).
Mắt dòm chính, học (6) chửa ra,
Lại chê người bá mà nhà ta vương (7).

---

(1) Định luật vạn vật hấp dẫn trong thái dương hệ về mặt trăng, mặt trời. *Hấp*: sức hút các tinh tú: *Ly*: sức lìa xa trung tâm.

(2) Tỉnh Bình Thuận.

(3) Phía trước và phía sau.

(4) Cột thu lôi

(5) *Hoa*: văn minh. (Hoa Hạ) trái với Man *Di* (mọi rợ).

(6) Chính trị và Học thuật.

(7) Các nhà nho thủ cựu hồi đó vẫn chủ trương rằng văn minh châu Âu chỉ là « bá đạo », khôn khéo nhưng chỉ thịnh một thời, còn đạo Khổng là « Vương đạo » sẽ ngự trị thiên hạ mãi mãi ».

https://tieulun.hopto.org

Có người đau đáu lòng thương,
Mắng rằng trái thế, còn dương lỗi thời.
Có người học sách Tây kia,
Cười rằng trở đạo (1) mà lìa ngũ kinh.
Thấy người bàn rộng khác mình,
Tinh châu (2), Băng thất (3) thêm tình ghét ghen.
Khoe mình dóm báo (4) một phen,
Hỏa sơn, Băng hải chỉ quen nói mồm
Lại còn văn học lên cẩu (5)
Bệnh mê truyện quái, lòng âu sách tình!
Tinh thần mê mẩn trong mình,
Bao nhiêu ý khí sinh bình cũng tiêu!
Than ôi! Sắc đã xế chiều,
Vẫn vơ hồn ấy, biết chiêu hồn nào?
Ở trên kể lể mấy điều,
Gọi là nhặt nhạnh ít nhiều việc to.
Rộng xem lồng lộng tám khu (6)
Xa trông dằng dặc, nghìn thu trên đời.
Há rằng ma hủ quấy người,
Khiến cho mê dại khôn rồi tỉnh ra?
Há rằng nghiệt lận (7) theo ta,
Khiến cho giam buộc khó mà gỡ ra.
Nho ơi! Nhắn hỏi mọi nhà.
Khăng khăng nho thế sao ra cái đời?

---

(1) Trái đạo

(2) Xinh-ga-po (Singapour).

(3) Âm Băng Thất, chỉ Lương Khải Siêu.

(4) Do chữ «Khuy báo»: Ý nói ngó thấy sơ qua vằn của con beo đã nghĩ rằng mình biết rõ con beo (mới biết được đôi chút về sự vật gì đã tưởng là nắm vững cả).

5) *Lên cẩu*: Một thành ngữ cũ: «Lên cẩu tột», nghĩa là lên mặt kiêu ngạo.

(6) *Tám khu*: thiên hạ.

(7) *Nghiệt lận*: con ma hủ lận.

https://tieulun.hopto.org

Cô ơi! Nhắn bảo mọi nơi:
Khư khư cố mãi, đứng thời sao đây?
Thương thay! Thương thầy! Thương thay!
Ngán than, dài thở, sự này tại ai?
Người sao trời rộng đất dài,
Ta sao co quắp một nơi thế mà!
Người sao nhẹ thẳng bay xa,
Ta sao co kéo xó nhà với nhau?
Người sao làm chủ hoàn cầu,
Ta sao nô lệ cúi đầu làm tôi?
Người sao sáng sủa đầy trời,
Ta sao hôm tối như người đi đêm!
Lấy gương thử ngắm mà xem,
Ra gì mặt mũi mà đem khoe đời?
Bước ra những ngại với người,
Cũng toan tay cẳng thì tài ai cho!
Lòng thời lạnh ngắt như tro,
Thân thời như thể hình thù cây khô.
Mắt tuy sáng cũng như mù,
Ai đem đèn khí (1) mà cho soi cùng!
Tai tuy có cũng như không!
Ai đem chuông nào (2) mà rung bên mình!
Mong ai một tiếng kêu linh,
Mấy lời đau khóc thương tình cho ta!
Thương ôi! Nhắn bảo gần xa,
Văn này xin đọc vài ba bốn lần.
Nghe ông cũng có tân văn (3)
Sao ông chẳng giở cho cần (4), thế ư?

---

(1) *Đèn khí*: đèn điện
(2) *Chuông nào*: chuông réo.
(3) *Tân văn*: báo chí.
(4) *Cho cần*: cho liền, cho chuyên cần.

https://tieulun.hopto.org

Nghe ông cũng có câu thơ.
Sao ông lại vẫn ngẩn ngơ chẳng coi?
Đổi mau cái tính hẹp hòi!
Rước mau cái phúc người đời ta lên!

(Theo bản diễn nôm của Ngô Vi Lâm in trên Đăng cổ tùng báo số 808 ra ngày 11-7-1907. Trang 251 – 153).

HÃY NHÌN XEM TÌNH TRẠNG ĐAU ĐỚN CỦA NGƯỜI CAO LY MẤT NƯỚC! (+)

Nhật Bản là một nước nhỏ ở châu Á, Cao Ly (1) cũng là một nước nhỏ ở châu Á. Một bên thì mạnh lướt thế giới, một bên thì ngã xuống bị mất. Bảo rằng người giống vàng chúng ta không thể trỗi dậy ư? – Chúng tôi muốn cùng các người xem nước Nhật Bản! Bảo rằng người giống vàng chúng ta không thể mất được ư? — Chúng tôi muốn cùng các người xem nước Cao Ly!

Lịch sử nước Cao Ly luôn luôn dựa vào người khác mà không thể tự lập được. Về lịch sử trước kia thì khoan bàn đến. Nhưng mới ngày trước năm Giáp ngọ (3) gần đây thì vẫn là nước phên giậu của chúng ta. Từ khi Lý Hồng Chương (2) đính ước với Nhật Bản, trong ấy có điều: « Hai nước phải quân đến Cao Ly để xem xét lẫn nhau. Coi Cao Ly là của chung hai nước

---

(+) Bài này là bài thứ ba trong tập sách in của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục, hiện còn ở Thư viện khoa học xã hội. Ký hiệu là A. 567. Chúng tôi dịch bổ sung.

(1) Cao Ly, tên cũ của nước Triều Tiên.

(2) Tức là năm 1894.

https://tieulun.hopto.org

Trung Nhật ». Nhưng khi Trung Quốc bị thua trận năm Giáp ngọ rồi thì Nhật Bản giả lấy tiếng độc lập trả cho Cao Ly, mà cũng đánh nhau với nước Nga. Người Nga lúc ấy muốn sinh chuyện, không chịu để cho Cao Ly mất hẳn với Nhật Bản. Rồi hai con cọp xâu xé nhau, cho nên bảo Cao Ly là độc lập thì chỉ có vỏ trống bề ngoài mà thôi: Từ đấy Cao Ly lại là của chung của hai nước Nhật – Nga. Nay thì hoàn toàn là của Nhật Bản. Đấy là lịch sử thống khổ của Cao Ly gần mười năm lại đây.

Trước đây ở Thượng Hải có điện tín rằng: « Vua Cao Ly tuy bị người Nhật uy hiếp, nhưng không chịu ký tên, đóng ấn vào điều ước nói « Cao Ly phải chịu sự bảo hộ của Nhật Bản », sau quan Nhật tự cướp lấy ấn mà đóng vào, phao lên rằng « điều ước tất phải tuân theo ». Nghe nói có vị đại thần Cao Ly đã tự tử. Đại sứ của Nhật là Y Đằng trú tại Hán Thành, bị người xung quanh lấy đá ném bị thương. Xem thế thì biết vua Cao Ly không phải không biết mất nước là đau khổ, nhưng làm sao được với cường quyền?

Ngày xưa vua Hán Hiến đế bị quyền thần ô ép mà có câu than thở: « Không biết chết sống khi nào,.... » Nay vua Cao Ly bị dịch kiềm chế mà có cái thảm cướp ấn. Những ông vua ngu ngốc có thể lấy đó làm gương vậy. Bề tôi nước Cao Ly không phải không biết mất nước là tủi nhục, nhưng bỏng chốc tự tử thì có ích gì! Dân nước Cao Ly cũng không phải không biết mất nước là đau đớn, nhưng đến nay mới chỉ ném đá thì cũng thật đã quá muộn!

Nghe nói Nhật hoàng đã đánh điện đến Bắc Thành, khen ngợi Y Đằng về việc hòa ước thành công. Lại nghe nói Nhật Bản đã công bố văn kiện bảo hộ Cao Ly, các nước đều đã thừa nhận. Vả lại, sắp sửa bãi bỏ

https://tieulun.hopto.org

hết thảy các nhà sứ quán ở kinh đô Cao Ly. Còn các công sứ cũng đều lục tục về nước hết.

Than ôi! chịu người ta bảo hộ, kết quả đến như thế!

Than ôi! chịu người ta bảo hộ, kết quả đến như thế!

Gần đây, may có lệ chung là những nước bị mất, vua khỏi phải tù, lăng miếu khỏi phải phá mà thôi. Chứ bảo hộ tức là mất nước vậy. Ngày nào bị người ta bảo hộ, tức ngày ấy là ngày kỷ niệm mất nước. Thế mà chính phủ Mãn Thanh mờ mịt không biết gì, nghe người ta bàn đến việc bảo hộ lãnh thổ thì hớn hở vui mừng hiện ra sắc mặt. Vui ư? Buồn ư? Ta sợ sẽ lại làm Cao Ly thứ hai nữa!

Trận chiến tranh Trung Nhật là vì tranh nhau Cao Ly mà sinh ra. Sau chiến tranh kết liễu, trong hòa ước có nói rằng: « Đem chủ quyền trả lại cho Cao Ly » còn sờ sờ ra đó. Cuộc chiến tranh Nga Nhật (1) là vì tranh nhau Mãn Châu mà sinh ra. Sau chiến tranh kết liễu, trong hòa ước có nói rằng: « Lấy đất đai Mãn Châu trả lại cho Trung Quốc », cũng vẫn còn sờ sờ ra đó. Chưa biết kết quả ngày sau của Mãn Châu ra sao, chứ ngày nay, nếu lấy gương Cao Ly mà đối chiếu, thì ai không rờn gáy mà run sợ. Chúng tôi dám nói quả quyết rằng: Từ nay về sau nếu chiến tranh không xảy ra ở Trung Quốc thì thôi, chớ nếu có xảy ra nữa, thì nhất định lại chồng lên vết bánh xe đổ của Cao Ly, không cần hỏi thầy bói mà cũng biết được vậy.

Than ôi! Cao Ly mất rồi! Cao Ly, bỗng chốc làm phên giậu của nước ta, bỗng chốc ngang hàng với nước ta lại bỗng làm phên giậu cho nước khác, mà rồi sẽ lại là người đồng bệnh đáng thương xót của nước ta. Vì hòa ước Mãn Châu ngày nay để người Nhật nắm hết

1. Cuộc chiến tranh 1904.

https://tieulun.hopto.org

lợi quyền, nên người Nga tranh, người Pháp tranh, mà các nước cũng đều lên tiếng ủng hộ, viện cớ rằng « lợi ích phải đều nhau ». Cái nguy bức trước mắt là như thế đó. Chưa bàn đến sau này nước ta là một con vật không lỗ mũi kênh ra trên cõi đất Á đông này, rồi sẽ là còn, là mất, ranh giới mất còn xa nhau không dầy sợi tơ sợi tóc. Nước ta sẽ là Cao Ly ư? Sẽ là Nhật Bản ư? Cái đó là ở nơi quốc dân chúng ta!

TÁC GIẢ (++)

(Chương Thâu dịch theo nguyên văn bản chữ Hán).

KÊU HỒN NƯỚC

Nguyễn Quyền

Hồn xưa đòng dõi Lạc long,
Con nhà Nam Việt, người trong giống vàng.
Chi Na chung một họ hàng,
Xiêm La, Nhật Bản cũng làng Á đông.
Trời Nam một dải non sông,
Ngàn năm cơ nghiệp cha ông hãy còn,
Từ khi đá lở sóng còn,
Nước non trơ đó nào hồn ở đâu?
Chốc là đã bảy nhiêu lâu,
Bơ vơ như thể bỏ câu lạc đàn!

(++) Bài này rõ ràng là rút từ một tờ *Tân văn* nào đó của Trung Quốc, nhưng tác giả chưa rõ là ai. Tuy vậy nội dung của nó nhằm tuyên truyền giáo dục tư tưởng yêu nước, tự cường..., nói chung là tư tưởng dân tộc độc lập, nên trường *Đông kinh Nghĩa Thục* đã không ngại dùng làm tài liệu giảng dạy cho học sinh.

https://tieulun.hopto.org

Xịch đâu một cuộc doanh hoàn,
Ngàn đông nổi gió, sóng tràn biển Nam.
Người đi gọi, kẻ đi tìm
Biết đâu đài mứa mà đem hồn về?
Mấy lần mưa ám mây che,
Bâng khuâng như tỉnh, như mê nửa phần.
Hay là ở đám thôn dân,
Hồn còn tranh cạnh nơi ăn chốn ngồi?
Hay là ở đám rong chơi,
Hồn còn ham muốn cuộc vui li bì?
Hay là ở chốn sơn khê,
Hồn còn ngơ ngẩn chưa nghe chuyện gì?
Hay là ở đám khoa thi,
Hồn còn mải miệt giữ nghề văn chương?
Hay là ở đám quan trường,
Hồn còn tấp tểnh toan đường tìm ra?
Hỏi xem hồn ở gần xa,
Gọi ra cho tỉnh, tỉnh ra thì về
Xin hồn hãy tỉnh dừng mê,
Tỉnh ra rồi sẽ liệu bề khuyên nhau.
Khuyên nhau lấy chữ *đồng bào*,
Lấy câu *ích quốc*, lấy điều *lợi dân*.
Đường *bảo chủng*, nghĩa *hợp quần*
Tự cường thế ấy, *duy tân* thế nào?
Sự học ta lấy làm đầu,
Công thương mọi việc liệu sao tính làn.
Cùng trong một bọn quốc dân,
Gánh giang sơn cũng một phần trên vai...
Than ôi! Hồn nước ta ơi!
Tỉnh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm!

(Thế Thi Bằng: Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam. Nhà xuất bản Dân Thanh — Huế. 1934 trang 129).

https://tieulun.hopto.org

PHIỀN NÀY CẮT TÓC ĐI TU (*)

Nguyên Quyên

Phiền này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh Độc lập, ở chùa Duy tân.
Đêm ngày khấn vái chuyên cần,
Cầu cho ích nước, lợi dân mới là.
Quyết tu sao cho mở tri dân nhà,
Tu sao độ ([1]) được nước ta phú cường.
Lòng thành thắp một tuần nhang,
Nam mô Phật tổ Hồng Bàng ([2]) chứng minh.
Tu hành một dạ đinh ninh,
Nắng mưa dám quản công trình một hai.
Quyết tâm luyện đá vá trời,
Cầu trời ủng hộ cho người nước tôi.
Lòng tôi mong đứng mong ngồi,
Mong sao cho được giống nòi vẻ vang.
Nào là tin nữ, thiện nam,
Nào là trai gái thập phương giúp cùng.
Giúp nhau đúc quả chuông đồng,
Cho thành quả phúc ta cùng hưởng chung.

---

* Bài này từ trước đến nay chỉ mới thấy lưu hành được 10 câu, gần đây chúng tôi đã sưu tầm được toàn văn như sau.

1 *Độ*: Nghĩa chính là *Bến* nghĩa thứ hai là đưa sang bờ bên kia, đưa sang thế giới khác (theo quan niệm của Phật giáo) tốt đẹp hơn.

2. *Phật tổ*. thường là Thích Ca Mâu Ni hoặc Quan Âm Bồ Tát. Ở đây Phật tổ lại là Hồng Bàng, tổ của dân tộc. Lời cầu nguyện là nước mạnh dân giàu, sự kết hợp hai danh từ này thật có ý nghĩa.

https://tieulun.hopto.org

Ai tu xin đốc một lòng,
Nghìn thu quyết tạc chữ đồng đến xương.

(Theo Chương Thâu, Triều Dương, Nguyễn Đình Chú: Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ 20. Nhà Xuất bản Văn học Hà Nội, 1976 — tr.379).

VÌ SAO DÂN ĐÓI (*)

Dương Bá Trạc

...Ôi! Những kẻ dân tạ nghèo đói,
Có biết rằng nông nỗi bởi ai?
Cả năm đòn gánh kề vai,
Mồ hôi nước mắt không tài kiếm ra.
Nào lính phái các tòa các sở,
Nào thu tiền các chợ các ty,
Mấy lần thuế lại thuế đi,
Kiếm không đủ thuế lấy gì mà ăn?
Con với vợ mặt nhăn vì đói,
Mà thuế sưu cứ trói lấy tiền...

(Theo Hoàng Ngọc Phách — Huỳnh Lý: Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng. Tập II. Nhà XBGD Hà Nội 1959 tr. 157 — 158).

---

* Bài này trong sách của Nguyễn Hiến Lê: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nhà xuất bản Lá Bối — Sài Gòn 1968, Tr. 54 đã ghi đầu đề là: « Vì sao giặc đói? » (1)

https://tieulun.hopto.org

THIẾT TIỀN CA (*)

Nguyễn Phan Lãng

Tiền với bạc đó là máu mủ,
Không có tiền nợ đủ được sao?
Một ngày là một tiêu hao,
Máu rơi của hết sống sao được mà!
Trời đất hỡi! Dân ta khốn khổ,
Dủ trăm đường thuế nọ, thuế kia,
Lưới vây chài quét trăm bề,
Róc xương, róc thịt còn gì nữa đâu?
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,
Thoạt tai nghe bẫn bật khúc lòng,
Trời ơi có khổ hay không?
Khổ gì bằng khổ mắc trong cường quyền.

---

* Thực dân Pháp ngoài những việc thi hành chính sách sưu cao thuế nặng, bắt lính, bắt phu, làm cho nhân dân ta bị bần cùng khổ cực, chúng còn dùng thủ đoạn bóc lột sâu cay hơn, như: Khoảng năm 1907, chúng phát hành một thứ tiền đúc bằng sắt. Dân ta thường gọi là « Tiền sắt tây » (thiết tiền). Chúng thu hồi tiền kẽm, tiền đồng của nhân dân ta thường tiêu dùng và thay thế bằng thứ tiền sắt hay gỉ, hay gãy, không để được lâu.

Nhưng điều đáng oán ghét, căm giận nhất là, khi nhân dân ta đem thứ tiền sắt đó để đóng thuế và mua hàng hóa của chúng, thì chúng không nhận! Thủ đoạn « bóc lột kinh tế » đó chúng còn làm nhiều lần, như lúc đem đồng bạc hoa xòe thay đồng bạc con cò, rồi lại đem đồng bạc Đông Dương (nhỏ hơn nhẹ hơn) thay đồng bạc hoa xòe (chính sách của Trùm tài chính thực dân Đi-ê-ten) rồi đến chuyện hạ giá đồng bạc Đông Dương từ 17 phờ răng xuống 10 phờ răng v.v. toàn là những mưu mô cướp bóc của cải trắng trợn của thực dân. Bằng bài « ca tiền sắt » này tác giả đã góp phần vạch trần tội ác ấy của chúng đối với dân ta.

https://tieulun.hopto.org

Họ khinh lũ đầu đen không biết,
Lấy mẹo lừa giết hết chúng ta,
Bạc vào đem sắt đổ ra,
Bạc kia thu hết, sắt mà làm chi?
Họ tính lại, suy đi đã kiệt,
Trói chân tay để chết người mình.
Anh em thử nghĩ cho tinh,
Sẽ đem soi xét tâm tình họ xem.
Họ không muốn người Nam buôn bán,
Để một ngày một cạn của đi,
Còn trơ đồng sắt đen sì,
Bạc kia không có lấy gì thông thương?
Dầu có muốn xuất dương thương mại,
Đem sắt đi ai đại với mình?
Rồi ra luẩn quẩn loanh quanh,
Vốn kia không có, lợi sinh được nào?
Nó lại thấy lương cao muốn chiết,
Sợ người mình thấy thiệt thì kêu.
Nó đưa tiền sắt cho tiêu,
Tuy rằng không chết mà hao thiệt nhiều.
Ấy nó nghĩ mưu cao nhường thế,
Chỉ tìm đường làm tệ nước ta,
Làm cho kẻ xót người xa,
Làm cho lớn, bé, trẻ, già bỏ nhau,
Làm cho muốn cất đầu không được,
Làm cho đi một bước không xong,
Thế mà ta vẫn ngay lòng,
Tưởng làm như thế cũng không hề gì
Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,
Muốn làm gì cũng chả làm xong,
Muốn công cũng chẳng nên công,
Muốn nông không vốn thì nông thế nào?

https://tieulun.hopto.org

Muốn buôn bán không đào lưng vốn,
Muốn học hành phi tốn lấy đâu?
Bây giờ ta mới biết đâu,
Đại rồi cần rồn vật dầu được chi!.
Nên họ có bụng gì ta nữa,
Sao họ không mở cửa thông đồng?
Nhà doan (1) kho bạc tiêu chung,
Lúc buôn, lúc bán, lúc cùng vào ra.
Sao nó chỉ bắt ta tiêu lần,
Mà nó không chịu bận đến mình?
Chẳng qua giỏ mới ma tinh,
Sao không cứ phép công mình mà làm?
Người Pháp với người Nam như một,
Bảo hộ thì chỉ cốt thuận dân,
Lẽ đâu cậy thế cậy thần,
Lẽ đâu trái lẽ cầm cân công bình?
Nào hiệp biện, văn minh đâu đó?
Nào thượng thư, đốc bộ là ai?
Nào là phủ huyện, quan sai?
Hội viên, thông, ký là người nước ta?
Ai tách bạch cho ra lẽ phải,
Ai dám đem lời cãi cho mình?
Thị phi (1) ai biện cho rành?
Búa rìu chẳng nhụt, lôi đình (2) chẳng kinh.
Làm cho của dân mình đỡ hại,
Làm cho tiền trở lại mới nghe,
Bảo nhau mạnh cánh, mạnh bè,
Cho người lừa đảo hết nghề hết khôn,

---

1. Nhà *Đoan* (tiếng Pháp, douane): Sở thương chánh của Pháp.
1. *Thị phi*: Phải trái,
2. *Lôi đình*: sấm sét, cơn giận nổi lên như sấm sét.

https://tieulun.hopto.org

Tôi xin nhớ như chôn vào ruột,
Tôi xin châm lửa đốt hương chàm (1)
Tôi xin tạc chữ đồng tâm.
Dựng đài kỷ niệm trăm năm phụng thờ.
Thôi đừng giữ thói nhơ ô mị. (2)
Bảo thế nào, người kỷ cái tay
Ngại khi lời nói hay hay,
Trăm người trăm miệng đắng cay muôn phần,
Này hỡi bạn quốc dân ta nữa,
Cơ sự này nó sợ đến đâu?
Bỗng như tiếng sét trên đầu,
Kinh kinh, hãi hãi biết đâu thế nào... (3)
Ấy là phúc nước Nam ta đó,
Ấy là cơ máu mủ ta còn,
Đời đời, cháu cháu, con con,
Còn non, còn nước, vẫn còn Việt Nam.

(Theo Hoàng Ngọc Phách – Huỳnh Lý: Sơ tuyển văn thơ yêu nước cách mạng. Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1959 tr. 157 – 158).

CẦN PHẢI HỌC ĐÚNG (*)

Nguyễn Phan Lãng

Người bẩm sinh tinh anh nung đúc;
Dẫu thông minh có học mới hay,
Sẵn trên quyển sách là thầy,
Ai ơi! Sao chẳng đêm ngày tìm phương?

---

1. Câu này trong cuốn của Nguyễn Hiến Lê: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nhà xuất bản Lá Bối-Sài Gòn 1968, trang 165 chép là: «*Tôi xin châm lửa đốt hương trầm*»
2. *Ô mị*: nịnh hót hèn hạ
3. Lược bỏ một đoạn.

https://tieulun.hopto.org

Có học mới biết đường biết lối,
Không học mờ như tối như đêm.
Ai ơi xin chớ ngồi im,
Ếch trong đáy giếng dễ xem được trời!
Huống lại gặp buổi đời tranh cạnh
Yếu thì thua có mạnh mới hay.
* Anh em phải liệu mà xoay,
Quyết đem lẽ mới đổi thay thói thường.
Nhưng phải nhận cho tường mục đích,
Định phương châm minh bạch kẻo lầm,
Nếu mà không biết phương châm,
Sách kia dẫu học nghìn năm cũng thừa!
Nước ta kể từ xưa trở lại,
Những chăm chăm theo mãi học Tàu,
Đua nghề hủ bại với nhau.
Ngoài ra biết Mỹ, biết Âu là gì!
Khoe tao nhã câu thi câu phú,
Lên tài hoa bát cổ (1) tơi bời,
Đọc câu « lịch tượng thu thời » (2)
Hỏi trăng chẳng biết, hỏi trời chẳng hay.

---

* Bài này tác giả viết cho Đông Kinh Nghĩa Thục, nhằm chống lối học từ chương, cử nghiệp, đồng thời chống tân học mất gốc rễ, tân học quá thiển cận. Trong *Hợp tuyển Thơ Văn Việt Nam* tập IV. Nhà xuất bản Văn hóa Hà Nội. 1963. Bài này để ở phần khuyết danh, nay xin đính chính lại.

3 *Bát cổ*: Tám vế, thứ văn chương cử tử, có tám vế đối nhau (văn kinh nghĩa)

4, Câu chữ Hán cổ, ý nói: Đặt lịch ra để báo cho dân biết thời tiết cày cấy.

https://tieulun.hopto.org

Hỏi địa lý ngày ngày mù tịt,
Hỏi các nghề dốt tịt trơ trơ,
Nghĩa đen lẫn cẫn tơ mơ,
Mắt nhìn thủng giấy, tay sơ đứt lề.
Học chữ Hán dã mê đường lối,
Học Tây thì chỉ giỏi câu « tem » (1).
Địa dư, cách trí chẳng xem,
Các khoa bác học chả thèm nhìn chi.
Học bập bẹ ra gì mà học,
Học dở hơi thêm nhọc sức mình.
Từ đây phải nhận cho tinh,
Học Tây, học Hán cho rành mới hay.
Trước hết phải học ngay quốc ngữ,
Khỏi đôi đường tiếng chữ khác nhau.
Chữ ta, ta đã thuộc lâu,
Nói ra nên tiếng, viết câu nên bài.
Sẵn cơ sở để khai tâm trí,
Rồi sẽ đem các thứ giáo khoa,
Chữ Tàu dịch lấy chữ ta,
Chữ Tây cũng phải dịch ra chữ mình.
Anh em đương buổi còn xanh,
Phải nên gắng sức đua tranh với đời.
Cố ra sức tạo thời hơn trước,
Cố ra công giúp nước về sau.
Giống vàng có kém ai đâu,
Óc khôn cũng góp năm châu một vài.

1. *Tem*: Tiếng Pháp *Thème*: bài dịch Việt văn ra Pháp văn.

https://tieulun.hopto.org

Cố gắng sức nên tài cũng dễ,
Biết tự cường thì khỏe, khó chi,
Mấy lời cặn kẽ tinh vi,
Khuyên người trẻ tuổi nên ghi vào lòng.

(*Theo Hoàng Ngọc Phách — Huỳnh Lý: Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng Tập II. Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội 1959 tr. 176–178*).

BÀI CA ĐỊA DƯ VÀ LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ

Ngô Quý Siêu

Năm châu quanh mặt địa cầu,
Á châu lớn nhất, Mỹ châu thứ nhì
Châu Âu, châu Úc, châu Phi,
Mỗi châu một giống, sắc chia rành rành.
Giống vàng, giống trắng tinh anh,
Giống đen, giống đỏ, giống xanh ngu hèn. (1)
Cuộc đời là hội đua chen,
Giống hay thì sống, giống hèn thì sa.
Lạc Long là tổ nước ta,
Nước non từ trước gọi là Đại Nam.
Lịch niên hơn bốn ngàn năm,
Số dân tính ngoại hai trăm ức người. (2)
Ba mươi sáu tỉnh chạy dài,
Năm trăm phủ huyện trong ngoài hai kinh.

---

1. Quan niệm « phân biệt chủng tộc » như đây, rõ ràng là sai lầm, thậm chí là phản động nữa. Nhưng đó cũng là quan niệm khá phổ biến ở số sĩ phu nho học « tư sản hóa » thời bấy giờ. Các cụ đã chịu ảnh hưởng của thuyết « tiến hóa » phổ biến hồi đầu thế kỷ XX, nên mới mắc phải sai lầm, hạn chế như vậy.

2. Có bản chép: Hoàng dân phỏng độ hai lăm triệu người.

https://tieulun.hopto.org

Thăng Long là đất Hà thành,
Lý, Trần, Lê đóng triều đình ở đây.
Tuyên Quang, Hưng Hóa, Sơn Tây,
Thái Nguyên, thành Lạng, Lào Cay, Cao Bình,
Hưng Yên, Nam Định, Bắc Ninh,
Hải Dương, An Quảng gần quanh Hải Phòng.
Tiện thay! Sông Nhị một dòng,
Thuyền xuôi, lái ngược dầu lòng thảnh thơi.
Tản Viên, Tam Đảo ngất trời,
Rừng ngang một dải liền mười sáu châu.
Đồng Tụ Long, thiếc sông Ngân.
Tiền rừng, bạc bể dễ dàu sánh tày.
Thừa Thiên xa cách nước mây,
Trấn xưa Thuận Hóa, ngày rày Hoàng kinh,
Ngoài thì Quảng Trị, Quảng Bình,
Trong thì Quảng Ngãi với thành Quảng Nam.
Đèo Ba Đội, lại đèo Ngang,
Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An cũng gần.
Xa xa dãy núi Hải Vân,
Nay Bình Định, trước Quy Nhơn đó mà.
Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa, (1)
Định Tường đứng giữa Biên Hòa, Vĩnh Long.
Cửu Long sông nước mênh mông,
Thành Gia Định ấy là trong Sài Gòn.
An Giang một tỉnh con con,
Hà Tiên ngoảnh lại vẫn non nước nhà.
Cao Miên giáp cõi bao xa,
Kia Ai Lao với Xiêm La gần kề.
Khắp xem sáu tỉnh Nam Kỳ,
Tiền kho lúa đụn kém gì mọi nơi. (2)

1. Nhiều bản chép thiếu 6 câu kể từ câu này.
2. Có bản chép: Ruộng nương nhiều, rộng kém gì mọi nơi.

https://tieulun.hopto.org

Xã tắc, vân mẫu, ngọc trai,
San hô, tê giác, đồi mồi, tượng nha.
Kỳ Quảng Nam, quế Thanh Hoa,
Ngàn năm thiên bảo, vật hoa dâu tày!
Nước non vẫn nước non nầy,
Từ xưa chéo chống vần xoay mấy người?
Đồng Vương chẳng nói chẳng cười,
Ẩm ầm ngựa sắt, tới lời Ân binh.
Lĩnh Nam hơn sáu mươi thành,
Hai ba Trưng nữ dẹp bình như không.
Triệu Âu cũng khách má hồng,
Chỉ non, thề bể chẳng dong giặc thù.
Cờ đào thẳng trỏ sang Ngô,
Một tay Thường Kiệt hai châu tan tành.
Ba lần đánh vỡ Nguyên binh,
Đức Trần Hưng Đạo uy danh ai bì?
Giết Toa Đô, bắt Mã Nhi,
Bạch Đằng giang ấy để bia muôn đời,
Lam Sơn quân xuống tự trời,
Hoàng Lê tiếng dã dậy ngoài Chi Lăng.(1)
Bắt Mộc Thạch, chém Liễu Thăng,
Núi muôn trùng rẫy cho bằng mới thôi.
Dấu thơm dài để muôn đời,
Làm gương cho chúng ta ngồi mà soi.
Sinh ta cũng giống con nòi,
Cũng trong đất nước là người đồng thân.
Phải thương phải xót cho gần,
Một gan một ruột quây quần lấy nhau.

---

1. Có bản chép: Lam Sơn quân kéo rợp trời
Tiếng ông Lê Lợi là người kỳ năng
và đoạn tiếp theo cũng nhiều câu có sự sai biệt với bản này.

https://tieulun.hopto.org

Phúc cùng hưởng, họa cùng dau,
Chữ đồng cùng đúc chung nhau một lò.
Gió thu phẳng phất song hồ,
Sử xanh còn đó, địa đồ còn đây.
Đôi lời mượn bút sẵn bày,
Trông người trong nước non này cùng xem.

(*Theo Phi Bằng* : Thi Văn các nhà chí sĩ Việt Nam. *Nhà xuất bản Đàn Thanh — Huế 1934* tr. 53–56)

NHẮN CHỊ EM BẠN GÁI (*)

Phan Chu Trinh (?)

Trải non nước ai tri âm đó,
Trong trần ai, ai dễ biết ai?
Lầu văn minh tuyết đóng sương cài,
Bấy lâu những Đông Á, Tây Âu, dư đồ, lịch sử.
Tai văng vẳng mái ngoài nghe thử,
Trống duy tân năm ba tiếng điểm dồn,
Như mưa vùi, như gió dập, như sống vỗ, như mây tuôn.
Lên dài múa kể xiết bao tay hào kiệt!
Chị em hỡi! biết chăng, chẳng biết?
Bạn trâm thoa ta cũng rộng nữ quyền.
Vỗ tay vào sẻ lấy gánh thiếu niên.

(*) Bài này trong sách do Hoàng Ngọc Phách và Huỳnh Lý *biên soạn*: *Sơ tuyển Văn thơ yêu nước và cách mạng. Tập II.* Nhà xuất bản – Giáo dục – 1959. Trang 137 – 138 khẳng định là của Phan Chu Trinh làm lúc hoạt động (diễn thuyết hô hào) cho *Đông Kinh Nghĩa Thục* khoảng cuối năm 1907. Nhưng bản của *Sơ tuyển*... lại thiếu mất 8 câu đầu và đề là *Kêu gọi bạn gái*. Trái lại, trong sách của Đặng Thai Mai: *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX*... lại không đề tên tác giả.

https://tieulun.hopto.org

Cho rõ mặt thuyền quyên trong Á hải.
Phường mặt trắng lửng lơ vòng hủ bại.
Bia mà chi, bảng mà chi, nghênh ngang võng lọng nữa mà chi!

Bể trần mấy mặt tương tri.
Có chăng Thịnh-đốn (1); A-quê (2) anh hùng!
Lấy chồng cho đáng tấm chồng!...

(*Theo Đặng Thai Mai* : **Văn thơ Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.** *Nhà xuất bản Văn học – Hà Nội. 1974 – Trang 335*)

TỈNH QUỐC HỒN CA (*)

Phan Chu Trinh

Ngồi mà nghĩ dư đô Hồng Lạc,
Ta cũng là một nước Á đông.
Xưa nay vẫn chán anh hùng,
Dọc ngang trời đất vẫy vùng non sông.

---

(1) *Hoa Thịnh Đốn* (Washington 1732 – 1799): người lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nước Mỹ chống thực dân Anh vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, về sau là Tổng thống của nước Mỹ.

(2) A-quê-nã-đô (Aquinaldo): nhà yêu nước của Phi-lip-pin đã nổi lên chống thực dân Tây Ban Nha (1897).

(*) Bài *Tỉnh quốc hồn ca* này trong tập tài liệu giảng dạy của trường Đông Kinh Nghĩa Thục không đề tên tác giả. Nhưng nhiều người cho biết, trong đó có cụ Phan Tất Tuân, nguyên giáo sư của trường trả lời cho chúng tôi năm 1958, thì đây là một trong số những bài của cụ Phan Chu Trinh viết cho nhà trường năm 1907. Bài này dài gần 800 câu, hô hào lòng yêu nước dưới nhiều khía cạnh, đúng như chương trình của Đông Kinh Nghĩa Thục. Về sau, năm 1945, người con rể của

https://tieulun.hopto.org

Hai mươi triệu sĩ, nông, công, cổ,
Bốn mươi muôn quốc thổ đặm vuông.
Người nhiều đất rộng rõ ràng,
Thế mà nghĩ lại, lại càng tủi thương.
Kể sao xiết trăm đường cay đắng.
Bởi vì ai gây dựng cho nên?
Thôi đừng trách kẻ bề trên,
Dưới thì cũng trách ngu hèn tại ta.
Nọ phong tục kiêu ngoa cẩu thả,
Kia nhân tâm khiếp đọa xai nghi (1)
Người còn lòng đã chết đi,
Nghìn năm tích tệ (2) vậy thì tại đâu?
Trách những kẻ sư nho dạy bảo;
Việc nhân tâm thế đạo làm ngơ.
Bắt đầu đã dạy văn thơ,
Ngũ ngôn bát cổ lờ mờ nghĩa đen.
Mong cho biết dua chen danh lợi.
Tìm những đường hủ bại mà đi.
Sao không phân biệt thị phi.
Sao không chỉ trỏ đường kia nẻo này?
Thử so với người Âu người Mỹ
Trăm điều không có tí chi mà.
Người ta tri nghĩ cao xa.
Một người không lẽ chết ba bốn lần.
Gặp việc nghĩa trăm thân không tiếc,
Làm việc gì chi quyết thì nên,
Lòng son dạ đá cho bền.
Chẳng nề ai ghét, chẳng phiền ai thương.

... cụ Phan Chu Trinh là ông Lê Ấm mới đem in xuất bản tại Qui Nhơn dưới nhan đề *Tây Hồ Phan Chu Trinh di thảo tập I*. Trong đó có bài này. Ở đây chúng tôi trích một vài đoạn như sau.

(1) *Khiếp đọa xai nghi*: Khiếp sợ nghi ngờ, không tin người mà cũng không tin cả mình nữa.

(2) *Tích tệ*: Giữ lại lâu đời cái xấu, cái hỏng.

https://tieulun.hopto.org

Nào là chốn cương trường (1) đua đánh,
Nào là trong quốc chánh đấu tranh.
Ra vào vạn tử nhất sanh,
Chết cho ngàn thuở bia danh mới là.
Ai cũng lấy ở nhà làm « tiện » (2).
Lấy trèo non vượt biển làm « sang ».
Chết già, chết bịnh là thường,
Lợi dân ích nước chết càng thơm danh.
Người mình sống loanh quanh xó bếp.
Còn muốn thân sơn thếp để đời.
Những già, những trẻ, những trai.
Ăn cần, ở chạ, sống dai lại mừng.
Sống dề mà gò lưng mang ách,
Sống dề mà phá phách như ma.
Xăn văn mai lợn, chiều gà.
Quấy rầy làng nước xấu xa họ hàng.
Nào thấy kẻ ngang tàng chánh khí?
Nào thấy người cả chí cao bay?
Chết trong tay vợ là may.
Chết vì nghĩa khí mỉa mai trăm đường.
Bởi sợ chết nên càng hèn hạ,
Dầu việc hay cũng chả dám làm.
Nhục nhã cầu sống thì tham.
Thân trâu, thân ngựa, cũng cam một bề.
Ngồi thử nghĩ dăm dề giọt lụy,
Hỏi những người liêm sĩ công trung. (3)
Thương nhau mà bảo nhau cùng,
Học khôn học khéo để phòng hậu lai.

☆

(1) *Cương trường*: nơi biên cương.
Tiện: thấp hèn.
Công trung: công bằng và trung trực

https://tieulun.hopto.org

Người ta nghĩ sâu dài cặn kẽ,
Đũa bó to ai bẻ cho xuôi,
Chia ra từng chiếc, từng đôi;
Phải ai tai nấy, thương ôi còn gì!
Vậy nên từ đồng nhi phụ nữ,
Chẳng ai không biết giữ lấy nòi.
Khôn ngoan đối đáp người ngoài.
Người trong một nước thì coi như nhà.
Dốc một bụng ruột rà thân thiết.
Chẳng ai mà mong giết hại ai,
Người mình thấy lợi thì thôi.
Nghĩ chi đến giống cùng nòi nữa đâu.
Một tí lợi giành nhau chảy máu,
Lại khoe tài trí giảo phùng nghinh (1)
Cậy thần, cậy thế ngông nghênh.
Gà nhà bươi bếp, giòi mình đục xương.
Hỏi thử xem trong phường hàng họ,
Máu đỏ tông lớn nhỏ biết bao.
Doi (2) vườn cạnh đất góc ao,
Nhồi xương xáo thịt biết bao nhiêu người.
Lại coi thử ra ngoài tổng xã,
Phá cho nhau phải vạ phải tai
Chú trùm, bác lý, thầy cai,
Lừa eo (3), thắt cổ chẳng ai mà chừa.
Kể chi hết trăm lừa nghìn dảo
Còn những người áo mão bề trên.
Ăn càn nói hiếp đã quen,
Kiện thưa thuế khóa càng lên càng dau.

---

1) Tự cho mình biết cách đưa đón, nịnh hót.
2) Doi : Một mảnh đất nhỏ
3) Eo : Lúc ngặt nghèo.

https://tieulun.hopto.org

Thương ôi nỗi nọi dâu như thế!
Sống làm sao cho xuể với đời?
Sỏi dàng cát bãi rã rời,
Gặp cơn mưa gió tơi bời khá thương!

☆

Người ta trọng có tài có nghiệp,
Kẻ không nghề cả kiếp khó hèn.
Dẫu rằng thợ mộc, thợ rèn,
Tài hay, trí tốt tiếng khen vang rền...
Từ những đấng hoàng thân quí tộc,
Chẳng ai không đi học lấy nghề.
Có vua Bi Đắc (1) xưa kia,
Bỏ ngôi đi học lấy nghề bách công.
Còn những kẻ sĩ, nông, công, cổ,
Cũng học cho trí đủ làm ăn.
Cũng là nữ tử, phụ nhân,
Ai ai cũng có trong thân một nghề.
Người mình đã vụng về trăm thức,
Lại khoe rằng « sĩ nhất tứ dân » (2),
Người khanh tướng, kẻ công thần,
Trăm nghề hỏi có trong thân nghề nào?
Chẳng qua là quơ quào ba chữ,
May ra rồi ăn xó của dân,
Khoe khoang rộng áo dài quần,
Tráp giày bệ vệ rần rần ngựa xe.
Còn bậc dưới ngo ngoe vô kể,
Học cúi luồn kiếm kế vợ quào.

---

1) Tức Pie đệ nhất của nước Nga ở thế kỷ XVIII đã đi nhiều nước châu Âu học nghề để về canh tân đất nước.

2) Sĩ đứng đầu bốn hạng người: Sĩ nông công thương (theo quan niệm cũ).

https://tieulun.hopto.org

Thấy lý lại bác kỳ hào,
Gặm xương, mút dũa, lao nhao như ruồi.
Lại có kẻ lòi thòi bậc giữa,
Trên lỡ quan, dưới nữa lỡ dân (1),
Ấy là học sĩ văn nhân,
Ăn sung mặc sướng mà thân không làm.
Người trên đã lam nham như thế,
Những dân đen kể lể làm chi.
Rượu chè cờ bạc li bì,
Sinh ra trộm cướp nghề gì mà mong?
Xin hỏi thử xem trong làng Mán (2)
Người sinh ra hàng vạn hàng trăm.
Từ làm ruộng, chí nuôi tằm.
Mười người khốn khó, mấy trăm ngồi xài.
Loài người đã không tài không nghiệp,
Phải sinh ra nhiều kiếp gian nan.
Đua chen dối trá muôn vàn,
Gà bầy dá lẫn, cá đàn cắn nhau.
Ngồi nghĩ lại càng đau tấc dạ,
Hỡi những người chí cả thương quê.
Mau mau đi học lấy nghề,
Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau.

☆

Người ta biết mọi đường lợi ích,
Tiền như nước hễ tích thời khô.
Phải cho dây đó chi bô (3)
Bỏ ra nhiều vốn thâu vô nhiều lời.
Cũng chẳng bóp lãi mười vốn một,
Cốt về nhiều hào hốt tương nên.

---

1) Quan dở quan, dân dở dân.

2) Theo quan niệm phong kiến lạc hậu trước đây cho rằng người dân tộc thiểu số (Mán,...) là kém cỏi.

(3) Lưu thông chỗ nọ bù chỗ kia.

https://tieulun.hopto.org

Nhà giàu hàng triệu hàng thiên,
Đem qua hàng bạc chẳng phiền giấu chôn.
Để cho kẻ trí khôn của khó,
Để cho người nghề có tay không.
Lãnh về sau việc đổi công.
Giàu ăn lợi lớn, khó mong lợi chừng,
Thấy những kẻ đại thương tiểu cổ (1)
Chẳng ai mà dám bỏ lòng tin,
Vay ra từng vạn từng nghìn.
Một lời giao kết giữ gìn không sai.
Mang-da (2) gửi nước ngoài xa lắc,
Công ty hàn kẻ bắc người nam.
Tháng giao ngày lãnh ầm ầm,
Chẳng sai một mấy, chẳng thâm một đồng.
Vậy nên của lưu thông dào dũ.
Nghề bán buôn khắp cả đông tây.
Lợi quyền nắm hết vào tay,
Làm cho giàu có càng ngày càng hơn.
Người mình hay bất nhân bất tín,
Vay dặng rồi dã biến lòng ngay.
Lời quê tiếng dục xưa nay,
Vay ngọt như mía, trả cay như gừng.
Nào là kẻ tưng bừng hợp cổ (3)
Họp nhau rồi dã vỡ (4) nhau ngay.
Bon chen chấm mút loay hoay,
Công ty chẳng dược mấy ngày mà tan.
Thói đâu có dã man như thế,
Nghĩ cho xa tích tệ bởi dâu.
Trách vì mấy kẻ nhà giàu,
Tiền trăm bạc vạn chôn sâu xó nhà.

---

(1) *Tiểu cổ*: Tiểu thương.
(2) Phiên âm tiếng Pháp *Mandat*: phiếu gửi tiền ở bưu điện.
(3) *Hợp cổ*: Góp cổ phần. (4) *Vỡ*. vỡ nợ, quỵt.

https://tieulun.hopto.org

Lừa khi có đem ra thất cổ.
Còn bán buôn lời lỗ mặc ai.
Bắt lên lợi lãm lợi mười.
Thắt mèo, treo chó cho người đỡ đang.
Làm như thế hại dân cùng thiệt,
Sinh ra điều cay nghiệt đường bao.
Của tiền trong nước ngàn nào.
Kẻ dư bỏ xó, người quào không ra.
Đất bỏ hoang biết là hiếm mấy (1)
Lợi chan chan đều thấy bỏ qua.
Để cho Khách với Chà Và (2)
Chia nhau lấy lợi mà ta ngồi nhìn.
Ngồi nghĩ lại thêm phiền thêm tủi,
Hỡi những người tuổi trẻ tài cao.
Bây giờ phải tính làm sao?
Rủ nhau đi học mọi điều văn minh.

(Theo Chương Thâu – Triện Đương, Nguyễn Đình Chú – Sđd. Tr. 197–206)

ĐỀ CẢNH TỈNH BỌN NỊNH THẦN (*)

(Tập Kiều)

Nguyễn Cảnh Lâm

Trời tây bảng lảng bóng vàng,
Bây giờ kim mã ngọc đường với ai?
Cúi đầu nép xuống hiên mai,
Còn toan mở mặt với người cho qua.

(1) Theo cách nói ở miền Nam, có nghĩa là nhiều lắm.
(2) *Chà Và*: phiên âm chữ Java là một đảo của Inđônêxia.
*. Bài này trong cuốn sách của Phi Bằng: *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam*. Nhà xuất bản Dân Thanh—Huế 1934 tr.69.

https://tieulun.hopto.org

Trông người lại ngẫm đến ta,
Làm ra con ở chúa nhà đòi nơi.
Người yêu ta xấu với người,
Đỉnh chung hỗ dễ ăn ngồi cho yến.
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Làm cho bùn lại vấn lên mấy lần.
Đục trong thân cũng là thân
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
Tề vui cũng một kiếp người,
Thân deo đẳng, chẳng thiệt thòi lắm ru?
Thân lươn bao quản lấm dầu,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi!
Phải điều ăn xổi ở thì,
Sao chưa thoát khỏi, nữ nhi thường tình,
Lại còn dơ dáng dại hình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.

(Theo Hoàng Ngọc Phách – Huỳnh Lý Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục – Hà Nội 1959 tr. 170 — 171)

---

nói là của Nguyễn Thượng Hiền và nhan đề là *Tự thán* làm trước 1898 hoặc lại có ý kiến làm 1907. Theo ý chúng tôi, đều không chính xác. Hơn nữa trong bản của Phi Bằng từ câu thứ 8 trở đi, chép là:

«Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!
Thân lươn bao quản lấm đầu,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi.
Phải điều ăn xổi ở thì,
Sao cho thoát khỏi nữ nhi thường tình.
Lại càng dơ dáng dại hình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong!
Một đời được mấy anh hùng,
Mảu tham hễ thấy hơi đồng thì mê!
Ra vào theo lũ thanh y,
Dãi dầu tóc rối da chì quản bao.
Ăn làm sao nói làm sao!

https://tieulun.hopto.org

KHUYÊN NGƯỜI NƯỚC HỌC CHỮ QUỐC NGỮ (*)

Trần Quý Cáp

Đẵng làm trai đứng trong trời đất,
Phải sao cho mở mặt non sông.
Kia kìa những bậc anh hùng,
Cũng vì buổi nhỏ học không sai đường.
Cuộc hoàn hải liệt cường tranh cạnh,
Mở trí khôn giàu mạnh đường bao.
Nước ta học vấn thế nào?
Chẳng lo hổ dại lẽ nào đặng khôn.
Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tinh trước dân ta,
Sách Âu Mỹ sách Chi-na,
Chữ kia nghĩa nọ dịch ra tỏ tường.
Nông, công, cổ trăm đường cũng thế,
Hợp bầy nhau thì dễ toan lo.

---

* Bài này trong sách của Hoàng Ngọc Phách — Huỳnh Lý *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng* Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1959. tr. 175. 176, lấy nhan đề là *Cổ động học mới*, và thiếu hẳn 14 câu đầu. Người biên soạn cũng không biết rõ tác giả, chỉ đề là Đông Kinh Nghĩa Thục. Thực ra đây là bài của tác giả Trần Quý Cáp, viết từ năm 1906 trong phong trào Duy tân ở miền Trung. Vì nội dung của nó rất đúng với yêu cầu của Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) nên đã được sử dụng làm tài liệu để phổ biến. Trường hợp tác phẩm của Trần Quý Cáp được sử dụng ở Đông Kinh Nghĩa Thục như đây cũng không phải là cá biệt. Chúng ta đã thấy những tác phẩm của Phan Bội Châu (Xu hướng bạo động) còn được dùng phổ biến hơn như *Hải ngoại huyết thư*, *Đề tỉnh quốc dân hồn*, *Kinh quốc nhân* v.v... Do đó ta càng thấy rõ xu hướng tư tưởng và chủ trương cụ thể của Đông Kinh Nghĩa Thục như là một sự «hài hòa» của nhiều khuynh hướng, nhưng cùng chung một mục đích là nhằm độc lập dân tộc và canh tân đất nước

https://tieulun.hopto.org

Á Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư cách mới cho rằng người.
Một người học muôn người đều biết;
Trí đã khôn trăm việc phải hay,
Lợi quyền đã nắm vào tay,
Có ngày tấn hóa, có ngày văn minh.
Chuông tự lập vang dình diễn thuyết,
Trống hoan nghênh dội bể Đông Dương.
Nghền xem khoa cử mấy chàng,
Kia ai khôn dại rõ ràng chẳng sai?

(Theo Chương Thâu — Triệu Dương — Nguyễn Đình Chú: Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX. Nhà xuất bản Văn học — Hà Nội 1976 tr. 359).

LỊCH SỬ VIỆT NAM (*)

(Mở đầu)

Phạm Tư Trực

Ngô chủng bản phi di,
Ngô tộc diệc phi ti.
Bạch Đằng phá Nguyên binh,
Chi Lăng tẫu Minh si.
Phụ xà giáo gia kê,
Tích nhân sở thâm bỉ!

Dịch:

Giống ta chẳng phải mọi, (1)
Dòng ta chẳng phải hèn.

(*) Bài này chỉ mới là đoạn mở đầu của cuốn *Việt sử* viết bằng chữ Hán của Phạm Tư Trực. Sách bị Pháp tịch thu và tác giả bị đuổi khỏi phủ Thống sứ (vì đã cộng tác với Đông Kinh Nghĩa Thục).

(1) Theo quan niệm lạc hậu và rất sai lầm của các nhà nho đầu thế kỷ, cho rằng người dân tộc thiểu số là hèn kém.

https://tieulun.hopto.org

Bạch Đằng phá quân Nguyên
Chi Lăng đuổi tướng Minh,
Cõng rắn cắn gà nhà.
Ngtời xưa rất khinh bỉ!

(Theo Nguyễn Hiến Lê : **Đông Kinh Nghĩa Thục**, *Nhà xuất bản Lá Bối — Sài Gòn 1968, tr. 62)*

TÌNH PHU PHỤ

Khuyết Danh

Tình thân ái là tình trong phu phụ,
Nợ anh hùng là nợ của non sông!
Nghĩ nguồn cơn, ngán với Âu phong,
Tưởng nông nỗi, than cùng Á vũ,
Ai lăn lóc chèn trong đài mủa?
Trò diễn ra: nào thiện, nào ác, nào hoan, nào lạc, nào tráng, nào bi.
Nực cười thay! Mây nước tới kỳ,
Kìa hiệp nữ, nọ kiện nhi đâu máu lạnh?
Tì [1] *điện, Cách* [2] *mi, quân đối kính,*
Qua [3] *tình, La* [4] *tử thiếp làm trang* [5].
Thiếp tôi dây có đâu nhi nữ chi thường,
Anh tai mắt mong mở mang trong vũ trụ.

---

1. *Tì*: Tì-tư-mạch (Bismarck 1815—1898) nhà chính trị nước Phổ, đã thực hiện thống nhất nước Đức sau khi đánh bại Na-pô-lê-ông đệ tam hồi đó làm hoàng đế nước Pháp.

2. *Cách*: Cách-lan-tư-đốn (E. E. Gladstone 1809—1898) nhà chính trị nước Anh trước sau làm thủ tướng bốn lần, nổi tiếng vì đã duy trì được địa vị bá chủ của nước Anh vào khoảng cuối thế kỷ trước.

3. *Qua*: Qua-đặc (Jeanne dÁrc 1412—1741) nữ anh hùng dân tộc Pháp con một nhà nông, đã đứng ra lãnh đạo nhân dân Pháp chống lại quân xâm lược Anh vào đầu thế kỷ XV.

https://tieulun.hopto.org

Đương ưu thắng anh thành thang vó ngựa,
Gánh văn minh em sớn sở lưng ong,
Đôi ta vợ vợ chồng chồng,
Nước non nhẹ gót tang bồng này chàng?
Xem trong phu phụ ai bằng (5).

(*Theo Đặng Thai Mai*: **Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX**. *Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1974 tr 336*).

GỌI TỈNH GIẤC MÊ (*)

Khuyết Danh

Trăm năm trong cõi người ta,
Sực nay giấc ngủ tỉnh ra nửa đời.
Vầng trăng rộng bốn phương trời,
Trống dâu dã gõ mấy hồi bên tai,
Mơ màng phách quế hồn mai,
Bâng khuâng nào dã biết ai mà nhìn.
Thấy Đông Kinh đã dứng lên.
Đem kinh giác thế mà khuyên mấy lời

---

4. *La*: La-lan (R. Roland) nhà nữ cách mạng Pháp, thuộc phái Gi-rông-đanh (Girondins) tức phái hữu trong quốc hội sau cách mạng 1789, bị phái kịch liệt Mông-ta-nha (Montagnards) xử tử (1793).

5 Hai câu thơ này đại ý nói rõ:
Soi gương chàng xứng đáng như Bismarck như Gladstone
Thì thiếp đây cũng sẽ khoác áo xiêm theo gót Jeanne dArc, và bà Roland.

6. Bốn của Đặng Thai Mai thiếu câu này.

(*) Bài này chưa rõ tác giả, nhưng được phổ biến trong các lớp học của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Đông những năm từ 1907 – 1913.

https://tieulun.hopto.org

Ta ơi! Ta hỡi! Ta hời!
Phải ta ta dậy, tỉnh rồi còn mê!
Hay còn đương cuộc rượu chè,
Chén anh, chén chú, chén nhè ở đâu?
Hay còn vui thú cô dầu,
Tiếng đàn, tiếng hát, tiếng chầu đánh xen?
Hay còn vơ vẩn bàn đèn
Mỗi khi một điếu đã quen cái mồm?
Hay còn vui thú tổ tôm,
Hội đơn hội kép đang gom nhau tiền?
Chốc đã hơn bốn mươi niên,
Gớm cho giấc ngủ đã bền lắm thay!
May mà tỉnh dậy là may,
Tỉnh rồi mới biết rằng nay là mình.
Dội ơn bác mẹ sinh thành,
Sao mà ta thế sao đành hở ta?
Tỉnh rồi mới biết khôn ra,
Biết khôn thì phải liệu mà lo thân.
Mừng nay gặp hội duy tân,
Học hành ta phải chuyên cần công phu.
Có bài « độc lập, tự do »,
« Đồng bào, Tổ quốc » nhận cho tinh tường.
Treo lên tám chữ làm gương,
Ngày ngày miệng đọc, thường thường mắt trông.
Tiếng ta quốc ngữ cần dùng,
Trăm nghề lại lấy thương, nông làm đầu.
Sao cho tỏ cái mày râu,
Sao cho đổi thói đen đầu dã man.
Tật hư thói cũ xin can,
Ăn hay làm biếng xin can xin chừa.
Văn minh gặp hội đang vừa,
Ta nay há phải ta xưa đâu mà!

(Tài liệu do cụ Phạm Như Trân ở xã Kim Chung huyện Hoài Đức cung cấp năm 1957)

https://tieulun.hopto.org

BÀI CA CÒ ĐỘNG

Khuyết Danh

Đã sinh ra ở trên đơi,
Cùng tai, cùng mắt, cùng người thế gian.
Đã riêng là một giống vàng,
Nỡ nào tì tất (1) nô nhan (2) cho đành!
Ngoảnh xem những nước văn minh,
Nào ai có chịu như mình thế đâu!
Kìa nước Nhật với nước Tàu,
Bấy lâu cũng phải người Âu chen vào,
Người nào người nấy xôn xao,
Ăn gan, giựt ruột ai nào sợ đâu!
Sao mình chẳng biết bảo nhau,
Chỉ cam một phận đem đầu làm tôi!
Người tham tước, kẻ tham ngôi,
Ăn đơ bưng mũi mắc mồi đớp câu.
Để làm cho hại lẫn nhau,
Trăm năm chẳng quản người sau chê cười.
..... (3)
Thôi thôi chuyện cũ kể chi,
Chúng ta sớm phải liệu đi thế nào

---

1. *Tì tất*: Đầu gối con đòi luôn luôn phải quỳ lạy trước chủa của nó.

2. *Nô nhan*: Nét mặt thằng ở trước chủ nhà.

3. Thiếu một đoạn. Mong các bạn đọc nào nhớ đầy đủ, sẽ bổ khuyết cho. Câu này trong bản của Hoàng Ngọc Phách—Huỳnh Lý: *Sơ tuyển văn thơ nêu nước và cách mạng*. Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1959 tr. 187 chép là: « *Trăm năm chẳng quản kẻ cười người chê* » và liền mạch xuống câu dưới: *Thôi thôi chuyện cũ kể chi*. coi như bài không thiếu câu nào. Đầu đề của bài lại chép là « *Khuyên nhau tỉnh cuộc* ».

https://tieulun.hopto.org

Liệu làm sao, tính làm sao?
Làm sao cho được bằng bao như người?
Mai sau cho được như lời,
Lên lầu độc lập, hát bài tự do.
Mấy lời khuyên nhủ nhỏ to,
Xin ai trong nước đừng cho làm thường!.

(*Theo Đặng Thai Mai*: **Văn thơ Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX**. *Nhà xuất bản Văn học Hà Nội 1974 (tr. 334).*

KHUYẾN CON ĐI HỌC (*)

Khuyết Danh

Con ơi! nghe lời mẹ này!
Muốn khôn thì phải tìm thầy học nên.
Sao cho ơn trả nghĩa đền,
Nước kia có vẹn mới nên việc nhà (1).
Non sông tô điểm gấm hoa
Cùng nhau dựng lại sơn hà vui chung.

(*) **Bài này được phổ biến rộng rãi trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Trong sách giáo khoa của Đông Kinh Nghĩa Thục cũng có chép. Bản chúng tôi sưu tầm được ở Hà Đông có một số câu, chữ khác với các bản đã in tiếng Việt.**

1. Bốn câu này, trong bản của Hoàng Ngọc Phách – Huỳnh Lý *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng* Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1959, tr. 167, 169 chép là:

Để yên việc nước, kẻo phiền mẹ cha,
Làm trai yêu nước yêu nhà,
Nước kia có vẹn thì nhà mới xong,
Có câu "tạo thế anh hùng".

https://tieulun.hopto.org

Chữ rằng: « tạo thế anh hùng » (1),
Văn minh hai chữ dọ cùng năm châu.
Lòng mẹ luống những âu sầu,
Sầu vì một nỗi bấy lâu ngu hèn.
Mẹ có tham, chẳng tham tiền.
Tham vì một nỗi đua chen với đời.
Khuyên con có bấy nhiêu lời!

II

Mẫu dĩ tử quý (2)
Con ra người thì mẹ được tiếng khen.
Thôi đừng bạc trắng lòng đen,
Tham danh lợi mà quên người một giống!
Xưa mẹ ông Vũ Mục khuyên con giúp Tống (3),
Lòng « tận trung báo quốc » để nghìn thu.
Mẹ khuyên con đừng « nhẫn sỉ sự thù ». (4)
Nào ai có khen đâu tên Phùng Đạo (5)
Thân trâu ngựa mà cân đai mũ áo,
Nhục nhằn (6) này mẹ càng nghĩ càng đau!
Nào nào học vấn để đâu!

(Tài liệu do cụ Vũ Thạch Tiến ở Hà Đông (Hà Sơn Bình) cung cấp năm 1957)

---

2. *Tạo thế anh hùng*: Anh hùng tạo ra thời thế.

3. *Mẫu dĩ tử quý*: Mẹ lấy con làm quý.

1. *Vũ Mục*: Nhạc Phi đời Tống (Trung Quốc). Bà mẹ thích vào lưng Nhạc Phi 4 chữ « Tận trung báo quốc ».

2. *Nhẫn sỉ sự thù*: chịu nhục thờ kẻ thù.

3. Phùng Đạo: một gian thần đời Ngũ đại (Trung Quốc) đã thờ 13 vua, qua 4 triều Đường, Tống, Hán, Chu. Một điển hình xấu về thay đổi chủ.

4. Bản của *Sơ tuyển*... chép là *Vẻ vang* này...

https://tieulun.hopto.org

PHẦN THỨ BA

TIỂU SỬ VẮN TẮT MỘT SỐ NHÂN VẬT TRONG PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

https://tieulun.hopto.org

LƯƠNG VĂN CAN

(1854 – 1927)

Lương Văn Can tự Hiếu Liêm sinh năm 1854, người làng Nhị Khê huyện Thượng Phúc (nay là Thường Tín) tỉnh Hà Sơn Bình, trong một gia đình nghèo. Năm 21 tuổi đậu cử nhân, nên thường gọi là Cử Can. Năm sau thi hội được phân số (1), triều đình bổ làm Giáo thụ phủ Hoài Đức, cụ từ chối. Sau thực dân Pháp cử làm ủy viên Hội đồng thành phố Hà Nội cụ cũng khống nhận, mà ở nhà dạy học để nuôi chí. Ngay từ hồi còn trẻ, cụ đã tỏ ra có khí phách. Khi một thầy cũ làm cách mạng bị chém bêu đầu ở Phủ Hoài, môn đồ không ai dám xin thi hài về chôn cất, sợ lụy đến thân, duy có cụ khẳng khái dâng sớ xin triều đình cho phép và được khen là người có nghĩa. Cụ là một trong những người sáng lập và dạy Đông Kinh Nghĩa Thục, đồng thời được bầu làm Thục trưởng. Bản tính Cụ ôn như nhưng rất có khí tiết.

Sau khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, năm 1908 nhân vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, thực dân Pháp bắt Cụ đem về Sở liêm phóng khai thác. Chúng vặn hỏi Cụ nhiều vấn đề, nhưng Cụ chỉ ôn tồn đáp:

– Chúng tôi mở Nghĩa Thục để giúp chính phủ khai hóa dân trí và chính phủ đã cho phép. Từ khi chính phủ rút phép, thì chúng tôi thôi không hoạt động gì nữa.

---

1. Nghĩa là trong 4 trường thì Hội, dự được 1, 2 trường.

https://tieulun.hopto.org

Không có lý do gì để bắt giữ cụ, hơn nữa trông cụ đã già, tóc râu bạc trắng như đã 70 tuổi, chúng buộc phải tha cụ. Nhưng đến năm 1913, sau vụ ném bom ở khách sạn Hà Nội (23-4) của Việt Nam Quang Phục hội, thực dân Pháp cho là nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục cầm đầu, chúng đã bắt giam Cụ, sau đó đưa đi an trí 10 năm ở Phnôm-pênh (Căm-pu-chia) đến năm 1924 mới được về nước và mất ở Hà Nội 1927.

Lương Văn Can có ba con tham gia tích cực phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Lương Trúc Đàm tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục. Lương Ngọc Quyến tham gia phong trào Đông du (1905) học ở Nhật, sau lại về Trung Quốc học trường sĩ quan, bị địch bắt năm 1914 giải về nước giam ở Thái Nguyên và đã cùng Đội Cấn lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên năm 1917. Lương Nghị Khanh cũng tham gia phong trào Đông du của Phan Bội Châu, năm 1916 qua Xiêm, lên về Phnôm-pênh (lúc này cụ Lương Văn Can đang bị an trí ở đây) rồi ốm chết hồi mới 30 tuổi.

NGUYỄN QUYỀN

(1869 – 1941)

Người làng Thượng Trì, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc. Ông đỗ tú tài khoa Tân mão (1891), làm huấn đạo Lạng Sơn. Nhưng sau đó từ chức trở về Hà Nội cùng với Lương Văn Can và một số sĩ phu yêu nước khác sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục. Ông được cử làm Giám học của nhà trường.

Sau khi trường bị đóng cửa, viên Thống sứ Bắc Kỳ ra nghị định bổ nhiệm làm Giáo thụ, nhưng không được ở Lạng Sơn nữa, mà phải về một phủ nhỏ ở Phú Thọ. Ông không nhận chức, đứng ra cùng với một

https://tieulun.hopto.org

sở bạn mở hiệu buôn Hồng Tân Hưng, bên ngoài là để buôn bán hàng nội hóa (theo như chủ trương của Đông Kinh Nghĩa Thục), nhưng bên trong là nơi liên lạc của những người yêu nước.

Năm 1908, nhân vụ dầu độc lính Pháp ở Hà thanh, ông và các bạn ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tử hình sau đổi ra khổ sai chung thân, đày đi Côn Đảo. Về sau, ông được đưa về an trí ở Bến Tre, cuối cùng ông mất ở Sa Đéc.

Thời gian giảng dạy ở trường Đông Kinh, ông có soạn mấy bài ca yêu nước như: *Kêu hồn nước*, *Phen này cắt tóc đi tu v.v.*.

ĐỖ CHÂN THIẾT

(? – 1915)

Chính tên là Đỗ Cơ Quang, tự Chân Thiết, người làng Thịnh Hào, Hà Nội, có đi thi một vài lần nhưng không đỗ, cụ bỏ luôn khoa cử. Đỗ Chân Thiết tham gia sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhưng sớm hơn, cụ đã hoạt động cho phong trào Đông du – Duy tân hội của Phan Bội Châu. Khi Đông Kinh Nghĩa Thục hoạt động sôi nổi, Đỗ Chân Thiết cùng với cụ Phương Sơn lập hội buôn, đi Hải Dương, Thái Bình mua gạo chở về Hà Nội bán, mở hiệu Đồng Lợi Tế ở phố Mã Mây và hiệu thuốc bắc Tụy Phương ở gần ga Hàng Cỏ.

Liên lạc với phong trào của cụ Sào Nam, cụ Đỗ dùng ngôi nhà số 2 ngõ Phất Lộc của cụ Tùng Hương và Phương Sơn làm chỗ chứa súng lục và thuốc phiện lậu. Vì cụ Sào Nam có liên lạc với nhóm «Văn Nam du học sinh» ở phố Hàng Bún và lập một hội tên là «Song Nam đồng minh hội» (Song Nam tức là Việt Nam và Văn Nam. Hội này chỉ có danh không có thực)

https://tieulun.hopto.org

nên cụ Đỗ có quan hệ với nhóm này. Sau khi Cách mạng Tân Hợi (1911) của Trung Quốc nổ ra, Đỗ Chân Thiết đã sang Trung Quốc và trực tiếp hoạt động trong phong trào của Phan Bội Châu. Mùa Đông năm 1914 cụ Đỗ cùng với một số anh em trong Việt Nam Quang Phục hội lẻn về Bắc Kỳ vận động binh lính mưu đánh úp thành Hà Nội. Việc bị lộ, Đỗ Chân Thiết và 38 đồng chí nữa bị giặc Pháp bắt xử tử ở Lào Cai.

Cụ Đỗ Chân Thiết có một người con trai là Đỗ Bằng (bí danh là Chu Văn Vận) và một người con gái là Đỗ Thị Tâm. Cả hai sau này đều gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học. Sau vụ bạo động Yên Bái (1930) Đỗ Thị Tâm bị Pháp bắt ở phố Hàng Bột và đem giam ở Hỏa Lò. Để tránh những đòn tra khảo tàn bạo nhục nhã của giặc, Đỗ Thị Tâm đã quyên sinh. Còn Đỗ Bằng cũng bị bắt ở Hà Nội trước khi định trốn sang Trung Quốc và bị đánh chết trong xà lim, Hà Nội 1932.

NGUYỄN TÙNG HƯƠNG (*)

(? – ?)

Tên thực là Nhuận, tính tình điềm đạm nhưng rất cương nghị. Nguyễn Tùng Hương là con cụ Tú họ Nguyễn ở làng Phương Khê (Sơn Tây cũ) hiệu là Phương Hiên, rất có hiếu, học giỏi, nhưng chán lối học khoa cử nên không ứng thí lần nào.

Tùng Hương sớm nuôi chí lớn, không chịu lập gia đình, trốn nhà đi ở chùa để tiện mưu quốc sự rồi tham gia giảng dạy cho Đông Kinh Nghĩa Thục, đồng thời

(*) Tài liệu để viết những « tiểu sử » tiếp theo do đồng chí Nguyễn Vinh Phúc cung cấp. Xin cảm ơn đồng chí Phúc.

https://tieulun.hopto.org

làm liên lạc cho phái Đông du. Mới đầu phải hoạt động kín đáo để khỏi liên lụy đến cha già. Sau Nghĩa Thục bị đóng cửa, cụ Tú đã mất, năm 1910 tìm đường sang Trung Quốc cùng với Hoàng Trọng Mậu mua sắm khí giới tổ chức quân ngũ trở về nước tấn công một số đồn lẻ của Pháp ở Lạng Sơn. Việc thất bại, Tùng Hương trốn qua Xiêm và bị bắt tại đây.

VÕ HOÀNH

(1867 – 1946)

Cụ sinh năm 1867, trong gia đình nhà nho ở làng Thịnh Liệt tục gọi là làng Quang (thuộc Hà Đông cũ) huyện Thanh Trì, cách Hà Nội chừng 10 km.

Cụ thi một vài khoa, không đậu, rồi gia nhập Đông Kinh Nghĩa Thục xu hướng theo bạo động, lãnh việc cổ động cho Hội và liên lạc với các đồng chí trong ngoài. Sau khi Nghĩa Thục bị đóng cửa, năm 1908 bị kết án chung thân khổ sai, đày ra Côn Đảo. Sau được ân xá và an trí ở Sa Đéc. Cụ sống ở đây với gia đình riêng cho đến sau cách mạng tháng 8-1945 ít lâu thì mất.

LÊ ĐẠI

(1875 – 1952)

Hiệu Tử Long, người làng Thịnh Hạo (nay thuộc quận Đống Đa Hà Nội) môn đệ của Vũ Phạm Hàm. Cụ là người có tài đặt thơ nôm. Tham gia hoạt động cho Đông Kinh Nghĩa Thục, có chân trong Ban tu thư của nhà trường. Cụ là dịch giả tác phẩm *Hải ngoại huyết thư* nổi tiếng của Phan Bội Châu. Cụ tuy không theo xu hướng bạo động, nhưng chính vì dịch tác phẩm của

https://tieulun.hopto.org

Phan Bội Châu và được phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân thời ấy mà bị giặc Pháp tìm cách hãm hại. Sau khi vụ «Hà thành dầu độc» xảy ra năm 1908, Pháp bắt đày cụ ra Côn Đảo trên 15 năm (1908 – 1926) vì bị buộc tội là đồ đảng của Đề Thám và dự cuộc âm mưu đầu độc lính Pháp ở Hà thành.

Mấy hạn vẫn giữ vững khí tiết một sĩ phu yêu nước, mở hàng viết câu đối thuê, làm văn mướn tại Hà Nội để sinh sống cho đến khi mất.

NGUYỄN PHAN LÃNG

(? – 1948)

Hiệu Đàm Xuyên bạn học cùng lớp với Hoàng Tăng Bí, Đương Bá Trạc. Ông sinh trưởng trong một gia đình nho học ở làng Tây Tựu, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

Ông tham gia hoạt động trong Đông Kinh Nghĩa Thục từ đầu (1907) soạn bài *Thiết tiền ca* (bài ca tiền sắt) đả kích chế độ tiền tệ của thực dân Pháp và bài *Cần phải học đúng*.

Năm 1908, sau khi trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, ông ra viết báo. Về sau, cũng viết bài cho *Nam Phong* nhưng vì không chịu vào hùa với chúng nên thôi không cộng tác nữa. Năm 1925 – 1926 ông còn viết hai bài ca yêu nước khá nổi tiếng nữa là *Tiếng cuốc kêu* (1925), *Mơ lỗ mãng* (1926).

PHAN ĐÌNH ĐỐI

(?—?)

Người làng Trúc Lâm, tỉnh Hải Dương cũ (nay thuộc Hải Hưng) tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục từ đầu, ở

https://tieulun.hopto.org

trong Ban giáo dục, đảm nhận phần dạy Việt văn cho nhà trường.

Đông Kinh Nghĩa Thục đóng cửa, ông về quê sống «ẩn nhẫn» chờ thời. Nhưng đến năm 1913, sau khi có vụ ném bom của Nguyễn Khắc Cần vào khách sạn Hà Nội, ông tìm đường trốn sang Trung Quốc hoạt động trong Việt Nam Quang Phục hội của Phan Bội Châu. Năm 1915 ông cùng với đoàn quân của Hoàng Trọng Mậu về đánh Pháp ở biên giới Việt Trung và bị hy sinh.

BÙI LIÊM

(1881 – 1916)

Người làng Giáp Nhị, xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Ông dự thi Hương một khoa nhưng không đỗ. Họ hàng (vốn nhiều quan lại) muốn chạy cho ông vào học Trường Hậu bổ (trường đào tạo quan lại thời kỳ đầu thuộc Pháp) nhưng ông khước từ, tìm liên lạc với những nhà nho yêu nước, đặc biệt kết giao với Phan Tuấn Phong ở làng Đông Ngạc (huyện Từ Liêm). Ông này giới thiệu Bùi Liêm tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907.

Để có thể mở rộng phạm vi hoạt động, ông về huyện Thụy Anh tỉnh Thái Bình mở một cửa hàng tạp hóa, vừa kinh doanh sinh sống, vừa là nơi tập hợp bạn đồng chí.

Sau khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, ông tham gia phong trào Đông du của Phan Bội Châu. Năm 1912, ông cùng Đinh Trọng Liên, Nguyễn Quảng Uyên tức Hồ Hải Nhu... trốn sang Trung Quốc tham gia Việt Nam Quang Phục hội. Năm 1916, trên đường trở về nước tổng cản cho Hội, vừa đến Quảng Châu (Trung Quốc,

https://tieulun.hopto.org

Quốc) thì bị mật thám Pháp bắt. Tại tòa án đại hình, ông bị khép án tử hình và ngày 6-11-1916 ông bị thực dân Pháp bắn tại thị xã Nam Định.

NGUYỄN HỮU CẦU

(1883 – 1946)

Nguyễn Hữu Cầu người làng Đông Tác nay là làng Trung Tự thuộc phường Trung Tự quận Đống Đa, Hà Nội, đỗ cử nhân khoa Bính Ngọ (1906). Ông là cháu nội Nguyễn Văn Lý (đỗ tiến sĩ năm 1832, một nhà văn hóa có tiếng hồi đầu thế kỷ XIX).

Tuy đỗ đạt, song Nguyễn Hữu Cầu không xin bổ làm quan mà ở nhà tìm đọc «tân thư», «tân báo», mưu việc «duy tân». Ông cùng các bạn Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục. Ông là ủy viên Ban tu thư soạn và dịch tài liệu giảng dạy cho nhà trường. Bài *«Y tục luận»* (luận về chữa thói tục) nổi tiếng của ông ngày nay còn nhiều cụ già nhớ nội dung.

Năm 1914 ông bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1919 được trả lại tự do, ông về mở hiệu thuốc bắc ở Ngã Tư Sở, sống tự lập về nghề cao quý này cho tới khi mất.

HOÀNG TĂNG BÍ

(1883 – 1939)

Người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội. Ông sớm tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục lập công ty Đông Thành Xương ở phố Hàng Gai

https://tieulun.hopto.org

vừa buôn bán vừa làm nghề công nghệ, lần đầu tiên dùng những khung cửi rộng dệt xuyến hoa phù dung lớn, rồi nhuộm đen. Hiệu buôn của ông còn chế ra trà tàu, trà mạn, trà hộp ướp sen và giấy hoa tiên để cạnh tranh với Hoa kiều.

Sau vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, ông bị bắt, nhưng nhờ nhạc gia là Cao Xuân Dục đương làm Thượng thư bộ Học bảo lãnh nên được tha và chỉ bị an trí ở Huế. Năm 1916 ông ra thi Hội đậu phó bảng, nhưng không ra làm quan. Sau đó mở trường dạy Pháp văn, toán học và những môn « khoa học thường thức » khác, một mình dạy từ lớp vỡ lòng đến lớp dự bị thi vào bậc Thành chung.

Ông có sáng tác một số vở tuồng như: *Thù chồng nợ nước* và có dịch một số tác phẩm của Pháp và của Trung Quốc đăng trên tờ *Trung Bắc Tân văn*.

NGUYỄN BÁ HỌC

(1857 – 1921)

Người làng Nhân Mục, thôn Giáp Nhất, nay thuộc xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội. Ông dự hai khoa thi hương nhưng không đỗ, chuyển sang học chữ quốc ngữ, chữ Pháp rồi làm giáo học ở tỉnh lỵ Sơn Tây, sau lại về tỉnh lỵ Nam Định.

Năm 1907, ông tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, phụ trách dạy môn Việt văn cho trường.

Sau khi trường bị đóng cửa, ông trở lại nghề giáo học. Sau đó chuyển sang nghề viết văn bằng chữ quốc ngữ theo khuynh hướng hiện thực phê phán. Ông là tác giả cuốn *Lời khuyên học trò* (xuất bản sau khi ông mất) và là tác giả một số truyện ngắn đăng trên tạp chí *Nam phong* như *Câu chuyện gia đình*, (số 10), *Có gan làm giàu (Nam phong* số 13), *câu chuyện một tối tân hôn* (số 46) vv...

https://tieulun.hopto.org

PHẠM DUY TỐN

(1883 – 1924)

Nguyên quán làng Phượng Vũ, huyện Thường Tín nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, sinh quán là phố Hàng Dầu, Hà Nội. Ông tốt nghiệp trường thông ngôn năm 1901, làm thông phán tại tòa Thông sứ Bắc Kỳ. Nhưng chỉ vài năm rồi ông xin thôi về kinh doanh. Ông viết cho nhiều báo như *Đại Việt tân báo*, *Lục tỉnh tân văn*.

Ông là người sớm tham gia tổ chức Đông Kinh Nghĩa Thục, đứng tên «công khai» xin với chính quyền Pháp mở trường.

Về sau, khi trường bị giải tán, ông tiếp tục nghề viết báo, viết văn. Cộng tác với tờ *Đông Dương tạp chí*, *Nam phong tạp chí*, *Trung Bắc tân văn v.v...*

Phạm Duy Tốn là một trong những người viết truyện ngắn đầu tiên bằng chữ quốc ngữ theo khuynh hướng hiện thực phê phán. Những truyện ngắn nổi tiếng của ông như *Sống chết mặc bay* (in trên *Nam phong* số 18), *Con người Sở Khanh* (*Nam phong* số 20).

DƯƠNG BÁ TRẠC

(1884 – 1944)

Hiệu Tuyết Huy, người làng Phú Thị, huyện Khoái Châu (nay là Châu Giang tỉnh Hải Hưng), anh ruột Dương Quang Hàm. Rất thông minh, mau nhớ, môn đệ của cụ Đinh Gia Trăn, văn tài mẫn tiệp, sớm trường về kinh nghĩa, 17 tuổi thi đỗ cử nhân Hán học, sớm nhận thấy cái hủ bại của cổ học nên hăng hái hô hào cái học thực nghiệp để cứu nước.

Cụ tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục ngay từ đầu. Khi chưa được phép mở trường, cụ đã cùng Lương Trúc Đàm

https://tieulun.hopto.org

tổ chức cuộc diễn thuyết tại đền Ngọc Sơn hô hào bỏ lối học cử nghiệp và noi gương duy tân của Nhật Bản. Khi được phép mở trường, Dương Bá Trạc được cử vào Ban tu thư, soạn sách cho nhà trường. Kiêm Nghĩa Thục bị giải tán. Pháp bổ làm tri huyện nhưng cụ từ chối. Sau các vụ bạo động xảy ra năm 1908, cụ bị đày ra Côn Đảo, rồi lại bị an trí ở Long Xuyên.

Vào giai đoạn cuối đời, Dương Bá Trạc đã cộng tác với tờ báo *Nam phong*, phụ trách phần chữ Hán. Sau đó, dưới thời Nhật chiếm đóng (từ 1941 trở đi) có xu hướng thân Nhật và trong chuyến đi « công cán » ở Singapour bị bệnh mất tại đấy tháng 12-1944.

LƯƠNG TRÚC ĐÀM

(1879 — 1908)

Lương Trúc Đàm vốn tên ban đầu là Lương Ngọc Liêu. Trúc Đàm (Đàm Trúc) là tên hiệu và cũng là tên ông khai sau nầy đi thi. Ông là con trai cả của cụ Lương Văn Can, Thục trưởng Đông Kinh Nghĩa Thục. Trúc Đàm là một người thông minh, hiếu học và sớm có tinh thần dân tộc. Ông được cụ Cử Lương Văn Can dạy dỗ chu đáo nên đi thi lần đầu, ông đỗ ngay Cử nhân (1903). Lúc đầu, ông định ở nhà dạy học như cha mình, nhưng sau để tránh khỏi bị bọn cầm quyền gây khó dễ cho gia đình, vốn là nơi hay có sự lui tới của các nhà nho yêu nước thời bấy giờ, ông đành nhận chức Hậu bổ tại tỉnh Hà Đông.

Đông Kinh Nghĩa Thục thành lập, ông liền tích cực tham gia. Ông là một trong những người đầu tiên đi diễn thuyết tuyên truyền cổ động cho phong trào yêu nước lúc đó. Ông có chân trong Ban giáo dục và Ban tu thư của Đông Kinh Nghĩa Thục. Quyển *Nam quốc địa dư*

https://tieulun.hopto.org

chính là quyển sách tập hợp những bài giảng của ông đã giảng dạy ở các lớp của Nhà trường.

Sau khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, Lương Trúc Đàm cũng bị bệnh, sức khỏe ngày một sút kém, phải về quê Nhị Khê tiếp tục điều trị, nhưng không qua khỏi. Ông mất tại đây, ngày 1 tháng 6 năm 1908.

ĐÀO NGUYÊN PHỔ

(? – *1907*)

Người làng Thượng Phan, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Học giỏi, đỗ cử nhân Hán học năm 17 tuổi, sau thi Hội đỗ Hoàng Giáp. Cụ là một trong những sáng lập viên của Đông Kinh Nghĩa Thục, nhưng không trực tiếp dạy. Thời gian này, cụ có biên soạn cuốn lịch sử *Tây Sơn thủy mạt ký* có quan điểm tương đối tiến bộ đối với triều đại Tây Sơn. Cụ mất ở Hà Nội năm 1907. Đào Nguyên Phổ là thân phụ của Đào Trinh Nhất.

https://tieulun.hopto.org

THƯ MỤC
SÁCH BÁO THAM KHẢO

I. Tài liệu lý luận.

Lê-nin, *Tuyển tập*. Tập I. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1959.

Hồ Chí Minh *Tuyển tập*. Tập I, II. Nhà xuất bản Sự thật — Hà nội — 1979 — 1980.

Lê Duẩn: ***Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới***. Nhà xuất bản Sự Thật. Hà Nội, 1976.

Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân* Tập II, Nhà xuất bản Sự Thật. Hà Nội 1970.

II. Tài liệu gốc.

Khuyết danh: *Văn minh tân học sách*. Sách chữ Hán, bản in khắc gỗ của Đông Kinh Nghĩa Thục. Sách hiện bảo tàng tại Thư viện khoa học xã hội. Ký hiệu A.567

Khuyết danh: *Quốc dân độc bản*. Sách chữ Hán, bản in khắc gỗ của Đông Kinh Nghĩa Thục. Sách bảo tàng tại Thư viện khoa học xã hội: Ký hiệu A.174.

Lương Trúc Đàm: *Nam quốc địa dư*. Sách chữ Hán, bản in khắc gỗ của Đông Kinh Nghĩa Thục. Sách bảo tàng tại Thư viện khoa học xã hội. Ký hiệu VHv. 1946.

https://tieulun.hopto.org

Khuyết danh: *Quốc sử giáo khoa thư*. Sách chữ Hán, bản in khắc gỗ của Đông Kinh Nghĩa Thục. Sách bảo tàng tại Thư viện khoa học xã hội. Ký hiệu ?

Hoàng Ngọc Phách – Huỳnh Lý: *Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng*. Tập II. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội. 1959.

Chương Thâu – Triều Dương – Nguyễn Đình Chú: *Hợp tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX. (1900 – 1930)*. Nhà xuất bản Văn học – Hà Nội 1976.

Phi Bằng: *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam*. Nhà xuất bản Đăn thanh. Huế. 1934.

III. Tài liệu tham khảo:

A – Sách:

Phan Bội Châu: *Phan Bội Châu niên biểu*. Bản dịch của Phạm Trọng Điềm và Tôn Quang Phiệt. Nhà xuất bản Văn Sử Địa – Hà Nội. 1957.

Trần Huy Liệu: *Lịch sử 80 năm chống Pháp* Nhà xuất bản Văn Sử Địa. Hà Nội 1957.

Trần Huy Liệu, Văn Tạo, Nguyễn Công Bình: *Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt Nam. Tập 3*. Nhà xuất bản Văn Sử Địa Hà Nội. 1958.

Đặng Thai Mai: *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nhà xuất bản Văn hóa. Hà Nội. 1960.

Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự: *Lịch sử cận đại Việt Nam T.3* Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội 1961.

Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ 19 đến cách mạng tháng 8-1945 – Tập II*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội. 1975.

Hoàng Đạo Thúy: *Phố phường Hà Nội xưa*. Nhà xuất bản Thăng Long. Hà Nội. 1971.

https://tieulun.hopto.org

Đạo Trinh Nhất: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nhà xuất bản Mai Linh. Hà Nội. 1938

Phương Hữu: *Phong trào Đại đồng dân*. Nhà xuất bản Nam Việt. Sài gòn. 1950.

Nguyễn Hiến Lê: *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nhà xuất bản Lá Bối. Sài Gòn. 196.

Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào duy tân*. Nhà xuất bản Lá Bối Sài Gòn. 1969.

Sơn Nam: *Phong trào duy tân Bắc Trung Nam*. Nhà xuất bản Đồng Phố. Sài Gòn. 1973.

Georges Coulet: *Les Sociétés secrètes en terre d'Annam*. E.C. Ardin. Saigon 1926.

David G. Marr: *Vietnams' Anti-colonial Movements the early years 1885-1925*.
Ph. D. dissertation. University of California, 1968.

Gouvernement général. Sûreté générale: *Agitation anti française dans les pays annamites de 1903 à 1918*
Tài liệu đánh máy. Thư viện Quốc Gia Hà Nội. Ký hiệu: FL. 22.

B—Tạp chí:

Trần Huy Liệu: *Những cuộc vận động Đông du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy tân là phong trào tư sản hay tiểu tư sản*. Tập san *Văn Sử Địa*. Số tháng 9-1955.

Văn Tân: *Góp ý kiến vào vấn đề tính chất cách mạng Việt Nam qua các cuộc vận động Duy tân, Đông du, Đông Kinh Nghĩa Thục*. Tập san *Văn Sử Địa*. Số tháng 3-1956.

Nguyễn Bình Minh: *Tính chất và giai cấp lãnh đạo hai phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và Đông du*. Tập san *Văn Sử Địa* số tháng 10 và 11-1957.

Đặng Việt Thanh: *Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, cuộc cách mạng văn hóa dân tộc dân chủ đầu tiên ở nước ta*. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số tháng 4-1961.

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn Anh: *Đông Kinh Nghĩa Thục có phải là cuộc cách mạng văn hóa dân tộc dân chủ hay không?* Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số tháng 11-1961.

Nguyễn Văn Kiệm: *Tìm hiểu xu hướng và thực chất của Đông Kinh Nghĩa Thục*. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số tháng 10-1964.

Trần Minh Thư: *Cố gắng tiến tới thống nhất nhận định về Đông Kinh Nghĩa Thục*. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*. Số tháng 12-1965.

Vũ Đức Bằng: *Đại học tư thục đầu tiên tại Việt Nam hiện đại*. Tạp chí Nghiên cứu *Tư tưởng* (Sài Gòn), số tháng 1 và 2-1975

C — Tài liệu khác:

- *Notice sur la province de Thai Binh* Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Bình.
- Tài liệu *Văn thơ yêu nước và cách mạng* trưng bày tại Phòng truyền thống xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng.
- *Tài liệu văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục* của Ty Văn hóa thông tin tỉnh Hà Đông cũ.
- Tài liệu « điều tra sưu tầm » ở một số xã thuộc các huyện Hoài Đức, Từ Liêm, Đan Phượng... Nam Sách, Kiến Xương, Quỳnh Phụ.
- Tài liệu về « Một số nhân vật trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục » của Nguyễn Vinh Phúc.

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC VÀ PHONG TRÀO CẢI CÁCH VĂN HÓA ĐẦU THẾ KỶ XX

Lời nói đầu.

Chương một : **Tình hình nước ta đầu thế kỷ XX** 7

I. Xã hội thực dân – nửa phong kiến. 12

1. Về chính trị – xã hội. 12

2. Về kinh tế. 14

3. Về văn hóa – giáo dục. 16

II. Sự phân hóa giai cấp trong xã hội. 18

III. Ảnh hưởng của tình hình thế giới đối với Việt Nam. 21

1. Cuộc vận động duy tân của Trung Quốc. 22

2. Tân thư – Tân văn. 24

3. Nhật Bản duy tân và chiến thắng Nga hoàng. 25

IV. Các xu hướng cứu nước trước nhiệm vụ lịch sử. 26

Chương hai: **Sự ra đời và hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục** 32

I. Tổ chức của nhà trường. 32

II. Nội dung những hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục và của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. 41

– *Về văn hóa giáo dục* 42

1. Chống nền cựu học. 43

https://tieulun.hopto.org

2. Chống bọn hủ nho. 43
3. Chống chữ Hán. 45
4. Chống khoa cử. 45
5. Học chữ quốc ngữ. 47
6. Học theo phương pháp mới. 49
7. Đề cao nhân bản, phát huy óc sáng tạo. 51
8. Đề cao tinh thần dân tộc và lòng yêu nước. 52
9. Giáo dục sơ đẳng và Giáo dục chuyên môn. 54
— Về mặt xã hội. 58
1. Đả phá tư tưởng thiên mệnh của nho giáo. 58
2. Lên án những phong tục tập quán hủ lậu. 60
— Về kinh tế 63
III. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở các tỉnh. 69

Chương ba: **Vị trí của Đông Kinh Nghĩa Thục trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.** 77

Kết luận. 97

Phần thứ hai

TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ TUYÊN TRUYỀN CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC 101

Văn minh tân học sách. 102
Quốc dân độc bản (trích) 124
— Giải nghĩa hai chữ quốc dân. 125
— Lòng yêu nước 126
— Lòng ái quần. 127
— Nền văn hiến rất lâu đời của nước ta. 128
— Văn minh 130
— Thuyết văn minh không có giới hạn. 131
— Quan hệ giữa nước và dân. 132
— Dân mạnh thì nước mạnh. 133
— Lòng trung nghĩa. 135
— Chí tiến thủ. 136
— Óc cạnh tranh. 137
— Bàn về quyền lợi và trách nhiệm. 138
— Quốc dân nên biết đến chính sự. 140

https://tieulun.hopto.org

– Thuyết thiên mệnh chính là sai lầm 141
– Bàn về cái hại của khoa cử. 142
– Bàn về sự vô hại của việc không có khoa cử. 144
– Bàn về sự khó khăn của việc biến đổi tập tục cũ. 145
– Nói rõ mục đích việc học. 147
– Giáo dục. 148
– Pháp luật. 149
Nam quốc địa dư (trích) 152
– Lời tựa. 152
– Nhân vật. 153
– Vật sản. 154
– Nông Công Thương nghệ 155
Quốc sử giáo khoa thư (trích) 157
– Lời bạt 157
Đề tỉnh quốc dân ca 168
Đề tỉnh quốc dân hồn 168
Hải ngoại huyết thư 176
Kính quốc nhân 189
Cáo hủ lậu văn 192
Hãy nhìn xem tình trạng đau đớn của người nước Cao Lỵ mất nước 197
Kêu hồn nước 200
Phen này cắt tóc đi tu 202
Vì sao dân đói? 203
Thiết tiền ca 204
Cần phải học đúng 207
Bài ca địa dư và lịch sử nước nhà 210
Nhắn chị em bạn gái 214
Tỉnh quốc hồn ca 214
Đề cảnh tỉnh bọn nịnh thần 222
Khuyên người nước học chữ quốc ngữ 223
Lịch sử Việt Nam 225
Tình phụ phụ 225
Gọi tỉnh giấc mê 227
Bài ca cổ động 228
Khuyên con đi học 230

https://tieulun.hopto.org

TIỂU SỬ VẮN TẮT CỦA MỘT SỐ NHÂN VẬT TRONG PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC 224

Lương Văn Can 234
Nguyễn Quyền 235
Đỗ Chân Thiết 236
Nguyễn Tùng Hương 237
Võ Hoành 238
Lê Đại 238
Nguyễn Phan Lãng 239
Phan Đình Đối 239
Bùi Liêm 241
Nguyễn Hữu Cầu 241
Hoàng Tăng Bí 241
Nguyễn Bá Học 242
Phạm Duy Tốn 243
Dương Bá Trạc 243
Lương Trúc Đàm 244
Đào Nguyên Phổ 245

Sách báo tham khảo 246
Mục lục 250

In 1.050 cuốn tại Xí nghiệp in 75 Hàng Bồ — Hà-nội. Số in 126/82
In xong và gửi lưu chiểu tháng 11-1982

https://tieulun.hopto.org